

DANH MỤC TÀI LIỆU KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

1. Luật Kiến trúc Liên bang Nga
2. Đạo Luật khung về kiến trúc – Hàn Quốc
3. Luật Kiến trúc sư có chứng chỉ Hàn Quốc
4. Luật về Hoạt động Kiến trúc Ukraine
5. Luật Kiến trúc sư Malaysia
6. Điều lệ đăng ký Kiến trúc sư – Trung Quốc
7. Về hành nghề Kiến trúc sư – Pháp
8. Dịch vụ kiến trúc và dịch vụ kỹ thuật – WTO
9. Quy định về Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của TP Moskva
10. Chính sách Kiến trúc Phần Lan
11. Chính sách Kiến trúc Scotland

Luật Liên bang Nga ngày 17.11.1995 N 169-Φ 3 (sửa đổi ngày 18.12.2006)
 “Về hoạt động kiến trúc tại LB Nga” (Đuma quốc gia LB Nga thông qua ngày
 18.10.1995 (với bổ sung và sửa đổi có hiệu lực từ ngày 01.01.2008)

Ngày 17 tháng 11 năm 1995

N 169-Φ 3

LUẬT KIẾN TRÚC LIÊN BANG NGA

Được Đuma quốc gia
 thông qua ngày
 18 tháng 10 năm 1995

(Trong các văn kiện luật liên bang ngày 30.12.2001 N 196- Φ 3, ngày 10/01/2003
 N 15- Φ 3, ngày 22/08/2004 N122- Φ 3, ngày 18/12/2006 N 231- Φ 3 ngày 18/12/2006
 N 232- Φ 3)

Chương I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Mục đích và nhiệm vụ của luật liên bang.

1. Luật liên bang này quy định các mối quan hệ xuất hiện trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của người kiến trúc sư xây dựng các công trình kiến trúc nhằm bảo đảm môi trường hoạt động sống của con người và xã hội một cách an toàn, sạch về mặt sinh thái, thuận lợi và đầy đủ giá trị về mặt xã hội và tinh thần.

2. Luật liên bang này định hướng đến sự phát triển nghệ thuật kiến trúc, trợ giúp bảo vệ các công trình kiến trúc, các tượng đài lịch sử và văn hóa, cũng như các phong cảnh thiên nhiên.

3. Luật liên bang này quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các công dân và pháp nhân đang thực hiện hoạt động kiến trúc, cũng như các cơ quan chính quyền nhà nước, các cơ quan tự trị địa phương, các bên đặt hàng (chủ xây dựng), chủ thầu và những người sở hữu (chủ) các công trình kiến trúc.

(trong văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

4. Luật liên bang này hết hiệu lực ngày 22.08.2004 N 122 Φ 3

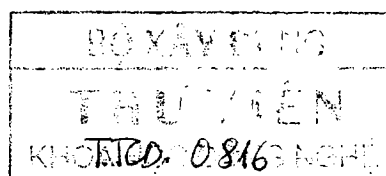
Điều 2. Các khái niệm cơ bản

Trong luật liên bang này sử dụng các khái niệm sau:

Hoạt động kiến trúc: là hoạt động nghề nghiệp của các công dân (các kiến trúc sư) nhằm mục đích xây dựng công trình kiến trúc, bao gồm quá trình sáng tạo thành lập đồ án kiến trúc, điều phối việc thành lập tất cả các mục của hồ sơ thiết kế xây dựng hoặc thiết kế cải tạo (dưới đây gọi là hồ sơ xây dựng), giám sát bản quyền xây dựng công trình kiến trúc, cũng như hoạt động của các pháp nhân về tổ chức hoạt động nghề nghiệp của các kiến trúc sư.



TTCD.0816



Giải pháp kiến trúc- là đề án bản quyền của công trình kiến trúc về hình dáng bên trong và bên ngoài của công trình đó, đề án tổ chức chức năng, quy hoạch và không gian được ghi nhận trong phần kiến trúc của hồ sơ xây dựng và được thực hiện tại công trình kiến trúc đã xây dựng.

Đồ án kiến trúc- là phần kiến trúc của hồ sơ xây dựng và hồ sơ xây dựng đô thị mà bao gồm các giải pháp kiến trúc có tính đến tổng thể các yêu cầu về xã hội, kinh tế, chức năng, công trình, kỹ thuật, phòng hỏa, vệ sinh dịch tễ, sinh thái, kiến trúc nghệ thuật và các yêu cầu khác đối với công trình theo đúng khối lượng cần thiết để lập hồ sơ xây dựng các công trình và theo đúng thiết kế mà cần có sự tham gia của người kiến trúc sư.

Công trình kiến trúc- là tòa nhà, công trình, tổ hợp các tòa nhà và các công trình, nội thất của các tòa nhà đó, là các công trình phức lợi, công trình mang tính phong cảnh nghệ thuật hay nghệ thuật vườn tược mà được xây dựng trên cơ sở đồ án kiến trúc.

Nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc- là toàn bộ các yêu cầu đối với chức năng, các thông số chính và sự sắp xếp bố trí công trình kiến trúc trên một vùng đất cụ thể, cũng như các yêu cầu bắt buộc về mặt sinh thái, kỹ thuật, tổ chức và các điều kiện thiết kế và xây dựng khác của nó đã được luật pháp liên bang Nga và luật pháp của các chủ thể thuộc Liên bang Nga quy định.

Giấy phép xây dựng- là cơ sở để thực hiện bản đồ án kiến trúc được các cơ quan tự trị khu vực các vùng ngoại vi thành phố, các điểm dân cư thành phố, nông thôn, các cơ quan chính quyền thực thi của Liên bang Nga-là những thành phố Maxcova và Sankt-Peterburg cấp cho bên đặt hàng (chủ xây dựng) để giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng đô thị, các yêu cầu hồ sơ xây dựng đô thị đã phê duyệt, cũng như để ngăn ngừa việc gây độc hại đối với môi trường xung quanh. (Trong văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

Điều 3. Các nguyên lý luật pháp xây dựng công trình kiến trúc.

1. Bên đặt hàng (Chủ xây dựng)- là công dân hay pháp nhân có ý định thực hiện xây dựng, kiến tạo (dưới đây gọi là xây dựng) công trình kiến trúc mà để tiến hành việc xây dựng thì cần có Giấy phép xây dựng và bắt buộc phải có bản đồ án kiến trúc được thực hiện căn cứ theo nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc.

(văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

2. Giấy phép xây dựng không cần trong trường hợp nếu như các công việc xây dựng không làm thay đổi hình dáng kiến trúc bên ngoài của công trình xây dựng kiến thiết thành phố phức tạp , của một cụm dân cư nào đó, hay của các công trình riêng lẻ và các công việc xây dựng này không ảnh hưởng gì đến các đặc tính vững chắc và an toàn của tòa nhà, của công trình và công trình giao thông liên lạc.

(Văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

Việc xác định hạng mục các công trình xây dựng mà không cần giấy phép xây dựng là thuộc về thẩm quyền của các cơ quan chính quyền nhà nước Liên bang Nga.

Việc xây dựng bất cứ công trình nào cần phải được tiến hành khi có sự đồng ý của chủ sở hữu khu đất hay tòa nhà, công trình và phải chấp hành các quy định và chuẩn mực xây dựng, kiến thiết.

3. Nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc được cơ quan quản lý các vấn đề kiến trúc và xây dựng đô thị cấp theo đơn yêu cầu của bên đặt hàng (chủ xây dựng) (dưới đây gọi là cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị) căn cứ theo luật pháp liên bang Nga.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

Nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc cần phải bao gồm các điều khoản trong hồ sơ xây dựng đã được phê chuẩn, các yêu cầu bắt buộc về sinh thái, vệ sinh dịch tễ, phòng hỏa đối với công trình xây dựng, các yêu cầu đối với việc bảo vệ tượng đài lịch sử và văn hóa, các chỉ thị xây dựng trong các điều kiện đặc biệt (vùng địa chấn, vùng đóng băng vĩnh viễn và các vùng khác), các yêu cầu chấp hành quyền của công dân và pháp nhân mà lợi ích của họ được đề cập tới trong tiến trình xây dựng này.

Không được phép đưa vào nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc các yêu cầu đối với các giải pháp kiến trúc và kết cấu, thiết bị nội thất, trang trí nội thất công trình kiến trúc, cũng như các yêu cầu và điều kiện khác mà hạn chế quyền của bên đặt hàng (chủ xây dựng) và của tác giả đồ án kiến trúc, nếu như các yêu cầu và điều kiện đó không dựa trên các điều khoản của luật pháp hiện hành, của các văn bản luật pháp quy định, các tiêu chí xây dựng đô thị, của hồ sơ xây dựng đô thị đã được phê duyệt và không chứng minh được tính cần thiết của việc giữ gìn đặc tính xây dựng hiện có của thành phố hay một cụm dân cư, của môi trường thiên nhiên và của việc bảo vệ các tượng đài văn hoá lịch sử.

(Văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

Cơ sở để được nhận nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc là căn cứ theo đơn của bên đặt hàng (chủ xây dựng) và các giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu (quyền quản lý) khu đất hoặc sự đồng ý của chủ sở hữu khu đất được thiết kế tại vùng đó.

(Văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

Việc giao nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc có thể bị từ chối nếu như các ý định của bên đặt hàng (chủ xây dựng) trái ngược với luật pháp hiện hành, với các văn bản luật pháp quy định, các tiêu chí xây dựng đô thị, hồ sơ xây dựng đô thị đã được phê duyệt, các quy định xây dựng thành phố hay khu dân cư. Việc từ chối cấp giấy phép dự án quy hoạch kiến trúc có thể được bên đặt hàng (chủ xây dựng) khiếu nại lên toà án.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

4. Khi xây dựng các công trình kiến trúc riêng lẻ khác mà đã được hồ sơ xây dựng đô thị phê duyệt xác định , thì nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc cần phải được lập trên cơ sở bắt buộc tiến hành các nghiên cứu tiền khả thi hay các cuộc thi chọn đồ án kiến trúc. Quy định và điều kiện tiến hành các nghiên cứu và các cuộc thi này được các cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị của các chủ thể thuộc Liên bang quy định.

Cuộc thi đồ án kiến trúc được tiến hành với sự tham gia của các tổ chức (hiệp hội) kiến trúc sư chuyên nghiệp .

(Văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

5. Đoạn văn kiện chấm dứt hiệu lực. Luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122-Ô 3.

Việc từ chối cấp giấy phép xây dựng có thể bị bên đặt hàng (chủ xây dựng) khiếu nại lên toà án.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

6. Đoạn văn kiện chấm dứt hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2007- Luật liên bang ngày 18.12.2006 N 232-Ô 3

Cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị sau khi giao nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc khi kiểm tra sự phù hợp của các giải pháp của đồ án kiến trúc với các yêu cầu của nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc, không có quyền tiến hành thẩm định đồ án về các vấn đề mà không nằm trong các yêu cầu của nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc và thuộc về thẩm quyền của bên đặt hàng (chủ xây dựng) và tác giả của đồ án kiến trúc.

Đoạn văn kiện bị loại bỏ-Luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3.

7. Đồ án kiến trúc mà có tính đến các yêu cầu của luật xây dựng đô thị, các tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thiết kế và xây dựng, các tiêu chí và quy định xây dựng, các chuẩn mực quy định xây dựng đô thị, các quy định xây dựng thành phố hay một điểm dân cư nào đó, các yêu cầu đối với đồ án thiết kế và nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc, là một loại văn bản bắt buộc đối với tất cả những người tham gia thực hiện đồ án kiến trúc kể từ ngày nhận được giấy phép xây dựng căn cứ theo giấy phép xây dựng đó. Một bản gốc của đồ án kiến trúc và hồ sơ thực thi được giao cho cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị lưu giữ, đồng thời chuyển tiếp các giấy tờ đó lên cục lưu trữ nhà nước theo đúng thủ tục luật pháp LB Nga quy định. Việc giám sát thực hiện đồ án kiến trúc được thực hiện căn cứ theo luật pháp Liên bang Nga.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

Điều 3.1. Hoạt động kiến trúc của các công dân nước ngoài, những người không mang quốc tịch và các pháp nhân nước ngoài.

(Được đưa vào luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

Công dân nước ngoài, những người không mang quốc tịch và các pháp nhân nước ngoài được thực hiện hoạt động kiến trúc ngang bằng với các công dân Nga và các pháp nhân, nếu như điều này được Hiệp ước quốc tế Liên bang Nga thông qua. Nếu không có bản hiệp ước quốc tế của Liên bang Nga, thì các công dân nước ngoài, những người không mang quốc tịch và các pháp nhân nước ngoài chỉ có thể tham gia vào hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ Liên bang Nga cùng với kiến trúc sư- công dân Nga hay các pháp nhân.

Điều 3.2. Hoạt động kiến trúc của công dân Nga và pháp nhân trên lãnh thổ nước ngoài.

(Được đưa vào luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

Các công dân Nga và pháp nhân có thể thực hiện hoạt động kiến trúc trên các lãnh thổ nước ngoài nếu điều này không trái ngược với các hiệp ước quốc tế của LB Nga và luật pháp của LB Nga.

CHƯƠNG II. GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KIẾN TRÚC

Loại bỏ- Luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3

CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÔNG DÂN VÀ PHÁP NHÂN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KIẾN TRÚC

Điều 12. Quyền của kiến trúc sư và pháp nhân

(văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

Người kiến trúc sư và pháp nhân căn cứ theo thoả thuận hợp đồng với bên đặt hàng (chủ xây dựng) có quyền:

(trong văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

Yêu cầu và nhận từ các cơ quan chức năng nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc, các thông tin khác và các giấy tờ ban đầu mà cần thiết cho việc nghiên cứu dự án tiền khả thi, cho thiết kế và xây dựng công trình kiến trúc;

Thực hiện bảo vệ các giải pháp kiến trúc đã được thoả thuận với bên đặt hàng (chủ xây dựng) khi tiến hành thẩm định và xem xét kiểm tra tại các cơ quan chức năng.

Tham gia vào việc lập các hạng mục hồ sơ xây dựng, đồng thời thống nhất tất cả mọi sự thay đổi về các giải pháp kiến trúc của dự án kiến trúc đã được thông qua hoặc đảm nhiệm quản lý việc lập tất cả các hạng mục hồ sơ xây dựng theo sự ủy quyền của bên đặt hàng (chủ xây dựng).

Tuyển dụng trên cơ sở hợp đồng các trợ lý, tư vấn và cán bộ kỹ thuật cần thiết cho việc lập hồ sơ xây dựng, đảm nhận trách nhiệm về khối lượng và chất lượng các công việc, mà được họ hoàn thành.

Đại diện và bảo vệ lợi ích của bên đặt hàng (chủ xây dựng) theo sự ủy quyền của họ khi ký kết hợp đồng thầu xây dựng công trình kiến trúc; trợ giúp trong việc tổ chức hoặc tiến hành đấu thầu (đấu giá hay tổ chức các cuộc thi) để ký kết các hợp đồng xây dựng.

Thực hiện giám sát bản quyền việc xây dựng công trình kiến trúc hoặc theo sự ủy quyền của bên đặt hàng (chủ xây dựng), là đại diện trọng trách của họ trong việc xây dựng công trình kiến trúc, đồng thời thực hiện giám sát chất lượng các vật liệu xây dựng, chất lượng và khối lượng các công việc thi công xây dựng đã được hoàn thành và thực hiện chức năng kiểm tra tài chính.

Tham gia vào việc nghiệm thu vận hành công trình kiến trúc hoặc theo sự ủy quyền của bên đặt hàng (chủ xây dựng) là đại diện trọng trách của họ khi nghiệm thu vận hành công trình đó.

Tiến hành tư vấn các vấn đề đầu tư, xây dựng và khai thác các công trình kiến trúc, cũng như các chức năng khác của bên đặt hàng (chủ xây dựng).

(văn kiện luật liên bang ngày 18.12.2006 N 232- Φ 3)

Điều 13. Những nhiệm vụ chính của kiến trúc sư và pháp nhân.

(văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

1. Kiến trúc sư và pháp nhân khi thực hiện hoạt động kiến trúc có trách nhiệm tuân thủ:

(Văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

Luật pháp của Liên bang Nga và các khu vực trên lãnh thổ LB Nga trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc.

Các tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thiết kế và xây dựng

Các quy định về xây dựng và xây dựng đô thị, cũng như các chuẩn mực và quy định về sinh thái.

Quy định thực hiện hoạt động xây dựng đô thị trên lãnh thổ của một chủ thể thuộc Liên bang Nga và các quy định xây dựng thành phố hay một điểm dân cư khác.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

Các yêu cầu của nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc.

Các yêu cầu của bên đặt hàng (chủ xây dựng) được nêu trong đồ án thiết kế mà không trái ngược với các yêu cầu của điều khoản này.

2. Kiến trúc sư không được quyền tiết lộ thông tin về những ý định của bên đặt hàng (chủ xây dựng) khi thực hiện đồ án kiến trúc mà không có sự đồng ý của họ.

(Văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

3. Kiến trúc sư không có quyền đảm nhận các trách nhiệm của đại diện trọng trách bên đặt hàng (chủ xây dựng) khi ký kết hợp đồng nhận thầu xây dựng, khi giám sát bản

quyền việc xây dựng công trình kiến trúc và khi nghiệm thu công trình đó trong trường hợp nếu có sự quan tâm cá nhân đến lợi nhuận của tổ chức thầu mà tham gia trong các cuộc đấu thầu, cũng như không có quyền tham gia vào cuộc thi chọn đồ án kiến trúc nếu là thành viên ban giám khảo cuộc thi này.

(văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

Điều 14. Các mối quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực hoạt động xây dựng

Việc xây dựng, thực hiện, và sử dụng đồ án kiến trúc được thực hiện chỉ dựa trên các hợp đồng được ký kết căn cứ theo luật pháp Liên bang Nga.

Điều 15. Đảm bảo hoạt động của kiến trúc sư

1. Các cơ quan chính quyền nhà nước tạo mọi điều kiện thúc đẩy việc tạo ra các điều kiện về tổ chức, nguồn dự trữ và các điều kiện khác đối với việc tự do sáng tạo của kiến trúc sư, phát triển khoa học kiến trúc và giáo dục.

2. Các cơ quan chính quyền hành pháp liên bang trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng đô thị, các tổ chức (hiệp hội) sáng tạo chuyên nghiệp của các kiến trúc sư được Chính phủ LB Nga uỷ nhiệm căn cứ theo các điều lệ của các tổ chức đó, được tham gia vào việc bảo vệ quyền của kiến trúc sư và bảo đảm sự tự do sáng tạo của kiến trúc sư trong giới hạn thẩm quyền của mình.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

CHƯƠNG IV. BẢN QUYỀN VỀ TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

Chấm dứt hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 -Luật liên bang ngày 18.12.2006 N 231-
 Φ 3

CHƯƠNG V: QUY ĐỊNH NHỮNG THAY ĐỔI ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC VÀ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC

Điều 20. Những thay đổi đồ án kiến trúc.

1. Những thay đổi đồ án kiến trúc khi lập hồ sơ xây dựng hoặc khi xây dựng công trình kiến trúc, được tiến hành chỉ với sự đồng ý của tác giả đồ án kiến trúc, còn trong trường hợp huỷ bỏ các yêu cầu của nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc thì cũng được tiến hành theo sự thoả thuận với cơ quan chức năng về kiến trúc và xây dựng đô thị.

2. Bên đặt hàng (chủ xây dựng) hoặc nhà thầu có quyền không yêu cầu sự tham gia của tác giả của đồ án kiến trúc theo sự đồng ý của tác giả đó vào việc lập hồ sơ xây dựng và giám sát bản quyền xây dựng công trình kiến trúc với điều kiện không có thay đổi trong thực hiện đồ án kiến trúc.

3. Nếu tác giả đồ án kiến trúc thể hiện những sai phạm khi thực hiện đồ án thì phải thông báo việc này cho cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng để tiếp nhận các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa thiệt hại có thể xảy ra, cũng như tiếp nhận các biện pháp ngăn ngừa vi phạm bản quyền tác phẩm kiến trúc căn cứ theo luật pháp hiện hành.

Điều 21. Những thay đổi công trình kiến trúc

1. Những thay đổi công trình kiến trúc (giai đoạn hoàn thiện, xây dựng lại, quy hoạch lại) được thực hiện căn cứ theo bộ luật dân sự LBN và hợp đồng xây dựng và sử dụng đồ án kiến trúc.

(văn kiện luật liên bang ngày 18.12.2006 N 231- Φ 3)

2. Những thay đổi các công trình kiến trúc mà trong đó việc xây dựng các công trình đó đòi hỏi phải có giấy phép xây dựng, được thực hiện đúng thủ tục theo điều 3 của luật liên bang này quy định.

3. Quy định về những thay đổi các công trình kiến trúc mà đã được nhận các danh hiệu phần thưởng nhà nước và các phần thưởng khác trong lĩnh vực kiến trúc được quy định bởi cơ quan hành pháp liên bang do Chính phủ LBN uỷ nhiệm theo sự điều phối hoạt động trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng đô thị.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

4. Các công việc cải tạo, trùng tu, sửa chữa các tượng đài văn hoá lịch sử được tiến hành bằng tiền ngân sách của nhà nước, cũng như các công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo các công trình tại các vùng bảo vệ được thực hiện căn cứ theo luật pháp LBN “ Về bảo vệ và sử dụng các tượng đài lịch sử và văn hoá”

Tư vấn: chú thích

Về vấn đề liên quan đến các mối quan hệ trong lĩnh vực bảo tồn, sử dụng và bảo vệ cấp nhà nước đối với các công trình di sản văn hoá (các tượng đài lịch sử và văn hoá), xem Luật liên bang ngày 25.06.2002 N 73- Φ 3.

1. Giám sát việc thực hiện các quy định của điều khoản này được cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị mà giao nhiệm vụ quy hoạch kiến trúc thực hiện.

CHƯƠNG VI. THẨM QUYỀN CỦA CÁC CƠ QUAN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI (HIỆP HỘI) KIẾN TRÚC SƯ SÁNG TẠO CHUYÊN NGHIỆP.

Điều 22. Thẩm quyền của các cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị trong lĩnh vực kiến trúc

1. Cơ quan chính quyền hành pháp liên bang về điều phối hoạt động trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng đô thị được Chính phủ LBN uỷ nhiệm và các cơ quan chức năng tại các vùng miền của LBN thành lập một hệ thống chính quyền hành pháp thống nhất trong lĩnh vực kiến trúc. Các cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị thực hiện hoạt động của mình căn cứ theo luật xây dựng đô thị, luật liên bang hiện hành và các quy chế phù hợp về các cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

2. Cơ quan chính quyền hành pháp liên bang về điều phối hoạt động trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng đô thị được Chính phủ LBN uỷ nhiệm với sự tham gia của các cơ quan chức năng thuộc các vùng miền của LBN, tiến hành soạn thảo và thực hiện chính sách nhà nước trong lĩnh vực kiến trúc, điều phối công việc của các cơ quan kiến trúc và xây dựng đô thị, đảm bảo việc soạn thảo các văn bản luật pháp quy định.

(văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15-Φ 3 ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

3. Các cơ quan khu vực tự trị đúng thủ tục luật pháp hiện hành quy định có thể được phân chia quyền hạn điều chỉnh hoạt động kiến trúc do luật pháp liên bang này quy định. Việc giám sát thực hiện các quyền hạn nêu trên do cơ quan chính quyền hành pháp liên bang điều phối hoạt động trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng đô thị do chính phủ LBN uỷ nhiệm và các cơ quan chức năng các vùng miền LB Nga thực hiện.

(văn kiện luật liên bang ngày 22.08.2004 N 122- Φ 3)

4. Các cơ quan quản lý các vấn đề kiến trúc và xây dựng đô thị đứng đầu là các kiến trúc sư trưởng. Kiến trúc sư trưởng được lựa chọn đúng thủ tục quy định căn cứ vào cuộc thi chọn và được cơ quan chức năng chính quyền hành pháp phê chuẩn.

5 Tại các thành phố và các khu dân cư khác với dân số dưới 50 nghìn người (ngoại trừ các thành phố- khu an dưỡng, các thành phố lịch sử) và tại các điểm dân cư đô thị khác , người tốt nghiệp đại học hay trung học ngành kiến trúc có thể đảm nhận chức vụ kiến trúc sư trưởng.

(văn kiện luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ 3)

Điều 23. Các tổ chức (hiệp hội) kiến trúc sư sáng tạo chuyên nghiệp

1. Viện hàn lâm kiến trúc và khoa học xây dựng Nga là một trung tâm khoa học thuộc lĩnh vực kiến trúc, xây dựng đô thị và khoa học xây dựng .

2. Các tổ chức xã hội (hiệp hội) kiến trúc sư (kiến trúc sư xây dựng đô thị, nhà thiết kế) sáng tạo chuyên nghiệp căn cứ theo các điều lệ của các tổ chức đó thực hiện chức năng bảo vệ lợi ích nghề nghiệp của các kiến trúc sư (kiến trúc sư xây dựng đô thị, nhà thiết kế và các đại diện nghề nghiệp khác nhau trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng đô thị)

Đoạn văn kiện bị loại bỏ. -Luật liên bang ngày 10.01.2003 N 15- Φ3

CHƯƠNG VII. XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM VI PHẠM LUẬT LIÊN BANG NÀY

Điều 24. Trách nhiệm hành chính

1. Công dân hay pháp nhân mà thực hiện xây dựng công trình kiến trúc không có giấy phép xây dựng (công trình kiến trúc không cấp phép) hoặc có vi phạm hồ sơ xây dựng đô thị đã được phê duyệt, sẽ chịu trách nhiệm căn cứ theo bộ luật LBN về những vi phạm luật hành chính.

(điểm 1 trong văn kiện luật liên bang ngày 30.12.2001 N 196- Φ 3)

2. Công dân hay pháp nhân trong tiến trình thực hiện đồ án kiến trúc mà thực hiện công việc trái với quy định đồ án mà không có sự đồng ý của tác giả đồ án kiến trúc và cơ quan cấp giấy phép xây dựng, có trách nhiệm phải loại bỏ những vi phạm mắc phải.

(văn kiện luật liên bang ngày 30.12.2001 N 196- Φ 3)

Điều 25. Trách nhiệm tài sản

1. Người mà quyền hạn của họ bị vi phạm khi thực hiện hoạt động kiến trúc có thể yêu cầu bồi thường hoàn toàn những thiệt hại gây ra cho họ căn cứ theo luật dân sự Liên bang Nga.

2. Những thiệt hại gây ra cho tác giả của đồ án kiến trúc do vi phạm bản quyền sẽ được bồi thường đúng thủ tục luật pháp hiện hành quy định.

3. Người vi phạm lỗi trong xây dựng hoặc trong sự thay đổi công trình kiến trúc mà không có giấy phép xây dựng , có trách nhiệm bằng kinh phí của mình phải dỡ bỏ (tháo dỡ hết) công trình kiến trúc không cấp phép hoặc phải giữ công trình kiến trúc và phần đất như ở trạng thái ban đầu.

4. Người vi phạm lỗi trong các hoạt động gây thiệt hại cá nhân hoặc tổn thất khó bù đắp đối với môi trường thiên nhiên xung quanh, tương đài văn hoá lịch sử, phong cảnh

thiên nhiên và phong cảnh thành phố có giá trị, thì sẽ chịu trách nhiệm do luật pháp LB Nga quy định.

5. Công dân hoặc pháp nhân thực hiện hoạt động kiến trúc sẽ chịu trách nhiệm tài sản căn cứ theo luật dân sự LB Nga nếu không thực hiện hoặc thực hiện không thoả đáng các cam kết hợp đồng.

CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 26. Hiệu lực của luật liên bang này

Luật liên bang này có hiệu lực kể từ ngày công bố chính thức.

Điều 27. Đưa các văn bản luật pháp quy định phù hợp với luật liên bang này.

Giao cho Chính phủ LB Nga ban hành văn bản luật pháp quy định phù hợp với luật liên bang này.

Tổng thống Liên bang Nga

B. ELSIN

Maxcova, Điện Kremli ngày 17 tháng 11 năm 1995

N 169- Q 3

BM

17 ноября 1995 года

N 169-ФЗ

РОССИЙСКАЯ ФЕДЕРАЦИЯ
ФЕДЕРАЛЬНЫЙ ЗАКОН
ОБ АРХИТЕКТУРНОЙ ДЕЯТЕЛЬНОСТИ В РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИИ

Принят
Государственной Думой
18 октября 1995 года

(в ред. Федеральных законов от 30.12.2001 N 196-ФЗ,
от 10.01.2003 N 15-ФЗ, от 22.08.2004 N 122-ФЗ,
от 18.12.2006 N 231-ФЗ, от 18.12.2006 N 232-ФЗ)

Глава I. ОБЩИЕ ПОЛОЖЕНИЯ

Статья 1. Цель и задачи настоящего Федерального закона

1. Настоящий Федеральный закон регулирует отношения, возникающие в процессе профессиональной деятельности архитектора по созданию архитектурных объектов в целях обеспечения безопасной, экологически чистой, социально и духовно полноценной, благоприятной среды жизнедеятельности человека и общества.

2. Настоящий Федеральный закон направлен на развитие архитектурного искусства, содействие сохране произведений архитектуры, памятников истории и культуры, а также природных ландшафтов.

3. Настоящий Федеральный закон определяет права, обязанности и ответственность граждан и юридических лиц, осуществляющих архитектурную деятельность, а также органов государственной власти, органов местного самоуправления, заказчиков (застройщиков), подрядчиков, собственников (владельцев) архитектурных объектов.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

4. Утратил силу. - Федеральный закон от 22.08.2004 N 122-ФЗ.

Статья 2. Основные понятия

В целях настоящего Федерального закона применяются следующие основные понятия:

архитектурная деятельность - профессиональная деятельность граждан (архитекторов), имеющая целью создание архитектурного объекта и включающая в себя творческий процесс создания архитектурного проекта, координацию разработки всех разделов проектной документации для строительства или для реконструкции (далее - документация для строительства), авторский надзор за строительством архитектурного объекта, а также деятельность юридических лиц по организации профессиональной деятельности архитекторов;

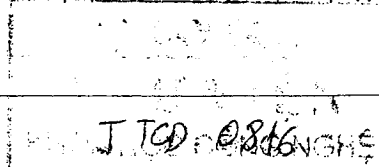
архитектурное решение - авторский замысел архитектурного объекта - его внешнего и внутреннего облика, пространственной, планировочной и функциональной организации, зафиксированный в архитектурной части документации для строительства и реализованный в построенном архитектурном объекте;

архитектурный проект - архитектурная часть документации для строительства и градостроительной документации, содержащая архитектурные решения, которые комплексно учитывают социальные, экономические, функциональные, инженерные, технические, противопожарные, санитарно-гигиенические, экологические, архитектурно-художественные и иные требования к объекту в объеме, необходимом для разработки документации для строительства объектов, в проектировании которых необходимо участие архитектора;

архитектурный объект - здание, сооружение, комплекс зданий и сооружений, их интерьер, объекты благоустройства, ландшафтного или садово-паркового искусства, созданные на основе архитектурного проекта;

архитектурно-планировочное задание - комплекс требований к назначению, основным параметрам и размещению архитектурного объекта на конкретном земельном участке, а также обязательные экологические, технические, организационные и иные условия его проектирования и строительства, предусмотренные законодательством Российской Федерации и законодательством субъектов Российской Федерации;

разрешение на строительство - основание для реализации архитектурного проекта, выдаваемое заказчику (застройщику) органами местного самоуправления, городских округов, городских и сельских



поселений, органами исполнительной власти субъектов Российской Федерации - городов федерального значения Москвы и Санкт-Петербурга в целях контроля за выполнением градостроительных нормативов, требований утвержденной градостроительной документации, а также в целях предотвращения причинения вреда окружающей природной среде.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

Статья 3. Правовые основы создания архитектурного объекта

1. Заказчик (застройщик) - гражданин или юридическое лицо, имеющие намерение осуществить строительство, реконструкцию (далее - строительство) архитектурного объекта, для строительства которого требуется разрешение на строительство, - обязан иметь архитектурный проект, выполненный в соответствии с архитектурно-планировочным заданием.

(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

2. Разрешение на строительство не требуется в случае, если строительные работы не влекут за собой изменений внешнего архитектурного облика сложившейся застройки города или иного населенного пункта и их отдельных объектов и не затрагивают характеристик надежности и безопасности зданий, сооружений и инженерных коммуникаций.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

Определение перечня объектов, для строительства которых не требуется разрешение на строительство, относится к полномочиям органов государственной власти субъектов Российской Федерации.

Строительство любого объекта должно вестись при наличии разрешения собственника земельного участка и (или) здания, сооружения и с соблюдением градостроительных, строительных норм и правил.

3. Архитектурно-планировочное задание выдается по заявке заказчика (застройщика) органом, ведающим вопросами архитектуры и градостроительства (далее - орган архитектуры и градостроительства), в соответствии с законодательством Российской Федерации.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

Архитектурно-планировочное задание должно содержать положения утвержденной градостроительной документации, обязательные экологические, санитарно-гигиенические, противопожарные требования к архитектурному объекту, требования по охране памятников истории и культуры, указания на строительство в особых условиях (сейсмозона, зона вечной мерзлоты и другие), требования по соблюдению прав граждан и юридических лиц, интересы которых затрагиваются в ходе данного строительства.

Не допускается включение в архитектурно-планировочное задание требований к архитектурным и конструктивным решениям, внутреннему оборудованию, внутренней отделке архитектурного объекта, а также иных требований и условий, ограничивающих права заказчика (застройщика) и автора архитектурного проекта, если такие требования и условия не основаны на положениях действующего законодательства, нормативных правовых актов, градостроительных нормативов, утвержденной градостроительной документации, не обоснованы необходимостью сохранения характера сложившейся застройки города или иного населенного пункта, природной среды и охраны памятников истории и культуры.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

Основанием для выдачи архитектурно-планировочного задания являются заявка заказчика (застройщика) и документы, удостоверяющие его право собственности (право распоряжения) земельным участком, либо разрешение собственника земельного участка на проектирование на этом участке.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

В выдаче архитектурно-планировочного задания может быть отказано, если намерения заказчика (застройщика) противоречат действующему законодательству, нормативным правовым актам, градостроительным нормативам, положениям утвержденной градостроительной документации, правилам застройки города или иного поселения. Отказ в выдаче архитектурно-планировочного задания может быть обжалован заказчиком (застройщиком) в суд.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

4. При строительстве отдельных архитектурных объектов, определенных утвержденной градостроительной документацией, архитектурно-планировочное задание должно разрабатываться на основе обязательного проведения предпроектных исследований или конкурсов на архитектурный проект. Порядок и условия проведения этих исследований или конкурсов определяются органами архитектуры и градостроительства субъектов Российской Федерации.

Конкурс на архитектурный проект проводится с участием общественных профессионально-творческих организаций (объединений) архитекторов.

(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

5. Абзац утратил силу. - Федеральный закон от 22.08.2004 N 122-ФЗ.

Отказ в выдаче разрешения на строительство может быть обжалован заказчиком (застройщиком) в суд.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

6. Абзац утратил силу с 1 января 2007 года. - Федеральный закон от 18.12.2006 N 232-ФЗ.

Выдавший архитектурно-планировочное задание орган архитектуры и градостроительства при проверке соответствия решений архитектурного проекта требованиям архитектурно-планировочного задания не вправе

проводить экспертизу проекта по вопросам, не включенным в требования архитектурно-планировочного задания и находящимся в компетенции заказчика (застройщика) и автора архитектурного проекта.

Абзац исключен. - Федеральный закон от 10.01.2003 N 15-ФЗ.

7. Архитектурный проект, учитывающий требования градостроительного законодательства, государственных стандартов в области проектирования и строительства, строительных норм и правил, соответствующих градостроительным нормативам, правил застройки города или иного населенного пункта, задания на проектирование и архитектурно-планировочного задания, является документом, обязательным для всех участников реализации архитектурного проекта со дня получения на его основе разрешения на строительство. Один экземпляр архитектурного проекта и исполнительная документация сдаются на хранение в соответствующий орган архитектуры и градостроительства с последующей передачей указанных документов в государственный архив в порядке, установленном законодательством Российской Федерации. Контроль за реализацией архитектурного проекта осуществляется в соответствии с законодательством Российской Федерации.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

Статья 3.1. Архитектурная деятельность иностранных граждан, лиц без гражданства и иностранных юридических лиц

(введена Федеральным законом от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

Иностранные граждане, лица без гражданства и иностранные юридические лица осуществляют архитектурную деятельность наравне с российскими гражданами и юридическими лицами, если это предусмотрено международным договором Российской Федерации. При отсутствии соответствующего международного договора Российской Федерации иностранные граждане, лица без гражданства и иностранные юридические лица могут принимать участие в архитектурной деятельности на территории Российской Федерации только с архитектором - российским гражданином или юридическим лицом.

Статья 3.2. Архитектурная деятельность российских граждан и юридических лиц на территориях иностранных государств

(введена Федеральным законом от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

Российские граждане и юридические лица могут осуществлять архитектурную деятельность на территориях иностранных государств, если это не противоречит международным договорам Российской Федерации и законодательству Российской Федерации.

Глава II. ЛИЦЕНЗИРОВАНИЕ АРХИТЕКТУРНОЙ ДЕЯТЕЛЬНОСТИ

Исключена. - Федеральный закон от 10.01.2003 N 15-ФЗ.

Глава III. ПРАВА И ОБЯЗАННОСТИ ГРАЖДАН И ЮРИДИЧЕСКИХ ЛИЦ, ОСУЩЕСТВЛЯЮЩИХ АРХИТЕКТУРНУЮ ДЕЯТЕЛЬНОСТЬ

Статья 12. Права архитектора и юридического лица
(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

Архитектор и юридическое лицо на основании договора с заказчиком (застройщиком) имеют право:
(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

запрашивать и получать от соответствующих органов архитектурно-планировочное задание, иные сведения и исходные документы, необходимые для предпроектных исследований, проектирования и строительства архитектурного объекта;

осуществлять защиту согласованных с заказчиком (застройщиком) архитектурных решений при их экспертизе и рассмотрении в соответствующих органах;

участвовать в разработке всех разделов документации для строительства, согласовывая все изменения архитектурных решений принятого архитектурного проекта, или принимать на себя по поручению заказчика (застройщика) руководство разработкой всех разделов документации для строительства;

привлекать на договорной основе к разработке документации для строительства необходимых помощников, консультантов и технических работников, принимая на себя ответственность за объем и качество выполненных ими работ;

представлять и защищать интересы заказчика (застройщика) по его поручению при заключении договора подряда на строительство архитектурного объекта; оказывать содействие в организации или в проведении торгов (аукционов или конкурсов) для заключения договоров на строительство;

осуществлять авторский надзор за строительством архитектурного объекта или по поручению заказчика

(застройщика) быть его ответственным представителем на строительстве данного объекта, осуществляя контроль за качеством строительных материалов, качеством и объемом выполняемых строительно-монтажных работ и финансовый контроль;

принимать участие в приемке архитектурного объекта в эксплуатацию или по поручению заказчика (застройщика) быть его ответственным представителем при приемке указанного объекта в эксплуатацию; проводить консультации по вопросам инвестирования, строительства и эксплуатации архитектурных объектов, а также выполнять иные функции заказчика (застройщика).
(в ред. Федерального закона от 18.12.2006 N 232-ФЗ)

Статья 13. Основные обязанности архитектора и юридического лица
(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

1. Архитектор и юридическое лицо при осуществлении архитектурной деятельности обязаны соблюдать:
(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)
законодательство Российской Федерации и законодательство субъектов Российской Федерации в области архитектурной деятельности;
государственные стандарты в области проектирования и строительства;
градостроительные нормативы, строительные, а также экологические нормы и правила;
порядок осуществления градостроительной деятельности на территории соответствующего субъекта Российской Федерации и правила застройки города или иного населенного пункта;
(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)
требования архитектурно-планировочного задания;
требования заказчика (застройщика), изложенные в задании на проектирование, не противоречащие требованиям настоящей статьи.

2. Архитектор не вправе разглашать информацию о намерениях заказчика (застройщика) по реализации архитектурного проекта без его согласия.
(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

3. Архитектор не вправе принимать на себя обязательства ответственного представителя заказчика (застройщика) при заключении договора подряда на строительство, при авторском надзоре за строительством архитектурного объекта и при приемке указанного объекта в эксплуатацию при наличии личной заинтересованности в прибылях подрядной организации, участвующей в торгах подряда, а также не вправе участвовать в конкурсе на архитектурный проект, являясь членом жюри данного конкурса.
(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

Статья 14. Договорные отношения в области архитектурной деятельности

Создание, реализация и иное использование архитектурного проекта осуществляются только на основе договоров, заключаемых в соответствии с законодательством Российской Федерации.

Статья 15. Гарантии деятельности архитектора

1. Органы государственной власти способствуют созданию организационных, ресурсных и иных условий для свободного творчества архитектора, развития архитектурной науки и образования.

2. Уполномоченные Правительством Российской Федерации федеральные органы исполнительной власти в области архитектуры и градостроительства, общественные профессионально-творческие организации (объединения) архитекторов в соответствии с их уставами участвуют в защите прав архитектора и обеспечивают свободу творчества архитектора в пределах своей компетенции.
(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

Глава IV. АВТОРСКОЕ ПРАВО НА ПРОИЗВЕДЕНИЯ АРХИТЕКТУРЫ

Утратила силу с 1 января 2008 года. - Федеральный закон от 18.12.2006 N 231-ФЗ.

Глава V. ПОРЯДОК ИЗМЕНЕНИЙ АРХИТЕКТУРНОГО ПРОЕКТА И АРХИТЕКТУРНОГО ОБЪЕКТА

Статья 20. Изменения архитектурного проекта

1. Изменения архитектурного проекта при разработке документации для строительства или при строительстве архитектурного объекта производятся исключительно с согласия автора архитектурного проекта, а в случае отклонения от требований архитектурно-планировочного задания также по согласованию с соответствующим органом архитектуры и градостроительства.

2. Заказчик (застройщик) либо подрядчик вправе не привлекать автора архитектурного проекта с его

согласия к разработке документации для строительства и к авторскому надзору за строительством архитектурного объекта при условии реализации архитектурного проекта без изменений.

3. Если автор архитектурного проекта выявит отступления от проекта при его реализации, то он извещает об этом орган, выдавший разрешение на строительство, для принятия необходимых мер по предотвращению возможного ущерба, а также принимает меры по предотвращению нарушения авторского права на произведение архитектуры в соответствии с действующим законодательством.

Статья 21. Изменения архитектурного объекта

1. Изменения архитектурного объекта (достройка, перестройка, перепланировка) осуществляются в соответствии с Гражданским кодексом Российской Федерации и договором на создание и использование архитектурного проекта.

(в ред. Федерального закона от 18.12.2006 N 231-ФЗ)

2. Изменения архитектурных объектов, строительство которых требует разрешения на строительство, осуществляются в порядке, установленном статьей 3 настоящего Федерального закона.

3. Порядок изменений архитектурных объектов, удостоенных государственных и иных премий в области архитектуры, устанавливается уполномоченным Правительством Российской Федерации федеральным органом исполнительной власти по координации деятельности в области архитектуры и градостроительства.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

4. Работы по реконструкции, реставрации и ремонту памятников истории и культуры, состоящих на государственном учете, а также работы по строительству, ремонту, реконструкции объектов в зонах охраны осуществляются в соответствии с Законом РСФСР "Об охране и использовании памятников истории и культуры".

КонсультантПлюс: примечание.

По вопросу, касающемуся отношений в области сохранения, использования и государственной охраны объектов культурного наследия (памятников истории и культуры), см. также Федеральный закон от 25.06.2002 N 73-ФЗ.

5. Контроль за выполнением положений настоящей статьи осуществляется органом архитектуры и градостроительства, выдавшим архитектурно-планировочное задание.

Глава VI. КОМПЕТЕНЦИЯ ОРГАНОВ АРХИТЕКТУРЫ И ГРАДОСТРОИТЕЛЬСТВА И ПРОФЕССИОНАЛЬНО-ТВОРЧЕСКИХ ОРГАНИЗАЦИЙ (ОБЪЕДИНЕНИЙ) АРХИТЕКТОРОВ

Статья 22. Компетенция органов архитектуры и градостроительства в области архитектуры

1. Уполномоченный Правительством Российской Федерации федеральный орган исполнительной власти по координации деятельности в области архитектуры и градостроительства и соответствующие органы субъектов Российской Федерации образуют единую систему исполнительной власти в области архитектуры. Органы архитектуры и градостроительства осуществляют свою деятельность на основании градостроительного законодательства, настоящего Федерального закона и соответствующих положений об органах архитектуры и градостроительства.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

2. Уполномоченный Правительством Российской Федерации федеральный орган исполнительной власти по координации деятельности в области архитектуры и градостроительства с участием соответствующих органов субъектов Российской Федерации осуществляет разработку и реализацию государственной политики в области архитектуры, координирует работу органов архитектуры и градостроительства, обеспечивает разработку нормативных правовых актов.

(в ред. Федеральных законов от 10.01.2003 N 15-ФЗ, от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

3. Органы местного самоуправления в порядке, установленном действующим законодательством, могут быть наделены полномочиями по регулированию архитектурной деятельности, установленными настоящим Федеральным законом. Контроль за реализацией указанных полномочий осуществляют уполномоченный Правительством Российской Федерации федеральный орган исполнительной власти по координации деятельности в области архитектуры и градостроительства и соответствующие органы субъектов Российской Федерации.

(в ред. Федерального закона от 22.08.2004 N 122-ФЗ)

4. Органы, ведающие вопросами архитектуры и градостроительства, возглавляют главные архитекторы. Кандидатура главного архитектора отбирается в установленном порядке на конкурсной основе и утверждается соответствующим органом исполнительной власти.

(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

5. В городах и иных поселениях с населением менее пятидесяти тысяч жителей (за исключением

городов-курортов и исторических городов) и в иных муниципальных образованиях должность главного архитектора может занимать лицо, имеющее высшее или среднее архитектурное образование.
(в ред. Федерального закона от 10.01.2003 N 15-ФЗ)

Статья 23. Профессионально-творческие организации (объединения) архитекторов

1. Научным центром в области архитектуры, градостроительства и строительных наук является Российская академия архитектуры и строительных наук.

2. Общественные профессионально-творческие организации (объединения) архитекторов (градостроителей, дизайнеров) в соответствии с их уставами осуществляют функции защиты профессиональных интересов архитекторов (градостроителей, дизайнеров и представителей других профессий в области архитектуры и градостроительства).

Абзац исключен. - Федеральный закон от 10.01.2003 N 15-ФЗ.

Глава VII. ОТВЕТСТВЕННОСТЬ ЗА НАРУШЕНИЕ НАСТОЯЩЕГО ФЕДЕРАЛЬНОГО ЗАКОНА

Статья 24. Административная ответственность

1. Гражданин или юридическое лицо, осуществляющие строительство архитектурного объекта без разрешения на строительство (самовольную постройку) или с нарушением утвержденной градостроительной документации, несут ответственность в соответствии с Кодексом Российской Федерации об административных правонарушениях.

(п. 1 в ред. Федерального закона от 30.12.2001 N 196-ФЗ)

2. Гражданин или юридическое лицо, допустившие в ходе реализации архитектурного проекта отступления от указанного проекта без согласования с автором архитектурного проекта и органом, выдавшим разрешение на строительство, обязаны устранить допущенные нарушения.

(в ред. Федерального закона от 30.12.2001 N 196-ФЗ)

3 - 5. Утратили силу. - Федеральный закон от 30.12.2001 N 196-ФЗ.

Статья 25. Имущественная ответственность

1. Лицо, право которого нарушено при осуществлении архитектурной деятельности, может требовать полного возмещения причиненных ему убытков в соответствии с гражданским законодательством Российской Федерации.

2. Убытки, причиненные автору архитектурного проекта в результате нарушения его авторских прав, возмещаются в порядке, установленном действующим законодательством.

3. Лицо, виновное в строительстве или в изменении архитектурного объекта без соответствующего разрешения на строительство, обязано за свой счет осуществить снос (полную разборку) самовольной постройки или привести архитектурный объект и земельный участок в первоначальное состояние.

4. Лицо, виновное в действиях, повлекших за собой причинение вреда личности либо трудновосполнимый урон окружающей природной среде, памятнику истории или культуры, ценному городскому или природному ландшафту, несет ответственность, установленную законодательством Российской Федерации.

5. Гражданин или юридическое лицо, осуществляющие архитектурную деятельность, несут имущественную ответственность в соответствии с гражданским законодательством Российской Федерации за неисполнение или за ненадлежащее исполнение договорных обязательств.

Глава VIII. ЗАКЛЮЧИТЕЛЬНЫЕ ПОЛОЖЕНИЯ

Статья 26. Вступление настоящего Федерального закона в силу

Настоящий Федеральный закон вступает в силу со дня его официального опубликования.

Статья 27. Приведение нормативных правовых актов в соответствие с настоящим Федеральным законом

Поручить Правительству Российской Федерации привести свои нормативные правовые акты в соответствие с настоящим Федеральным законом.

Президент
Российской Федерации
Б.ЕЛЬЦИН

Москва, Кремль
17 ноября 1995 года
N 169-ФЗ

Источник публикации

В данном виде документ опубликован не был.

Первоначальный текст документа опубликован в изданиях
"Собрание законодательства РФ", 20.11.1995, N 47, ст. 4473,
"Российская газета", N 231, 29.11.1995.

Информацию о публикации документов, создающих данную редакцию, см. в справке к этим документам.

Примечание к документу

КонсультантПлюс: примечание.

Начало действия редакции - 01.01.2008.

Изменения, внесенные Федеральным законом от 18.12.2006 N 231-ФЗ, вступают в силу с 1 января 2008 года.

Название документа

ФЕДЕРАЛЬНЫЙ ЗАКОН от 17.11.1995 N 169-ФЗ

(ред. от 18.12.2006)

"ОБ АРХИТЕКТУРНОЙ ДЕЯТЕЛЬНОСТИ В РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИИ"

(принят ГД ФС РФ 18.10.1995)

(с изм. и доп., вступающими в силу с 01.01.2008)

ĐẠO LUẬT KHUNG VỀ KIẾN TRÚC - HÀN QUỐC

Đạo luật số 8783, ngày 21 tháng 12 năm 2007

Sửa đổi theo Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008

Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013

Đạo luật số 13470, ngày 11 tháng 8 năm 2015

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 (Mục đích)

Mục đích của Đạo luật này là nhằm góp phần cho con người có cuộc sống lành mạnh và nâng cao phúc lợi thông qua việc quảng bá văn hóa kiến trúc bằng cách xác định trách nhiệm liên quan đến kiến trúc của Nhà nước, chính quyền địa phương và người dân và bằng cách quy định việc thiết lập, thực thi v.v những chính sách về kiến trúc.

Điều 2 (Ý tưởng cơ bản)

Ý tưởng cơ bản của Đạo luật này là nhận ra giá trị cộng đồng của kiến trúc sau đây thông qua nỗ lực tập thể của Nhà nước, chính quyền địa phương và người dân:

1. Xây dựng không gian sống liên quan trực tiếp đến sự an toàn, sức khỏe, và phúc lợi của người dân;
2. Xây dựng môi trường không gian để kết hợp và thừa nhận nhu cầu đa dạng của xã hội, trở thành nền tảng của hoạt động kinh tế;
3. Kiến tạo và xây dựng không gian văn hoá phản ánh hình thái đời sống cụ thể của các tỉnh và được kế thừa cho các thế hệ tương lai.

Điều 3 (Định nghĩa)

Các định nghĩa của thuật ngữ được sử dụng trong Đạo luật này như sau:

1. Thuật ngữ "tòa nhà" là công trình có mái, trụ, tường được gắn cố định trên đất và một công trình phụ gắn liền theo nó;
2. Thuật ngữ "môi trường không gian" là các cấu trúc không gian, không gian công cộng và cảnh quan được hình thành bởi các tòa nhà;
3. Thuật ngữ "không gian công cộng" có nghĩa là những cấu trúc không gian, chẳng hạn như đường phố, công viên, và các khu vui chơi giải trí, và các tiện ích

kèm theo và được sử dụng bởi công chúng;

4. Thuật ngữ "Thiết kế kiến trúc" là các hoạt động quy hoạch, thiết kế và cải tạo nhà ở và môi trường không gian nhằm thể hiện sự công khai của kiến trúc bằng cách xây dựng các tòa nhà với sự tao nhã và chất lượng, môi trường không gian;

5. Thuật ngữ "tao nhã" có nghĩa là phù hợp có thể tạo ra ý thức về mục đích và bản sắc của các tỉnh thông qua mối quan hệ với môi trường xung quanh, quy mô, hình dáng, cấu trúc, vật liệu, mức độ xây dựng v.v;

6. Thuật ngữ "chất lượng" có nghĩa là khả năng khách quan, chẳng hạn như an toàn, vệ sinh, chức năng, sự thoải mái, bảo tồn các nguồn tài nguyên và tái sử dụng;

7. Thuật ngữ "kiến trúc" có nghĩa là quy hoạch, thiết kế, xây dựng, và bảo trì các tòa nhà và môi trường không gian.

Điều 4 (Nhiệm vụ của Nhà nước và Chính quyền địa phương)

(1) Nhà nước sẽ thiết lập và thực hiện chính sách kiến trúc toàn diện để xây dựng các tòa nhà và môi trường không gian với sự tao nhã và chất lượng, và các chính quyền địa phương sẽ thiết lập và thực hiện các chính sách kiến trúc phù hợp với chính sách kiến trúc quốc gia theo hoàn cảnh thực tế của các tỉnh.

(2) Trong trường hợp Nhà nước, chính quyền địa phương hoặc các tổ chức công cộng theo Đạo luật Quản lý các tổ chức công (sau đây gọi là "các tổ chức công") trực tiếp đặt hàng hoặc trở thành chủ thể trong việc xây dựng, họ sẽ nỗ lực hướng đến một thiết kế kiến trúc ưu tú.

(3) Nhà nước và chính quyền địa phương sẽ nỗ lực để triển khai các chiến dịch giáo dục và tuyên truyền cần thiết nhằm nâng cao hiểu biết của người dân về kiến trúc.

(4) Nhà nước và chính quyền địa phương sẽ nỗ lực phát triển kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc và đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp trong đó.

Điều 5 (Trách nhiệm của Người dân)

(1) Người dân sẽ nỗ lực tích cực tham gia và hợp tác trong các chính sách kiến trúc do Nhà nước và chính quyền địa phương thực hiện.

(2) Chủ thể trong việc xây dựng và bên đặt hàng sẽ lựa chọn các nhà thiết kế, xây dựng v.v theo tiêu chuẩn và thủ tục khách quan và phải trả thù lao hợp lý, chủ sở hữu và người quản lý phải duy trì và quản lý các tòa nhà và môi trường không gian

để giá trị kiến trúc công cộng theo Điều 2 được thể hiện rõ ràng.

(3) Các chuyên gia về kiến trúc sẽ phát triển kiến thức chuyên môn và trên cơ sở đó sẽ giúp người dân hiểu về kiến trúc ở vị trí độc lập và khách quan và sẽ nỗ lực thể hiện giá trị kiến trúc công cộng.

Điều 6 (Mối quan hệ với các hành vi khác)

Trong trường hợp Nhà nước có dự định ban hành hoặc sửa đổi các Đạo luật khác liên quan đến kiến trúc, việc ban hành hoặc sửa đổi như vậy sẽ nhất quán với mục đích và ý tưởng cơ bản của Đạo luật này.

CHƯƠNG II

HƯỚNG DẪN CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH KIẾN TRÚC

Điều 7 (Hiện thực hóa Không gian sống cộng đồng trong Kiến trúc)

(1) Nhà nước và chính quyền địa phương phải thực hiện các biện pháp cần thiết để xây dựng những tòa nhà và môi trường không gian an toàn và liên tục duy trì mức độ an toàn để chuẩn bị cho mọi loại hình thiên tai.

(2) Nhà nước và chính quyền địa phương sẽ có những biện pháp cần thiết để những tòa nhà và môi trường không gian được xây dựng, chú trọng đến sức khoẻ của người sử dụng và việc sử dụng của người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai v.v từ giai đoạn quy hoạch hoặc thiết kế.

Điều 8 (Cung ứng Không gian sống cộng đồng trong Kiến trúc)

(1) Nhà nước và chính quyền địa phương sẽ thiết lập và thực hiện các chính sách kiến trúc có thể đáp ứng các nhu cầu đa dạng của con người và văn hoá đa chiều và chủ động đối phó với những thay đổi trong nhu cầu về văn hoá và công nghệ của xã hội trong tương lai.

Chủ sở hữu hoặc người quản lý các tòa nhà sẽ quản lý các tòa nhà và môi trường không gian được xây dựng như một tài sản xã hội và kinh tế được kế thừa cho các thế hệ tương lai và giá trị của nó sẽ được tăng cường liên tục.

(3) Khi chủ sở hữu hoặc nhà quản lý của các tòa nhà xây dựng và sử dụng các tòa nhà và môi trường không gian, họ sẽ hài hòa các tòa nhà và môi trường không gian đó với tự nhiên bằng cách giảm thiểu tác động lên môi trường và bằng cách khuyến khích tái sử dụng và tái chế các nguồn lực trong quá trình đó v.v.

Điều 9 (Hiện thực hóa Văn hóa cộng đồng trong Kiến trúc)

(1) Các chủ sở hữu hoặc người quản lý các tòa nhà sẽ nỗ lực nâng cao giá trị văn hoá của các tòa nhà trong suốt quá trình xây dựng và sử dụng các tòa nhà và môi trường không gian.

(2) Sự tôn trọng sáng tạo của các chuyên gia liên quan sẽ được tôn trọng để nâng cao tính cạnh tranh về văn hoá và công nghiệp của các tòa nhà và môi trường không gian.

(3) Nhà nước và chính quyền địa phương sẽ đưa ra các biện pháp cần thiết để đảm bảo các tòa nhà và môi trường không gian được xây dựng phù hợp với khí hậu, lịch sử hoặc môi trường của các tỉnh dựa trên sự tham gia của người dân ở các tỉnh đó.

(4) Nhà nước và chính quyền địa phương sẽ có những biện pháp cần thiết để bảo tồn di sản kiến trúc đặc trưng của các tỉnh và bảo đảm các tòa nhà và môi trường không gian mới hài hòa và cân bằng với môi trường không gian hiện hữu.

(5) Nhà nước và các chính quyền địa phương sẽ nỗ lực nâng cao độ tin cậy của các chính sách kiến trúc, như giám sát các chính sách kiến trúc được thực hiện tương ứng và đánh giá kết quả đầu ra của chính sách.

CHƯƠNG III

THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH KIẾN TRÚC

Điều 10 (Thiết lập các Quy hoạch tổng thể về Chính sách kiến trúc)

(1) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ xây dựng và thực hiện một quy hoạch tổng thể liên quan đến chính sách kiến trúc (sau đây gọi là "Quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc") mỗi năm năm. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(2) Khi Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông dự định thiết lập hoặc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc thì phải tham khảo với lãnh đạo các cơ quan hành chính trung ương có liên quan, thu thập ý kiến tại phiên điều trần công khai v.v, và xác định việc đó sau khi được sự cân nhắc của Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc theo Điều 13 và báo cáo lên Tổng thống. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(3) Những vấn đề không đáng kể được đề xuất để sửa đổi trong quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc, các thủ tục theo đoạn (2) có thể được bỏ qua.

(4) Khi Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông dự định chuẩn bị một quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc thì có thể yêu cầu lãnh đạo của các cơ quan hành chính trung ương có liên quan, Thị trưởng thành phố đặc biệt, Thị trưởng thành phố, Thống đốc hoặc Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (sau đây gọi chung là "Thị trưởng / Thống đốc") trình kế hoạch thuộc thẩm quyền của mình về các chính sách, dự án v.v được thể hiện trong quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc và lãnh đạo các cơ quan hành chính trung ương có liên quan và Thị trưởng/Thống đốc sẽ tuân thủ điều đó trừ khi có lý do thuyết phục không thực hiện như vậy. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(5) Khi một quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc đã được xác định, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ kịp thời công bố các chi tiết quan trọng đó trong Công báo và gửi cho lãnh đạo các cơ quan hành chính trung ương liên quan và Thị trưởng / Thống đốc. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(6) Các vấn đề cần thiết cho việc thiết lập, thực hiện, điều chỉnh v.v của quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc sẽ được quy định trong Sắc lệnh Tổng thống.

Điều 11 (Chi tiết của Quy hoạch tổng thể về Chính sách kiến trúc)

Quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc bao gồm các nội dung sau:

1. Các vấn đề liên quan đến hiện trạng, thay đổi về hoàn cảnh và triển vọng trong kiến trúc;
2. Các vấn đề liên quan đến các mục tiêu cơ bản và định hướng phát huy chính sách kiến trúc;
3. Các vấn đề liên quan đến việc cải tiến về sự tao nhã và chất lượng kiến trúc;
4. Các vấn đề liên quan đến thiết kế kiến trúc tích hợp để cải thiện cảnh quan đô thị;
5. Các biện pháp cho phát triển về và hỗ trợ đối với kiến trúc tại các tỉnh;
6. Các vấn đề liên quan đến nghiên cứu và phát triển, chẳng hạn như kỹ thuật thiết kế ưu tú và các tòa nhà mang tầm nghệ thuật;

7. Các vấn đề liên quan đến việc bồi dưỡng, hỗ trợ và quản lý nguồn nhân lực chuyên nghiệp trong lĩnh vực kiến trúc;
8. Các vấn đề liên quan đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế trong kiến trúc, chẳng hạn như thiết kế kiến trúc;
9. Các vấn đề liên quan đến việc xây dựng nền tảng cho văn hoá kiến trúc;
10. Các vấn đề liên quan đến việc phát triển và phân phối công nghệ liên quan đến kiến trúc và liên quan đến các dự án thí điểm hàng đầu;
11. Các vấn đề cần thiết cho việc thực hiện quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc và nhằm thúc đẩy kiến trúc theo quy định của Sắc lệnh Tổng thống.

Điều 12 (Thiết lập v.v của Quy hoạch tổng thể cho Kiến trúc Tỉnh)

(1) Đối với chính sách kiến trúc tương ứng với bối cảnh hiện tại của tỉnh và tình hình thực tế về xã hội, kinh tế, văn hoá, Thị trường / Thống đốc sẽ thiết lập và thực hiện một quy hoạch tổng thể liên quan đến chính sách kiến trúc (sau đây gọi chung là "quy hoạch tổng thể cho kiến trúc đô thị") của Đô thị Thành phố đặc biệt, Đô thị thành phố, Tỉnh hoặc Tỉnh tự trị đặc biệt có liên quan (sau đây gọi là "Thành phố/ Tỉnh") phù hợp với quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc 5 năm một lần, và lãnh đạo của Thành phố/Đô thị/Thủ phủ (lãnh đạo của Thủ phủ có nghĩa là lãnh đạo Thủ phủ tự trị; tương tự được áp dụng xuyên suốt) có thể, nếu cần thiết, thiết lập và thực hiện một quy hoạch tổng thể liên quan đến chính sách kiến trúc (sau đây gọi là "quy hoạch tổng thể kiến trúc thành phố") của Thành phố/Đô thị/Thủ phủ (Thủ phủ có nghĩa Thủ phủ tự trị, sau đây sẽ áp dụng cùng một quy tắc) phù hợp với quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc và quy hoạch tổng thể cho kiến trúc đô thị mỗi năm một lần.

(2) Khi các quy hoạch tổng thể về kiến trúc đô thị hoặc các quy hoạch tổng thể về kiến trúc thành phố (sau đây gọi là "quy hoạch tổng thể kiến trúc tỉnh") được thành lập hoặc điều chỉnh, các Thị Trưởng / Thống đốc tỉnh hoặc các Thành phố/Đô thị/Thủ phủ sẽ thu thập ý kiến thông qua các buổi điều trần công khai v.v và nghe ý kiến của các hội đồng địa phương có liên quan và xác định sau khi có suy xét của Ủy ban chính sách kiến trúc Thành phố / Tỉnh hoặc ủy ban kiến trúc kiến trúc của Thành phố/Đô thị/Thủ phủ theo Điều 18.

(3) Những vấn đề không đáng kể được xác định bởi các pháp lệnh của chính quyền

địa phương theo Sắc lệnh Tổng thống cho các quy hoạch tổng thể kiến trúc của tỉnh, được đề xuất để điều chỉnh, thì các thủ tục theo đoạn (2) có thể được bỏ qua.

(4) Trong trường hợp Thị trưởng / Thống đốc hoặc lãnh đạo Thành phố/Đô thị/Thủ phủ thiết lập hoặc điều chỉnh các quy hoạch tổng thể về kiến trúc của tỉnh theo đoạn (1), phải báo cáo Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông không được chậm trễ: với điều kiện lãnh đạo Thành phố/Đô thị/Thủ phủ thiết lập hoặc điều chỉnh các quy hoạch tổng thể cho kiến trúc thành phố, sẽ báo cáo với Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông thông qua các Thị trưởng / Thống đốc có liên quan. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(5) Các vấn đề cần thiết để thiết lập, thực hiện, điều chỉnh v.v của quy hoạch tổng thể kiến trúc tỉnh, được quy định bởi Sắc lệnh Tổng thống.

CHƯƠNG IV

ỦY BAN CHÍNH SÁCH KIẾN TRÚC

Điều 13 (Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc)

(1) Để suy xét về các chính sách quan trọng liên quan đến lĩnh vực kiến trúc, điều phối các chính sách kiến trúc của các Bộ liên quan và thực hiện các vấn đề khác theo quy định của Đạo luật này, Ủy ban Quốc gia về Chính sách Kiến trúc sẽ được thành lập dưới thẩm quyền của Tổng thống.

(2) Ủy ban Quốc gia về Chính sách Kiến trúc theo đoạn (1) (sau đây gọi là "Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc") sẽ bao gồm không quá 30 thành viên, trong đó có một Chủ tịch.

(3) Chủ tịch sẽ được bổ nhiệm trong số các thành viên ủy ban bởi Tổng thống, và những người sau đây sẽ trở thành thành viên của ủy ban:

1. Lãnh đạo cơ quan hành chính trung ương theo quy định của Sắc lệnh Tổng thống;
2. Người được Tổng thống ủy nhiệm trong số những người có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc.

(4) Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc có thể thành lập và vận hành các tiểu ban để thực hiện các hoạt động hành chính chuyên nghiệp theo thẩm quyền của mình.

(5) Các vấn đề cần thiết cho nhiệm kỳ của các thành viên, hoạt động của Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc và các tiểu ban v.v được quy định bởi Sắc lệnh Tổng thống.

Điều 14 (Chức năng của Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc)

Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc sẽ cân nhắc các vấn đề sau:

1. Thiết lập và điều phối các chính sách kiến trúc, bao gồm quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc;
2. Hỗ trợ các dự án quan trọng liên quan đến phát triển trong lĩnh vực kiến trúc;
3. Các vấn đề liên quan đến việc cải thiện về quản lý kiến trúc;
4. Các vấn đề liên quan đến việc xúc tiến các sự kiện văn hoá về kiến trúc;
5. Các vấn đề liên quan đến việc mở rộng cơ hội thưởng thức văn hoá kiến trúc của người dân;
6. Các vấn đề liên quan đến việc thiết lập các tiêu chuẩn về thiết kế kiến trúc theo Điều 21 (1) và (2);
7. Các vấn đề liên quan đến công tác điều tra, nghiên cứu và phát triển liên quan đến kiến trúc;
8. Các vấn đề khác mà chủ tịch đưa ra để thảo luận về các chính sách kiến trúc.

Điều 15 (Báo cáo về Chính sách Kiến trúc đối với Quốc hội)

(1) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông phải lập báo cáo về việc thành lập, thực hiện v.v các chính sách quan trọng liên quan đến kiến trúc sau khi nghe ý kiến của Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc, và trình nó lên ủy ban thường trực có liên quan của Quốc hội mỗi hai năm một lần. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(2) Báo cáo theo đoạn (1) sẽ bao gồm các vấn đề sau:

1. Các vấn đề liên quan đến việc thiết lập, thực hiện, kết quả v.v của các quy hoạch tổng thể về chính sách kiến trúc;
2. Triển vọng thay đổi môi trường kiến trúc trong xã hội trong tương lai và các biện pháp theo đó;

3. Các vấn đề liên quan đến các biện pháp, dự án v.v để thúc đẩy văn hoá kiến trúc;
4. Các vấn đề liên quan đến sự kế thừa đối với khí hậu và truyền thống của tỉnh nhằm thúc đẩy môi trường kiến trúc và văn hoá;
5. Các vấn đề liên quan đến việc quốc tế hóa hệ thống, tiêu chuẩn kiến trúc v.v;
6. Các vấn đề liên quan đến tăng cường năng lực cạnh tranh công nghiệp, như phát triển công nghệ kiến trúc và thiết kế kiến trúc, và việc đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp;
7. Các vấn đề quan trọng khác liên quan đến kiến trúc.

Điều 16 (Điều tra cơ bản đối với Kiến trúc)

(1) Khi cần thiết để cân nhắc về các vấn đề theo các tiểu đoạn của Điều 14, chuẩn bị cho các báo cáo theo Điều 15 (1) v.v, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể điều tra các vấn đề theo quy định của Sắc lệnh Tổng Thống, như các loại số liệu thống kê về kiến trúc, tình trạng hiện tại của các tòa nhà, mức độ hiểu biết về kiến trúc, mức độ mong đợi đối với kiến trúc và các dữ liệu cần thiết khác liên quan đến các tiểu đoạn của Điều 15 (2). <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(2) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể yêu cầu lãnh đạo các cơ quan hành chính trung ương hoặc lãnh đạo chính quyền địa phương trình các dữ liệu cần thiết để điều tra hoặc trực tiếp điều tra một số vấn đề theo đoạn (1). Trong những trường hợp đó, lãnh đạo cơ quan hành chính trung ương hoặc lãnh đạo chính quyền địa phương đã được yêu cầu phải tuân thủ các quy định đó trừ khi có lý do thuyết phục không làm như vậy. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

Điều 17 (Tổ công tác)

(1) Để giải quyết các vấn đề hành chính của Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc, một tổ công tác sẽ được thành lập trong Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc.

(2) Trường hợp cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc có thể yêu cầu các cơ quan hành chính có liên quan, các tổ chức có liên quan, các pháp nhân, các tổ chức v.v cử cán bộ, công chức và nhân viên thuộc

thẩm quyền của họ, hoặc giao kiêm nhiệm.

(3) Các vấn đề cần thiết cho việc thành lập và vận hành của tổ công tác sẽ được quy định bởi Sắc lệnh Tổng thống.

Điều 18 (Ủy ban Kiến trúc tỉnh)

(1) Để cân nhắc các chính sách quan trọng về lĩnh vực kiến trúc của các tỉnh và thực hiện các vấn đề được quy định trong Đạo luật này, các ủy ban thành phố / tỉnh làm về chính sách kiến trúc (sau đây gọi là "ủy ban đô thị về chính sách kiến trúc") có thể được thành lập theo thẩm quyền của Thị Trưởng / Thống đốc, và các ủy ban Thành phố/Đô thị/Thủ phủ về chính sách kiến trúc có thể được thành lập dưới thẩm quyền của lãnh đạo Thành phố/Đô thị/Thủ phủ (sau đây gọi là "ủy ban thành phố về chính sách kiến trúc").

(2) Những vấn đề cần thiết cho việc thành lập và tổ chức các ủy ban đô thị về chính sách kiến trúc và ủy ban thành phố về chính sách kiến trúc (dưới đây gọi là "ủy ban tỉnh về chính sách kiến trúc") và cho hoạt động của các ủy ban được quy định bởi các pháp lệnh của chính quyền địa phương: Với điều kiện, nếu các ủy ban có liên quan theo Sắc lệnh Tổng thống đã được thành lập tại các chính quyền địa phương có liên quan, có thể được thay mặt các ủy ban tỉnh về chính sách kiến trúc thực hiện chức năng, theo pháp lệnh của chính quyền thành phố.

Điều 19 (Chức năng của Ủy ban tỉnh về Chính sách Kiến trúc)

Các ủy ban tỉnh về chính sách kiến trúc thực hiện các công việc hành chính liên quan đến các vấn đề sau:

1. Các vấn đề liên quan đến việc thành lập và thực hiện quy hoạch tổng thể cho kiến trúc tỉnh thuộc các tỉnh có liên quan;
2. Các vấn đề liên quan đến việc cải thiện quản lý kiến trúc của các tỉnh có liên quan;
3. Các vấn đề liên quan đến dự án, hoạt động xây dựng cho nền móng về văn hoá kiến trúc.

CHƯƠNG V

THỨC ĐẨY VĂN HOÁ KIẾN TRÚC

Điều 20 (Hỗ trợ Tài chính để Thúc đẩy Văn hoá Kiến trúc)

Để cải thiện các tòa nhà và môi trường không gian và để thúc đẩy nền văn hoá kiến

trúc, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể cung cấp hỗ trợ tài chính, như trợ cấp của Kho bạc Nhà nước, cho các dự án sau đây sau khi tham khảo ý kiến của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng, theo Sắc lệnh Tổng thống: <Sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

1. Thành lập và vận hành của các cơ sở liên quan đến văn hoá kiến trúc;
2. Các dự án về văn hoá kiến trúc, như xuất bản, triển lãm, lễ hội;
3. Giáo dục nâng cao hiểu biết về kiến trúc của con người;
4. Mở rộng ra nước ngoài và trao đổi quốc tế liên quan đến kiến trúc;
5. Thiết lập các tiêu chuẩn về thiết kế kiến trúc theo Điều 21;
6. Các dự án thí điểm về thiết kế kiến trúc theo Điều 22;
7. Các dự án khác theo Sắc lệnh Tổng thống nhằm thúc đẩy văn hoá kiến trúc.

Điều 21 (Thiết lập Tiêu chuẩn Thiết kế Kiến trúc)

(1) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể thiết lập các tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc (trừ không gian công cộng) sau khi trao đổi với Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(2) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể thiết lập các tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc không gian công cộng sau khi trao đổi ý kiến với Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng. <Được sửa đổi bởi Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008; Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

(3) Các Thị Trưởng / Thống đốc hoặc lãnh đạo Thành phố/Đô thị/Thủ phủ có thể quy định các tiêu chuẩn riêng cho thiết kế kiến trúc cho các tỉnh trong phạm vi tiêu chuẩn theo các đoạn (1) và (2).

(4) Lãnh đạo chính quyền địa phương có thể đề nghị chủ sở hữu và người quản lý các tòa nhà hoặc các cơ sở trong môi trường không gian và người đứng đầu các cơ sở công cộng phải tuân thủ các tiêu chuẩn về thiết kế kiến trúc theo các đoạn từ 1 đến 3.

(5) Các vấn đề cần thiết để thiết lập các tiêu chuẩn về thiết kế kiến trúc theo các đoạn từ (1) đến (3) sẽ được quy định bởi Sắc lệnh Tổng thống.

Điều 22 (Thực hiện Dự án thí điểm cho Thiết kế Kiến trúc)

(1) Để tăng cường lợi ích công cộng và đẩy mạnh tính cạnh tranh của thiết kế kiến trúc, người đứng đầu các cơ quan hành chính trung ương, Thị trưởng / Thống đốc, hoặc người đứng đầu Thành phố/Đô thị/Thủ phủ có thể chỉ định các dự án dưới đây là các dự án thí điểm:

1. Các dự án do các cơ quan nhà nước thực hiện;
2. Các dự án phát triển và tái điều chỉnh để cải thiện thiết kế kiến trúc;
3. Các dự án được cư dân yêu cầu, được quy định trong Sắc lệnh Tổng thống.

(2) Người đứng đầu các cơ quan hành chính trung ương, Thị trưởng / Thống đốc hoặc người đứng đầu Thành phố/Đô thị/Thủ phủ có thể hỗ trợ các dự án thí điểm theo đoạn (1) thông qua hỗ trợ tài chính v.v.

(3) Các vấn đề cần thiết cho các thủ tục chỉ định, đăng ký về tiêu chuẩn cho thiết kế kiến trúc, hỗ trợ tài chính v.v theo các đoạn (1) và (2) sẽ được quy định bởi Sắc lệnh Tổng thống.

Điều 23 (Sự tham gia của các Chuyên gia dân sự)

(1) Khi người đứng đầu cơ quan hành chính trung ương và người đứng đầu chính quyền địa phương xử lý các kiến nghị dân sự liên quan đến kiến trúc, hoặc mời tham gia giải thiết kế các dự án phát triển đô thị v.v thì có thể ủy thác cho các chuyên gia dân sự và yêu cầu họ tiến hành và điều phối một phần các nhiệm vụ có liên quan.

(2) Các vấn đề cần thiết đối với trình độ của các chuyên gia dân sự theo đoạn (1), phạm vi trách nhiệm, thù lao v.v sẽ được quy định trong Sắc lệnh Tổng thống.

Điều 24 (Mời tham gia Giải thiết kế)

Để lựa chọn các thiết kế ưu tú cho các tòa nhà và môi trường không gian, Nhà nước, các chính quyền địa phương và các cơ quan công cộng sẽ nỗ lực mời tham dự các giải thiết kế.

CHƯƠNG VI

QUẢN LÝ CÁC QUY CHẾ VỀ XÂY DỰNG CỦA HÀN QUỐC

Điều 25 (Công bố công khai v.v về Quy chế Xây dựng của Hàn Quốc)

(1) Để cung cấp thông tin toàn diện và quản lý phù hợp, Đạo luật Xây dựng, các điều lệ và quy chế có liên quan khác, bao gồm các quy tắc hành chính và các pháp lệnh của thành phố (sau đây gọi là "quy chế liên quan đến xây dựng" trong Điều này), đối với các vấn đề về thiết kế, xây dựng, giám sát thi công xây dựng, bảo dưỡng và quản lý các tòa nhà, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể công khai thông báo Quy chế Xây dựng của Hàn Quốc (dưới đây được gọi là "Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc"), trong đó các quy chế liên quan đến xây dựng được tích hợp với sự tham vấn của lãnh đạo các cơ quan hành chính trung ương và chính quyền địa phương là những người phụ trách các quy chế liên quan đến xây dựng, và cung cấp Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc cho công dân thông qua hệ thống thông tin của ngành xây dựng theo Điều 8 của Đạo luật về Khuyến khích trong Ngành dịch vụ xây dựng.

(2) Trong quy chế liên quan đến xây dựng được thiết lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ, lãnh đạo cơ quan hành chính trung ương và chính quyền địa phương phụ trách các quy định có liên quan sẽ có biện pháp để phản ánh những thay đổi đó trong Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc theo quy định theo Sắc lệnh Tổng thống.

[Điều này mới được bổ sung bởi Đạo luật số 13470, ngày 11 tháng 8 năm 2015]

Điều 26 (Những nỗ lực để cải thiện các Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc)

(1) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ thường xuyên quản lý và cải thiện phù hợp hoặc rà soát Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc; nếu cần thiết cho mục đích nói trên, Bộ trưởng có thể thành lập và vận hành Hội đồng về Quy chế Xây dựng Hàn Quốc bao gồm các viên chức chính phủ của các Bộ có liên quan, theo quy định của Sắc lệnh Tổng thống.

(2) Nếu xét thấy cần thiết để cải thiện hoặc rà soát một phần Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan có liên quan cải thiện hoặc rà soát một phần đó, sau khi được cân nhắc bởi Ủy ban Tổng thống về Chính sách Kiến trúc, theo Sắc lệnh Tổng thống. Trong trường hợp đó, Thủ trưởng cơ quan có liên quan phải tuân thủ theo yêu cầu đó, ngoại trừ trường hợp có tình tiết giảm nhẹ.

(3) Thị trường / Thống đốc sẽ đánh giá các pháp lệnh của thành phố liên quan đến Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc dưới sự kiểm soát của họ ba năm một lần; và nếu được coi là cần thiết để cải thiện hoặc rà soát các pháp lệnh như vậy, các Thị trường / Thống đốc sẽ có biện pháp cải thiện hoặc rà soát như vậy, sau khi được cân nhắc bởi ủy ban xây dựng do họ thành lập theo Điều 4 của Đạo luật về Xây dựng.

(4) Các Thị trường / Thống đốc sẽ đánh giá các quy định của Thành phố/Đô thị/Thủ phủ thuộc thẩm quyền của họ liên quan đến Quy chế về Xây dựng của Hàn Quốc mỗi ba năm một lần; và nếu được coi là cần thiết để cải thiện hoặc rà soát các quy định như vậy, các Thị trường / Thống đốc có thể yêu cầu lãnh đạo Sĩ / Gun / Gu liên quan thuộc thẩm quyền của họ để làm như vậy sau khi được cân nhắc bởi ủy ban xây dựng do họ thành lập theo Điều 4 của Đạo luật Xây dựng. Trong những trường hợp như vậy, người đứng đầu của Sĩ / Gun / Gu liên quan thuộc thẩm quyền của họ sẽ phải tuân thủ theo yêu cầu đó, ngoại trừ những trường hợp có tình tiết giảm nhẹ.

(5) Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Nội vụ sẽ xem xét các nỗ lực v.v của các cơ quan hành chính trung ương hoặc chính quyền địa phương để cải thiện theo Điều 25 (2) và 26 (1) đến (4) khi tiến hành đánh giá các dịch vụ công theo Đạo luật khung về Đánh giá Dịch vụ Công.

[Điều này mới được bổ sung bởi Đạo luật số 13470, ngày 11 tháng 8 năm 2015]

PHỤ LỤC BỔ SUNG

Đạo luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành.

PHỤ LỤC <Đạo luật số 8852, ngày 29 tháng 2 năm 2008>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Đạo luật này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Các Điều từ 2 đến 7 được bỏ qua.

PHỤ LỤC <Đạo luật số 11690, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

Điều 1 (Ngày thi hành)

(1) Đạo luật này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

(2) Bỏ qua.

Các Điều từ 2 đến 7 được bỏ qua.

PHỤ LỤC <Đạo luật số 13470, ngày 11 tháng 8 năm 2015>

Điều 1 (Ngày thi hành)

Đạo luật này sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày ban hành.

Điều 2 Bỏ qua

LUẬT KIẾN TRÚC SƯ CÓ CHỨNG CHỈ HÀN QUỐC

Điều 1 (mục đích)

Mục đích của Luật này là thúc đẩy chất lượng công trình và môi trường không gian và đóng góp vào sự phát triển văn hóa kiến trúc thông qua khuyến khích tăng cường năng lực và trách nhiệm của kiến trúc sư có chứng chỉ.

Điều 2 (các định nghĩa)

1. Thuật ngữ "kiến trúc sư có chứng chỉ" có nghĩa là bất kỳ người nào cung cấp dịch vụ theo Điều 19, kể cả việc thiết kế một công trình xây dựng và giám sát thi công sau đã vượt qua một cuộc thi sát hạch năng lực do Bộ trưởng Bộ Đất, Cơ sở hạ tầng và giao thông tổ chức;

2. Thuật ngữ "trợ lý kiến trúc sư" có nghĩa là bất kỳ người nào, trong số những người thuộc về các công ty kiến trúc theo Điều 23 và hỗ trợ các dịch vụ theo Điều 19, người thuộc bất kỳ mục nào sau đây và đã đệ trình một báo cáo với Bộ trưởng đất đai, cơ sở hạ tầng và giao thông:

(a) Một người thực hiện hoặc đã thực hiện đào tạo thực tế theo Điều 13;

(b) Một người đã có bằng cấp của một kỹ sư hoặc kỹ sư công nghiệp trong các lĩnh vực xây dựng, điện và điện tử, máy móc, hóa học, vật liệu, thông tin và truyền thông, môi trường và năng lượng, hoặc kiểm soát an toàn theo Đạo luật Chứng chỉ Kỹ thuật Quốc gia, hoặc các lĩnh vực khác theo quy định của Nghị định của Tổng thống;

(c) Một người tốt nghiệp từ một trường đại học hoặc cao đẳng có ít nhất 04 năm các khóa học với chuyên ngành xây dựng hoặc những người có bằng cấp tương đương và những người có trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp được quy định bởi Nghị định của Tổng thống;

3. Thuật ngữ "thiết kế" nghĩa là các hoạt động sau đây được thực hiện bởi một kiến trúc sư có chứng chỉ, thuộc trách nhiệm của mình, để xây dựng hoặc sửa chữa lớn các tòa nhà, thay đổi mục đích sử dụng, tu sửa, lắp đặt thiết bị công trình, hoặc chế tạo cấu kiện công trình:

(a) Kiểm tra các tòa nhà, các trang thiết bị lắp đặt, công trình, môi trường không gian, và quy hoạch xây dựng, vv;

(b) Chuẩn bị bản vẽ, mặt bằng kết cấu, các chỉ định kỹ thuật công trình và các tài liệu cần thiết để xây dựng theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, cơ sở hạ tầng và giao thông (sau đây gọi là "tài liệu thiết kế");

(c) Giải thích và tư vấn về ý định của tài liệu thiết kế

Thuật ngữ "giám sát thi công xây dựng" là các hoạt động mà một kiến trúc sư có chứng chỉ thực hiện theo trách nhiệm của mình (kể cả trường hợp nhận trợ giúp của trợ lý) để xác nhận xem tòa nhà, tòa nhà hoặc công trình đã được xây dựng theo các chi tiết của tài liệu thiết kế, và để cung cấp hướng dẫn hoặc giám sát chất lượng, kiểm soát xây dựng, kiểm soát an toàn, vv theo Đạo luật Xây dựng;

5. Thuật ngữ "hành nghề kiến trúc" có nghĩa là kinh doanh bao gồm việc cung cấp các dịch vụ nêu tại Điều 19, để thu được hoặc được thưởng theo yêu cầu của người kia

Điều 4 (Thiết kế, giám sát thi công, vv)

(1) Ngoại trừ một kiến trúc sư có chứng chỉ đã nộp báo cáo theo Điều 23 (1) hoặc điều khoản của Điều 23 (8) hoặc một kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc về công ty kiến trúc theo khoản 2 của cùng Điều, không ai được thiết kế tòa nhà, vv theo quy định tại Điều 23 (1) của Đạo luật Xây dựng.

(2) Ngoại trừ một kiến trúc sư có chứng chỉ đã nộp báo cáo theo Điều 23 (1) hoặc Điều 23 (8) hoặc một kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc về công ty kiến trúc theo khoản 2 của cùng Điều đó thì không có người nào tiến hành giám sát xây dựng, liên quan đến tòa nhà, vv của một tòa nhà mà kiến trúc sư có chứng chỉ đã được chỉ định làm người giám sát nó theo quy định tại Điều 25 (1) của Đạo luật Xây dựng.

CHƯƠNG II ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC

Điều 7 (Đạt đủ điều kiện năng lực...)

(1) Bất kỳ người nào có ý định trở thành một kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ phải vượt qua kỳ thi sát hạch kiến trúc sư quy định tại Điều 14.

(2) Bất kỳ người nào dự định làm kiến trúc sư trợ giúp sẽ phải gửi báo cáo với Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải.

Điều 8 (điều kiện năng lực) (1) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải sẽ cấp giấy chứng nhận trình độ chuyên môn theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông cho bất kỳ người nào đã vượt qua kỳ thi sát hạch kiến trúc sư quy định tại Điều 14

Điều 8 (điều kiện năng lực)

Bộ trưởng Bộ đất đai, hạ tầng và giao thông sẽ công bố chứng chỉ năng lực theo qui định của Pháp lệnh Bộ đất đai, hạ tầng và giao thông cho bất kỳ ai đã đỗ kỳ thi sát hạch điều kiện năng lực kiến trúc sư qui định tại Điều 14.

Điều 9 (Căn cứ không đạt điều kiện năng lực)

Không ai trong số những người sau đây sẽ được phép có chứng chỉ kiến trúc sư:

1. Một người dưới quyền giám hộ của người lớn hoặc người dưới sự giám hộ có giới hạn;
2. Một người mà chưa đủ ba năm sau mãn hạn tù
3. Người đang bị tạm đình chỉ thi hành án do Toà án tuyên bố về tội phạm quy định tại khoản 2;
4. Một người bị chỉ đạo hủy bỏ văn bằng năng lực của kiến trúc sư

Điều 10 (Cấm cho mượn... Tên trong Giấy chứng nhận năng lực...)

Kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ không được phép cung cấp một bất kỳ dịch vụ nào liên quan tới quy định tại Điều 19 (sau đây gọi là "dịch vụ kiến trúc") bởi tên của mình, hoặc cho mượn / giấy chứng nhận trình độ năng lực của mình cho người khác.

Điều 11 (Thu hồi Giấy chứng nhận điều kiện năng lực)

(1) Trường hợp một kiến trúc sư có chứng chỉ phạm vào bất kỳ những điều sau đây, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải có trách nhiệm thu hồi giấy chứng chỉ kiến trúc sư,

1. Người đó bị phát hiện đã là mua chứng chỉ bằng cách gian lận hoặc các phương thức sai trái khác;

2. Người đó thuộc bất cứ phạm vi hủy bỏ điều kiện năng lực theo các điểm từ 1 đến 3 của Điều 9;

3. Trường hợp người đó cho phép người khác lấy tên mình, hoặc cho mượn giấy chứng nhận năng lực để cung cấp dịch vụ kiến trúc là vi phạm Điều 10;

4. Trong trường hợp người đó tiếp tục hành nghề kiến trúc sau khi đã có chỉ đạo hủy bỏ báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc theo quy định tại Điều 28

5. Trong trường hợp người đó đã bị xử lý ba lần cùng cách chỉ đạo đã được ban hành làm mất hiệu lực báo cáo của mình về việc thành lập một công ty kiến trúc quy định tại Điều 28, do lý do thuộc về người đó;

6. Trong trường hợp thiết kế hoặc giám sát thi công của người đó do chủ ý hoặc bất cẩn nghiêm trọng, vi phạm Điều 23 hoặc 25 của Đạo luật Xây dựng, đã dẫn đến việc xây dựng kém chất lượng gây thiệt hại nghiêm trọng (gọi là sự phá hoại) đối với các phần cấu trúc chính do Tổng thống quy định tại Nghị định đưa ra về việc làm chết người hoặc thương tích trong thời hạn bảo hành theo Điều 28 của Đạo luật khung ngành Xây dựng sau khi bắt đầu xây dựng.

(2) Bất kỳ người nào với chứng chỉ chuyên môn đã bị thu hồi theo khoản (1) sẽ thu hồi lại giấy chứng nhận trình độ chuyên môn của người đó tới Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày bị thu hồi như vậy

Điều 12 (Cấm Sử Dụng tiêu đề tương tự)

Không một ai, người không phải là kiến trúc sư có chứng chỉ, sẽ sử dụng tiêu đề "kiến trúc sư có chứng chỉ" hoặc bất kỳ tiêu đề tương tự nào khác.

CHƯƠNG III THI SÁT HẠCH NĂNG LỰC KIẾN TRÚC SƯ,...

Điều 13 (Đào tạo hành nghề)

(1) Nếu một người nộp đơn xin thi sát hạch năng lực kiến trúc sư thì phải thực tập ít nhất 3 năm theo Nghị định của Tổng thống tại công ty kiến trúc theo quy định của Nghị định của Tổng thống: với điều kiện người đó được Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông thừa nhận là có bằng cấp tương đương với kiến trúc sư có chứng chỉ theo Đạo luật này và có kinh nghiệm thực tiễn tối thiểu năm năm hoặc nhiều hơn liên quan đến xây dựng. Trong số những người có chứng chỉ kiến trúc sư hoặc năng lực nước ngoài, sẽ đủ điều kiện để nộp đơn thi chứng chỉ kiến trúc sư mà không tham gia đào tạo thực hành.

(2) Chỉ những người thuộc bất kỳ một trong các tiểu đoạn dưới đây mới được tham gia đào tạo hành nghề theo quy định tại khoản (1):

1. Người đã hoàn thành khóa học liên quan tại một trường đại học hoặc cao đẳng có ít nhất 5 năm học về kỹ thuật xây dựng (gọi tắt là trường đại học hoặc cao đẳng được thành lập như là một tổ chức phi lợi nhuận có sự cho phép của Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải theo Điều 32 của Luật Dân sự và đã thành lập một khóa học về kỹ thuật xây dựng được chứng thực bởi một tổ chức được Bộ trưởng Bộ Giáo dục thừa nhận theo Điều 11-2 của Đạo Luật Giáo dục Đại học) trong ít nhất tám học kỳ ;

2. Một người đã hoàn thành khóa học liên quan tại một trường đại học đã thành lập một khóa học về kỹ thuật xây dựng được chứng thực bởi một tổ chức được đề cập đến trong tiểu đoạn 1 trong ít nhất số học kỳ theo quy định của Nghị định của Tổng thống;

3. Bất kỳ người nào khác đã hoàn thành một khóa học phù hợp với quy định tại khoản 1 hoặc 2, là khóa học theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(3) Mỗi người dự kiến thực hiện đào tạo hành nghề thực tế theo khoản (1) phải nộp báo cáo với Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải.

(4) Các đối tượng, thủ tục, tiêu chuẩn đánh giá và các vấn đề khác cần thiết cho đào tạo thực tế sẽ được quy định trong Nghị định của Tổng thống.

Điều 14 (Thi sát hạch năng lực kiến trúc sư)

(1) Thi sát hạch năng lực kiến trúc sư sẽ được tiến hành để xác minh kiến thức và kỹ năng cần thiết để cung cấp dịch vụ kiến trúc.

(2) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ tổ chức thi sát hạch năng lực kiến trúc sư ít nhất mỗi năm một lần.

(3) Một người thuộc điều khoản quy định tại Điều 13 (1) có thể được miễn một phần trong các chủ đề của một cuộc thi sát hạch năng lực kiến trúc sư theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

Điều 15 (Thi sát hạch kiến trúc sư sơ bộ)

(1) Không ai, trừ những người sau đây, sẽ phải nộp đơn xin dự thi sát hạch kiến trúc sư sơ bộ:

1. Người đã tốt nghiệp hoặc dự kiến tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng bằng cách hoàn thành một quá trình học theo quy định liên quan đến xây dựng hoặc người được công nhận là có trình độ học vấn tương đương với trình độ đại học hoặc cao đẳng theo Đạo luật Giáo dục Đại học;

2. Một người có hai năm hoặc hơn kinh nghiệm hành nghề liên quan đến xây dựng, trong số những người tốt nghiệp đại học bằng cách hoàn thành một quá trình học theo quy định liên quan đến xây dựng hoặc những người được công nhận là có trình độ học vấn tương đương với bằng cấp cao đẳng như vậy theo Đạo luật Giáo dục Đại học;

3. Một người có bốn năm hay nhiều hơn kinh nghiệm hành nghề liên quan đến xây dựng, trong số những người tốt nghiệp trung học hoặc một trường kỹ thuật cao cấp ba năm bằng cách hoàn thành một quá trình học theo quy định liên quan đến xây dựng hoặc những người được công nhận là có ít nhất một trình độ học vấn tương đương với trường trung học cấp ba hoặc ba năm về kỹ thuật cao cấp theo Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học;

(2) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải sẽ cấp giấy chứng nhận thi sát hạch kiến trúc sư sơ bộ cho người đã qua kiểm tra kiến trúc sư sơ bộ theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải.

Điều 15-2 (Xử phạt đối với người dự thi gian dối)

Đối với thí sinh đã lừa dối về một cuộc thi sát hạch năng lực kiến trúc sư, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ đình chỉ hoặc huỷ bỏ kỳ thi, và đình chỉ văn bằng của người đó nộp đơn xin dự thi trong thời gian ba năm kể từ ngày kiểm tra.

Điều 16 (Các môn thi sát hạch, v.v ...)

Các môn và phương pháp thi sát hạch năng lực kiến trúc sư và các vấn đề cần thiết khác sẽ được quy định trong Nghị định của Tổng thống.

Điều 17 (Lệ phí)

Những người thuộc các đối tượng sau đây phải nộp lệ phí theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải cho Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải:

1. Nộp báo cáo về trợ lý kiến trúc sư theo Điều 7 (2);
2. Nộp báo cáo về đào tạo hành nghề theo Điều 13 (3);
3. Người dự định nộp đơn xin dự thi sát hạch năng lực kiến trúc sư theo Điều 14;
4. Người nộp hồ sơ đăng bạ điều kiện năng lực hoặc đăng bạ gia hạn theo Điều 18;
5. Nộp báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc theo Điều 23 (1);
6. Người trình báo cáo về việc hành nghề kiến trúc cùng với kiến trúc sư có chứng chỉ sáng lập của một công ty kiến trúc tại Hàn Quốc theo Điều 23 (3);
7. Nộp báo cáo theo điều khoản của Điều 23 (8).

CHƯƠNG III-2 THI SÁT HẠCH NĂNG LỰC KIẾN TRÚC SƯ

Điều 18 (Đăng bạ điều kiện năng lực hoặc đăng bạ gia hạn)

- (1) Nếu một người vượt qua kỳ thi sát hạch năng lực kiến trúc sư theo Điều 14 dự định cung cấp dịch vụ kiến trúc thì phải đăng bạ với Bộ trưởng Bộ Đất đai.
- (2) Một người nộp hồ sơ đăng bạ theo khoản (1) sẽ phải khai báo về đạo đức của kiến trúc sư có chứng chỉ theo quy định của Nghị định của Tổng thống.
- (3) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông cho một kiến trúc sư có chứng chỉ đã nộp đơn đăng ký theo khoản (1).
- (4) Không một kiến trúc sư có chứng chỉ nào đã nhận giấy chứng nhận đăng bạ theo khoản (3), lại cho người khác mượn.
- (5) Kiến trúc sư có chứng chỉ đã nộp đơn đăng bạ theo khoản (1) sẽ phải gia hạn đăng ký theo quy định của Nghị định của Tổng thống, trong phạm vi 3 năm trở lên.
- (6) Thủ tục, tài liệu yêu cầu và các vấn đề khác để đăng bạ chứng chỉ theo khoản (1) và đăng ký gia hạn theo khoản 5, sẽ được quy định bởi Nghị định của Tổng thống.

Điều 18-2 (Từ chối đăng bạ điều kiện năng lực hoặc đăng bạ gia hạn)

(1) Nếu người nộp hồ sơ đăng bạ điều kiện năng lực hoặc đăng bạ gia hạn theo Điều 18 thuộc bất kỳ trường hợp nào sau đây, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ từ chối đăng ký như sau:

1. Người đó thuộc bất kỳ điểm nào trong Điều 11 (1);
2. Chưa được hai năm trôi qua kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ đăng bạ theo Điều 18-3;
3. Trường hợp không được hành nghề thực tế theo quy định tại Điều 30-2;
4. Trong trường hợp người đó là kiến trúc sư có chứng chỉ đã bị đình chỉ hoạt động dịch vụ thì phải chịu kỷ luật theo quy định tại Điều 30-3 (2) 2 và thời hạn đình chỉ chưa kết thúc.

(2) Khi từ chối đăng bạ điều kiện năng lực hoặc đăng bạ gia hạn theo khoản (1), Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ thông báo cho người nộp đơn một cách nhanh chóng về việc từ chối và nêu rõ căn cứ của nó.

Điều 18-3 (Thu hồi Đăng bạ điều kiện năng lực)

(1) Nếu kiến trúc sư có chứng chỉ đã nộp hồ sơ đăng bạ điều kiện năng lực theo Điều 18 thuộc bất kỳ trường hợp nào sau đây, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ thu hồi đăng ký :

1. Người đó thuộc bất kỳ điểm nào trong Điều 11 (1);
2. Trường hợp người đó bị thu hồi đăng bạ điều kiện năng lực theo Điều 30-3 (2) 1;
3. Trường hợp đã nộp đơn yêu cầu huỷ bỏ đăng bạ điều kiện năng lực.

(3) Không có người nào, mà đã bị thu hồi đăng bạ điều kiện năng lực theo khoản (1) nộp đơn đăng bạ điều kiện năng lực theo Điều 18 khi chưa được hai năm kể từ ngày bị thu hồi.

CHƯƠNG IV DỊCH VỤ

Điều 19 (Dịch vụ)

(1) Kiến trúc sư có chứng chỉ phải cung cấp các dịch vụ liên quan đến việc thiết kế và giám sát thi công xây dựng.

(2) Trừ các dịch vụ nêu ở khoản (1), kiến trúc sư có chứng chỉ có thể cung cấp các dịch vụ sau:

1. Các vấn đề liên quan đến công tác điều tra, đánh giá công trình;
2. Các vấn đề liên quan đến việc điều tra, kiểm tra và xác nhận các công trình tại hiện trường theo Điều 27 của Đạo luật Xây dựng;

3. Những vấn đề liên quan đến việc duy trì và quản lý các tòa nhà theo Điều 35 của Luật Xây dựng và quản lý kinh doanh xây dựng được quy định tại điểm 8 Điều 2 của Luật Khung về Công nghiệp Xây dựng;

4. Các vấn đề liên quan đến giám sát các tòa nhà trong khu xây dựng đặc biệt và việc chuẩn bị một báo cáo theo Điều 75 của Đạo luật Xây dựng;

5. Các vấn đề được định nghĩa là các dịch vụ của kiến trúc sư có chứng chỉ theo Đạo luật này hoặc Đạo luật về Xây dựng và bởi bất kỳ lệnh nào được ban hành hoặc theo bất kỳ tiêu chí nào được thiết lập,... theo Đạo luật này hoặc Đạo luật về Xây dựng;

6. Các vấn đề khác được xác định là dịch vụ của kiến trúc sư có chứng chỉ theo các quy chế khác.

Điều 19-2 (Quản lý thực hiện dịch vụ)

(1) Mỗi kiến trúc sư có chứng chỉ có thể trình Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải báo cáo thực hiện các dịch vụ mà mình đã cung cấp cùng với các xác minh của khách hàng và đánh giá hiệu suất của thiết kế hoặc giám sát xây dựng.

(2) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở Hạ tầng và Giao thông vận tải sẽ duy trì và quản lý hồ sơ về việc thực hiện các dịch vụ, ... của kiến trúc sư được cấp chứng chỉ và cung cấp hồ sơ đó (bao gồm cả việc cấp giấy chứng nhận) cho những người cần có chúng.

(3) Các vấn đề cần thiết cho việc trình, quản lý, cung cấp báo cáo thực hiện các dịch vụ theo khoản 1 và 2 được quy định trong Pháp lệnh của Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông, ngày 23 tháng 3 năm 2013>

Điều 19-3 (Phạm vi của Dịch vụ Kiến trúc và Tiêu chuẩn về Các khoản phí liên quan đến Các Dự án Công cộng)

Các cơ sở thuộc bất kỳ mục đích nào dưới đây sẽ cố gắng trả phí hợp lý cho các dịch vụ của kiến trúc sư có chứng chỉ nhằm mục đích bồi dưỡng cho các kiến trúc sư có chứng chỉ và đảm bảo chất lượng thiết kế và giám sát thi công:

1. Nhà nước;

2. Chính quyền địa phương;

3. Cơ quan công quyền theo Luật Quản lý Nhà nước;

4. Các cơ quan, tổ chức khác theo quy định của Nghị định của Tổng thống.

(2) Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải sẽ xác định và công bố rộng rãi phạm vi dịch vụ và tiêu chuẩn của kiến trúc sư có chứng chỉ theo khoản 1,

có tham khảo ý kiến của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Tài chính và Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng .

Điều 20 (Thiện ý tốt trong việc cung cấp dịch vụ, vv)

(1) Mỗi kiến trúc sư có chứng chỉ phải tuân theo Đạo luật này, Đạo luật về Xây dựng và các đạo luật có liên quan và cung cấp dịch vụ với thiện ý để không gây ra bất kỳ cản trở đến sự an toàn, chức năng và vẻ đẹp của một tòa nhà.

(2) Trong trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã gây thiệt hại hoặc thiệt hại về tài chính, theo chủ ý hoặc do sơ suất cho khách hàng của mình trong quá trình cung cấp dịch vụ thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đó.

(3) Kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ thực hiện hợp đồng bảo hiểm hoặc trợ giúp lẫn nhau về bồi thường thiệt hại. Trong những trường hợp như vậy, một người thuộc bất kỳ khoản nào của Điều 19-3 (1) sẽ bao gồm các chi phí phát sinh cho bảo hiểm hoặc hỗ trợ lẫn nhau trong chi phí dịch vụ.

(4) Những vấn đề cần thiết cho giai đoạn, loại, mức độ bao phủ và phương tiện bảo hiểm hoặc trợ giúp tương trợ theo khoản (3) sẽ được quy định trong Nghị định của Tổng thống.

(5) Để hỗ trợ các dịch vụ của một kiến trúc sư có chứng chỉ, trợ lý kiến trúc sư sẽ cung cấp các dịch vụ với thiện chí theo cách phù hợp với Đạo luật này hoặc Đạo luật về Xây dựng.

(6) Không kiến trúc sư nào có chứng chỉ sẽ tiết lộ cho người khác bất kỳ thông tin bí mật nào đã học được trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc sử dụng thông tin bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác.

(7) Không một kiến trúc sư có chứng chỉ nào sẽ có hành vi làm giảm phẩm giá của mình khi cung cấp dịch vụ kiến trúc.

Điều 21 (Chữ ký và Dấu trên Tài liệu thiết kế, v.v ..)

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ kiến trúc, kiến trúc sư có chứng chỉ phải ký và đóng dấu tài liệu thiết kế, báo cáo giám sát thi công và các văn bản khác do các kiến trúc sư có thẩm quyền quy định khác (sau đây gọi tắt là " tài liệu thiết kế, vv "). Tương tự sẽ áp dụng cho các thay đổi một phần trong các tài liệu thiết kế, v.v.

Điều 22-2 (tiếp tục các dịch vụ kiến trúc sau khi bị huỷ bỏ chứng chỉ, vv)

(1) Một kiến trúc sư có chứng chỉ đã được áp dụng bất kỳ sự chỉ đạo hoặc lệnh sau đây, có thể tiếp tục cung cấp các dịch vụ theo hợp đồng đã ký trước khi có lệnh. Trong những trường hợp như vậy, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông sẽ thông báo cho khách hàng liên quan về các chi tiết về sự chỉ đạo và lệnh như sau:

1. Thu hồi chứng chỉ theo Điều 11;

2. Thu hồi giấy đăng bạ điều kiện năng lực theo Điều 18-3;
 3. Sự mất hiệu lực của một báo cáo, hoặc đình chỉ việc cung cấp dịch vụ của thành lập công ty kiến trúc theo Điều 28;
 4. Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ theo Điều 30-3 (2) 2.
- (2) Kiến trúc sư có chứng chỉ quy định tại khoản (1) sẽ được coi là kiến trúc sư có chứng chỉ theo Đạo luật này, cho đến khi người đó hoàn thành các dịch vụ đó.

CHƯƠNG V CÔNG TY KIẾN TRÚC

Điều 23 (Báo cáo thành lập công ty kiến trúc, ...)

(1) Khi kiến trúc sư có chứng chỉ đã nộp hồ sơ đăng bạ điều kiện năng lực theo Điều 18 dự định hành nghề kiến trúc thì phải nộp báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc cho Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải theo Nghị định của Tổng thống (sau đây gọi là "Báo cáo về việc thành lập Công ty kiến trúc").

(2) Mỗi công ty kiến trúc có thể sử dụng các kiến trúc sư có chứng chỉ, trợ lý kiến trúc sư và người tập sự của mình (về những người tham gia đào tạo thực tế theo Điều 13, sau đây sẽ áp dụng chung) những người hỗ trợ dịch vụ do một kiến trúc sư có chứng chỉ cung cấp (sau đây gọi là "kiến trúc sư có chứng chỉ sáng lập của một công ty kiến trúc), người đã đệ trình một báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc. Trong những trường hợp đó, kiến trúc sư có chứng chỉ của chính công ty là những người đã nộp đơn đăng ký chứng nhận theo Điều 18 và không có kiến trúc sư có chứng chỉ của một công ty kiến trúc cho phép một người không phải là kiến trúc sư có chứng chỉ của mình trợ giúp một dịch vụ kiến trúc.

(3) Người có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư người nước ngoài chỉ được hành nghề kiến trúc, chỉ khi người đó được chỉ định cung cấp, cùng với kiến trúc sư có chứng chỉ sáng lập của công ty kiến trúc, các dịch vụ như thiết kế hoặc giám sát thi công xây dựng, theo quy định của Nghị định của Tổng thống. Trong trường hợp đó, người có giấy phép hoặc chứng chỉ kiến trúc sư người nước ngoài phải nộp báo cáo cho Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải.

(4) Đối với tiêu đề của một công ty kiến trúc, thuật ngữ "công ty kiến trúc" sẽ được sử dụng.

(5) Kiến trúc sư có chứng chỉ sáng lập của một công ty kiến trúc sẽ chỉ thành lập một công ty, và bất kỳ kiến trúc sư có chứng chỉ, trợ lý kiến trúc sư và người thực tập chỉ có thể làm ở một công ty kiến trúc.

(6) Thủ tục nộp báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc và các vấn đề cần thiết khác sẽ được quy định trong Nghị định của Tổng thống

(8) Bất kỳ kiến trúc sư có chứng chỉ nào có ý định cung cấp bất kỳ dịch vụ nào sau đây, có thể thực hiện nó mà không cần phải nộp báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc hoặc không thuộc một công ty kiến trúc đã đệ trình báo cáo đó: Theo quy định tại tiểu đoạn 2 hoặc 4 thì những vấn đề liên quan đến dịch vụ đó phải báo cáo trước cho Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải:

1. Quản lý dự án xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 39 (2) của Đạo luật Xúc tiến công nghệ xây dựng của một kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc một đơn vị kinh doanh dịch vụ xây dựng theo Điều 26 của Luật;
2. Giám sát thiết kế, xây dựng các tòa nhà đặc biệt hoặc các công trình đặc biệt theo quy định của Pháp lệnh Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông do kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc về một đơn vị kinh doanh kỹ thuật được báo cáo theo Điều 21 (1);
3. Giám sát thiết kế hoặc xây dựng được cung cấp bởi một kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc bộ phận kiến trúc thuộc một cơ quan được quy định bởi Nghị định của Tổng thống, chẳng hạn như Nhà nước, chính quyền địa phương hoặc cơ quan công cộng theo Đạo luật Quản lý Các thể chế công, hoặc một doanh nghiệp công cộng địa phương theo Đạo luật Các Doanh nghiệp Công địa địa phương, đối với một dự án xây dựng do cơ quan hoặc doanh nghiệp liên quan thực hiện;
4. Thiết kế được cung cấp bởi một kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc về nhà thầu xây dựng quy định tại khoản 7 Điều 2 của Luật Khung về Công nghiệp Xây dựng, để xây dựng công trình của công ty hoặc của công ty thành viên của công ty đó (gọi tắt là công ty thành viên quy định tại khoản 3 Điều 2 về Độc quyền là một tòa nhà theo quy định của Pháp lệnh của Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông

(9) Việc giám sát xây dựng các tòa nhà theo mục (8) 4 sẽ không được cung cấp bởi một kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc chính nhà thầu đó.

Điều 24 (Hạn chế về Báo cáo)

Không ai thuộc bất kỳ một trong các tiểu đoạn dưới đây được nộp báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc và báo cáo theo điều khoản của Điều 23 (8):

1. Một người thuộc bất kỳ điều khoản nào của Điều 18-2 (1);
2. Người bị áp dụng biện pháp thực hiện chỉ đạo hủy báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc theo quy định tại Điều 28 (1),
3. Một người đã bị áp dụng lệnh đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ theo Điều 28 (1) và người đó vẫn chưa hết thời hạn đình chỉ hoạt động;

4. Một người bị kết án phạt tiền vì đã vi phạm Đạo luật này hoặc Đạo luật về Xây dựng và người đó không vượt qua được một năm kể từ ngày bị phạt;
5. Người có ý định mở hai hoặc nhiều công ty kiến trúc;
6. Người bị tuyên bố phá sản và chưa được phục hồi.

Điều 27 (Báo cáo về việc thay đổi các vấn đề trong báo cáo thành lập công ty kiến trúc, hoặc Báo cáo về Tạm ngừng hoặc Đóng cửa, vv)

Khi kiến trúc sư có chứng chỉ sáng lập của một công ty kiến trúc có ý định thay đổi tên của họ, vị trí của công ty kiến trúc, hoặc các vấn đề khác theo quy định của Nghị định của Tổng thống trong báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc, hoặc khi tạm đình chỉ hoặc đóng cửa công việc kinh doanh thì phải nộp báo cáo về thực tế đó

Điều 28 (Chỉ đạo làm mất hiệu lực Báo cáo về Thành lập Công ty Kiến trúc, ...)

(1) Trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ sáng lập của công ty kiến trúc hoặc kiến trúc sư có chứng chỉ của họ nằm trong các trường hợp sau đây: Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể ban hành một quyết định làm mất hiệu lực một báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc hoặc ra lệnh đình chỉ việc cung cấp các dịch vụ đó trong một khoảng thời gian nhất định không quá một năm: với điều kiện trong trường hợp tiểu đoạn 1, 2, 4 hoặc 5, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải sẽ phát hành một bản cáo trạng làm mất hiệu lực một báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc:

1. Khi chứng minh được rằng báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc đã được đệ trình bởi gian lận hoặc các phương tiện sai trái khác;
2. Trường hợp việc đăng bạ điều kiện năng lực của kiến trúc sư có chứng chỉ sáng lập của công ty kiến trúc bị thu hồi theo Điều 18-3;
3. Trường hợp kiến trúc sư kiến trúc sư có chứng chỉ kiến trúc, vi phạm phạm vi dịch vụ quy định tại Điều 19;

4. Trường hợp thiết kế hoặc giám sát thi công cung cấp đã vi phạm các quy định về tính ổn định về cấu trúc của tòa nhà, dẫn đến tử vong hoặc thương tật của một người;

5. Trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã được trao một lệnh ít nhất hai lần một năm tạm đình chỉ cung cấp dịch vụ và thời gian đình chỉ đó vượt quá một năm;

6. Trong trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã thành lập hai hoặc nhiều công ty kiến trúc, vi phạm Điều 23 (5);

7. Trong trường hợp bất kỳ kiến trúc sư có chứng chỉ nào đã đệ trình một báo cáo, có gian lận, về việc thay đổi các vấn đề trong báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc, vv theo Điều 27;

8. Trong trường hợp bất kỳ kiến trúc sư có chứng chỉ nào không chịu nộp báo cáo hoặc nộp báo cáo bằng gian lận, hoặc từ chối, cản trở hoặc tránh kiểm tra, theo Điều 30 (1).

(2) Khi phát hành một văn bản làm mất hiệu lực một báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc hoặc ra một lệnh đình chỉ việc cung cấp dịch vụ theo khoản 1, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể, nếu như vậy do lỗi của bất kỳ trợ lý kiến trúc sư hoặc người học việc thuộc công ty kiến trúc, yêu cầu đình chỉ các dịch vụ do kiến trúc sư trợ giúp hoặc người tập sự cung cấp trong một khoảng thời gian nhất định không quá một năm.

(3) Quy định tiêu chí, thủ tục và các vấn đề cần thiết khác để phát hành một văn bản làm mất hiệu lực một báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc theo khoản 1 hoặc để ra lệnh đình chỉ việc cung cấp dịch vụ theo khoản 2 theo Nghị định của Tổng thống.

Điều 28-2 (Các phiên điều trần)

Khi Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải dự định phát hành bất kỳ một trong các chỉ đạo sau đây, người đó sẽ tổ chức một phiên điều trần:

1. Xử lý thu hồi văn bằng của kiến trúc sư theo Điều 11;

2. Cho ý kiến hủy bỏ đăng ký điều kiện năng lực theo Điều 18-3; 3. Chỉ đạo làm mất hiệu lực một báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc theo Điều 28.

Điều 29 (Điều chỉnh Đăng bạ Báo cáo thành lập Công ty kiến trúc)

Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải sẽ điều chỉnh các vấn đề trong báo cáo về công ty kiến trúc liên quan đến việc đăng ký báo cáo về việc thành lập của một công ty kiến trúc, khi xuất hiện các trường hợp sau:

1. Trường hợp đã có lệnh để làm mất hiệu lực bản báo cáo về việc thành lập công ty kiến trúc theo Điều 28;
2. Trường hợp có báo cáo liên quan đến sự thay đổi, vv theo Điều 27;
3. Trong trường hợp có bất kỳ địa điểm khác theo quy định của Nghị định của Tổng Thống.

Điều 30 (Báo cáo, Thanh tra, v.v ...)

(1) Khi được coi là cần thiết cho việc thi hành Đạo luật này, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông có thể yêu cầu kiến trúc sư có chứng chỉ của một công ty kiến trúc nộp một báo cáo về các vấn đề cần thiết hoặc có các viên chức thuộc Bộ đến kiểm tra sổ sách, tài liệu và các thứ khác của công ty.

(2) Mỗi quan chức chính phủ thực hiện việc kiểm tra theo khoản (1) sẽ phải mang theo giấy chứng nhận đại diện cho thẩm quyền đó và xuất trình cho người có liên quan khi được yêu cầu

Điều 30-2 (Giáo dục hành nghề cho Kiến trúc sư có Chứng chỉ)

Mỗi kiến trúc sư có chứng chỉ trước khi nộp đơn đăng ký gia hạn theo Điều 18 (5) phải thực hiện giáo dục hành nghề do Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải tổ chức theo quy định theo Nghị định của Tổng thống.

(2) Khi một trong các kiến trúc sư có chứng chỉ sau đây có ý định nộp hồ sơ đăng ký đủ điều kiện theo Điều 18, người đó sẽ thực hiện khóa đào tạo hành nghề do Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải thực hiện theo quy định của Nghị định của Tổng thống:

1. Kiến trúc sư có chứng chỉ mà bị vô hiệu hóa vì không nộp đơn đăng ký gia hạn theo Điều 18 (5);

2. Một kiến trúc sư có chứng chỉ sau ba năm kể từ khi đăng ký chứng chỉ bị thu hồi theo Điều 18-3;
3. Một người không nộp đơn đăng ký trong vòng ba năm sau khi nhận được văn bằng kiến trúc sư theo Điều 18 (1).

Điều 30-3 (Biện pháp kỷ luật)

(1) Trong trường hợp bất kỳ kiến trúc sư có chứng chỉ nào thuộc bất kỳ điều nào sau đây, Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải có thể kỷ luật theo khoản (2) đối với kiến trúc sư có chứng chỉ theo một nghị quyết của Ủy ban Kỷ luật Kiến trúc sư được công nhận theo Điều 30-4: Với điều kiện trong trường hợp thuộc khoản 1 hoặc khoản 9, người đó sẽ bị thu hồi đăng bạ đủ điều kiện năng lực theo khoản (2) 1:

1. Trong trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ nộp hồ sơ đăng ký đủ điều kiện hoặc đăng ký gia hạn theo Điều 18 bằng cách gian lận hoặc các phương tiện sai trái;
2. Trong trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã vi phạm các qui tắc đạo đức của kiến trúc sư có chứng chỉ nêu tại Điều 18 (2);
3. Trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã cung cấp dịch vụ, vượt quá phạm vi dịch vụ quy định tại Điều 19;
4. Trong trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã trình, một cách gian lận, thực hiện các dịch vụ, vv được quy định tại Điều 19-2 (1);
5. Trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ không cung cấp dịch vụ kiến trúc có thiện chí, vi phạm Điều 20 (1);
6. Trong trường hợp một kiến trúc sư có chứng chỉ đã tiết lộ cho người khác bất kỳ thông tin mật nào đã biết được trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc đã sử dụng những thông tin mật đó cho bất kỳ mục đích nào khác, vi phạm Điều 20 (6);
7. Trong trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã thực hiện hành vi làm ảnh hưởng đến phẩm giá khi cung cấp dịch vụ kiến trúc, vi phạm Điều 20-7;
8. Trường hợp kiến trúc sư có chứng chỉ đã thành lập hoặc thuộc về hai hoặc nhiều công ty kiến trúc, vi phạm Điều 23 (5);

9. Trong trường hợp một kiến trúc sư có chứng chỉ tiếp tục cung cấp dịch vụ kiến trúc kể cả sau khi đã bị đình chỉ hoạt động kỹ luật theo khoản (2) 2.

(2) Các hình thức kỹ luật đối với kiến trúc sư có chứng chỉ như sau:

1. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đăng lục;
2. Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ kiến trúc trong thời gian không quá hai năm;
3. Cảnh cáo.

(3) Thị trường thành phố cấp đặc biệt, Thị trường thành phố đô thị, Thống đốc hoặc Thống đốc tỉnh tự quản (sau đây gọi là "Thị trường") hoặc hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ được thành lập theo Điều 31 (sau đây gọi là "hiệp hội của các kiến trúc sư có chứng chỉ"), nếu bất kỳ kiến trúc sư có chứng chỉ nào được coi là thuộc diện phải bị kỹ luật theo khoản (1) nào, sẽ đề nghị Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải thực hiện biện pháp kỹ luật với kiến trúc sư có chứng chỉ có liên quan, cùng với tài liệu chứng cứ.

Điều 30-4 (Hội đồng kỹ luật kiến trúc sư có chứng chỉ)

(1) Ủy ban Kỹ luật Kiến trúc sư có chứng chỉ (sau đây gọi là "Ủy ban kỹ luật") được thành lập tại Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải.

(2) Ủy ban kỹ luật gồm chín thành viên bao gồm một Chủ tịch.

(3) Chủ tịch Ủy ban Kỹ luật được Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải bổ nhiệm từ các quan chức trong ngành dịch vụ tổng hợp thuộc cơ quan cao cấp của Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông và các thành viên khác hoặc do Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải yêu cầu từ các quan chức nhà nước hoặc các kiến trúc sư có chứng chỉ thuộc Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải hoặc Trợ lý giáo sư hoặc cao hơn dạy các khóa học liên quan đến xây dựng tại trường đại học hoặc cao đẳng được quy định tại Điều 2 của Đạo luật Giáo dục Đại học.

(4) Các vấn đề cần thiết cho tổ chức, hoạt động, vv của Ủy ban Kỹ luật ngoài các vấn đề quy định từ khoản (1) đến (3) sẽ được quy định trong Nghị định của Tổng thống.

Điều 31 (Hiệp hội Kiến trúc sư có Chứng chỉ)

(1) Các kiến trúc sư có chứng chỉ có thể thành lập một hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ nhằm mục đích theo đuổi việc cải tiến chất lượng của các tòa nhà và phát triển văn hoá xây dựng bằng cách duy trì phẩm giá của các kiến trúc sư có chứng chỉ, cải thiện việc cung cấp dịch vụ kiến trúc và tiến hành nghiên cứu và phát triển công nghệ xây dựng.

(2) Hiệp hội kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ là một công ty.

(3) Hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ được thành lập với việc đăng ký thành lập tại địa điểm đặt trụ sở chính.

Điều 31-2 (Doanh nghiệp)

Hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ được phép kinh doanh sau đây để đạt được các mục tiêu đề cập tại Điều 31:

1. Nghiên cứu về các tòa nhà;
2. Hướng dẫn nâng cao chất lượng công trình xây dựng;
3. Cải tiến và phát triển dịch vụ kiến trúc;
4. Duy trì phẩm giá thành viên và xây dựng đạo đức kinh doanh;
5. Đào tạo nâng cao chất lượng của kiến trúc sư có chứng chỉ và trợ lý kiến trúc sư;
6. Tăng cường phúc lợi cho các thành viên và hoạt động của hệ thống hưu trí;
7. Các hoạt động kinh doanh khác cần thiết để đạt được các mục tiêu thành lập hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ.

Điều 32 (Các văn phòng chính và chi nhánh)

Hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ có thể thành lập văn phòng chính và, tại những nơi cần thiết, các văn phòng chi nhánh, phù hợp với các điều khoản của việc thành lập công ty.

Điều 35 (Các điều khoản về Phê duyệt)

(1) Các vấn đề và các loại hình kinh doanh phải có trong các điều khoản của việc thành lập hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ được quy định trong Nghị định của Tổng thống.

(2) Khi hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ có ý định thay đổi các điều khoản của công ty thành lập thì phải được Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông ủy quyền.

Điều 36 (Áp dụng các điều khoản của Đạo luật Dân sự) Trừ trường hợp có quy định khác trong Đạo luật này, các quy định của Đạo luật Dân sự, liên quan đến hiệp hội được hiệp hội sẽ áp dụng cho hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ.

Điều 38 (Ủy quyền và thông báo thành lập công khai)

(1) Hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ bao gồm từ 1/10 trở lên tổng số kiến trúc sư có chứng chỉ đã nộp đơn đăng ký chứng nhận theo Điều 18, triệu tập một cuộc họp khai mạc được ít nhất 10 kiến trúc sư có chứng chỉ và tham dự bởi ít nhất một nửa tổng số kiến trúc sư có chứng chỉ trở thành thành viên, đưa ra các điều khoản của sự thành lập với sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số người tham gia trong cuộc họp khai mạc, và được phép của Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Vận chuyển.

(2) Nếu Bộ trưởng Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông vận tải cho phép thành lập Hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ theo Khoản 1, Người đó sẽ thông báo công khai không chậm trễ.

(3) Sau khi hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ đã được thành lập, công việc của hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ sẽ được thực hiện bởi các nhà tổ chức cho đến khi các quan chức được chỉ định.

Điều 38-2 (giám sát)

Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông vận tải có thể khi cần thiết để giám sát, yêu cầu sự liên kết của các kiến trúc sư có chứng chỉ để nộp báo cáo về các vấn đề liên quan đến công việc của hiệp hội các kiến trúc sư có chứng chỉ

**Luật của Ukraine về Hoạt động Kiến trúc ngày 20 tháng 5 năm 1999
Số 687-XIV**

Luật của Ukraine về hoạt động kiến trúc

Mục I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ cơ bản

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được sử dụng theo nghĩa sau:

Hoạt động kiến trúc - hoạt động tạo ra các đối tượng kiến trúc, bao gồm quá trình sáng tạo để tìm ra giải pháp kiến trúc và thực hiện, phối hợp hành động của người tham gia trong việc phát triển tất cả các thành phần của quy hoạch, xây dựng và cải tiến lãnh thổ, xây dựng các tòa nhà và kết cấu, thực hiện kiểm soát kiến trúc và xây dựng giám sát việc xây dựng của họ, cũng như thực hiện công việc nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực này; {Đoạn hai phần đầu của Điều 1 được sửa đổi bởi Luật số 58-V ngày 01.08.2006}

Vật kiến trúc - công trình **kiến trúc** - công trình xây dựng công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp và các mục đích khác, khu phức hợp, đối tượng cảnh quan, kiến trúc cảnh quan sân vườn, kiến trúc cảnh quan, nghệ thuật trang trí hoành tráng, lãnh thổ các đơn vị hành chính lãnh thổ, ; {Đoạn ba phần một của Điều 1 trong từ ngữ của Luật số 58-V ngày 01.08.2006}

Đối tượng hoạt động kiến trúc - kiến trúc sư, người khác tham gia chuẩn bị và phát triển tài liệu quy hoạch thành phố, tài liệu dự án xây dựng, xây dựng lại, phục hồi, cải tạo lại công trình kiến trúc, cảnh quan, làm vườn và các vật thể, nghiên cứu khoa học và công tác giảng dạy, khách hàng của dự án và xây dựng các đối tượng kiến trúc, nhà thầu thi công công trình, nhà sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm và kết cấu, chủ sở hữu và người sử dụng đồ vật kiến trúc, cũng như các cơ quan chức năng, thực hiện quyền hạn của mình trong lĩnh vực phát triển đô thị;

Giải pháp kiến trúc - ý tưởng của tác giả về không gian, quy hoạch, chức năng tổ chức, xuất hiện và nội thất của đối tượng kiến trúc, cũng như kỹ thuật và hỗ trợ khác để thực hiện nó, được đặt ra trong phần kiến trúc của dự án ở tất cả các giai đoạn của thiết kế và được cố định dưới bất kỳ hình thức nào; {Đoạn 5 trong phần 1 của Điều 1 trong các từ ngữ của Luật số 58-V ngày 1 tháng 8 năm 2006}

Dự án - tài liệu cho việc xây dựng các vật kiến trúc bao gồm các bản vẽ, vật liệu đồ họa và văn bản, kỹ thuật và các phép tính ước tính xác định quy hoạch thành phố, quy hoạch theo thể tích, các quyết định kiến trúc, xây dựng, kỹ thuật và công nghệ, các chỉ số chi phí của một đối tượng cụ thể kiến trúc, và đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn nhà nước, quy chuẩn xây dựng và quy tắc; {Đoạn 6 phần 1 của Điều 1 trong văn bản của Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006}

{Đoạn 7 của Điều 1 bị loại trừ theo Luật số 3038-VI ngày 17 tháng 2 năm 2011}

Công việc thiết kế - một tài liệu có chứa các yêu cầu của khách hàng, dựa trên pháp luật, các quy hoạch, kiến trúc, kỹ thuật và quyết định công nghệ và tài sản của đối tượng kiến trúc, các thông số chính, chi phí và tổ chức xây dựng, được soạn thảo phù hợp với điều kiện quy hoạch đô thị và khó khăn đất, điều kiện kỹ thuật; {Đoạn 8 phần 1 của Điều 1 được sửa đổi theo Luật N 58-V ngày 1/8/2006, N 509-VI ngày 16 tháng 9 năm 2008}

Phê duyệt dự án - thủ tục xác định sự phù hợp của quyết định thiết kế với dữ liệu nguồn để thiết kế; {Một phần của Điều 1 được bổ sung khoản 9, theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006}

Kiểm tra chuyên gia - công việc của các chuyên gia có chứng chỉ trình độ phù hợp và thay mặt khách hàng nộp các báo cáo về sự tuân thủ các quyết định thiết kế với yêu cầu của pháp luật, tiêu chuẩn, quy tắc xây dựng và các quy tắc và chịu trách nhiệm về độ tin cậy của các báo cáo được cung cấp; {Phần 1 của Điều 1 được bổ sung bởi khoản 10 theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006; được sửa đổi theo Luật số 4220-VI ngày 22.12.2011}

Khách hàng - một người tự nhiên hoặc hợp pháp sở hữu hoặc sử dụng thửa đất đã nộp đơn theo thủ tục do luật pháp quy định liên quan đến việc xây dựng hoặc sửa đổi đối tượng phát triển đô thị; {Một phần của Điều 1 được bổ sung bởi khoản 11 theo Luật số 58-V ngày 1/8/2006; trong từ ngữ của Luật số 509-VI ngày 16 tháng 9 năm 2008}

Các hoạt động kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng - kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật, bao gồm thực hiện các nghiên cứu khả thi sơ bộ và nghiên cứu, thẩm định dự án, phát triển các chương trình tài chính cho xây dựng, tổ chức sản xuất tài liệu dự án, tổ chức các cuộc thi và đấu thầu, hợp đồng, phối hợp các hoạt động của tất cả người tham gia trong việc xây dựng, cũng như việc thực hiện giám sát kỹ thuật của việc xây dựng các đối tượng của kiến trúc và kinh tế, tư vấn tài chính hoặc hình thức khác; {Một phần của Điều 1 được bổ sung bằng đoạn 12 theo Luật số 58-V ngày 1/8/2006}

Kiến trúc sư có giấy chứng nhận năng lực - một chuyên gia, theo kết quả chứng nhận, đã nhận được giấy chứng nhận đó cho phép anh ta có quyền tiến hành các hoạt động cá nhân trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc và chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình; {Một phần của Điều 1 được bổ sung bởi khoản 13 theo Luật số 58-V ngày 01.08.2006}

Giám sát kỹ thuật - thực hiện bởi khách hàng kiểm soát việc tuân thủ các quyết định thiết kế và yêu cầu của tiêu chuẩn nhà nước, quy chuẩn, quy tắc xây dựng cũng như kiểm soát chất lượng công việc đã thực hiện và khối lượng của chúng trong quá trình xây dựng hoặc sửa đổi đối tượng phát triển đô thị; {Một phần của Điều 1 được bổ sung bởi khoản mười bốn theo Luật số 58-V ngày 1/8/2006}

Các tổ chức tự quản trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc - các hiệp hội tự nguyện phi lợi nhuận của các cá nhân và các pháp nhân theo hướng thích hợp của hoạt động kinh doanh hoặc chuyên môn, theo thủ tục đã được thành lập, đã có được tình trạng tương ứng.

Điều 1 được bổ sung khoản 15 theo Luật số 3038-VI ngày 17 tháng 2 năm 2011

Điều 2. Nhà nước hỗ trợ hoạt động kiến trúc

Nhà nước tạo điều kiện cho việc thực hiện các hoạt động kiến trúc bằng cách:
hỗ trợ nghiên cứu khoa học, khuyến khích đào tạo và phát triển nghề nghiệp của nhân viên trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc và xây dựng đô thị;
thu hút đầu tư trong việc thiết kế, xây dựng các công trình kiến trúc;
tổ chức các cuộc thi kiến trúc quy hoạch đô thị và kiến trúc để tạo ra các công trình mới, xây dựng lại và phục dựng các công trình kiến trúc có tầm quan trọng quốc gia; {Đoạn bốn phần một của Điều 2 được sửa đổi bởi Luật số 58-V ngày 01.08.2006}
bảo vệ quyền tác giả và tự do sáng tạo của kiến trúc sư;
tạo điều kiện tổ chức, pháp lý, kinh tế thuận lợi cho hoạt động của hội kiến tạo sư;
sự khuyến khích của kiến trúc sư và các chủ thể hoạt động kiến trúc khác vì những thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc đô thị;
đảm bảo sự tham gia của Ukraine vào các tổ chức quốc tế và các hoạt động về kiến trúc, quy hoạch đô thị và bảo vệ các di tích kiến trúc; {Một phần của Điều 2 được bổ sung một khoản theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006}
đảm bảo sự thích ứng của khung pháp lý và các chương trình giáo dục chuyên nghiệp với các yêu cầu quốc tế, giới thiệu kiến thức khoa học cơ bản, công nghệ thiết kế và xây dựng mới trong lĩnh vực phát triển đô thị; {Một phần của Điều 2 được bổ sung một khoản theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006}
quảng bá các tổ chức chuyên nghiệp tự quản của kiến trúc sư và kỹ sư; {Một phần của Điều 2 được bổ sung một khoản theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006}
an ninh xây dựng, độ bền của các tòa nhà và công trình, khuyến khích các biện pháp tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường tự nhiên, cũng như cung cấp những mặt kinh tế và các khía cạnh khác quan trọng để đáp ứng lợi ích của xã hội; {Một phần của Điều 2 được bổ sung một khoản theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006}
thực hiện các biện pháp khác nhằm phát triển kiến trúc quốc gia.

Điều 3. Pháp luật về hoạt động kiến trúc

Luật về hoạt động kiến trúc bao gồm Hiến pháp Ukraine, Luật của Ucraina về Quy chế phát triển đô thị, về Trách nhiệm vì tội phạm trong lĩnh vực phát triển đô thị, Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

{Điều 3 sửa đổi theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006; với các sửa đổi được đưa ra theo Luật N 3038-VI ngày 17 tháng 2 năm 2011, số 4220-VI ngày 12.22.2011}

MỤC II TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KIẾN TRÚC

Điều 4. Tổ hợp các công trình liên quan đến việc tạo ra một đối tượng kiến trúc

Để tạo ra một đối tượng kiến trúc, một tập hợp các tác phẩm được thực hiện, bao gồm:

chuẩn bị các điều kiện quy hoạch thành phố và hạn chế phát triển lô đất trong các trường hợp và theo thủ tục quy định của pháp luật; {Đoạn 2 của Điều 4 trong các từ ngữ của Luật số 3038-VI ngày 17 tháng 2 năm 2011}

thực hiện các công trình trước khi dự án, các biện pháp bảo vệ mới phát hiện trong quá trình xây dựng, thay đổi đối tượng phát triển đô thị mà theo quy định của pháp luật có giá trị về nhân chủng học, khảo cổ, thẩm mỹ, dân tộc học, lịch sử, nghệ thuật, khoa học, nghệ thuật; {Đoạn ba phần một của Điều 4 trong từ ngữ của Luật số 58-V ngày 01.08.2006}

tìm kiếm quyết định kiến trúc, phát triển, phê duyệt trong các trường hợp được xác định bởi pháp luật và phê duyệt dự án; {Đoạn 4 của phần 1 của Điều 4, được sửa đổi, phù hợp với Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006; trong từ ngữ của Luật số 3038-VI ngày 17 tháng 2 năm 2011}

thực hiện các tài liệu làm việc xây dựng, và trong trường hợp thực hiện các phần riêng biệt của người thực hiện khác - thực hiện giám sát của tác giả đối với việc thực hiện; {Đoạn 5 trong phần một của Điều 4 được sửa đổi bởi Luật số 58-V ngày 01.08.2006}

xây dựng, phá dỡ đối tượng kiến trúc, kiểm định kiến trúc, xây dựng, giám sát kỹ thuật và tác giả trong quá trình xây dựng hoặc sửa đổi đối tượng phát triển đô thị; {Đoạn 6 phần 1 của Điều 4 trong văn bản của Luật số 58-V ngày 1 tháng 8 năm 2006}

chấp nhận đối tượng xây dựng đang hoạt động.

Điều 5 được loại trừ trên cơ sở Luật N 3038-VI ngày 17.02.2011

Điều 6. Các cuộc thi kiến trúc và quy hoạch thị trấn

Các cuộc thi kiến trúc và đô thị được tổ chức để xác định các dự án kiến trúc, quy hoạch, kỹ thuật, kỹ thuật và kinh tế tốt nhất cho quy hoạch và kiến trúc đô thị và các nhà thiết kế tài liệu thiết kế.

Các cuộc thi kiến trúc và đô thị cũng có thể được tổ chức để xác định một đề xuất dự án tốt hơn cho việc phát triển các thửa đất cụ thể.

Chỉ trên cơ sở cạnh tranh là sự phát triển của các dự án của các đối tượng kiến trúc, việc thực hiện nó có tác động đáng kể đến sự phát triển và hình thành các khu định cư cũng như các đối tượng nằm trong khu bảo vệ di tích lịch sử và văn hoá hoặc có thể có tác động tiêu cực đến lãnh thổ và trên Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên.

Sự cần thiết của các cuộc thi như vậy được xác định phù hợp với các yêu cầu của pháp luật quy hoạch thành phố và các quyết định của các cơ quan hành pháp trung ương và địa phương, cơ quan điều hành các hội đồng địa phương, chính quyền địa phương về quy hoạch và kiến trúc thành phố, cũng như trên cơ sở khách hàng và hiệp hội các kiến trúc sư chuyên nghiệp.

Những người chiến thắng trong các cuộc thi kiến trúc và quy hoạch thành phố được xác định bởi một ban giám khảo, bao gồm không dưới hai phần ba các chuyên gia có tay nghề cao trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và kiến trúc.

Tác giả của dự án đoạt giải cuộc thi có quyền ưu tiên mua trước để phát triển thêm tài liệu dự án, trừ khi các điều khoản của cuộc thi có quy định khác.

Một người có dự án cạnh tranh được coi là tốt nhất có quyền ưu tiên mua trước.

Các quy định về thủ tục đối với các cuộc thi kiến trúc và quy hoạch thị trấn sẽ được Nội các các Bộ trưởng của Ucraina thông qua.

Các chương trình và điều kiện cho các cuộc thi thiết kế kiến trúc và đô thị được tổ chức với sự tham gia của Liên minh các Kiến trúc sư của Ukraine hoặc các tổ chức địa phương của nó.

Cuộc thi được tổ chức với chi phí của khách hàng của cuộc thi.

Thông tin về các thông báo và kết quả của cuộc thi phải được công khai trên các phương tiện truyền thông có liên quan.

Điều 6 được bổ sung một phần theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006; được sửa đổi theo Luật số 3038-VI ngày 17.02.2011

Điều 6 được bổ sung một phần mười theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006

Điều 6 được bổ sung một phần mười phần theo Luật số 58-V ngày 01 tháng 8 năm 2006

Điều 7. Xây dựng và phê duyệt dự án đối tượng kiến trúc

Dự án của đối tượng kiến trúc được xây dựng theo hướng dẫn hoặc có sự tham gia bắt buộc của một kiến trúc sư có chứng chỉ đủ điều kiện phù hợp.

Dự án đối tượng kiến trúc được xác nhận bằng một chữ ký và được đóng dấu riêng của kiến trúc sư có chứng chỉ hành nghề.

Tài liệu dự án xây dựng cơ sở vật chất, phát triển phù hợp với điều kiện quy hoạch thành phố và hạn chế phát triển đất đai không phải được các cơ quan chức năng, cơ quan chính quyền địa phương, cơ quan bảo vệ di sản văn hoá, dịch vụ vệ sinh dịch tễ và cơ quan bảo vệ môi trường phê duyệt.

Các dự án của các đối tượng kiến trúc được khách hàng chấp nhận. Phê duyệt các dự án của các đối tượng kiến trúc đang được xây dựng với thu hút của nhà nước quỹ, được thực hiện theo thứ tự được xác định bởi Nội các Bộ trưởng của Ukraine.

Trước khi phê duyệt dự án trong trường hợp quy định tại Điều 31 Luật của Ucraina "Về Quy chế Phát triển Đô thị", chuyên môn của họ được tiến hành.

Trước khi tiến hành kiểm tra chuyên môn về quyết định kiến trúc của dự án đối tượng kiến trúc, phải có kiến trúc sư có chứng chỉ trình độ phù hợp.

Các thay đổi đối với dự án đã được phê duyệt chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của kiến trúc sư - tác giả của dự án, và trong trường hợp có sự sai lệch so với các thông số kỹ thuật - trong thỏa thuận với doanh nghiệp, tổ chức và tổ chức cung cấp các thông số kỹ thuật và khách hàng.

Việc đưa ra các sửa đổi đối với dự án đã được phê duyệt, liên quan đến thay đổi tiêu chuẩn và quy định của tiểu bang được tiến hành với sự đồng ý của khách hàng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người tham gia phát triển dự án không được tiến hành kiểm tra các dự án đó, phê duyệt hoặc cho phép thực hiện các công trình xây dựng đối với các công trình đó.

Cấm nhu cầu từ Kiến trúc giải pháp khách hàng và Ban Quy Hoạch Thành Phố để xem xét và phê duyệt tài liệu dự án tiếp theo.

{Điều 7 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/08/01, N 1026-V của 2007/05/16, N 509-VI của 2008/09/16, N 800-VI của 2008/12/25; Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Điều 8. giấy tờ công tác xây dựng

tài liệu làm việc cho việc xây dựng các kiến trúc thực hiện theo tiêu chuẩn nhà nước, các quy tắc và các quy định trên cơ sở của dự án đã được phê duyệt.

tài liệu làm việc để xây dựng hoặc giám sát sự phát triển của nó được thực hiện với các kiến trúc sư - tác giả của dự án đã được phê duyệt phù hợp với các thỏa thuận kết luận về việc soạn thảo kiến trúc đối tượng này. {Phần hai của Điều 8 của Luật N 58-V của 2006/01/08}

Điều 9. Xây dựng các kiến trúc cơ sở

Xây dựng kiến trúc cơ sở thực hiện theo các tài liệu dự án đã được phê duyệt, tiêu chuẩn nhà nước, các quy tắc và các quy định theo cách thức quy định của Luật của Ukraine "Trên quy định về phát triển đô thị."

{Phần một trong Điều 9 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/08/01; Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Kiến trúc sư - do thiết kế hoặc người được uỷ quyền tham gia vào việc thông qua việc xây dựng hoàn thành của kiến trúc cơ sở và các dấu hiệu hành động.

kiến trúc sư unsigned - tác giả của người được uỷ quyền hoặc hành động không hợp lệ.

Điều 10. Kiểm soát kiến trúc nhà nước và giám sát

{Tên của Điều 10 được sửa đổi theo Luật 2007/05/16 N 1026-V ngày}

Để đảm bảo phát triển trong khu vực, địa điểm và xây dựng phù hợp kiến trúc của hoạt động kinh doanh đã được phê duyệt quy hoạch đô thị tài liệu kiến trúc và thiết kế khác, yêu cầu của nguồn dữ liệu và bảo vệ người tiêu dùng bằng các sản phẩm xây dựng nhà nước thực hiện theo pháp luật Nhà nước kiến trúc kiểm soát và giám sát.

{Phần một của Điều 10 được sửa đổi theo Luật N 1026-V của 2007/05/16, N 3038-VI của 2011/02/17}

kiểm soát Kiến Trúc Nhà nước, giám sát của Nhà nước kiến trúc và Xây dựng Thanh tra của Ukraine và các cơ quan lãnh thổ của nó.

{Phần hai của Điều 10 của Luật N 1026-V của 2007/05/16, N 4220-VI của 2011/12/22}
{Điều 10 tuyên bố hiến pháp của Tòa án Hiến pháp N 4 rp / 2009 ngày 2009/3/2}

Điều 11. Tác giả và giám sát kỹ thuật

{Tên của Điều 11 của Luật N 58-V của 2006/01/08}

Trong việc xây dựng các kiến trúc đối tượng đã giám sát kiến trúc và kỹ thuật. {Phần một của Điều 11 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/08/01}

Giám sát kỹ thuật được cung cấp bởi khách hàng và thực hiện bởi người có giấy chứng nhận trình độ chuyên môn phù hợp.

Giám sát được thực hiện bởi các kiến trúc sư - tác giả của các đối tượng kiến trúc, các nhà phát triển khác của dự án đã được phê duyệt hoặc người được uỷ quyền. Giám sát được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng với khách hàng.

Trong trường hợp sai lệch so với quyết định thiết kế cam kết trong việc xây dựng các đối tượng kiến trúc, nhà thầu và thất bại trong việc giải quyết chúng người thực hiện tác giả và giám sát kỹ thuật, thông báo cho khách hàng và Thanh tra kiểm soát Kiến Trúc Nhà nước hành động theo pháp luật . {Phần bốn của Điều 11 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08}

Tiến hành thực địa và giám sát kỹ thuật thành lập bởi Nội các Bộ trưởng của Ukraine.

Điều 11 được bổ sung từng phần theo Luật N 58-V của 2006/08/01

Điều 11 được bổ sung bằng một phần năm theo quy định của Luật N 58-V của 2006/08/01

Điều 12 đã xóa theo Luật N 3038-VI của 2011/02/17

Mục III đặc biệt có thẩm quyền quy hoạch và kiến trúc. CREATIVE Liên hiệp các Kiến trúc sư

Điều 13. cơ quan đặc biệt có thẩm quyền quy hoạch và kiến trúc

Bằng cách lập kế hoạch và kiến trúc đặc biệt có thẩm quyền bao gồm:

quyền hành Trung ương về xây dựng, quy hoạch và kiến trúc đô thị;

kế hoạch thẩm quyền và kiến trúc của nước Cộng hòa tự trị Crimea;

kế hoạch quản lý và kiến trúc của khu vực, Kiev và Sevastopol, bộ phận của cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện;

cơ quan điều hành của làng, thị trấn và các hội đồng thành phố.

Quy hoạch cơ quan có thẩm quyền và kiến trúc của nước Cộng hòa tự trị Crimea, Cục Phát triển đô thị và kiến trúc của khu vực, Kiev và Sevastopol, bộ phận của cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện chịu trách nhiệm trước và kiểm soát của cơ quan điều hành có liên quan trong phạm vi quy định của pháp luật.

chính quyền địa phương hoạt động trong quy hoạch và kiến trúc đô thị theo Luật của Ukraine "Trên chính quyền địa phương ở Ukraine".

Đối với các quyền hạn đoạn "b" Điều 31 của Luật của Ukraine "Trên chính quyền địa phương ở Ukraine", các cơ quan điều hành của làng, thị trấn và các hội đồng thành phố kiểm soát của cơ quan điều hành có liên quan.

Điều 14. Kiến trúc sư trưởng

Thủ trưởng các quy hoạch và kiến trúc quy định tại Điều 13 của Luật này, đối với các bài là những kiến trúc sư chính của các đơn vị hành chính tương ứng.

Hẹn của kiến trúc sư trưởng đã hoàn toàn vào kết quả của cuộc thi.

Sự cạnh tranh này là mở cửa cho cá nhân với giáo dục kiến trúc cao hơn và kinh nghiệm chuyên môn của công việc tổ chức và chuyên nghiệp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và kiến trúc ít nhất 5 năm. {Phần ba của Điều 14 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08}

Vị trí tuyển dụng của một kiến trúc sư chính được tiến hành với các tổ chức địa phương Liên minh Quốc gia Kiến trúc sư của Ukraine.

Các kiến trúc sư chính và các quan chức khác của quy hoạch và kiến trúc đặc biệt có thẩm quyền theo tác giả hoặc đồng tác giả tham gia vào quy hoạch đô thị của lãnh thổ. Các kiến trúc sư chính và các quan chức khác của quy hoạch và kiến trúc đặc biệt có thẩm quyền trong phạm vi luật pháp có thể làm cho các hoạt động sáng tạo liên quan đến việc thiết kế các vật kiến trúc, được cung cấp cho các công trường xây dựng của chính quyền. Trong trường hợp này, sự chấp thuận của các quyết định kiến trúc có liên quan thực hiện bằng việc lập kế hoạch và trình độ kiến trúc cao hơn.

{Phần năm của Điều 14 của Luật N 58-V của 2006/08/01; đã được sửa đổi bởi Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Kiến trúc sư trưởng của thành phố, huyện phê chuẩn cơ sở vật chất đô thị và kiến trúc dự án thiết kế nằm trong khu di tích lịch sử, khu vực lịch sử, trên đường cao tốc và đường phố toàn thành phố có ý nghĩa.

Điều 14 được bổ sung bằng một phần sáu của Luật N 509-VI của 2008/09/16

Điều 15 đã xóa theo Luật N 3038-VI của 2011/02/17

16. Creative Liên hiệp các Kiến trúc sư

Ukraina có một hiệp hội chuyên nghiệp của kiến trúc sư - Liên minh Quốc gia Architects Ukraina, và theo luật pháp có thể được thành lập và hoạt động công đoàn sáng tạo khác và hiệp hội tự trị của các kiến trúc sư trong công việc kiến trúc. {Phần một của Điều 16 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08}

Các hoạt động của các đoàn thể sáng tạo và hiệp hội tự trị của các kiến trúc sư trong hoạt động kiến trúc dựa trên điều lệ của họ, đăng ký hợp lệ. {Phần hai của Điều 16 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/08/01}

Ủy ban chứng nhận chuyên nghiệp của các kiến trúc sư bao gồm đại diện của các hiệp hội Ukraine của các kiến trúc sư và các hiệp hội tự trị khác trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc.

Điều 16 bổ sung bởi một phần ba theo quy định của Luật N 58-V của 2006/08/01

Điều 16-1. các tổ chức tự điều tiết trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc

Ở Ukraine có thể được tạo ra và hoạt động tổ chức tự điều tiết trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc.

Phi lợi nhuận liên kết tự nguyện của các cá nhân và các tổ chức được tham gia vào các hoạt động kinh doanh và chuyên nghiệp, có được tình trạng của các tổ chức tự điều tiết, kể từ ngày đăng ký của cơ quan điều hành Trung ương về xây dựng, quy hoạch, kiến trúc và nhập thông tin về họ trong sổ đăng ký nhà nước của các tổ chức tự điều tiết trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc .

các tổ chức tự điều tiết trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc xác định các quy tắc và tiêu chuẩn về kinh doanh và hoạt động chuyên nghiệp, bắt buộc đối với tất cả các thành viên của tổ chức này, và cung cấp một cơ chế bồi thường thiệt hại gây ra cho người tiêu dùng bằng cách phát hành các thành viên trong tự hàng hóa, công trình có chất lượng không phù hợp.

các tổ chức tự điều tiết trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc được dựa trên thẩm quyền được giao để thực hiện các nhà thầu chứng nhận chuyên môn liên quan đến việc tạo ra các vật kiến trúc, và tham gia vào các hoạt động cấp phép của các thành viên của tổ chức tự điều tiết.

Cơ quan điều hành Trung ương về xây dựng, quy hoạch và kiến trúc xác định các thủ tục đăng ký của các tổ chức như vậy và giám sát các hoạt động của họ.

{PHẦN III bổ sung bởi Điều 16-1 của Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Chương IV THỰC HIỆN CÁC KIẾN TRÚC

Điều 17. Cấp phép và chứng nhận của các nghệ sĩ chuyên nghiệp hoạt động (dịch vụ) liên quan đến việc tạo ra các vật kiến trúc

hoạt động kinh tế liên quan đến sự sáng tạo của kiến trúc đối tượng được cấp phép theo pháp luật.

Thủ tục cấp giấy phép hoạt động kinh tế liên quan đến việc tạo ra các vật kiến trúc, Nội các Bộ trưởng của Ukraine.

thẩm quyền cấp giấy phép là Nhà nước kiến trúc và Xây dựng Thanh tra của Ukraine và các cơ quan lãnh thổ của nó.

Trách nhiệm một số loại công việc liên quan đến việc tạo ra các vật kiến trúc, vượt qua chứng nhận chuyên nghiệp. Danh sách các hoạt động như vậy và thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyên nghiệp thành lập bởi Nội các Bộ trưởng của Ukraine.

đánh giá chuyên nghiệp của nhà thầu liên quan đến việc tạo ra các vật kiến trúc, tổ chức có thẩm đốc điều hành Trung ương về xây dựng, quy hoạch đô thị và kiến trúc. Quyền hạn để tổ chức chứng nhận chuyên nghiệp có thể được giao cho các tổ chức tự điều tiết trong lĩnh vực hoạt động kiến trúc. Một tổ chức tự điều tiết mua lại các cường quốc giao cho nó sau khi công bố của cơ quan điều hành Trung ương về xây dựng, lập kế hoạch và quyết định kiến trúc để cấp quyền hạn như vậy trong việc công bố chính thức quyết định bởi thẩm quyền đó.

Đối với công dân xác nhận cho phép chuyên nghiệp:

nhận giáo dục đại học ở trình độ học vấn và chứng nhận chuyên môn Thạc sĩ trong lĩnh vực này có kinh nghiệm chuyên môn của ít nhất ba năm;

đã không nhận được một bằng cấp giáo dục đại học của chuyên gia và bậc thầy trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận chuyên nghiệp, nhưng có kinh nghiệm trong quy hoạch thành phố ít nhất là mười năm.

Công dân đã thông qua chứng nhận chuyên nghiệp ban hành theo Giấy chứng nhận trình độ chuyên môn phù hợp.

Cá nhân đã nhận được giấy chứng nhận trình độ chuyên môn liên quan có thể thực hiện một số loại công việc liên quan đến việc tạo ra các vật kiến trúc không có giấy phép, với tem cá nhân và chịu trách nhiệm về hiệu suất kém, việc thực hiện quyền trong đó xác định giấy chứng nhận đủ điều kiện và vi phạm pháp luật, xây dựng mã số, tiêu chuẩn và quy định.

Thông tin về người nhận giấy chứng nhận trình độ chuyên môn vào trong sổ đăng ký người được chứng nhận.

Giấy chứng nhận trình độ chuyên môn hình thức, trình tự thanh toán cho chứng nhận chuyên nghiệp và kích thước của nó được phê duyệt của cơ quan điều hành Trung ương về xây dựng, quy hoạch đô thị và kiến trúc.

{Điều 17 được sửa đổi bởi Luật N 3370-IV của 2006/01/19, N 509-VI của 2008/09/16; Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Điều 18. Xác nhận Kiến trúc và Ủy ban Xây dựng

đánh giá chuyên nghiệp của nhà thầu liên quan đến việc tạo ra các vật kiến trúc, làm Attestation Kiến trúc và Ủy ban Xây dựng.

Xác nhận Kiến trúc và Ủy ban Xây dựng:

xác định mức độ kỹ năng và kiến thức của các chuyên gia, chuyên môn của họ;

vấn đề giấy chứng nhận trình độ chuyên môn phù hợp hủy bỏ quyết định dẫn độ của họ;

có thể hình thành được sử dụng bởi loại và chuyên môn nghiệp vụ;

quyền hạn khác theo quy định về Attestation Kiến trúc và Ủy ban Xây dựng, được cấp có thẩm đốc điều hành Trung ương về xây dựng, quy hoạch đô thị và kiến trúc đã được phê duyệt.

{Điều 18 của Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Điều 19. công việc dự án có thực hiện không yêu cầu giấy chứng nhận trình độ chuyên môn có liên quan

Thực hiện công việc thiết kế trên sự sáng tạo của các đối tượng kiến trúc không đòi hỏi các chuyên gia chứng nhận trình độ chuyên môn có liên quan nêu:

các chuyên gia thực hiện công việc thiết kế dưới sự hướng dẫn của một kiến trúc sư chuyên nghiệp có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của hồ sơ;

xây dựng tài liệu dự án không được cung cấp cho việc thực hiện các kiến nghị đối với các cơ hội và điều kiện của bất kỳ đất phát triển;

các công trình liên quan đến việc tham gia vào quy hoạch đô thị và các cuộc thi kiến trúc nếu điều kiện của họ có quy định khác;

đối tượng thiết kế mà theo quy định của pháp luật không yêu cầu đăng ký tờ khai của đầu công trình xây dựng hoặc giấy phép để thực hiện chúng.

Điều 19 bổ sung bởi đoạn lăm theo Luật N 58-V của 2006/08/01; đã được sửa đổi bởi Luật N 4220-VI của 2011/12/22

Điều 20. Thực hiện các hoạt động kiến trúc của người nước ngoài và không quốc tịch

Người nước ngoài và người không quốc tịch đang ở Ukraine trên cơ sở pháp lý, việc thực hiện các hoạt động kiến trúc cùng các quyền và chịu trách nhiệm tương tự như công dân của Ukraine, trừ khi có quy định khác của pháp luật và điều ước quốc tế của Ukraine phê chuẩn Verkhovna Rada của Ukraine.

Ở Ukraine, người nước ngoài và người không quốc tịch vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận trình độ chuyên môn phù hợp có thể thực hiện các công việc quy định tại Điều 19 của Luật này, và tham gia vào các tài liệu quy hoạch phát triển, để thực hiện việc thiết kế các vật kiến trúc, công việc thiết kế xây dựng chỉ theo hợp đồng từ các đơn vị kinh doanh được phép thực hiện một số loại hoạt động kinh tế trong xây dựng hoặc với các chuyên gia những người có giấy chứng nhận trình độ chuyên môn. {Phần hai của Điều 20 được sửa đổi theo Luật N 3370-IV của 2006/01/19, N 58-V của 2006/01/08}

Điều 21. Thực hiện các hoạt động kiến trúc bởi các cá nhân và pháp nhân của Ukraine ở nước ngoài

thể nhân và pháp Ukraine hoạt động kiến trúc thực hiện ở các nước khác theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế của Ukraine phê chuẩn bởi Verkhovna Rada của Ukraine, cũng như pháp luật của nước sở tại.

Quyền V phần và nghĩa vụ của hoạt động kiến trúc tại sáng tạo và hoạt động của các đối tượng kiến trúc

Điều 22. Ngay Kiến trúc sư

Các kiến trúc sư cho việc thiết kế và xây dựng các kiến trúc có thể:

mà không được phép để phát triển đề xuất dự án cho sự phát triển của bất kỳ đất để xác định các khả năng và điều kiện của kiến trúc của cơ sở mình;

thay mặt cho khách hàng để có được trong điều kiện đô thị Dĩ nhiên do hạn chế và xây dựng đất và các điều kiện kỹ thuật cho kỹ thuật của kiến trúc; {Đoạn ba của Điều 22 được sửa đổi theo Luật N 509-VI của 2008/09/16; Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

tự do lựa chọn các phương tiện và cách thức để thực hiện các giải pháp kiến trúc;

tham khảo ý kiến với khách hàng để làm trong điều kiện và hạn chế đô thị đất thay đổi âm mưu một dự án đã được phê duyệt; {Đoạn lăm Điều 22 được sửa đổi theo Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

thay mặt cho khách hàng tham gia vào việc soạn thảo hợp đồng, tổ chức các cuộc thi để xác định nhà thầu thiết kế và xây dựng, là đại diện của khách hàng trong các trường hợp khác theo quy định của hợp đồng;

tham gia trên cơ sở hợp đồng để soạn thảo các chuyên gia khác để hướng dẫn những tác phẩm này hoặc tham gia trong việc thực hiện các văn bản làm việc; {Paragraph Seventh Điều 22 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08}

thực hiện việc kiểm tra các tài liệu dự án phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại giấy chứng nhận trình độ chuyên môn của kiến trúc sư;

đảm bảo trách nhiệm nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 22, đoạn chín bổ sung bởi Luật N 58-V của 2006/08/01

Điều 23. khách hàng Quyền

Khách hàng trong việc thiết kế và xây dựng các vật kiến trúc có thể:

Chọn kiến trúc sư - nhà phát triển dự án hoặc tham gia vào ông về kết quả của một cuộc thi quy hoạch kiến trúc đô thị hoặc để lựa chọn nhà thầu để xây dựng hoặc liên quan đến xây dựng nó vào kết quả đấu thầu; {Đoạn hai của Điều 23 của Luật N 58-V của 2006/01/08}

Phê duyệt dự án nếu nó không phải là trái với pháp luật, điều kiện quy hoạch thành phố và những hạn chế của việc xây dựng đất; {Đoạn ba của Điều 23 được sửa đổi theo Luật N 509-VI của 2008/09/16; Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Kiểm soát tập thể dự và giám sát kỹ thuật trên phù hợp với điều kiện và hạn chế xây dựng đất cho việc thiết kế các vật kiến trúc đô thị, phê duyệt dự án trong quá trình xây dựng; {Đoạn bốn Điều 23 được sửa đổi theo Luật N 509-VI của 2008/09/16, N 3038-VI của 2011/02/17}

Thu hút người có giấy chứng nhận đủ điều kiện để thực hiện chức năng của khách hàng và kỹ thuật.

Điều 23 bổ sung bởi đoạn lăm theo Luật N 58-V của 2006/08/01

Điều 24. thầu Quyền

Nhà thầu cho việc thiết kế và xây dựng các kiến trúc có thể:

chọn công nghệ, phương pháp và phương pháp phát triển và thực hiện các đối tượng của kiến trúc trong các tiêu chuẩn xây dựng, quy tắc và các quy định nhà nước của riêng bạn; {Đoạn hai của Điều 24 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08}

thực hiện công việc xây dựng của kiến trúc đối tượng theo quy định của dự án đã được phê duyệt với sự tham gia trực tiếp hoặc dưới sự giám sát của kiến trúc sư - tác giả của dự án hoặc người đại diện có thẩm quyền của mình đối với sự đồng ý bằng văn bản của mình; {Đoạn ba của Điều 24 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08}

thực hiện các hành động khác theo quy định hợp đồng, phù hợp với pháp luật.

25. Quyền của công dân và các tổ chức NGO

Công dân và các tổ chức xã hội dân sự mà không phải trực tiếp tham gia vào việc tạo ra các vật kiến trúc, có thể:

nhận thông tin của chính phủ về việc chuẩn bị và đưa ra quyết định về quy hoạch, xây dựng và tái thiết các khu định cư, vùng lãnh thổ và một số kiến trúc đối tượng cụ thể, phù hợp với các yêu cầu pháp lý cho việc bảo tồn môi trường lịch sử và văn hóa;

tham gia vào các cuộc thảo luận về các dự án thiết kế kiến trúc theo thứ tự thành lập;

bảo vệ lợi ích của họ trong việc thiết kế và xây dựng mới và bảo trì của các đối tượng kiến trúc hiện theo pháp luật.

Trình tự các tài liệu kế hoạch thảo luận công khai và các dự án xây dựng, và cũng có thể xem xét các đề xuất của họ nào của pháp luật.

Điều 25 được bổ sung bằng một phần hai theo Luật N 58-V của 2006/08/01

Điều 26. Nhiệm vụ của kiến trúc sư và nhà thiết kế khác

Kiến trúc sư và nhà thiết kế khác, những người thực hiện công việc trên việc tạo ra các vật kiến trúc có trách nhiệm:

theo các tiêu chuẩn quốc gia, quy tắc và các quy định, các yêu cầu của các dữ liệu ban đầu cho việc thiết kế; {Đoạn hai của Điều 26 được sửa đổi theo Luật N 3038-VI của 2011/02/17} không vi phạm trong việc thiết kế, tổ chức và công trình xây dựng quyền và lợi ích của chủ sở hữu và người sử dụng của các tòa nhà và các công trình liền kề với tòa nhà trang web hợp pháp; không tiết lộ thông tin mà không có sự đồng ý của khách hàng, trong đó tạo thành một dự án bí mật thương mại.

Tổ chức dự án tài liệu dự án phát triển, cũng như các kiến trúc sư trưởng và kỹ sư trưởng của dự án chịu trách nhiệm đảm bảo dữ liệu nguồn tài liệu dự án cho các yêu cầu thiết kế các tiêu chuẩn nhà nước, các quy tắc và quy định.

Điều 26 được bổ sung bằng một phần hai theo Luật N 509-VI của 2008/09/16; đã được sửa đổi bởi Luật N 3038-VI của 2011/02/17

Điều 27. Nhiệm vụ khách hàng và các nhà thầu

Khách hàng và các nhà thầu trong việc tạo ra các vật kiến trúc có trách nhiệm:

ủy thác việc thực hiện của một số loại thiết kế và công trình xây dựng cho cá nhân có giấy phép thích hợp; chọn nghệ sĩ tài liệu làm việc cho việc xây dựng phù hợp với Điều 8 của Luật; đảm bảo việc xây dựng các kiến trúc theo các tài liệu làm việc sử dụng vật liệu xây dựng, các sản phẩm và thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia, quy tắc và các quy định và những người đã được xác nhận khi nó là bắt buộc; không vi phạm trong việc tổ chức và thực hiện công trình xây dựng các quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng của chủ sở hữu đất liền kề nằm trong các tòa nhà và các công trình, bồi thường thiệt hại gây ra cho họ của pháp luật; trong thời hạn ba ngày để thông báo cho chính quyền địa phương các di tích lịch sử và văn hóa của mới được phát hiện trong các trang web xây dựng với giá trị nhân học, khảo cổ học, thẩm mỹ, dân tộc học, lịch sử, nghệ thuật, khoa học và nghệ thuật; {Đoạn Sáu Điều 27 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08} không được đưa vào các yêu cầu nhiệm vụ thiết kế mà mâu thuẫn với pháp luật của Ukraine đã được phê duyệt kế hoạch tài liệu hướng dẫn, quy định của chính phủ, các tiêu chuẩn và quy định.

Khách hàng, ngoài các nhiệm vụ quy định tại đoạn đầu tiên của bài viết này cũng được yêu cầu phải vượt qua một tập hợp các tài liệu dự án trên mà cơ sở được xây dựng kiến trúc, chủ sở hữu của cơ sở cho việc lưu trữ vĩnh viễn.

Điều 27 bổ sung bởi đoạn Bảy theo Luật N 58-V của 2006/08/01

Điều 27 được bổ sung bằng một phần hai theo Luật N 58-V của 2006/08/01; Luật N 3038-VI của 2011/02/17

Điều 28. Nhiệm vụ của chủ sở hữu và người sử dụng của các đối tượng kiến trúc

Chủ sở hữu và người sử dụng của các đối tượng kiến trúc có trách nhiệm:

Duy trì đúng các tòa nhà và cấu trúc, cũng như gắn liền với đất của họ, hãy làm theo trong hoạt động của các yêu cầu kiến trúc cơ sở được quy định trong hộ chiếu kiến trúc và kỹ thuật của mình và yêu cầu pháp lý; {Đoạn hai của Điều 28 được sửa đổi theo Luật N 3038-VI của 2011/02/17}

Có được một thủ tục thành lập theo pháp luật ủy quyền thực hiện công việc liên quan đến việc tái thiết, phục hồi hoặc kiến trúc cơ sở nâng cấp;

Nếu sửa đổi cần thiết để ba chiều, lập kế hoạch và các quyết định khác của đối tượng của thiết kế kiến trúc tài liệu dự án phù hợp theo yêu cầu của cơ sở hộ chiếu kiến trúc và kỹ thuật, đồng ý, phê duyệt và thực hiện các công trình xây dựng phù hợp với pháp luật; {Đoạn bốn Điều 28 của Luật N 58-V của 2006/01/08}

Lưu một bộ hồ sơ dự án trên mà cơ sở được xây dựng kiến trúc, và gửi tài liệu này cho chủ sở hữu mới.

Điều 28 bổ sung bởi đoạn lăm theo Luật N 58-V của 2006/08/01

Mục VI VỀ BẢN QUYỀN VỀ ĐỐI TƯỢNG KIẾN TRÚC

Điều 29. Đối tượng và bản quyền trong Kiến trúc

Quan hệ phát sinh trong việc tạo ra và sử dụng các đối tượng của kiến trúc như bản quyền, được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự của Ukraine, Luật của Ukraine "Trên Bản quyền và quyền liên quan", Luật này và pháp luật khác của Ukraine. {Phần một của Điều 29 được sửa đổi theo Luật N 58-V của 2006/01/08}

Các đối tượng của quyền tác giả trong kiến trúc là những tác phẩm kiến trúc, thiết kế đô thị và kiến trúc cảnh quan, cũng như kế hoạch, bản vẽ, tác phẩm tạo hình, minh họa, bản đồ và phác thảo liên quan đến kiến trúc.

Một người có công việc tạo ra vật kiến trúc như các đối tượng của quyền tác giả sáng tạo là tác giả của mặt hàng đó.

Các đồng tác giả không thể là người phục vụ kiến trúc kỹ thuật đối tượng tác giả, tư vấn hoặc hỗ trợ tổ chức hoặc thực hiện thiết kế và xây dựng tổ chức, giám sát các hoạt động này.

30. Quyền sở hữu đối tượng kiến trúc

Quyền sở hữu đối tượng của kiến trúc như một đối tượng của quyền tác giả tạo ra liên quan đến hợp đồng lao động bao gồm những người lao động tạo ra các đối tượng, và cách pháp nhân hoặc tự nhiên nơi hoặc nơi mình hoạt động, cùng nếu có quy định khác.

Quyền sở hữu đối tượng của kiến trúc như một đối tượng của quyền tác giả tạo ra bởi trình tự bao gồm các tác giả của các đối tượng hoặc khách hàng cùng nhau, trừ trường hợp được cung cấp bởi hợp đồng.

Các thuật ngữ cơ bản của việc tạo ra các công việc của phát triển đô thị là việc thực hiện các chế độ pháp lý của quyền sở hữu lãnh thổ tài liệu quy hoạch đô thị sau khi chuyển giao nó cho khách hàng.

Điều khoản và điều kiện của thỏa thuận về xử lý quyền sở hữu cho đối tượng của kiến trúc như một đối tượng của quyền tác giả thành lập bởi Bộ luật Dân sự của Ukraine và Luật của Ukraine "Trên Bản quyền và quyền liên quan".

Tác giả của công trình dự án kiến trúc, quy hoạch đô thị, nghệ thuật cảnh quan có quyền độc quyền để tham gia vào thực hiện tiếp tục của nó, trừ trường hợp được cung cấp bởi các hợp đồng với khách hàng hoặc một pháp nhân hoặc tự nhiên nơi hoặc nơi mình hoạt động, cũng như sửa đổi chưa hoàn thành xây dựng hoặc công trình xây dựng kiến trúc, quy hoạch đô thị, nghệ thuật cảnh quan trong trường hợp thay đổi mục đích chức năng của nó hoặc tái thiết.

Sử dụng công việc dự án của kiến trúc, thị trấn lập kế hoạch hoặc nghệ thuật cảnh quan để thực hiện được phép chỉ một lần, trừ trường hợp quy định tại hợp đồng, theo đó một dự án. Tái sử dụng của dự án và phát triển trên cơ sở các tài liệu làm việc của nó chỉ thực hiện với sự đồng ý của tác giả với chú anh ta hoặc người thừa kế tiền bản quyền của mình.

Bởi đối tượng của kiến trúc như một đối tượng của quyền tác giả có quyền nhận phù hợp với tiền bản quyền pháp luật về sáng tạo và việc sử dụng nó.

Điều 30 được bổ sung bằng một phần theo Luật N 509-VI của 2008/09/16

Điều 31. Các quyền nhân thân (đồng tác giả) của kiến trúc đối tượng

Quyền nhân thân của sở hữu trí tuệ của đối tượng tác giả của kiến trúc như một đối tượng của luật bản quyền là thích hợp, Bộ luật Dân sự của Ukraine, Luật của Ukraine "Trên Bản quyền và quyền liên quan" và đặc biệt là:

Quyền để chụp ảnh, hãy ghi hình của đối tượng của kiến trúc như một đối tượng của quyền tác giả, trừ trường hợp do luật định;

Quyền tác giả khẳng định bằng cách xác định đúng tên gọi của nó về vấn đề kiến trúc như một đối tượng của quyền tác giả, nếu có thể thực hiện.

{Phần một trong Điều 31 của Luật N 58-V của 2006/01/08}

Quyền nhân thân đối tượng của kiến trúc như một đối tượng của quyền tác giả là của các tác giả không phụ thuộc vào hợp đồng giữa tác giả và khách hàng hoặc một pháp nhân hoặc tự nhiên ở đâu hay mà nó hoạt động.

{Chương VI của Luật N 1407-IV 2004/02/03}

Chương VII TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI VI PHẠM PHÁP LUẬT Hoạt động kiến trúc

Điều 32. Trách nhiệm về việc vi phạm pháp luật về hoạt động kiến trúc

Vi phạm pháp luật về hoạt động kiến trúc đòi hỏi trách nhiệm kỷ luật, hành chính, dân sự hoặc hình sự theo luật pháp của Ukraine.

Điều 33. Tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động kiến trúc

Tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động kiến trúc, trong đó có sự tham gia của các doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài được giải quyết một cách hợp pháp.

LUẬT KIẾN TRÚC SƯ

MALAYSIA

Đạo luật qui định về đăng bạ kiến trúc sư, doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh và công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc, nhà thiết kế nội thất và họa viên công trình

CỤC KIẾN TRÚC SƯ MALAYSIA

Thành lập Cục Kiến trúc Malaysia.

(2) Cục gồm các thành viên sau đây được Bộ trưởng bổ nhiệm:

(A) Chủ tịch được bổ nhiệm từ các kiến trúc sư chuyên nghiệp;

(B) 05 kiến trúc sư chuyên nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ công của Liên bang, bang, chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền;

(D) 08 kiến trúc sư chuyên nghiệp đã hành nghề tư nhân tại Malaysia ít nhất 5 năm, trong đó 03 người trong danh sách do Hội đồng Hội KTS Malaysia đề cử;

(E) 01 thành viên do Cục Kỹ sư đề cử từ các thành viên của Cục được thành lập theo Luật Đăng bạ Kỹ sư 1967;

(F) 01 thành viên do Cục Khảo sát Khối lượng đề cử từ các thành viên của Cục được thành lập theo Luật Khảo sát Khối lượng năm 1967;

(G) 01 thành viên được bổ nhiệm trong số các họa viên công trình; và

(H) 01 thành viên được bổ nhiệm từ các nhà thiết kế nội thất đã hành nghề tư nhân ít nhất 5 năm ở Malaysia.

Chức năng của Cục

4. (1) Nhiệm vụ của Cục là –

(A) Giữ Sổ đăng bạ kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp và các đơn vị tư vấn kiến trúc;

(Aa) Giữ và duy trì Sổ đăng bạ các nhà thiết kế nội thất và họa viên công trình;

(B) Phê duyệt hoặc từ chối các đơn đăng bạ theo Luật này hoặc phê duyệt bất kỳ đơn nào theo các điều kiện hoặc hạn chế do Cục qui định;

(C) Ban hành khiển trách bằng văn bản, áp dụng phạt tiền, đình chỉ hoặc huỷ bỏ đăng bạ, gạch tên hoặc khôi phục lại vào Sổ đăng bạ theo Luật này;

(D) Định kỳ thay đổi với sự đồng ý của Bộ trưởng về mức phí áp cho kiến trúc sư chuyên nghiệp, đơn vị tư vấn kiến trúc và họa viên công trình cung cấp cho dịch vụ tư vấn kiến trúc;

Đ) Định kỳ thay đổi với sự đồng ý của Bộ trưởng về mức phí áp cho nhà thiết kế nội thất về việc thực hiện các dịch vụ tư vấn thiết kế nội thất;

(E) Điều trần và quyết định các tranh chấp liên quan đến hành vi hoặc đạo đức nghề nghiệp của các kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp, nhà thiết kế nội thất và họa viên công trình và chỉ định một ủy ban, trọng tài hoặc các trọng tài viên để điều trần và quyết định các tranh chấp đó;

(Ea) Là một bên liên quan trong hợp đồng dịch vụ tư vấn thiết kế kiến trúc và nội thất, khi được yêu cầu;

(Eb) Ủy quyền cho bất kỳ người nào điều tra sai phạm theo Luật này hoặc các quy định được ban hành theo Luật này;

(EC) Tuyển dụng bất kỳ người nào, nếu thấy cần thiết, để giúp Cục thực hiện các chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ theo các điều khoản và điều kiện Cục qui định;

(F) Quyết định và điều chỉnh hành vi và đạo đức của kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp, nhà thiết kế nội thất và họa viên công trình;

(G) Đại diện chonghề nghiệp trong các báo cáo chính phủ;

(Ga) Chỉ định một hội đồng, bao gồm các thành viên của Cục, kiến trúc sư chuyên nghiệp và những người khác do Cục quyết định, để tiến hành thi sát hạch công nhận nghề và các kỳ thi khác do Cục qui định;

(Gb) Chỉ định một hội đồng bao gồm các thành viên của Cục, kiến trúc sư chuyên nghiệp và những người khác do Cục quyết định, để tư vấn và qui định mọi vấn đề liên quan đến đào tạo kiến trúc và thiết kế nội thất bao gồm cả việc chứng nhận và công nhận các chương trình đào tạo đó ;

(H) Cử những người đại diện cho Cục vào bất kỳ cơ quan hay hội đồng giám khảo nào do bất kỳ hiệp hội, cơ quan, tổ chức xã hội nào đề đại diện cho nghề và đưa ra khuyến nghị liên quan đến các kỳ thi sát hạch đủ điều kiện được công nhận hành nghề ;

(I) Cử các thành viên của Cục tham gia vào bất kỳ hội đồng, ủy ban hoặc cơ quan được thành lập cho bất kỳ mục đích nào có ảnh hưởng đến nghề và cử các thành viên của Cục tham gia vào Cục Kỹ sư và Cục Khảo sát Khối lượng theo luật định;

(J) Cung cấp học bổng và các tiện ích khác để thúc đẩy học tập và đào tạo gắn liền với kiến trúc, và tổ chức các chương trình phát triển nghề nghiệp cho kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc tốt nghiệp, nhà thiết kế nội thất và họa viên công trình nhằm nâng cao kiến thức của họ theo chương trình cập nhật mới nhất liên quan đến nghề;

4 (2) Không làm tổn hại đến các quyền hạn chung được ban hành theo tiểu mục (1) Cục sẽ có quyền:

(A) Mua hoặc cho thuê bất kỳ mảnh đất hoặc tòa nhà nào cần thiết cho bất kỳ mục đích nào của Cục;

(B) Thỉnh thoảng vay mượn hoặc bội chi ngân hàng hoặc hình thức khác cho các mục đích nêu tại khoản (a); và

(C) Cho thuê, bán đi, hoặc giải quyết bất kỳ bất động sản nào của Cục.

PHẦN III: ĐĂNG BẠ KIẾN TRÚC

Mục lục

5. Đăng bạ.
6. Bổ nhiệm và nhiệm vụ của Giám đốc đăng bạ.
7. Hạn chế đối với người chưa đăng bạ và kiến trúc sư tốt nghiệp
 - 7A. Đơn vị hành nghề tư vấn kiến trúc.
 - 7B Một công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc, dịch vụ kỹ sư chuyên nghiệp và / hoặc dịch vụ khảo sát khối lượng.
8. Quyền.
9. Kiến trúc sư chuyên nghiệp, ... theo Luật này.
10. Điều kiện năng lực để đăng bạ.
 - 10A. Đăng bạ tạm thời các kiến trúc sư nước ngoài.
11. (Đã bị hủy bỏ).
12. Đơn xin đăng bạ.
13. Giấy chứng nhận đăng bạ.
14. Thông báo thay đổi địa chỉ

Một số điều khoản chi tiết của Phần III

7. Hạn chế đối với người chưa đăng bạ và kiến trúc sư tốt nghiệp
 - 1) Không ai, trừ khi là kiến trúc sư chuyên nghiệp –
 - (a) Được hành nghề hoặc kinh doanh hoặc tuyển dụng để thực hiện các dịch vụ tư vấn kiến trúc;
 - aa) Có quyền mô tả mình hoặc gọi mình theo bất kỳ tên, phong cách hoặc tiêu đề -
 - (i) mang danh "Kiến trúc sư chuyên nghiệp" hoặc tương đương với bất kỳ ngôn ngữ nào khác; hoặc là

(ii) mang danh bất kỳ từ ngữ nào khác bằng bất kỳ ngôn ngữ nào có thể được hiểu ngụ ý rằng người đó là kiến trúc sư chuyên nghiệp;

(b) sử dụng hoặc hiển thị bất kỳ dấu hiệu, bảng hiệu, thẻ hoặc thiết bị khác đại diện cho hoặc ngụ ý rằng người đó là kiến trúc sư chuyên nghiệp;

(ba) có quyền gọi mình là "Kiến trúc sư chuyên nghiệp" và sử dụng chữ viết tắt "Ar." trước tên của người đó và / hoặc chữ viết tắt "P.Arch" sau tên của người đó; hoặc là

(C) có quyền thu bất kỳ khoản phí, lệ phí, thù lao hoặc hình thức khác cho các dịch vụ tư vấn kiến trúc như một kiến trúc sư chuyên nghiệp.

(2) Không phụ thuộc vào tiêu mục (1), một kiến trúc sư tốt nghiệp có thể, theo mục 8, với sự chấp thuận bằng văn bản của Cục sẽ được thực hiện các dịch vụ tư vấn kiến trúc.

7A. Đơn vị tư vấn kiến trúc.

(3) Cục sẽ đăng bạ một doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh hoặc công ty như là một đơn vị tư vấn kiến trúc, tùy thuộc vào các điều kiện và hạn chế Cục áp dụng, nếu:

(A) trong trường hợp doanh nghiệp cá thể, chủ doanh nghiệp là một kiến trúc sư chuyên nghiệp;

(B) trong trường hợp công ty hợp danh, tất cả các đối tác là kiến trúc sư chuyên nghiệp; hoặc là

(C) trong trường hợp công ty, nó -

(i) có một ban quản trị bao gồm những người là kiến trúc sư chuyên nghiệp;

(ii) có cổ phần do thành viên hội đồng quản trị giữ như đề cập trong tiêu đoạn (i) hoặc với bất kỳ người nào khác đều là kiến trúc sư chuyên nghiệp; và

(iii) có vốn thanh toán tối thiểu là một khoản do Cục quy định.

7B. Một công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp và / hoặc dịch vụ khảo sát khối lượng.

1) Nếu công ty thực hiện dịch vụ tư vấn kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp và / hoặc dịch vụ khảo sát khối lượng, Cục có thể, tùy thuộc vào các điều kiện hoặc hạn chế mà đăng bạ hành nghề cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc.

(2) Công ty áp dụng cho đăng bạ theo tiêu mục (1) phải được thành lập theo Luật Công ty 1965 và -

(a) có một ban quản trị bao gồm các kiến trúc sư chuyên nghiệp, kỹ sư chuyên nghiệp và / hoặc thẩm định viên đăng bạ;

(b) có cổ phần của những người được đề cập ở đoạn(a) và bất kỳ cá nhân hay công ty nơi mà,

(i) Kiến trúc sư chuyên nghiệp, kỹ sư Chuyên nghiệp, nhà khảo sát khối lượng đăng bạ, các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc, công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên nghiệp và / hoặc công ty hành nghề như các nhà Khảo sát khối lượng có tổng cộng 70% tổng vốn của công ty đó, trong đó kiến trúc sư chuyên nghiệp và / hoặc các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc chiếm tỷ lệ tối thiểu là 10%; và

(ii) bất kỳ người nào khác, kể cả những người thuộc chuyên môn liên quan đến kiến trúc, kỹ thuật hoặc khảo sát khối lượng, là nghề được chấp thuận bằng văn bản của cục quản lý về kiến trúc, kỹ thuật hoặc khảo sát khối lượng, có tỷ lệ tối đa là 30 %,

Của tổng vốn chủ sở hữu của công ty; và

(c) có số vốn thanh toán tối thiểu là một khoản tiền do Bộ trưởng quyết định.

8. Quyền lợi.

(1) Mỗi kiến trúc sư chuyên nghiệp đang cư trú tại Malaysia trong thời gian không dưới 180 ngày trong một năm dương lịch và đơn vị tư vấn kiến trúc cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc tại Malaysia sẽ được quyền nộp các bản vẽ cho bất kỳ người nào hoặc cơ quan có thẩm quyền tại Malaysia theo năng lực trình độ của kiến trúc sư chuyên nghiệp trong đơn vị tư vấn kiến trúc đó.

(2) Không có nội dung trong bất kỳ văn bản luật nào khác ngăn cản bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc:

(a) định giá các tòa nhà và công trình, và các nhà máy, máy móc và thiết bị liên quan đến các tòa nhà hoặc công trình liên quan đến hoạt động chuyên môn của mình;

(b) chuẩn bị và đệ trình đơn xin phê duyệt quy hoạch, chuyển đổi, phân khu và bản vẽ tổng mặt bằng hợp nhất;

(c) thực hiện các nghiên cứu quy hoạch, nghiên cứu tác động môi trường liên quan đến sử dụng đất; và

(d) chuẩn bị các bản báo cáo quy hoạch cho bất kỳ cá nhân hoặc cơ quan nào ở Malaysia.

10. Điều kiện năng lực đăng bạ:

(1) (a) Theo Luật này, bất kỳ người nào có bằng cấp được Cục công nhận sẽ được quyền đăng bạ để trở thành kiến trúc sư tốt nghiệp.

(b) Theo Luật này, người được đăng bạ là kiến trúc sư tốt nghiệp theo đoạn (a) sẽ phải tập hợp đủ kinh nghiệm thực tế do Cục quy định và phải vượt qua kỳ thi sát hạch do Cục quyết định để được đăng bạ là kiến trúc sư chuyên nghiệp theo tiêu mục (2).

(2) Theo Luật này, những người sau đây sẽ được quyền đăng bạ theo Mục A của Đăng bạ là kiến trúc sư chuyên nghiệp:

(a) bất kỳ người nào –

(i) là kiến trúc sư tốt nghiệp;

(ii) đã có kinh nghiệm thực tế theo quy định của Cục và đỗ các kỳ thi sát hạch do Cục quyết định theo mục (1) (b); và

(iii) là thành viên hội đồng của Hội KTS Malaysia hoặc đã đạt được chứng chỉ mà Cục cho là tương đương.

(2A) Theo Luật này, bất kỳ ai có tên đã bị xoá khỏi Đăng bạ theo đoạn 16 (b) và không nộp đơn xin khôi phục trong vòng 05 năm kể từ ngày xoá sẽ được hưởng quyền đăng ký theo Mục A của Đăng bạ nếu người đó đã hoàn thành các yêu cầu nêu ở khoản (2) (a).

(3) Theo Luật này, chỉ có công dân hoặc người thường trú của Malaysia có đủ điều kiện đăng bạ với tư cách là kiến trúc sư tốt nghiệp hoặc kiến trúc sư chuyên nghiệp và không ai được quyền đăng bạ là kiến trúc sư chuyên nghiệp trừ khi anh ta đang ở thời điểm nộp đơn xin Đăng ký và đã có thời gian không ít hơn 6 tháng trước ngày nộp đơn, cư trú tại Malaysia.

(4) Không ai được đăng bạ là kiến trúc sư chuyên nghiệp nếu bất cứ lúc nào trước khi đăng ký có bất kỳ sự kiện hoặc hoàn cảnh nào mà Ủy ban Kỹ luật hủy qui trình đăng bạ của người đó theo khoản 15A (2).

(5) Các khoản 17 (3) và 28 (1) sẽ áp dụng qui tắc *sửa đổi thích hợp* đối với bất kỳ người bị yêu cầu từ chối theo tiểu mục (4).

10A. Đăng bạ tạm thời cho kiến trúc sư nước ngoài.

(1) Theo mục này và các điều kiện do Cục qui định, Cục có thể, sau khi trả phí theo quy định, phê duyệt việc đăng bạ tạm thời như kiến trúc sư chuyên nghiệp cho bất kỳ kiến trúc sư nước ngoài nào là tư vấn cho một dự án, được tài trợ hoàn toàn bởi chính phủ nước ngoài hoặc được thực hiện theo một thoả thuận song phương giữa các chính phủ.

(2) Một kiến trúc sư người nước ngoài có thể được xem xét đăng bạ tạm thời nếu đáp ứng được với Cục rằng

(a) Người đó có bằng cấp cần thiết được công nhận hành nghề kiến trúc như một kiến trúc sư tại quốc gia nơi người đó hành nghề; và

b) Người đó có chuyên môn cần thiết và phải có mặt ở Malaysia ít nhất 180 ngày trong năm dương lịch hoặc là đại diện thường trú của hợp phần nước ngoài trong liên doanh.

(3) Cục có thể chấp thuận đăng bạ tạm thời trong thời gian không quá một năm dương lịch và có thể gia hạn đăng bạ tạm thời khi thấy phù hợp.

(4) Bất kỳ kiến trúc sư nước ngoài nào không bằng lòng với quyết định của Cục từ chối đơn đăng bạ tạm thời hoặc gia hạn theo quy định tại khoản này có thể kháng cáo trong vòng 21 ngày kể từ ngày được thông báo về việc từ chối, tới Bộ trưởng, quyết định lúc đó sẽ là quyết định cuối cùng và sẽ không được kháng cáo.

(5) Kiến trúc sư nước ngoài đăng bạ theo mục 10 sẽ có giá trị đến khi hết hạn đăng bạ.

(6) Kiến trúc sư nước ngoài đăng bạ khi hết hạn có thể đăng bạ tạm thời theo quy định của mục này.

(7) Trong mục này, "kiến trúc sư nước ngoài" có nghĩa là kiến trúc sư không phải là công dân hoặc thường trú tại Malaysia.

PHẦN IV

HỦY, GẠCH TÊN, CẤP LẠI, ...

15. (Bãi bỏ).

15A. Quyền điều tra và chỉ định Ủy ban kỷ luật.

15B. (Bãi bỏ).

16. Gạch tên khỏi Đảng bạ.

17. Cấp lại

18. Trả lại Giấy chứng nhận.

15A. Quyền hạn và chỉ định Ủy ban kỷ luật.

(1) Cục chỉ định:

(a) một thành viên của Cục để điều tra bất kỳ hành vi sai trái, và khiếu nại nào chống lại kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc và

(b) Một Ủy ban kỷ luật bao gồm ba thành viên của Cục, không phải là người được chỉ định theo đoạn (a), tiến hành cuộc điều trần về bất kỳ hành vi sai trái hoặc khiếu nại nào được đề cập đến bởi thành viên của Cục được chỉ định theo đoạn (a).

(2) Ủy ban kỷ luật có thể yêu cầu ban hành văn bản khiển trách, áp dụng mức phạt tiền không quá 50.000 ringgit, đình chỉ trong thời gian không quá hai năm, huỷ bỏ đăng bạ của bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp hoặc kiến trúc sư tốt nghiệp, hoặc bất kỳ sự kết hợp của hai hoặc nhiều hành động trên, trong bất kỳ trường hợp sau:

(a) nếu anh ta mời chào hoặc chấp nhận bất kỳ khoản hoa hồng nào mà theo ý kiến của Ủy ban kỷ luật là khoản hoa hồng bất hợp pháp;

(b) nếu trong khi thực hiện chức năng chuyên môn của mình, đồng thời anh ấy không tiết lộ thông tin bằng văn bản cho khách hàng của mình, là một doanh nghiệp cá thể, đối tác, giám đốc hoặc thành viên hoặc cổ đông đáng kể trong hoặc đại lý cho bất kỳ công ty hợp đồng hoặc sản xuất hay hãng hoặc doanh nghiệp hoặc

có bất kỳ lợi ích tài chính nào trong công ty, hãng hoặc doanh nghiệp đó mà anh ta đại diện cho khách hàng;

(c) nếu việc đăng bạ của anh ấy theo Luật này có được do gian lận hoặc trình bày sai;

(d) nếu anh ta bị Ủy ban kỷ luật kết tội về bất kỳ hành động hoặc hành vi nào mà theo ý kiến của Ủy ban kỷ luật là đáng hổ thẹn;

(e) nếu anh ta bị Ủy ban kỷ luật phát hiện vi phạm hoặc không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Luật này hoặc các quy tắc được đưa ra.

(f) nếu anh ta không tuân theo bất kỳ điều kiện hoặc hạn chế nào theo đăng bạ;

(g) nếu anh ta kiếm cách, hoặc trợ giúp kiếm cách, hoặc là một bên kiếm cách có được, gian lận hoặc trình bày sai sự phê duyệt của Cục về doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh hoặc công ty được đăng bạ là đơn vị tư vấn kiến trúc;

(h) nếu anh ta che giấu hoặc giúp che giấu Cục hoặc Ủy ban kỷ luật về sự tồn tại của bất kỳ sự kiện hay tình huống nào mà nếu được biết, sẽ cho phép Ủy ban kỷ luật huỷ đăng bạ một doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh hoặc công ty, trong đó anh ấy là chủ doanh nghiệp cá thể, đối tác, giám đốc hoặc cổ đông, như là một đơn vị tư vấn kiến trúc;

(i) nếu anh ta vi phạm, hoặc không thực hiện hay hỗ trợ vi phạm bất kỳ điều khoản, điều kiện hoặc hạn chế nào do Cục ban hành khi đăng bạ một doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh hoặc công ty như một đơn vị tư vấn kiến trúc theo mục 7B hoặc mục 7A (3);

(j) nếu anh ta gây ra hoặc cho phép hoặc chịu đựng một doanh nghiệp cá thể, công ty hợp danh hoặc công ty mà anh ta là chủ doanh nghiệp cá thể, đối tác, giám đốc hoặc cổ đông để hành nghề tư vấn kiến trúc trước khi được Cục cho đăng bạ;

(k) nếu anh ta gây ra hoặc cho phép hoặc phải chịu đựng bất kỳ đơn vị tư vấn kiến trúc mà anh ta là chủ doanh nghiệp cá thể, đối tác, giám đốc hoặc cổ đông tiếp tục hành nghề như một đơn vị tư vấn kiến trúc sau khi Ủy ban kỷ luật đã đình chỉ hoặc huỷ bỏ đăng bạ theo đoạn 7A 5) (cc) hoặc (dd), tương ứng;

(l) nếu anh ta bị kết án về bất cứ hành vi phạm tội nào, bao gồm các hành vi phạm tội liên quan đến chứng gian lận, gian dối hoặc ngược đãi đạo đức ở Malaysia hoặc nơi khác;

(m) nếu văn bằng của mình theo mục 10 bị Cơ quan cấp văn bằng thu hồi hoặc huỷ bỏ;

(n) nếu người đó bị phát hiện có tâm thần bất ổn;

(o) nếu người đó bị phá sản; hoặc là

(p) nếu người đó bị phát hiện là không có khả năng hoặc không còn có thể thực hiện các nhiệm vụ chuyên nghiệp của mình một cách hiệu quả.

16. Gạch tên khỏi Đăng bạ.

Sẽ gạch tên khỏi danh sách đăng bạ và các chi tiết khác của:

(A) bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp hoặc kiến trúc sư tốt nghiệp nào đã chết hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc đã ngừng hành nghề;

(B) bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc nào không gia hạn đăng bạ của mình trong vòng một tháng kể từ ngày hết hạn đăng bạ;

(C) bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp hoặc kiến trúc sư tốt nghiệp nào đã bị huỷ đăng bạ theo mục 34A hoặc khoản 15A (2) hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc mà đăng bạ đã bị huỷ theo mục 34A, khoản 7B (3) hoặc khoản 7A (5)); hoặc là

(D) bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc mà đăng bạ bị tác động do bất kỳ nhầm lẫn hoặc lỗi do Cục khi xem xét đơn xin đăng bạ.

17. Cấp lại.

(1) Kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc mà tên của họ đã bị xoá khỏi Đăng bạ theo lệnh của Cục hoặc Ủy ban kỷ luật, nếu kháng nghị được chấp nhận, sẽ được khôi phục ngay lập tức và Giám đốc đăng bạ sẽ ban hành Giấy chứng nhận đăng bạ cho người đó.

(2) Bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc nào đã bị xoá tên khỏi Đăng bạ vì không gia hạn đăng bạ sẽ được phục hồi ngay sau khi đã thông báo cho GD đăng bạ trong vòng năm năm kể từ ngày bị gạch tên mong muốn được phục hồi và sau khi thanh toán các khoản phí được quy định và khi đáp ứng các điều kiện do Cục đưa ra, và GD đăng bạ sẽ cấp giấy chứng nhận đăng bạ cho người, đơn vị đó.

(3) Bất kỳ kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư tốt nghiệp hoặc đơn vị tư vấn kiến trúc nào đã bị xoá tên khỏi Đăng bạ theo lệnh của Cục hoặc Ủy ban kỷ luật và người đó đã không kháng cáo lệnh đó hoặc kháng cáo đã bị trả lại, sau khi hết hạn trong vòng hai năm kể từ ngày lệnh huỷ bỏ hoặc kể từ ngày quyết định của kháng cáo được áp dụng để khôi phục lại. Cục khi nhận được bằng chứng đầy đủ về các lý do hợp lý cho việc khôi phục và hoàn trả cho tất cả các chi phí do phát sinh từ quá trình tố tụng dẫn đến việc huỷ bỏ đăng ký và sau khi thanh toán lệ phí theo quy định, sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng bạ cho người đó.

PHẦN V

CÁC ĐIỀU KHOẢN ĐẶC BIỆT LIÊN QUAN ĐẾN HỌA VIÊN CÔNG TRÌNH

19. (Loại bỏ).

20. Cách hạn chế đối với họa viên công trình không đăng bạ.

21. Sổ đăng bạ của họa viên công trình.

22. Đăng bạ.

23. Thông báo thay đổi địa chỉ.

24. Các hạn chế đối với họa viên công trình.

25. Hủy đăng bạ, vv của họa viên công trình.

26. Gạch tên khỏi Sổ đăng bạ.

26A. Phục hồi.

27. Trả lại Giấy chứng nhận.

27A. Các hạn chế đối với nhà thiết kế nội thất chưa đăng bạ.

- 27B. Sổ đăng bạ và thiết kế nội thất.
- 27C. Đăng bạ.
- 27D. Điều kiện năng lực cho đăng bạ.
- 27E. Đơn vị tư vấn thiết kế nội thất.
- 27F. Thông báo thay đổi địa chỉ.
- 27G. Hủy đăng bạ, vv, của nhà thiết kế nội thất.
- 27 H. Gạch tên khỏi Sổ đăng bạ.
- 27I. Phục hồi.
- 27J. Trả lại giấy chứng nhận

PHẦN VI CHUNG

- 28. Kháng cáo.
- 29. Hội đồng kháng cáo.
- 30. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng kháng cáo.
- 31. Thủ tục kháng cáo.
- 32. Thủ tục của Hội đồng kháng cáo.
- 33. Hình phạt, đăng bạ theo hồ sơ giả mạo, sai, v.v ...
- 34. Hình phạt chung.
- 34A. Không tuân theo lệnh của Ủy ban kỷ luật, Cục, Ủy ban kháng cáo hoặc Bộ trưởng.
- 34B. Quyền hạn tìm kiếm và bắt giữ.
- 34C. Danh sách đồ bị tịch thu.
- 35. Quy tắc.

- 35A. Ủy quyền của Chủ tịch.
- 35B. Thông báo.
- 35C. Bồi thường.
- 35D. Bổ nhiệm người bào chữa và luật sư.
- 36. Kiến trúc sư cảnh quan và đóng tàu.
- 37. Ủy thác tài sản, v.v ...
- 38. Huỷ bỏ.
- 39 Dành quyền cho Chính phủ.
- 35. Quy tắc.

Cục có thể, với sự đồng ý của Bộ trưởng, ban hành các quy định cần thiết để thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các điều khoản của Luật này, nhưng không làm ảnh hưởng đến tính tổng quát của các điều đã nói ở trên,.

LUẬT KIẾN TRÚC SƯ 1967 CÁC QUY ĐỊNH KIẾN TRÚC SƯ 1996 CẤU TRÚC CÁC QUY ĐỊNH

PHẦN I MỞ ĐẦU

- 1. Trích dẫn và mở đầu.
- 2. Dẫn giải.

PHẦN II HÀNH CHÍNH

- 3. Các cuộc họp của Cục.
- 4. Thông báo họp.
- 5. Phiếu bầu.
- 6. Người được ủy nhiệm không được phép.
- 7. Biên bản.
- 8. Các Ủy ban.

9. GD đăng bạ.
10. Thư ký.
11. Tài khoản ngân hàng.
12. Tiền séc.
13. Tài khoản.
14. Chi tiêu của Cục.
15. Kiểm toán.
16. Năm tài chính.
- 16A. Phí

PHẦN III ĐĂNG BẠ

17. Mẫu đơn đăng bạ
18. Thời hạn để Cục quyết định về đơn.
19. Người nộp đơn phải được thông báo.
20. Đăng bạ.
21. Giấy chứng nhận đăng bạ.
22. Đơn xin gia hạn.
23. (Xóa)
24. Phí phục hồi.
25. Lệ phí cho các lĩnh vực hoạt động được phê duyệt.
26. Kinh nghiệm thực tế.
27. Điều kiện năng lực của kiến trúc sư nước ngoài.

PHẦN IV QUI TẮC ỨNG XỬ NGHỀ NGHIỆP VÀ ĐIỀU KIỆN THAM GIA

28. Quy tắc ứng xử nghề nghiệp.

29. Điều kiện tham gia.

PHẦN V ĐĂNG BẠ CỦA ĐƠN VỊ TƯ VẤN KIẾN TRÚC

30. Mẫu đơn và lệ phí.

31. Giấy chứng nhận đăng bạ.

32. Gia hạn giấy chứng nhận đăng bạ.

32A. Phí phục hồi

PHẦN VI CHUNG

33. Huỷ bỏ.

34. Lưu trữ.

CÁC DANH MỤC ĐI KÈM

DANH MỤC 1- PHẦN MỘT

MẪU A - GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ KIẾN TRÚC SƯ TỐT NGHIỆP

MẪU B - GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ KIẾN TRÚC SƯ CHUYÊN NGHIỆP

MẪU C - GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ HOẠ VIÊN CÔNG TRÌNH

MẪU D - CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ NHÀ THIẾT KẾ NỘI THẤT

MẪU E - CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ TẠM THỜI KIẾN TRÚC SƯ NƯỚC NGOÀI LÀ KIẾN TRÚC SƯ CHUYÊN NGHIỆP

MẪU F - GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN KIẾN TRÚC

MẪU G - GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN KIẾN TRÚC

MẪU H - GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN KIẾN TRÚC

MẪU I - GIẤY CHỨNG ĐĂNG BẠ LÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT

MẪU H – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG BẠ LÀ ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT

DANH MỤC 1- PHẦN HAI

LỆ PHÍ ĐĂNG BẠ, GIA HẠN, CẬP LẠI ĐĂNG BẠ VÀ CÁC PHỤ CHI HOẶC CÁC KHOẢN KHÁC CHO CHỨNG NHẬN LĨNH VỰC HÀNH NGHỀ

DANH MỤC 2

PHẦN MỘT – QUI TẮC ỨNG XỬ NGHỀ NGHIỆP CHO KTS CHUYÊN NGHIỆP

PHẦN HAI – QUI TẮC ỨNG XỬ NGHỀ NGHIỆP CHO HỌA VIÊN CÔNG TRÌNH

PHẦN BA – QUI TẮC ỨNG XỬ NGHỀ NGHIỆP CHO NHÀ THIẾT KẾ NỘI THẤT

DANH MỤC 3

PHẦN MỘT - ĐIỀU KIỆN THAM GIA CỦA KTS CHUYÊN NGHIỆP

PHẦN HAI – ĐIỀU KIỆN THAM GIA CỦA HỌA VIÊN CÔNG TRÌNH

PHẦN BA – ĐIỀU KIỆN THAM GIA CỦA NHÀ THIẾT KẾ NỘI THẤT

DANH MỤC 4

PHẦN MỘT – BẢN GHI NHỚ GIỮA KHÁCH HÀNG VÀ KTS CHUYÊN NGHIỆP CHO CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN KIẾN TRÚC

PHẦN HAI – BẢN GHI NHỚ GIỮA KHÁCH HÀNG VÀ NHÀ THIẾT KẾ NỘI THẤT CHO CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN THIẾT KẾ NỘI THẤT

CÁC QUI ĐỊNH KIẾN TRÚC SƯ 2010 (CÁC MỨC LỆ PHÍ TỐI THIỂU)

PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP LIÊN TỤC

Dành cho KTS chuyên nghiệp và KTS đăng bạ

Phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) là một quá trình học tập suốt đời nhằm duy trì, tăng cường hoặc nâng cao kiến thức và kỹ năng của kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư đăng bạ và họa viên công trình đăng bạ để đảm bảo kiến thức và khả năng của họ liên quan đến nhu cầu của xã hội.

Bắt buộc phải đăng bạ lại hàng năm của tất cả các kiến trúc sư chuyên nghiệp và KTS đăng bạ bắt đầu từ năm 2005

Hoàn thành mức điểm tối thiểu sẽ cho phép những người tương ứng có đủ điều kiện để gia hạn đăng ký của họ.

Yêu cầu về CPD

Những thể loại người đăng bạ sau đây phải tuân thủ các yêu cầu về CPD:

- Tất cả các kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư đăng bạ và họa viên công trình đăng bạ;

- Kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư đăng bạ và họa viên công trình đăng bạ nhưng đã bị gạch tên khỏi Sổ đăng bạ vì không gia hạn đăng bạ của mình và mong muốn được khôi phục phải tuân thủ các yêu cầu CPD cho năm trước khi khôi phục;

Miễn Trừ CPD

Kiến trúc sư chuyên nghiệp, kiến trúc sư đăng bạ và họa viên công trình đăng bạ có thể xin miễn khỏi các yêu cầu CPD bằng cách nộp đơn lên Cục nêu rõ các lý do cùng với bằng chứng và tài liệu thích hợp để Cục tiếp nhận trước ngày 1 tháng 12 của năm trước gia hạn đăng bạ.

Cục có quyền quyết định phê duyệt hoặc từ chối các đơn đó.

Điểm CPD

Tất cả các kiến trúc sư chuyên nghiệp phải hoàn thành tối thiểu mười (10) điểm CPD mỗi năm

Tất cả các kiến trúc sư đăng bạ phải hoàn thành tối thiểu sáu (6) điểm CPD mỗi năm

Tất cả các họa viên công trình đăng bạ phải hoàn thành ít nhất bốn (4) điểm CPD mỗi năm

Tất cả các kiến trúc sư chuyên nghiệp và kiến trúc sư đăng bạ từ 65 tuổi trở lên chỉ cần hoàn thành tối thiểu 5 điểm CPD cho việc gia hạn đăng ký hàng năm;

Các kiến trúc sư chuyên nghiệp nước ngoài được yêu cầu phải hoàn thành tối thiểu 5 điểm CPD trong khi kiến trúc sư đăng bạ yêu cầu tối thiểu là 2 điểm CPD.

Không giới hạn số điểm tín dụng tối đa cho mỗi loại CPD;

Số điểm tín dụng CPD dư thừa tích lũy cho mỗi năm có thể được chuyển sang năm sau tiếp theo;

Đối với việc tham dự bất kỳ sự kiện không được chấp thuận là CPD, đơn xin công nhận sự kiện như vậy có thể được đệ trình lên Cục

Cơ quan phát hành	Quốc vụ Viện nước Cộng hòa Nhân dân Trugn Hoa	Ngày công bố		Ngày có hiệu lực	
ĐIỀU LỆ ĐĂNG KÝ KIẾN TRÚC SƯ CỦA NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA					
Lệnh số 302 Quốc vụ Viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa					
Bộ Xây dựng nhà ở và đô thị, nông thôn Trung Quốc www.mohurd.cn 15/12/2000					

ĐIỀU LỆ ĐĂNG KÝ KIẾN TRÚC SƯ CỦA NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Ngày 23/9/1995

CHƯƠNG I. Nguyên tắc chung

Điều 1. Để tăng cường quản lý đối với kiến trúc sư đăng ký, nâng cao chất lượng và trình độ thiết kế kiến trúc, bảo đảm tính mạng công dân và an toàn tài sản, giữ gìn lợi ích công cộng xã hội, lập ra điều lệ này.

Điều 2. Gọi là kiến trúc sư đăng ký nói trong điều lệ này, là chỉ những người dựa theo luật pháp có được chứng chỉ đăng ký kiến trúc sư đồng thời làm công tác thiết kế kiến trúc nhà ở và những công việc liên quan khác.

Kiến trúc sư đăng ký chia thành kiến trúc sư đăng ký cấp I và kiến trúc sư đăng ký cấp II.

Điều 3. Thi cử, đăng ký và hành nghề của kiến trúc sư đăng ký, dùng theo điều lệ này.

Điều 4. Cơ quan chủ quản hành chính xây dựng, cơ quan chủ quản hành chính nhân sự của Quốc vụ Viện và cơ quan chủ quản hành chính xây dựng, cơ quan chủ quản hành chính nhân sự của chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc dựa theo những quy định của điều lệ này thực hiện chỉ đạo và đôn đốc giám sát thi cử, đăng ký, hành nghề đối với kiến trúc sư đăng ký.

Điều 5. Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc và Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký của tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc, dựa theo quy định của điều lệ này phụ trách công tác cụ thể thi cử và đăng ký kiến trúc sư đăng ký.

Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc gồm đại diện của cơ quan chủ quản hành chính xây dựng, cơ quan chủ quản hành chính nhân sự, cơ quan chủ quản hành chính cơ quan khác có liên quan của Quốc vụ Viện và các chuyên gia thiết kế kiến trúc.

Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký của tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc gồm đại diện của cơ quan chủ quản hành chính xây dựng, cơ quan chủ quản hành chính nhân sự, cơ quan chủ quản hành chính cơ quan khác có liên quan của tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc và các chuyên gia thiết kế kiến trúc.

Điều 6. Kiến trúc sư đăng ký có thể lập Hiệp Hội Kiến trúc sư đăng ký, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên.

CHƯƠNG II. Thi và đăng ký

Điều 7. Nhà nước thực hiện chế độ thi cử thống nhất trong toàn quốc đối với kiến trúc sư đăng ký. Biện pháp thi kiến trúc sư đăng ký thống nhất toàn quốc, do cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của Quốc vụ Viện cùng cơ quan chủ quản hành chính nhân sự của Quốc vụ Viện thương lượng cùng với cơ quan chủ quản hành

chính có liên quan khác của Quốc vụ Viện cùng lập ra, do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc thực thi.

Điều 8. Phù hợp một trong những điều kiện dưới đây, có thể xin tham gia thi kiến trúc sư đăng ký: cấp I:

(I). Có được học vị từ thạc sĩ kiến trúc trở lên hoặc học vị tiến sĩ chuyên ngành tương tự, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 2 năm trở lên;

(II). Có được học vị học sĩ kiến trúc hoặc học vị thạc sĩ chuyên ngành tương tự, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 3 năm trở lên;

(III). Có học lực tốt nghiệp đại học chuyên ngành kiến trúc, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 5 năm trở lên, hoặc có được học lực tốt nghiệp đại học chuyên ngành tương tự chuyên ngành kiến trúc đồng thời làm việc thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 7 năm trở lên;

(IV). Có chức danh kỹ thuật công trình sư cao cấp đồng thời làm nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 3 năm trở lên, hoặc có được chức danh kỹ thuật công trình sư đồng thời làm nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 5 năm trở lên;

(V). Không có những điều kiện quy định ở 4 mục trên, nhưng có thành tích thiết kế đặc biệt, được Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký nhận thấy đạt được trình độ chuyên môn quy định ở 4 mục trên.

Điều 9. Phù hợp một trong những điều kiện dưới đây, có thể xin tham gia thi kiến trúc sư đăng ký cấp II:

(I). Có học lực tốt nghiệp đại học khoa kiến trúc hoặc chuyên ngành tương tự trở lên, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 2 năm trở lên;

(II). Có học lực tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật thiết kế kiến trúc hoặc chuyên ngành tương tự trở lên, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 3 năm trở lên;

(III). Có học lực tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp 4 năm chuyên ngành kỹ thuật thiết kế kiến trúc, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 5 năm trở lên;

(IV). Có học lực tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp chuyên ngành gắn với kỹ thuật thiết kế kiến trúc, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 7 năm trở lên;

(V). Có được chức danh kỹ thuật trợ lý công trình sư trở lên, đồng thời theo nghề thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan từ 3 năm trở lên;

Điều 10. Những nhân viên thiết kế kiến trúc trước khi thi hành điều lệ này đã có được chức danh kỹ thuật cao cấp, kỹ thuật trung cấp, được đơn vị sở tại giới thiệu, có thể dựa theo quy định biện pháp thi cử đăng ký kiến trúc sư thống nhất toàn quốc, miễn thi một số chuyên mục.

Điều 11. Thi đăng ký kiến trúc sư đạt yêu cầu, có được tư cách kiến trúc sư đăng ký tương ứng, có thể xin đăng ký.

Điều 12. Đăng ký kiến trúc sư đăng ký cấp I, do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc phụ trách; Đăng ký kiến trúc sư đăng ký cấp II, do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc quản lý.

Điều 13. Có 1 trong những trường hợp dưới đây, không được đăng ký:

- (I). Không có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- (II). Do có tội hình sự, chưa đủ 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt đến ngày xin đăng ký;
- (III). Bị xử phạt hành chính do có sai phạm trong thiết kế kiến trúc hoặc trong công việc liên quan bị xử phạt hành chính hoặc thi hành kỷ luật hành chính bãi chức, chưa đủ 2 năm kể từ ngày quyết định xử phạt đến ngày xin đăng ký;
- (IV). Bị xử phạt hành chính thu hồi chứng chỉ kỹ sư đăng ký, chưa đủ 5 năm kể từ ngày quyết định xử phạt tới ngày xin đăng ký;
- (V). Những trường hợp khác do Quốc vụ Viện quy định không cho phép đăng ký.

Điều 14. Hội đồng quản lý đăng ký kiến trúc sư toàn quốc và Hội đồng quản lý đăng ký kiến trúc sư tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc dựa theo quy định của điều 13 điều lệ này, quyết định không cho phép đăng ký, trong vòng 15 ngày kể từ ngày quyết định phải thông báo cho người xin đăng ký; Người xin đăng ký có ý kiến khác, có thể trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xin cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của Quốc vụ Viện hoặc cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc xem xét lại.

Điều 15. Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc cần lập danh sách kiến trúc sư đăng ký cấp I đã được phê duyệt đăng ký báo cho cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của Quốc vụ Viện để lưu hồ sơ; Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc cần lập danh sách kiến trúc sư đăng ký cấp II đã được phê duyệt đăng ký báo cho cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của tỉnh, khu tự trị, thành phố để lưu hồ sơ.

Cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của Quốc vụ Viện hoặc cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của tỉnh, khu tự trị, thành phố nếu phát hiện việc đăng ký của Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký có liên quan không phù hợp với quy định của bản điều lệ này, cần thông báo cho Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký có liên quan để hủy bỏ việc đăng ký, thu hồi chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký.

Điều 16. Người xin đã được cho phép đăng ký, lần lượt do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc và Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc cấp phát chứng chỉ kiến trúc sư cấp I hoặc chứng chỉ kiến trúc sư cấp II do cơ quan chủ quản hành chính xây dựng Quốc vụ Viện thống nhất làm.

Điều 17. Thời gian có hiệu lực của đăng ký kiến trúc sư đăng ký là 2 năm. Đủ hết kỳ hạn có hiệu lực cần tiếp tục đăng ký, nên trong thời gian 30 ngày trước khi hết kỳ hạn có hiệu lực làm các thủ tục đăng ký.

Điều 18. Người đã có được chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký, ngoài quy định của khoản 2 điều 15 trong điều lệ này, sau khi đăng ký có 1 trong những trường hợp dưới đây, do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc hoặc Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc đã cho phép đăng ký, sẽ hủy bỏ đăng ký, thu hồi chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký:

- (I). Hoàn toàn mất năng lực hành vi dân sự;
- (II). Chịu xử phạt hình sự;
- (III). Do phạm sai lầm trong thiết kế kiến trúc hoặc công việc có liên quan, bị xử phạt hành chính hoặc thi hành kỷ luật từ bãi chức trở lên;
- (IV). Tự ngừng hành nghề kiến trúc sư đăng ký trên 2 năm. Người đương sự bị bãi bỏ đăng ký có ý kiến khác đối với việc bãi bỏ đăng ký, thu hồi chứng chỉ kiến trúc

sự đăng ký, có thể trong vòng 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận được thông báo hủy bỏ đăng ký, thu hồi chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký xin cơ quan chủ quản hành chính xây dựng Quốc vụ Viện hoặc cơ quan chủ quản hành chính xây dựng tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc xem xét lại.

Điều 19. Người bị hủy bỏ đăng ký có thể xin đăng ký lại theo quy định của điều lệ này.

CHƯƠNG III. Hành nghề

Điều 20. Phạm vi hành nghề của kiến trúc sư đăng ký:

(I). Thiết kế kiến trúc;

(II). Tư vấn kỹ thuật thiết kế kiến trúc;

(III). Điều tra và kiểm định công trình kiến trúc;

(IV). Tiến hành chỉ đạo thi công hoặc đôn đốc giám sát đối với dự án mà bản thân mình chủ trì thiết kế;

(V). Những công việc khác mà cơ quan chủ quản hành chính xây dựng Quốc vụ Viện quy định.

Điều 21. Kiến trúc sư đăng ký hành nghề công việc, cần gia nhập đơn vị thiết kế kiến trúc. Cấp bậc năng lực của đơn vị thiết kế kiến trúc và phạm vi nghiệp vụ của nó, do cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của Quốc vụ Viện quy định.

Điều 22. Phạm vi hành nghề của kiến trúc sư đăng ký cấp I không chịu sự hạn chế của quy mô kiến trúc và mức độ phức tạp của công trình. Phạm vi hành nghề của kiến trúc sư đăng ký cấp II không được vượt quá quy mô kiến trúc và mức độ phức tạp của công trình mà nhà nước quy định.

Điều 23. Kiến trúc sư đăng ký hành nghề công việc, do đơn vị thiết kế kiến trúc thống nhất tiếp thu ủy thác và thống nhất thu phí.

Điều 24. Do chất lượng thiết kế mà tạo ra tổn thất kinh tế, do đơn vị thiết kế kiến trúc chịu trách nhiệm bồi thường; Đơn vị thiết kế kiến trúc có quyền đòi kiến trúc sư đăng ký ký tên phải bồi thường.

CHƯƠNG IV. Quyền lợi và nghĩa vụ

Điều 25. Kiến trúc sư đăng ký có quyền lấy danh nghĩa kiến trúc sư đăng ký hành nghề công việc của kiến trúc sư đăng ký.

Kiến trúc sư không đăng ký không được lấy danh nghĩa kiến trúc sư đăng ký hành nghề công việc kiến trúc sư đăng ký. Kiến trúc sư đăng ký cấp II không được lấy danh nghĩa kiến trúc sư đăng ký cấp I để hành nghề, cũng không được hành nghề công việc vượt ngoài phạm vi hành nghề kiến trúc sư đăng ký cấp II mà nhà nước quy định.

Điều 26. Công trình nhà ở vượt khẩu độ, vượt đường kính, vượt chiều cao mà nhà nước quy định, phải do kiến trúc sư đăng ký tiến hành thiết kế.

Điều 27. Bất kỳ một đơn vị và cá nhân nào sửa chữa bản vẽ của kiến trúc sư đăng ký, cần được sự đồng ý của kiến trúc sư đăng ký đó; Nhưng, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt không thể trưng cầu được sự đồng ý của kiến trúc sư đăng ký.

Điều 28. Kiến trúc sư đăng ký cần thi hành những nghĩa vụ dưới đây:

(I). Tôn trọng luật pháp, luật lệ và đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ lợi ích chung của xã hội;

(II). Bảo đảm chất lượng thiết kế kiến trúc, đồng thời ký tên trên bản vẽ thiết kế mà mình phụ trách;

(III). Giữ gìn bí mật kiến thức của đơn vị và cá nhân trong hành nghề;

(IV). Không được đồng thời nhận lời mời thực hiện công việc từ 2 đơn vị thiết kế kiến trúc trở lên;

(V). Không cho phép người khác lấy danh nghĩa của bản thân mình thực hiện công việc.

CHƯƠNG V. Trách nhiệm pháp luật

Điều 29. Dùng những thủ đoạn không chính đáng để đạt yêu cầu thi đăng ký kiến trúc sư hoặc chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký, do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc hoặc Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký tỉnh, khu tự trị, thành phố hủy bỏ kết quả thi đạt yêu cầu hoặc thu hồi chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký; Dựa theo luật pháp xử phạt hành chính đối với những người chủ quản chịu trách nhiệm trực tiếp và những người chịu trách nhiệm khác.

Điều 30. Chưa đăng ký tự tiện lấy danh nghĩa kiến trúc sư đăng ký làm công việc của kiến trúc sư đăng ký, do cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của chính quyền nhân dân từ cấp huyện trở lên lệnh ngừng hoạt động phi pháp, thu hồi những thứ có được do phạm pháp, đồng thời có thể xử khoản phạt gấp 5 lần trở xuống do phạm pháp có được; gây ra tổn thất, cần chịu trách nhiệm bồi thường.

Điều 31. Kiến trúc sư đăng ký vi phạm quy định của điều lệ này, có 1 trong những hành vi dưới đây, do cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của chính quyền nhân dân từ cấp huyện trở lên lệnh ngừng hoạt động phi pháp, thu hồi những thứ có được do phạm pháp, đồng thời có thể xử khoản phạt gấp 5 lần trở xuống do phạm pháp có được; Tình tiết nghiêm trọng, có thể lệnh ngừng thực hiện công việc hoặc do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc hoặc Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký tỉnh, khu tự trị, thành phố thu hồi chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký.

(I). Lấy danh nghĩa cá nhân tiếp nhận công việc kiến trúc sư đăng ký, thu phí;

(II). Đồng thời nhận lời mời thực hiện công việc từ 2 đơn vị thiết kế kiến trúc trở lên;

(III). Trong thiết kế kiến trúc hoặc trong công việc có liên quan xâm phạm lợi ích hợp pháp của người khác;

(IV). Cho phép người khác lấy danh nghĩa của bản thân mình thực hiện công việc;

(V). Kiến trúc sư đăng ký cấp II lấy danh nghĩa của kiến trúc sư cấp I thực hiện công việc hoặc thực hiện công việc vượt quá phạm vi hành nghề mà nhà nước quy định.

Điều 32. Do chất lượng thiết kế kiến trúc không đạt yêu cầu xảy ra sự cố trách nhiệm nghiêm trọng, gây lên tổn thất lớn, đối với kiến trúc sư đăng ký chịu trách nhiệm tiếp thiết kế kiến trúc, do cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của chính quyền nhân dân từ cấp huyện trở lên lệnh ngừng thực hiện công việc; Tình tiết nghiêm trọng, do Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký toàn quốc hoặc Hội đồng quản lý kiến trúc sư đăng ký tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc thu hồi chứng chỉ kiến trúc sư đăng ký.

Điều 33. Vi phạm quy định của điều lệ này, chưa được sự đồng ý của kiến trúc sư đăng ký, tự ý sửa chữa bản vẽ thiết kế đó, do cơ quan chủ quản hành chính xây dựng của chính quyền nhân dân từ cấp huyện trở lên lệnh sửa chữa; gây nên tổn thất, phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Điều 34. Vi phạm quy định của điều lệ này, cấu thành tội phạm, dựa theo luật pháp truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG VI. Điều khoản bổ sung

Điều 35. Đơn vị thiết kế kiến trúc gọi trong điều lệ này là bao gồm đơn vị thiết kế công trình chuyên làm công việc thiết kế kiến trúc và đơn vị thiết kế công trình khác làm công việc thiết kế kiến trúc.

Điều 36. Người nước ngoài xin tham gia thi và đăng ký thống nhất toàn quốc kiến trúc sư đăng ký Trung Quốc và kiến trúc sư nước ngoài xin thực hiện công việc kiến trúc sư đăng ký trong phạm vi nước Trung Quốc, dựa theo nguyên tắc cấp bậc và địa vị ngang nhau để làm việc.

Điều 37. Điều lệ này thi hành kể từ ngày ký.

Các Sắc lệnh, Nghị định, Thông tư
CÁC VĂN BẢN CHUNG
BỘ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN
Nghị định ngày 10 tháng 4 năm 2007

Về tư cách của Kiến trúc sư tốt nghiệp cấp quốc gia
hành nghề đứng tên mình

NOR : MCCL0750837A

Bộ trưởng Bộ Văn hóa và thông tin,

Căn cứ theo Chỉ thị số 85/384/CEE của Hội đồng ngày 10 tháng 6 năm 1985, nhằm vào việc công nhận bằng cấp, chứng chỉ và các chức danh về lĩnh vực kiến trúc và bao gồm các biện pháp để dễ dàng hành nghề hiệu quả về quyền xây dựng và tự do cung cấp dịch vụ, được sửa đổi bởi chỉ thị số 2001/19/CE của Nghị viện và Hội đồng ngày 14 tháng 5 năm 2001;

Căn cứ theo Bộ luật lao động, đặc biệt tại quyền IX;

Căn cứ luật sửa đổi số 77-2 ngày 3 tháng 1 năm 1977 về kiến trúc;

Căn cứ sắc lệnh sửa đổi số 78-67 ngày 16 tháng 1 năm 1978, về áp dụng các điều 10, 11 và 38 của luật số 77-2 ngày 3 tháng 1 năm 1977, liên quan đến các điều kiện được yêu cầu để đăng ký vào bảng kiến kiến trúc sư trong khu vực, đặc biệt là điều 2;

Căn cứ sắc lệnh số 98-2 ngày 2 tháng 1 năm 1998, quy định các điều kiện hợp lệ về học tập, kinh nghiệm nghề nghiệp hoặc đạt yêu cầu cá nhân để được vào học ngành kiến trúc;

Căn cứ theo sắc lệnh số 2005-734 ngày 30 tháng 6 năm 2005 liên quan đến việc học ngành kiến trúc;

Căn cứ theo nghị định ngày 20 tháng 7 năm 2005 về ủy ban văn hóa, khoa học và kỹ thuật về việc đào tạo ngành kiến trúc và các điều kiện đạt tư cách cấp bằng cấp được xác định trong sắc lệnh số sắc lệnh số 2005-734 ngày 30 tháng 6 năm 2005 liên quan đến việc học ngành kiến trúc ;

Căn cứ nghị định ngày 20 tháng 7 năm 2005, liên quan đến các phương thức đăng ký trong các trường đại học kiến trúc quốc gia;

Căn cứ nghị định ngày 20 tháng 7 năm 2005, về việc cấu trúc hóa và các phương thức hợp thức hóa về giảng dạy trong việc học ngành kiến trúc ;

Căn cứ theo thông báo của Ủy ban giảng dạy cấp cao về kiến trúc ngày 29 tháng 6 năm 2005;

Quyết định : TI

TIÊU ĐỀ I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1- Tư cách kiến trúc sư tốt nghiệp cấp Nhà nước để hành nghề đứng tên mình với vai trò là tổng thầu xây dựng cho phép những người được cấp bằng chịu các trách nhiệm cá nhân quy định tại các điều từ 3 đến 10 của luật ngày 3 tháng 1 năm 1977 nêu trên.

Điều 2- Việc đào tạo đạt tư cách đương nhiên có thể chấp nhận cho tất cả những người được nhận bằng tốt nghiệp kiến trúc sư quốc gia được cấp bởi một trường đại học kiến trúc quốc gia được đặt dưới sự giám hộ của Bộ trưởng phụ trách ngành kiến

trúc và có tư cách cấp cho họ, nếu một bằng tốt nghiệp cấp bởi các trường giảng dạy ngành kiến trúc không nằm trong sự giám hộ của Bộ trưởng và được người Bộ trưởng này công nhận hoặc với chức danh tại Pháp hoặc nước ngoài được chấp nhận miễn hoặc nhận một tấm bằng tốt nghiệp kiến trúc sư quốc gia tương đương ở Pháp, theo Chi thị ngày 10 tháng 6 năm 1985 nói trên hoặc theo sắc lệnh ngày 16 tháng 1 năm 1978 nói trên.

Điều 3: Tư cách được cấp trong phạm vi đào tạo được chấp thuận, hoặc là trực tiếp sau khi được nhận một trong các tấm bằng hoặc chức danh nói ở điều 2, hoặc là sau giai đoạn hoạt động nghề nghiệp với tư cách là kiến trúc sư tốt nghiệp cấp Nhà nước chia sẻ vốn hiểu biết kinh nghiệm của mình. Trong hai trường hợp này, việc hợp thức hóa việc học tập, kinh nghiệm nghề nghiệp hoặc vốn hiểu biết cá nhân, được quy định bởi sắc lệnh ngày 2 tháng 1 năm 1998 nêu trên, cho phép xem xét việc đào tạo toàn bộ hoặc một phần kiến thức và năng lực đạt được.

Điều 4:- Việc đào tạo do các trường đại học kiến trúc quốc gia được đặt dưới sự giám hộ của bộ trưởng phụ trách về ngành kiến trúc và các trường giảng dạy ngành kiến trúc chưa được đặt dưới sự giám hộ của người bộ trưởng này và trong đó bằng Bộ trưởng nhân danh nhà nước công nhận.

Thời gian đào tạo là 1 năm cho những thí sinh đăng ký đào tạo ngay khi được cấp bằng kiến trúc sư Nhà nước.

Điều 5 - : Tư cách của các trường cấp tư cách kiến trúc sư có bằng quốc gia hành nghề đứng tên mình được bộ trưởng phụ trách ngành kiến trúc thỏa thuận với các trường này cho một thời gian tối đa là 4 năm, sau khi Ủy ban văn hóa, khoa học và kỹ thuật thông báo về việc xem xét hồ sơ nêu rõ các phương thức tổ chức đào tạo. Hồ sơ này do Ủy ban sư phạm và nghiên cứu đặt trong các trường soạn thảo. Hồ sơ được thảo luận và được hợp thức hóa lần cuối cùng bởi Hội đồng quản trị.

TIÊU ĐỀ II : TỔ CHỨC VÀ NỘI DUNG ĐÀO TẠO

Điều 6: -Qua việc đào tạo này, kiến trúc sư được cấp bằng quốc gia phải chứng tỏ rằng mình có hiểu biết và kết hợp với các quy tắc và các ràng buộc liên quan đến việc hành nghề cá nhân của đồ án, chứng minh rằng họ làm chủ được chúng và có năng lực sử dụng chúng trong bước đánh giá phê bình.

Điều 7: Việc đào tạo phải cho phép kiến trúc sư cấp bằng nhà nước hoặc những người nhận bằng hoặc nhận các chức danh nêu tại điều 2 được lĩnh hội, đào tạo chuyên sâu hoặc cập nhật các kiến thức của mình trong ba lĩnh vực quy định về:

-Các trách nhiệm cá nhân về hành nghề : sáng tạo hoặc quản lý các doanh nghiệp ngành kiến trúc, các quy tắc hành nghề, các câu hỏi về đàm phán thương lượng về nhiệm vụ(hợp đồng, bảo hiểm), các mối quan hệ với các đối tác(đồng nhận thầu....), việc quản lý và các kỹ thuật theo dõi công trường;

-Kinh tế của đồ án: Xác định giá mục tiêu, các liên kết với những người chủ chốt(nhà kinh tế, các văn phòng thiết kế kỹ thuật, các doanh nghiệp);

-Các quy định, các tiêu chuẩn xây dựng, sử dụng

Điều 8:- Ngay từ đầu về đào tạo, nghị thức được thông qua giữa kiến trúc sư được cấp bằng Nhà nước và trường đào tạo trên một chương trình đào tạo liên kết, được hiệu trưởng phụ trách học tập(hoặc một đội ngũ giáo viên trong đó có giám đốc phụ trách học tập) phụ trách theo dõi các thí sinh trong suốt thời gian đào tạo của người này cho đến khi có đánh giá cuối cùng. Nghị thức này được lập trên cơ sở quá trình đào tạo trước đó của thí sinh, về những vốn hiểu biết về nghề nghiệp và cá nhân, về những nguyện vọng và bất cứ yếu tố với bản chất định hướng đồ án đào tạo cá nhân. Người thí sinh xác định các yếu tố đào tạo được quy định tại điều 7, có thể được coi là đã đạt yêu cầu trên cơ sở kinh nghiệm và quá trình đào tạo của họ trước đó.

Điều 9: Một Ủy ban, có thể bao gồm các thành viên ủy ban được quy định tại điều 9 của nghị định ngày 20 tháng 7 năm 2005 nêu trên có liên quan đến các phương thức đăng ký trong các trường đại học kiến trúc quốc gia , và bao gồm một nửa số lượng kiến trúc sư thực hành nghề, tuyên bố về các nghị thức được xác định tại điều 8, về các kiến thức có thể coi như kiến trúc sư đã lĩnh hội được. Các thành viên do hiệu trưởng trường bổ nhiệm theo đề xuất của hội đồng quản trị.

TIÊU ĐỀ III : CÁC PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO

Điều 10-Việc đào tạo hướng dẫn theo tư cách của kiến trúc sư được cấp bằng Nhà nước hành nghề đứng tên mình bao gồm và kết hợp :

- các hoạt động giảng dạy lý thuyết, giảng dạy thực hành và giảng dạy kỹ thuật được cấp trong trường đại học kiến trúc ;
- Thực hiện hành nghề trong phạm vi được thực hiện ở các lĩnh vực hành nghề kiến trúc và đô thị.

Điều 11: Các hoạt động giảng dạy lý thuyết và thực hành bổ sung, dưới hình thức khóa học, hội thảo và các công việc được hướng dẫn góp phần vào kiến thức và việc làm chủ các ràng buộc liên quan đến đồ án và việc thực hiện nó, trong hoạt động tương lai, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, quy chế, quy chế hành nghề và trách nhiệm. Chúng góp phần vào việc hành nghề với lượng kiến thức và sự hiểu biết lớn nhất về các phương thức hành nghề, về các lĩnh vực, và các hoàn cảnh, phương pháp và công cụ về hành nghề cũng như những yếu tố chủ chốt ảnh hưởng đến điều này. Các yếu tố này sẽ bổ sung với đóng góp mà kiến trúc sư được cấp bằng Nhà nước đưa ra bằng kinh nghiệm thực hành nghề của mình. Chúng được xem xét với các điều kiện thực hành nghề ngay cũng như là những triển vọng phát triển.

Điều 12: -Một hoặc nhiều trường hợp thực hành dùng để hỗ trợ, trong phạm vi giảng dạy lý thuyết và thực hành, nhằm đảm bảo việc làm chủ việc đối chiếu thiết kế với thực tế đồ án và khả năng tự chủ của thí sinh về một hoặc nhiều câu hỏi về việc thực hiện đồ án.

Điều 13: Giai đoạn thực hành nghề được đóng khung trong các môi trường hành nghề được tổ chức bởi các trường đại học kiến trúc quốc gia có liên quan đến các tổ chức nghề. Giai đoạn này phải đặt kiến trúc sư được cấp bằng Nhà nước vào hoàn cảnh làm tổng thầu xây dựng và góp phần vào các mục tiêu của nghị thức đào tạo ban đầu như đã xác định tại điều 8. Nó ảnh hưởng từ hợp đồng, có phù hợp với hoàn cảnh của người kiến trúc sư được cấp bằng Nhà nước, mà được lập giữa cấu trúc tiếp nhận, người có liên quan và trường giảng dạy họ, phải nêu rõ thù lao của mình và các điều kiện theo dõi các hoạt động giảng dạy của trường và chi tiết các kiến thức lĩnh hội được mong đợi từ việc thực hành nghề. Với điều kiện hợp thức hóa các kiến thức lĩnh

hội được, thì thời gian lĩnh hội các kiến thức này là một thời gian tương đương ít nhất là 6 tháng đào tạo chương trình chính quy.

TIÊU ĐỀ IV HỢP THỨC HÓA ĐÀO TẠO

Điều 14 - Các hoạt động giảng dạy được giao thực hiện trong các trường đại học kiến trúc quốc gia được đánh giá hoặc bởi sự kiểm tra liên tục, hoặc bởi các kỳ thi cuối, hoặc bởi hai hình thức kiểm tra kết hợp này, theo các phương thức được hội đồng quản trị của trường quyết định và được thực hiện bởi hiệu trưởng. Hai kỳ thi kiểm tra kiến thức được tổ chức hàng năm theo nghị định ngày 20 tháng 7 năm 2005 ở trên liên quan đến việc cấu trúc hóa và các phương thức hợp thức hóa các hoạt động giảng dạy trong trường kiến trúc. Các hoạt động giảng dạy được giao thực hiện trong các trường đại học kiến trúc quốc gia tương ứng tối thiểu là 150 giờ trong phạm vi các giáo viên đã khoan vùng. Các hoạt động này cho phép hợp thức hóa ba mươi tín chỉ theo chương trình học ở châu Âu.

Điều 15-Giai đoạn thực hành được đánh giá liên tục. Giai đoạn này cho phép hợp thức hóa ba mươi tín chỉ theo chương trình học ở châu Âu. Dựa vào hợp đồng như được xác định như tại điều 13, người phụ trách tại nơi tiếp nhận theo dõi hàng tháng kiểm tra việc thực hiện của các đối tượng được xác định trong phạm vi này và gửi các đánh giá đến hiệu trưởng phụ trách học tập. Văn bản này được đưa ra cho các thành viên giám khảo khi bảo vệ luận án như được xác định tại các điều 16 và 17.

Điều 16: - Tư cách của kiến trúc sư được cấp bằng Nhà nước thực hiện vai trò là tổng thầu xây dựng đứng tên mình được cấp sau khi bảo vệ luận án trước hội đồng giám khảo. Khi thí sinh trình bày, Hội đồng giám khảo phải kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu cá nhân được xác định trong nghị thức đào tạo ban đầu và việc hợp thức hóa ba lĩnh vực lĩnh hội được và về các kiến thức như được xác định tại điều 7. Trong khi bảo vệ luận án, thí sinh phải trình bày mọi yếu tố cần thiết đến việc chứng minh, theo các phương thức do hiệu trưởng phụ trách học tập thực hiện hợp thức hóa và ở trước thời điểm cuối cùng.

Điều 17 – Hội đồng giám khảo gồm ít nhất 5 thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba là kiến trúc sư hành nghề, giảng viên hoặc là không, một kiến trúc sư kiêm giảng viên đến từ một trường khác và một người nữa được đề xuất bởi hội đồng khu vực thuộc trong đoàn kiến trúc. Người phụ trách theo dõi kiến trúc sư được cấp bằng Nhà nước trong khi thực hành nghề sẽ được trường mời đến. Hiệu trưởng phụ trách học tập phụ trách việc theo dõi kiến trúc sư trong suốt thời gian đào tạo sẽ tham dự luận án. Từng người tham gia vào nhu cầu thảo luận để chứng minh hội đồng giám khảo không theo hình thức quyền biểu quyết.

Điều 18: Phương thức bổ nhiệm các thành viên hội đồng giám khảo và các quy định hoạt động sẽ thực hiện theo các quy định điều 7 của nghị định ngày 20 tháng 7 năm 2005 nêu trên liên quan đến việc cấu trúc hóa và các phương thức hợp thức hóa các hoạt động giảng dạy trong học ngành kiến trúc.

Điều 19-Danh sách các hiệu trưởng học tập phụ trách về theo dõi các kiến trúc sư có bằng tốt nghiệp cấp nhà nước trong suốt thời gian đào tạo được lập theo đề xuất của hội đồng phụ trách học tập và do hội đồng quản trị của trường thực hiện hợp thức hóa.

Điều 20-Tư cách của kiến trúc sư có bằng tốt nghiệp cấp nhà nước hành nghề với vai trò là tổng thầu xây dựng đứng tên mình được Hiệu trưởng trường nhân danh nhà nước cấp sau khi có quyết định của Hội đồng ban giám khảo. Chứng nhận đạt được tư

cách sẽ được trao đổi với người có liên quan trong thời hạn 1 tháng. Biên bản thảo luận của Hội đồng ban giám khảo được trao đổi với từng thí sinh. Thí sinh phải ghi từng các đánh giá của hội đồng giám khảo và, trong trường hợp nếu có, tùy theo động cơ, ghi cả các yếu tố đào tạo chưa đạt.

Điều 21- Hiệu trưởng phụ trách về kiến trúc và di sản, hiệu trưởng phụ trách ngành kiến trúc và các hiệu trưởng trường đại học kiến trúc quốc gia phụ trách, những người có liên quan thực hiện nghị định này, sẽ được công bố trên Công báo chính thức của Cộng hòa Pháp.

Lập tại Paris ngày 10 tháng 4 năm 2007.
RENAUD DONNEDIEU DE VABRES

DỊCH VỤ KIẾN TRÚC VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT - WTO

I. GIỚI THIỆU

1. Ban thư ký đã chuẩn bị bản ghi nhớ này theo yêu cầu của Hội đồng Thương mại Dịch vụ.

Văn bản này nhằm cung cấp thông tin cơ bản cho các cuộc thảo luận theo ngành do Hội đồng tiến hành như là một phần của chương trình trao đổi thông tin. Cũng giống như các văn bản trước đây của Ban thư ký, lưu ý này chứa thông tin cơ bản và tổng quát về thương mại dịch vụ của ngành có liên quan để tạo thuận lợi cho việc thảo luận các vấn đề có liên quan của các Thành viên và do đó không được xem là đầy đủ. Người ta hy vọng rằng sẽ có thêm thông tin vào thời điểm thích hợp.

Theo các đề xuất được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng tổ chức vào ngày 24-25 tháng 6, một danh sách các vấn đề thảo luận đã được thêm vào Phụ lục của thông báo này. Những câu hỏi này chỉ nhằm mục đích tạo điều kiện cho các Thành viên chuẩn bị cho các cuộc thảo luận trong cuộc họp của Hội đồng, và không phải là đầy đủ. Chúng không nên được hiểu là dấu hiệu cho bất kỳ quan điểm hoặc giải thích cụ thể nào của GATS do Ban Thư ký hoặc các đoàn đại biểu nắm giữ.

2. Trong quá trình đàm phán vòng đàm phán Uruguay, Ban Thư ký đã đưa ra một ghi chú "Thương mại Dịch vụ Chuyên nghiệp" trong tài liệu MTN.GNS / W / 67 ngày 25 tháng 8 năm 1989. Bản lưu ý trước đây cung cấp tổng quan về các hoạt động khác nhau bao gồm các dịch vụ chuyên nghiệp, mô tả các hình thức thương mại trong các dịch vụ này và thảo luận các mục tiêu và nội dung các biện pháp ảnh hưởng đến thương mại đó. Dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật đã được thảo luận ngắn gọn trong lưu ý, mặc dù tập trung vào kế toán, dịch vụ pháp lý, tư vấn quản lý và quảng cáo. Các phái đoàn được mời tham khảo bản lưu ý trước đó, hiện đang được lưu hành lại, nếu cần.

3. Các tài liệu được phân phối trong Nhóm Công tác về Dịch vụ Chuyên nghiệp có liên quan đến các tiểu ngành kiến trúc và kỹ thuật. Sau đây, tham khảo chỉ được thực hiện cho một số ít các văn bản này,¹ nhưng các Đoàn đại biểu được nhắc nhở rằng nhiều câu hỏi được đưa ra và thông tin được cung cấp trong quá trình làm việc của Ban Công tác này có liên quan rất nhiều đến các cuộc thảo luận về các tiểu ngành này. Tuy nhiên, cần phải đề cập đến các thông tin cụ thể về quốc gia về khối lượng thương mại, các chế độ quản lý và hạn chế thương mại chỉ được cung cấp bởi các Thành viên. Ban Thư ký đánh giá rất cao bất kỳ nhận xét hoặc thông tin bổ sung từ các² Thành viên về các tiểu ngành này hoặc về bất kỳ vấn đề liên quan nào.

4. Sự chồng chéo nào đó tồn tại giữa phạm vi của lưu ý này và lưu ý ngành về dịch vụ kỹ thuật xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật liên quan (S / C / W / 38 ngày 8 tháng 6 năm 1998). Trọng tâm của lưu ý này là về các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật như các dịch vụ chuyên nghiệp, hoặc các dịch vụ do các kiến trúc sư và kỹ sư có trình

¹ Cũng xin nhớ lại rằng Liên minh Quốc tế Kiến trúc (UIA) đã gửi một lá thư ngày 21 tháng 10 năm 1996, trong đó phác thảo quan điểm của tổ chức về công việc của WPPS và Hội đồng Kiến trúc sư Châu Âu (ACE) đã đề trình một thông báo ngày 22 Tháng Mười 1996 đã xác định vị trí của nghề kiến trúc ở Châu Âu về các vấn đề đang được thảo luận trong WPPS. (Chỉ ra trong tài liệu S / WPPS / M / 7.)

² Liên Hợp Quốc, Phân loại Sản phẩm Trung ương tạm thời, Dòng M số 77, 1991.

độ cung cấp, chứ không phải về các hoạt động kinh tế của các công trình xây dựng vật lý và các công trình liên quan, mặc dù chúng rõ ràng là liên quan chặt chẽ với nhau. Người đọc được mời tham khảo bản ghi nhớ về dịch vụ kỹ thuật xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật liên quan (S / C / W / 38) để có tổng quan về các hoạt động xây dựng, các biện pháp được áp dụng và các nguồn thông tin, ngoài các điểm nêu dưới đây.

II. MÔ TẢ CỦA NGÀNH

5. Trong "Danh mục Phân loại Ngành Dịch vụ" (MTN.GNS / W / 120), các *dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật* được liệt kê dưới dạng các phân ngành dịch vụ chuyên nghiệp dưới bốn tiêu đề; chúng được thảo luận ngắn gọn dưới đây theo thứ tự chúng xuất hiện trong danh sách.

Mỗi một trong bốn ngành con tương ứng với phân loại của UN CPC ở cấp bốn chữ số.

- Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671)

Mục này bao gồm tất cả các loại hình dịch vụ kiến trúc, trừ các hạng mục dưới đây thuộc các dịch vụ kiến trúc cảnh quan và quy hoạch đô thị bao gồm: (i) dịch vụ tư vấn và thiết kế kiến trúc tiền thiết kế (86711), (ii) dịch vụ thiết kế kiến trúc (86712), (iii) dịch vụ quản lý hợp đồng (86713), (iv) dịch vụ quản lý hợp đồng thiết kế kiến trúc và hợp đồng kết hợp (86714), và (v) các dịch vụ kiến trúc khác (86719).

- Dịch vụ kỹ thuật (CPC 8672)

Mục này bao gồm tất cả các hoạt động kỹ thuật trừ dịch vụ kỹ thuật tổng hợp, bao gồm: (i) dịch vụ tư vấn và tư vấn kỹ thuật (86721), (ii) dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng nền móng và kết cấu công trình (86722), (iii) (86723), (iv) dịch vụ thiết kế kỹ thuật phục vụ cho việc xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (86724), (v) dịch vụ thiết kế kỹ thuật cho các quy trình công nghiệp và sản xuất (86725), (vi) các dịch vụ thiết kế kỹ thuật, (86726), (vii) các dịch vụ kỹ thuật khác trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (86727), và (viii) các dịch vụ kỹ thuật khác (86729).

- Dịch vụ kỹ thuật tổng hợp (CPC 8673)

Mục này bao gồm các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến các dự án chìa khóa trao tay bao gồm: (i) các dịch vụ kỹ thuật tổng hợp cho các dự án chìa khóa trao tay cơ sở hạ tầng giao thông vận tải (86731), (ii) các dịch vụ quản lý dự án và kỹ thuật tổng hợp cho các dự án chìa khóa trao tay các công trình cấp nước và vệ sinh. iii) dịch vụ kỹ thuật tổng hợp để xây dựng các dự án chìa khóa trao tay (86733), và (iv) các dịch vụ kỹ thuật tổng hợp cho các dự án chìa khóa trao tay khác.

- Dịch vụ kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674)

Mục này bao gồm (i) dịch vụ quy hoạch đô thị (86741) và (ii) dịch vụ kiến trúc cảnh quan (86742).

6. Các điều trên không rõ ràng bao gồm các dịch vụ được cung cấp bởi các nhà khảo sát hoặc kỹ sư địa chính. Trong phân loại CPC, các dịch vụ như vậy có vẻ như thuộc về một hoặc nhiều điều sau: "công tác điều tra địa điểm" (5111, một tiểu ngành dịch vụ xây dựng), "dịch vụ kiến trúc tư vấn và thiết kế trước" (86711, một tiểu ngành dịch vụ kiến trúc), "dịch vụ tư vấn và tư vấn kỹ thuật" (86721, một tiểu ngành dịch vụ

kỹ thuật), hoặc "dịch vụ khảo sát bề mặt" và "dịch vụ lập bản đồ" (86753 và 86754), bao gồm trong "các dịch vụ tư vấn kỹ thuật và khoa học có liên quan"). Vì các chức năng của một nhà khảo sát hoặc một kỹ sư địa chính khác với mỗi quốc gia nên ta phải xem xét nội dung của dịch vụ được cung cấp để xác định những dịch vụ đó thuộc về phân loại.

7. Các dịch vụ được cung cấp bởi các nhà kinh tế học xây dựng (nghề nghiệp phổ biến nhất ở một số nước châu Âu, như Tây Ban Nha, Ý và Anh), ví dụ phát triển và quản lý các dự án xây dựng, tiến hành nghiên cứu khả thi và phân tích rủi ro, tư vấn thiết kế và mua sắm xây dựng vv ở các dịch vụ kiến trúc, kỹ thuật, hoặc quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan ở trên, vì các dịch vụ thường được cung cấp bởi các kiến trúc sư hoặc kỹ sư, tùy thuộc vào quốc gia.

8. Một câu hỏi phát sinh từ danh sách phân loại trong tài liệu W / 120 là có sự khác biệt rõ ràng giữa mức độ bao phủ của các tiêu ngành được chỉ ra trong tiêu đề ("dịch vụ kỹ thuật") và "dịch vụ kỹ thuật xây dựng và dịch vụ kỹ thuật liên quan" mặt khác) và các phần CPC tương ứng được hiển thị (CPC 8672 cho CPC cũ và CPC 511 - 518 cho cột thứ hai). Trong phân loại CPC, phần 8672 (dịch vụ kỹ thuật) không loại trừ dịch vụ kỹ thuật xây dựng, trong khi các phần 511 - 518 (dịch vụ xây dựng) dường như không bao gồm "các dịch vụ kỹ thuật liên quan". Các ³dịch vụ kỹ thuật liên quan đến xây dựng được bao gồm trong "Các dịch vụ kỹ thuật khác trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (86727)", một tập hợp các dịch vụ kỹ thuật. Nếu điều này thực sự là một sự mơ hồ trong phân loại, nó có thể có ý nghĩa nhất định đối với sự tồn tại và mức độ cam kết của các Thành viên trong các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến xây dựng.

III. TẦM QUAN TRỌNG KINH TẾ CỦA CÁC NGÀNH TỔ VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

(ECONOMIC IMPORTANCE OF THE SECTOR AND ITS MAIN ECONOMIC FEATURES)

9. Các công ty kiến trúc cung cấp các bản thiết kế và thiết kế cho các tòa nhà và các công trình khác, trong khi các công ty kỹ thuật cung cấp các dịch vụ quy hoạch, thiết kế, xây dựng và quản lý các công trình xây dựng, lắp đặt, các công trình xây dựng và các quy trình công nghiệp. , và do đó dịch vụ của họ trùng lặp với các chuyên gia khác. Vì vậy, các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật được tích hợp mạnh mẽ hoặc liên quan đến hoạt động xây dựng thể chất và / hoặc các dịch vụ kinh doanh khác. Do tính chất cụ thể này, đo lường tầm quan trọng kinh tế của sản phẩm dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật không đơn giản đến mức mà theo thống kê chính thức, nó thường được hấp thụ trong các loại sản phẩm dịch vụ rộng hơn như dịch vụ kinh doanh, hoặc hoạt động xây dựng. Số liệu thống kê về số chuyên gia hoặc số liệu thống kê việc làm hiện có ở nhiều nước, nhưng thiếu hoặc không đáng tin cậy đối với các quốc gia không có hệ thống đăng ký bắt buộc hoặc công nhận. Tại Hoa Kỳ, kỹ thuật là một trong những ngành

³ Ủy ban Châu Âu, Tổng quan về Công nghiệp Châu Âu năm 1997.

Điểm này không được nêu ra trong lưu ý trước về dịch vụ xây dựng và kỹ thuật (S / C / W / 38).

Một số quốc gia có dịch vụ xây dựng và kỹ thuật xây dựng theo lịch trình (ví dụ như Venezuela, có các cam kết riêng về dịch vụ kỹ thuật) hoặc đã bổ sung nhận xét để làm rõ phạm vi xây dựng và các dịch vụ kỹ thuật liên quan (ví dụ: Hồng Kông, Trung Quốc).

nghe lớn và đa dạng nhất, trong khi kiến trúc tương đối nhỏ hơn nhiều. Ở châu Âu, tình hình có vẻ khác, nơi có thể có nhiều kiến trúc sư hơn trong khi ngành kỹ thuật đường như tương đối nhỏ hơn.

10. Với hệ thống truyền thông tiên tiến, thiết kế và thi công có thể được truyền qua đường điện tử, và tư vấn có thể được thực hiện trên mạng. Sự phát triển như vậy có xu hướng làm tăng tầm quan trọng của việc cung cấp xuyên biên giới trong các dịch vụ đó. Cũng nhận thấy rằng thương mại xuyên biên giới trong các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật có xu hướng tăng cùng với sự phức tạp và chuyên môn của dịch vụ liên quan. Các dịch vụ kỹ thuật cao đi kèm với việc xây dựng các nhà máy phức tạp và các nhà máy chuyên dụng thường liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài thường tham gia vào các hợp đồng xuất khẩu mà không có chuyên môn địa phương tương tự. Tuy nhiên, nó có thể vẫn đúng, phần lớn cung cấp các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật vẫn sẽ diễn ra thông qua sự hiện diện thương mại hoặc sự hiện diện của những người tự nhiên.

11. Xem xét các số liệu sẵn có đối với thương mại quốc tế trong các dịch vụ này, ta có thể thấy rằng các nước công nghiệp hoá đường như là những nhà xuất khẩu ròng các dịch vụ đó, nhưng trong hầu hết các trường hợp, điều này có thể nói chỉ khi kết hợp với các loại hình dịch vụ khác như dịch vụ xây dựng các dịch vụ kỹ thuật. (Bảng 1) Mặc dù xuất khẩu và nhập khẩu các dịch vụ kiến trúc nhìn chung được coi là không đáng kể, nhưng người ta mong đợi rằng thương mại qua biên giới trong các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật sẽ quan trọng hơn dịch vụ xây dựng như cung cấp thiết kế và các đầu ra khác bởi các kiến trúc sư và kỹ sư đường như dễ dàng hơn thương mại qua biên giới hơn công việc xây dựng. Trên cơ sở dữ liệu phân mảnh hiện tại, điều này có vẻ đúng đối với Canada, nhưng không nhất thiết phải áp dụng đối với Châu Âu, nơi các dịch vụ xây dựng xuyên biên giới đóng vai trò quan trọng như các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật xuyên biên giới. Dữ liệu về việc bán các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật bởi các chi nhánh trong nước của các công ty nước ngoài hoặc các công ty con của các công ty trong nước chỉ có thể tìm thấy ở Hoa Kỳ. Hơn nữa, những dữ liệu này là một phần, do sự đàn áp các con số nhất định để tránh tiết lộ các công ty cá nhân. Mặc dù dữ liệu không đầy đủ, tuy nhiên cả doanh số bán hàng của các công ty nước ngoài của các công ty Hoa Kỳ và doanh thu dịch vụ cho các công ty nước ngoài của Hoa Kỳ đối với các công ty nước ngoài của Hoa Kỳ dường như đã tăng lên trong giai đoạn 1994-5 . (Bảng 2)

12. Các nhà cung cấp dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật có thể được đặc trưng bởi sự thống trị của các doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là đối với các kiến trúc sư, mặc dù các chức năng kiến trúc và kỹ thuật thường được kết hợp trong một công ty hoặc nhóm với các cơ sở thực hiện vật lý để xây dựng. Khoảng 80 phần trăm chi phí của các công ty kiến trúc và kỹ thuật bao gồm chi phí cố định. Lương của nhân viên, đa số là những người có trình độ cao, tạo ra phần lớn chi phí. Người ta thường nói rằng các dịch vụ kiến trúc vẫn chủ yếu là địa phương hoặc khu vực. Thành công quốc tế là tương đối hiếm hoi và liên quan đến văn hoá nghệ thuật và trí tuệ hàng đầu trên thế giới hoặc các mô hình thương mại quốc tế "lịch sử". Ngay cả các công ty kiến trúc toàn cầu vẫn phụ thuộc vào các hoạt động quốc tế của khách hàng. Bảng bên dưới liệt kê các số liệu sẵn có cho doanh thu của 200 công ty thiết kế quốc tế hàng đầu.

13. Kiến trúc sư và kỹ sư chiếm một vị trí ngược dòng của quá trình xây dựng và xây dựng. Do đó, nhu cầu về dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật có liên quan chặt chẽ đến

xây dựng và đầu tư công nghiệp tổng thể, cả hai đều liên quan đến chu kỳ kinh tế. Nhu cầu về các dịch vụ này có thể là các chỉ số trung hạn cho ngành xây dựng.

IV. CƠ CẤU QUY ĐỊNH VÀ QUYỀN HẠN THƯƠNG MẠI

14. Dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật thuộc về nhóm dịch vụ chuyên nghiệp "được công nhận", trái ngược với các dịch vụ kinh doanh không được công nhận như tiếp thị, quảng cáo và tư vấn. Sự tiếp cận thị trường và các biện pháp điều trị quốc gia cùng áp dụng thường áp dụng cho các dịch vụ chuyên nghiệp được công nhận trên toàn hội đồng quản trị. Về các vấn đề liên quan đến quy định trong nước, mặc dù cuộc thảo luận trong Nhóm Công tác về Dịch vụ Chuyên nghiệp tập trung vào lĩnh vực kế toán, các vấn đề tương tự cũng xuất hiện trong các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật. Tuy nhiên, so với một số dịch vụ chuyên nghiệp khác được công nhận như dịch vụ kế toán và dịch vụ pháp lý, dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật dường như phải tuân thủ các quy định hạn chế hơn. Sự công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia giáo dục hoặc kinh nghiệm chuyên môn, hoặc giấy phép và giấy chứng nhận được cấp ở một quốc gia cụ thể đã trở nên phổ biến hơn trong những năm gần đây, đặc biệt là trong các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật.

15. Các quy định áp dụng trong các dịch vụ chuyên nghiệp là mục tiêu chính của họ là cần đảm bảo và duy trì một chất lượng nhất định của dịch vụ, và do đó để bảo vệ người tiêu dùng. Các cuộc thảo luận như vậy thường áp dụng cho các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật. Tác động tiềm ẩn của các biện pháp quản lý đối với cạnh tranh và do đó tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia với các chuyên gia nước ngoài theo GATS cần được đánh giá cẩn thận so với mục tiêu quy định này. Các hạn chế tiếp cận thị trường điển hình bao gồm các hạn chế về hình thức hiện diện thương mại (chỉ những cá nhân hoặc đối tác được phép), thường là trong hoạt động chung hoặc liên doanh với các chuyên gia địa phương. Đối với cá nhân, nhập cảnh có thể là đối tượng kiểm tra nhu cầu kinh tế, hoặc yêu cầu về quốc tịch. Việc tiếp cận các nhà cung cấp nước ngoài có thể bị hạn chế đối với các dự án trên một số tiền nhất định hoặc với các kế hoạch xây dựng nhỏ hơn. Những hạn chế về điều trị quốc gia bao gồm các yêu cầu về cư trú và các yêu cầu sử dụng các dịch vụ địa phương hoặc để thuê chuyên gia địa phương.

16. OECD đã tiến hành khảo sát các quy định về tiếp cận với các dịch vụ chuyên nghiệp trong khu vực OECD như là một phần của công việc để chuẩn bị cho Hội thảo lần thứ hai về Dịch vụ Chuyên môn đã diễn ra vào ngày 16 và 17 tháng 10 năm 1996. Một danh mục phân loại các biện pháp ảnh hưởng đến thương mại trong các dịch vụ chuyên nghiệp đã được biên soạn. Ban Thư ký của OECD trình bày phương pháp luận và kết quả sơ bộ của công việc trong cuộc họp của Ban công tác về các dịch vụ chuyên nghiệp tổ chức vào ngày 19 tháng 10 năm 1995. Thông tin bổ sung từ các nước mẫu về các quy định điều chỉnh việc thành lập doanh nghiệp và quốc tịch Hội thảo thứ ba được tổ chức vào ngày 20-21 tháng 2 năm 1997. Các đoạn tiếp theo thu hút rất nhiều thông tin thu được từ công việc của OECD, sau đó đã được cung cấp cho Nhóm công tác về Dịch vụ chuyên nghiệp. Các phái đoàn được mời tham khảo những tài liệu này nếu cần. Mặt khác, trong thời gian sẵn có để tìm kiếm thông tin có thể so sánh về các chế độ quy định trong kiến trúc và kỹ thuật của các nước không thuộc OECD đã không được hoan nghênh và đóng góp của các Thành viên.

17. Theo OECD, các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật thường không bị điều chỉnh bởi luật pháp hoặc dành riêng cho những người hành nghề cụ thể ở các nước OECD. Quy định dường như ảnh hưởng đến các nhà cung cấp nước ngoài với mức độ thấp hơn về kiến trúc và kỹ thuật, so với dịch vụ kế toán và dịch vụ pháp lý, với kỹ thuật có thể là lĩnh vực mà sự tiếp cận của các chuyên gia và doanh nghiệp nước ngoài ít khó khăn nhất. Một số nước OECD báo cáo rằng không có quy định pháp luật áp dụng đối với việc tiếp cận cung cấp dịch vụ kiến trúc (Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy) hoặc dịch vụ kỹ thuật (Úc, Đan Mạch, Phần Lan, Thu Switzerland Sĩ, Anh Quốc). Điều này trái ngược với dịch vụ kế toán và dịch vụ pháp lý mà hầu như tất cả các nước đều báo cáo về sự tồn tại của một số quy định về tiếp cận nghề nghiệp. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng tiêu đề "kiến trúc sư" được bảo vệ ở một số quốc gia (Phần Lan, Na Uy, Vương quốc Anh). Cũng nhận thấy rằng việc kiểm soát các tiêu chuẩn chuyên môn trong ngành kiến trúc và kỹ thuật có thể có xu hướng diễn ra thông qua các quy định, tiêu chuẩn và tiêu chuẩn liên quan đến đối tượng như các quy định xây dựng, các tiêu chuẩn an toàn, vv..

18. Cũng trong các nước OECD, một số dịch vụ kiến trúc như "yêu cầu giấy phép xây dựng" và "kiểm soát kỹ thuật chứng nhận" thường được dành cho các kiến trúc sư, trong khi "thiết kế và lập kế hoạch" và "cho phép" thường dành cho các kỹ sư nhất định. Các biện pháp này được áp dụng để đảm bảo tính chính xác và chất lượng của các dịch vụ được cung cấp, và thông thường sẽ được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử. Bảo vệ người tiêu dùng, sức khoẻ cộng đồng và sự an toàn là những mối quan tâm hợp pháp trong việc điều chỉnh kiến trúc và kỹ thuật. Tuy nhiên, quy định như vậy vẫn có thể gây trở ngại cho việc nhập cảnh vào các dịch vụ này, nếu chúng được áp dụng một cách hạn chế, làm cho các chuyên gia nước ngoài gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường. Các biện pháp ảnh hưởng đến việc thành lập doanh nghiệp và sự di chuyển của những người tự nhiên trực tiếp ảnh hưởng đến việc tiếp cận thị trường vào các dịch vụ đó.

19. Một số quan sát cụ thể có thể được làm từ kết quả khảo sát có thể là:

- Quy định về việc tiếp cận với nghề nghiệp hoặc chức danh chuyên môn

Dường như nghề kỹ thuật nói chung ít được điều tiết hơn kiến trúc. Ở các quốc gia có quy định về dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật, chính phủ các quốc gia thường quy định các ngành nghề, nhưng ở một số quốc gia, chính quyền địa phương hoặc các cơ quan tự điều hành thực hiện quyền quản lý.

- Các yêu cầu về trình độ chính hoặc yêu cầu cấp phép

Đối với kiến trúc sư, có vẻ như bình thường đòi hỏi phải có 4-5 năm đào tạo đại học cộng thêm từ 2-3 năm thực hành. Một số quốc gia cũng áp dụng các kỳ thi chuyên nghiệp. Yêu cầu cho các kỹ sư có vẻ như tương tự, nhưng nhẹ hơn nhiều so với kiến trúc sư ở một số quốc gia.

- Thành viên trong hiệp hội nghề nghiệp

Ở những nước điều chỉnh ngành kiến trúc và kỹ thuật, bắt buộc phải có thành viên bắt buộc trong các hiệp hội chuyên nghiệp. Ở một số ít quốc gia áp dụng tự điều hành bởi nghề nghiệp, việc tham gia các hiệp hội nghề nghiệp thường bắt buộc.

- Lĩnh vực hoạt động

Như đã đề cập ở trên, một số dịch vụ kiến trúc, chẳng hạn như "yêu cầu giấy phép xây dựng" và "kiểm soát kỹ thuật chứng nhận" thường được dành cho các kiến trúc sư hoặc các loại kiến trúc sư đặc biệt, trong khi "thiết kế và lập kế hoạch" và "cho các học viên cụ thể trong các dịch vụ kỹ thuật. "Xác định địa hình, phân định ranh giới và khảo sát" thường dành cho các nhà khảo sát.

20. Một số quan sát có thể được làm từ các phân loại của OECD về các biện pháp ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật so với các dịch vụ chuyên nghiệp khác có thể được tóm tắt như sau:

- Các biện pháp hạn chế hoặc không bao gồm quyền kết hợp đối với các chuyên gia tương đối ít thường xuyên hơn đối với các kiến trúc sư và hầu như không tồn tại đối với các kỹ sư.

- Việc công nhận bằng cấp nước ngoài là tiến bộ nhất trong kỹ thuật và ở mức độ thấp hơn về kiến trúc, trong đó một số nước yêu cầu cấp phép cho các chuyên gia nước ngoài đã được ủy quyền hành nghề ở nước sở tại.

- Yêu cầu về sự hiện diện của địa phương thường xuyên đối với kiến trúc sư và kỹ sư.

- Các biện pháp để tạo điều kiện cho thực tiễn tạm thời hoặc thỉnh thoảng, như thủ tục cấp phép tạm thời có thể được tìm thấy đối với dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật.

- Các yêu cầu về cung cấp dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật nội bộ đã được xác định là một trong những trở ngại ảnh hưởng đến cạnh tranh quốc tế trong mua sắm của chính phủ.

- Các quy định về định mức chi phí, đôi khi chỉ mang tính dấu hiệu, xuất hiện trong các lĩnh vực dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật.

21. Người ta đã chỉ ra rằng những khó khăn đối với các chuyên gia nước ngoài thường phát sinh từ sự không công nhận hoặc sự thừa nhận hạn chế về nền giáo dục, chứng chỉ hoặc công nhận / giấy phép của đất nước; yêu cầu về quốc tịch và cư trú; hạn chế về sự kết hợp; hạn chế các điều kiện hợp đồng bao gồm hợp đồng mua sắm chính phủ; và cấm quảng cáo vv vì lý do đạo đức. Đôi khi bắt buộc phải có quan hệ đối tác bắt buộc với các chuyên gia địa phương. Lý do đằng sau các quy định như vậy là cần phải duy trì chất lượng và tiêu chuẩn của dịch vụ được cung cấp, và để đảm bảo hiểu rõ các yếu tố văn hoá và các yếu tố khác của thị trường trong việc thực hiện nghiệp vụ.

22. Mặt khác, đa số các kiến trúc sư hoạt động như một chuyên gia độc lập, và quy mô của các doanh nghiệp rất nhỏ, thiếu đào tạo đầy đủ về các vấn đề quốc tế, không quen với thị trường nước ngoài, cũng như các trở ngại về văn hoá và khu vực có thể đã gây khó khăn cho hy vọng vào thị trường nước ngoài. Các quy định quá gánh nặng có thể có ảnh hưởng lớn đến các chuyên gia nước ngoài trong những trường hợp như vậy. Ngay cả khi các quốc gia công nhận hoặc công nhận các bằng cấp nước ngoài hoặc giấy phép, thì có thể áp dụng phán quyết từng vụ án, dẫn đến sự không chắc chắn hoặc mất nhiều thời gian. Các hiệp hội chuyên nghiệp có thể, trong một số trường hợp, hành xử một cách chống cạnh tranh và cố gắng bảo vệ lợi ích của các chuyên gia đương nhiệm từ cạnh tranh bên ngoài. 23. Đối với các công ty, các hạn chế về đầu tư trực tiếp nước

ngoài và sở hữu, yêu cầu của một số lượng tối thiểu / phần trăm giám đốc / nhà quản lý / nhân viên địa phương, những hạn chế về mối quan hệ quốc tế của các công ty được thành lập ở địa phương, và các chính sách mua sắm chính phủ hạn chế.

24. Để khắc phục những khó khăn đó, những nỗ lực khu vực và song phương nhằm tạo điều kiện tiếp cận các kiến trúc sư và kỹ sư nước ngoài đã có những tiến bộ đáng kể trong những năm gần đây. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực, Liên minh châu Âu và Khu vực Kinh tế Châu Âu đã đưa ra nguyên tắc tự do di chuyển của các chuyên gia và công nhận lẫn nhau các văn bằng. Chỉ thị 85/384 / EC ngày 10 tháng 6 năm 1985, "kiến trúc sư" chỉ thị, thực hiện nguyên tắc này. Theo điều này, sau khi sửa đổi, mỗi Nước thành viên EU công nhận các văn bằng, chứng chỉ và bằng chứng khác về bằng cấp chính thức được trao cho lĩnh vực kiến trúc của các quốc gia thành viên khác cho công dân của các quốc gia thành viên.

25. Hiệp định NAFTA (Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ) (Chương 12) không quy định việc công nhận tự động các chức danh chuyên nghiệp có được từ các bên NAFTA khác. Tuy nhiên, nó có những nguyên tắc nhất định, như tính khách quan và minh bạch, liên quan đến việc cấp phép và chứng nhận của các chuyên gia, và cam kết loại bỏ bất cứ quyền công dân hoặc yêu cầu về nơi thường trú nào mà một bên duy trì cho việc cấp phép hoặc chứng nhận các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp của bên khác. Nếu một bên không tuân thủ nghĩa vụ này, bất kỳ bên nào khác có thể duy trì một yêu cầu tương đương. NAFTA cũng khuyến khích các cơ quan có liên quan ở nước mình xây dựng các tiêu chuẩn và tiêu chuẩn chung cho việc cấp phép và chứng nhận các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp. Trong bối cảnh này, một thỏa thuận công nhận lẫn nhau về cấp phép tạm thời và vĩnh viễn cho các kỹ sư, công nhận trình độ chuyên môn tương đương, đã được ký năm 1995 giữa các đại diện chuyên nghiệp của các bên NAFTA, trong đó công nhận lẫn nhau về trình độ chuyên môn của các nước này đối với kỹ sư.

26. Một số lượng lớn các nước đã thông báo các thỏa thuận công nhận lẫn nhau theo Điều VII: 4 của GATS yêu cầu thông báo về các biện pháp công nhận hiện có. Hầu hết các hiệp định này đều liên quan đến việc thừa nhận lẫn nhau các văn bằng giữa các chính phủ nhưng một số trong đó liên quan đến việc thừa nhận lẫn nhau về trình độ chuyên môn trong kế toán và các lĩnh vực khác giữa các cơ quan chuyên môn phi chính phủ. Về kiến trúc và kỹ thuật, thỏa thuận công nhận giữa Hoa Kỳ và Canada (S / C / N / 52) trong kiến trúc, và Hiệp định Hợp tác Kỹ thuật Washington (S / C / N / 53) mô tả dưới đây đã được thông báo, đó là cả hai thỏa thuận giữa các cơ quan chuyên môn phi chính phủ.

27. Căn cứ vào Hiệp định Thương mại Tự do Hoa Kỳ - Canada, ngành kiến trúc Hoa Kỳ đã ký một thỏa thuận với các đối tác Canada về một loạt các yêu cầu chứng nhận áp dụng cho các kiến trúc sư Mỹ và Canada vào năm 1994. Đây là một thỏa thuận giữa Hội đồng Kiến trúc Quốc gia về Kiến trúc Hội đồng Kiến trúc Canada (CCAC - một ủy ban bao gồm tất cả các Hiệp hội kiến trúc của tỉnh Canada). Nó được thực hiện bởi các bang và các tỉnh phê duyệt thỏa thuận, và được thực hiện ở phần lớn trong số họ. Tại UIA (Hiệp hội Quốc tế Các Kiến trúc sư), ấn bản thứ hai của Hiệp định về Tiêu chuẩn Quốc tế về Tính chuyên nghiệp trong Thực tiễn Kiến trúc hiện đang được xây dựng và dự kiến sẽ được trình bày cho các thành viên của mình thông qua vào năm 1999. Nó bao gồm các hướng dẫn về 1) chính sách công nhận, 2) chính sách thực tiễn / đào tạo / thực tập, 3) kiểm tra thực tế (thể hiện năng lực chuyên môn),

4) chính sách đăng ký / giấy phép / chứng nhận, 5) đạo đức và chính sách, 6) chính sách giáo dục thường xuyên.

28. Trong lĩnh vực kỹ thuật, Hiệp định Washington được ký năm 1989 bởi các cơ quan chuyên môn của sáu quốc gia (Úc, Canada, Ireland, New Zealand, Anh Quốc, và Hoa Kỳ). Kể từ đó, hai tổ chức khác đã trở thành người ký kết (Hồng Kông, Trung Quốc và Nam Phi). Các bên ký kết thỏa thuận công nhận sự tương đương đáng kể hoặc so sánh các khóa học kỹ thuật cơ bản dẫn đến trình độ chuyên nghiệp đầu tiên hoặc giáo dục cơ bản về kỹ thuật ("Chúng chỉ kỹ thuật được công nhận"). Tuy nhiên, nó không đề cập đến việc công nhận lẫn nhau các chứng chỉ chuyên môn, chẳng hạn như Kỹ sư Chuyên nghiệp, hoặc Kỹ sư Chartered. Tại châu Âu, FEANI (Fédération Européenne d'Association Nationales d'Ingénieurs) đã thiết lập tiêu đề của EurIng, và đã xác định một quy trình đánh giá trình độ kỹ sư và kinh nghiệm thực hành của từng cá nhân. Mô hình cho EurIng dựa trên tối thiểu là bảy năm về trình độ, đào tạo và kinh nghiệm (sau ít nhất phải là hai năm). Sự phát triển như vậy trong các sáng kiến tự điều tiết có thể dẫn đến sự công nhận quốc tế nhanh hơn về trình độ và năng lực thực hành.

29. Trong APEC, công việc đã bắt đầu chuẩn bị một thư mục về các yêu cầu về cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp, với ưu tiên về kế toán, kỹ thuật và kiến trúc. Một số lượng lớn các hiệp định song phương về công nhận các tiêu chuẩn thực hành về kỹ thuật cũng đã được ký kết trong khu vực.

V. ĐÀM PHÁN VỀ DỊCH VỤ KIẾN TRÚC VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ CÁC CAM KẾT DỰ TUYẾN THEO GATS

30. Trong vòng đàm phán thương mại Uruguay, một nhóm công tác về dịch vụ chuyên nghiệp đã được tạo ra để thảo luận về khả năng áp dụng đối với lĩnh vực dịch vụ chuyên nghiệp của các khái niệm cơ bản được xây dựng cho thỏa thuận dịch vụ. Hai cuộc họp được tổ chức vào tháng Tám và tháng Mười Một năm 1990. Để hỗ trợ các cuộc thảo luận, Ban thư ký đã chuẩn bị một danh sách các dịch vụ chuyên nghiệp được công nhận và không được công nhận. Mục đích của danh sách này là giúp các phái đoàn hiểu rõ hơn về các dịch vụ chuyên nghiệp mà tự do hoá có thể được thực hiện thông qua việc công nhận lẫn nhau và các dịch vụ không được công nhận khi tự do hoá có thể diễn ra mà không cần công nhận trình độ. Nó cũng chỉ ra rằng các đoàn nên xem xét vấn đề di chuyển lao động trong các hiệp định dịch vụ nghề nghiệp và cách công nhận các bằng cấp có thể giúp ích cho phong trào xuyên biên giới của nhân viên. Nó cũng chỉ ra rằng nó là cần thiết để đối phó với sự khác biệt trong phạm vi của các thực tiễn khác nhau giữa các quốc gia. Các bên thống nhất đồng ý rằng, nếu cần phải làm rõ thêm và / hoặc xây dựng các điều khoản cụ thể của khung liên quan đến việc hài hòa hóa và công nhận lẫn nhau các quy định, tiêu chuẩn hoặc bằng cấp, dường như không cần bất kỳ phụ lục / chú thích cụ thể nào liên quan đến các dịch vụ chuyên nghiệp.

31. Sau vòng đàm phán Uruguay và các lần gia nhập sau đó, 70 Thành viên WTO đã cam kết trong ít nhất một trong bốn ngành được đề cập trong lưu ý này. Số thành viên lớn nhất đã cam kết về dịch vụ kỹ thuật (69 Thành viên), tiếp theo là các dịch vụ kiến trúc (61 Thành viên). Hai tiểu ngành khác, dịch vụ kỹ thuật tổng hợp và dịch vụ kiến trúc cảnh quan đô thị đã được thực hiện bởi 43 - 44 Thành viên.

32. Về mức độ cam kết, phân tích có thể được thực hiện bằng cách thực hiện ba sự phân biệt; cam kết đầy đủ (không hạn chế, có nghĩa là tự do hóa tổng thể), cam kết một phần (những cam kết với một số hạn chế nhất định) và không có cam kết (không ràng buộc). Nhìn vào cam kết tiếp cận thị trường của các nước trong lĩnh vực này, cam kết đầy đủ đã được thực hiện trong 48-66 phần trăm của tất cả các cam kết cung cấp dịch vụ thông qua sự hiện diện thương mại (chế độ 3) (Bảng 4). Những con số này giảm đáng kể đến 24-31 phần trăm khi các cam kết theo chiều ngang được tính đến. Đối với sự có mặt của những người tự nhiên (phương thức 4) quan trọng đối với các dịch vụ đó, thì không Thành viên nào có cam kết đầy đủ khi áp dụng các biện pháp theo chiều ngang. Những con số này so sánh thuận lợi với các tiểu ngành dịch vụ chuyên nghiệp khác, và chỉ ra rằng các cam kết tương đối tự do đã được thực hiện đối với kiến trúc và kỹ thuật so với các dịch vụ pháp lý hoặc kế toán.

33. Liên quan đến các loại biện pháp được áp dụng, các hạn chế tiếp cận thị trường thường thấy nhất đối với ngành là những hạn chế đối với loại pháp nhân được phép hoạt động thương mại (phương thức 3) của các nhà cung cấp dịch vụ, tiếp theo là những hạn chế về sự tham gia của vốn nước ngoài (Bảng 5a). Hạn chế về số người tự nhiên được tuyển dụng cũng rất phổ biến (phương thức 4). Đối với những hạn chế về đối xử quốc gia, hầu hết các thông tin về giấy phép, tiêu chuẩn và trình độ đều được đề cập đến trong tất cả các phương thức cung cấp. Yêu cầu về quốc tịch và cư trú cũng rất phong phú (Bảng 5b), sau đó là nhiều hơn so với trước đây.

34. Chỉ có một vài MFN miễn trừ đối với các lĩnh vực kiến trúc và kỹ thuật, hoặc những điều áp dụng cho các dịch vụ chuyên nghiệp, bao gồm cả những ngành đó, nhưng một số Thành viên áp dụng tính tương hỗ trong việc cho phép các chuyên gia nước ngoài thực hiện các dịch vụ đó ở nước mình.

35. Các dịch vụ kiến trúc và kỹ thuật đã được Cộng hòa Hàn Quốc và Malaysia thực hiện. Họ liên quan đến các thủ tục kiểm tra đơn giản cho các kiến trúc sư nước ngoài (Hàn Quốc), kiểm tra kiến thức tiếng Anh đối với kiến trúc sư và kỹ sư Malaysia (Malaysia) và cam kết trong tương lai cho phép hợp đồng chung giữa các kiến trúc sư trong và ngoài nước.

VI. NGUỒN THÔNG TIN

36. Các hiệp hội chuyên nghiệp là những nguồn thông tin chính cho ngành, bao gồm UIA, ACE và FIEC nói trên (Fédération de l'Industrie Européene de la Construction). Ngoài các hiệp hội quốc gia ở các nước thành viên, một số hiệp hội chuyên nghiệp trong khu vực và liên bang đại diện cho Ủy ban Thực hành Chuyên nghiệp của UIA cũng là những nguồn cung cấp thông tin quan trọng như Hiệp hội Kiến trúc sư châu Phi, Hội đồng Kiến trúc sư Châu Âu, Hội đồng Kiến trúc sư khu vực Châu Á, Liên đoàn các Hiệp hội Kiến trúc sư Mỹ, và Hội đồng các Hội đồng đăng ký kiến trúc của Hoa Kỳ. Cũng như các dịch vụ xây dựng, một hướng dẫn hữu ích cho các nguồn thông tin có trong một ấn phẩm, "Nguồn thông tin trong Kiến trúc và Xây dựng". Chương Hai của ấn bản này là hướng dẫn cho các hiệp hội, tổ chức và thư viện có thể được sử dụng làm nguồn thông tin trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng.

37. Như đã đề cập ở trên, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã làm nhiều công việc trong Hội thảo về Dịch vụ Chuyên nghiệp liên quan đến thương mại quốc tế trong các dịch vụ chuyên nghiệp bao gồm kiến trúc và kỹ thuật.

TABLES

Table 1: International Trade in Architectural and Engineering Services

	1994		1995		1996	
	Receipts	Payments	Receipts	Payments	Receipts	Payments
United States (millions of U.S.\$)						
Construction, engineering, architectural, and mining services	2,474	280	2,848	339	2,990	489
Canada (millions of dollars)						
Architectural and engineering services	1,087	292	1,512	363	1,553	419
Construction services	87	288	80	269	61	79
European Union (Trade with extra-EU) (millions of ECUs)						
Architectural, engineering, and other technical services	7,357	3,790	8,154	4,356	--	--
Construction services	9,341	5,025	9,802	5,886	--	--

Sources: U.S. Department of Commerce, Survey of Current Business, October 1997; Statistics Canada, Canada's International Trade in Services, 1996; Eurostat, International Trade in Services, EU, 1986-95.

Table 2a: Sales to Foreign Persons by Foreign Affiliates of U.S. Companies (1994-5)

	1994	1995

(in millions of U.S. dollars)		
Engineering, architectural, and surveying services*	4,807	5,619
Construction services	247	236

*Sum of affiliates in Europe and Australia, due to suppression of other data.

Source: U.S. Department of Commerce, Survey of Current Business, October 1997.

Table 2b: Sales to U.S. Persons by U.S. Affiliates of Foreign Companies (1994-5)

	1994	1995
(in millions of U.S. dollars)		
Engineering, architectural, and surveying services	2,883	3,018
Construction services	955	998

Source: U.S. Department of Commerce, Survey of Current Business, October 1997.

Table 3: Billings of the Top 200 International Design Firms in 1996, by Regional Market (\$ millions)

Region	1996	1995	1994
Africa	1,168.7	907.2	1,177.9
Asia	4,507.1	3,527.7	3,326.8
Canada	384.2	254.5	267.6
Europe	4,414.0	3,419.5	3,170.5
Latin America	1,099.8	826.0	872.8

Middle East	1,292.7	1,045.0	1,019.7
United States	1,570.8	1,005.6	1,322.3
Total	14,458.1 (+32 %)	10,985.5 (- 2 %)	11,157.6

Note: The figures in brackets show the annual growth rates in percentage points.

Source: Engineering News - Record, The 1997 International Construction Sourcebook and <http://www.enr.com>

Table 4: Analysis of Commitments made by Members in Architectural and Engineering Services
(Percentages of full, partial and no commitments by sub-sector and by mode of supply)

Market Access (Number of Members with Commitments)	Cross-border Supply			Consumption Abroad			Commercial Presence			Presence of Natural Persons		
	F	P	N	F	P	N	F	P	N	F	P	N
Architectural Services (61)	60	18	22	76	12	12	48	48	4	6	86	8
	<i>52</i>	<i>26</i>	<i>22</i>	<i>68</i>	<i>20</i>	<i>12</i>	<i>24</i>	<i>72</i>	<i>4</i>	<i>0</i>	<i>92</i>	<i>8</i>
Engineering Services (69)	57	21	22	64	19	17	52	45	3	5	90	5
	<i>50</i>	<i>28</i>	<i>22</i>	<i>55</i>	<i>28</i>	<i>17</i>	<i>24</i>	<i>72</i>	<i>3</i>	<i>0</i>	<i>95</i>	<i>5</i>
Integrated Engineering Services (43)	72	9	19	78	9	13	66	25	9	6	88	6
	<i>59</i>	<i>22</i>	<i>19</i>	<i>66</i>	<i>22</i>	<i>13</i>	<i>31</i>	<i>59</i>	<i>9</i>	<i>0</i>	<i>94</i>	<i>6</i>
Urban Planning and Landscape Architectural Services (44)	55	27	18	61	27	12	45	52	3	3	94	3
	<i>45</i>	<i>36</i>	<i>18</i>	<i>52</i>	<i>36</i>	<i>12</i>	<i>24</i>	<i>73</i>	<i>3</i>	<i>0</i>	<i>97</i>	<i>3</i>

Notes:

- F: Full commitment (indicated by "none" in the market access column of the Schedule)

P: Partial commitment (limitations inscribed in the market access column of the Schedule)

N: No commitment (indicated by "unbound" in the market access column of the Schedule)
- The figures in *italics* indicate the percentages taking into account horizontal commitments applicable to all sectors in the schedule.

Table 5a: Analysis of the Types of Measures (Number of Measures in Architectural and Engineering Services, Market Access)

Type of Limitation:	Mode			
	1	2	3	4
Number of Suppliers	-	-	-	-
Value of Transactions or Assets	-	-	1	-
Number of Operations	-	-	-	-
Number of Natural Persons	4	2	-	11
Types of Legal Entity	4	2	29	2
Participation of Foreign Capital	-	-	8	-
Other Measures n.e.c.	12	9	47	29

Table 5b: Analysis of the Types of Measures (Number of Measures in Architectural and Engineering Services, National Treatment)

Type of Limitation:	Mode			
	1	2	3	4
Tax Measures, Subsidies, Grants and Other Financial Measures	-	-	1	-
Nationality and Residency Requirements	18	10	27	22
Licensing, Standards, Qualifications	18	12	29	32
Registration Requirements	7	6	14	10
Authorization Requirements	6	-	1	-
Performance Requirements	-	3	3	3
Technology Transfer Requirements	-	1	1	-
Other Measures n.e.c.	11	15	15	13

Lưu ý: Số trong "Các biện pháp khác n.e.c" là rất lớn trong các bảng vì một số lượng lớn các mục trong Lịch trình không thể được phân loại vào một hoặc các loại khác biệt của các hạn chế. Trong một số trường hợp, điều này là do thiếu tính cụ thể trong mô tả của biện pháp, trong khi ở một số khác, đó là do chính biện pháp đó không tương ứng với bất kỳ loại nào.

CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ MOSKVA

QUYẾT ĐỊNH

Ngày 7 tháng 11 năm 2012 Số 633-PP

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ỦY BAN KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ CỦA THÀNH PHỐ MOSKVA

Danh sách tài liệu đã chỉnh sửa

(trong ấn bản của các nghị định của Chính quyền Moskva

Số 714-PP ngày 12.12.2012, Số 400-PP ngày 24.06.2013, Số 531-PP ngày 14.08.2013,
Số 902-PP ngày 25.12.2013, Số 512-PP ngày 08.09.2014, Số 751-PP ngày 09.12.2014,
Số 58-PP ngày 17.02.2015, Số 164-PP ngày 08/04/2015, Số 275-PP ngày 15.05.2015,
Số 277-PP ngày 15.05.2015, Số 739-PP ngày 10.11.2015, Số 177-PP ngày 15.04.2016,
Số 286-PP ngày 24.05.2016, Số 552-PP ngày 06.09.2016, Số 874-PP ngày 13.12.2016,
Số 233-PP ngày 25.04.2017, Số 333-PP ngày 07.06.2017, Số 396-PP ngày 28.06.2017,
Số 446-PP ngày 10.07.2017, Số 583-PP ngày 23.08.2017, Số 742-PP ngày 04.10.2017,
Số 806-PP ngày 31/10/2017, Số 1013-PP ngày 15 tháng 12 năm 2017)

Để cải thiện hệ thống quản lý trong lĩnh vực phát triển và kiến trúc đô thị, Chính quyền Moskva quyết định:

1. Phê duyệt Quy định về Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của Moskva (phụ lục).

2. Được bãi bỏ:

2.1. Nghị định Số 850-PP của Chính quyền Moskva ngày 1 tháng 11 năm 2005 "Phê duyệt Quy định về Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị Moskva (Moskomarkhitektura)".

2.2. Khoản 1.2 Nghị định Số 687-PP của Chính quyền Moskva ngày 12 tháng 9 năm 2006 "Về việc thay đổi và sửa đổi đối với một số hành vi pháp lý nhất định của Chính quyền Moskva".

2.3. Nghị định của Chính quyền Moskva ngày 2 tháng 6 năm 2009 về "Sửa đổi Nghị quyết Số 850-PP của Chính quyền Moskva ngày 01 tháng 11 năm 2005".

2.4. Nghị định Số 343-PP của Chính quyền Moskva ngày 27 tháng 4 năm 2010 "Về việc sửa đổi đối với Nghị quyết Số 850-PP của Chính quyền Moskva ngày 1 tháng 11 năm 2005".

2.5. Khoản 4 của Nghị định Số 114-PP của Chính quyền Moskva ngày 28 tháng 3 năm 2012 "Về giải pháp màu sắc mặt tiền của các tòa nhà, kiến trúc, cấu trúc ở thành phố Moskva".

2.6. Khoản 2 của Nghị định số 448-PP của Chính quyền Moskva ngày 4 tháng 9 năm 2012 "Về sửa đổi các hành vi pháp lý của Chính quyền Moskva".

3. Thực hiện sửa đổi Nghị quyết Số 381-PP của Chính quyền Moskva ngày 31 tháng 5 năm 2005 "Về Ủy ban kiến trúc và quy hoạch đô thị của thành phố Moskva" (được sửa đổi bởi Nghị quyết số 448-PP của Chính quyền Moskva ngày 04 tháng 9 năm 2012):

3.1. Bãi bỏ các mục 2, 4-8 của nghị quyết.

3.2. Khoản 9 sửa lại như sau:

"9. Giao cho Phó Thị trưởng thành phố Moskva về các vấn đề chính sách và xây dựng quy hoạch thị trấn Khusnullin M.Sh. kiểm tra việc thực hiện nghị quyết này".

4. Giao cho Phó Thị trưởng thành phố Moskva về các vấn đề chính sách và xây dựng quy hoạch thị trấn Khusnullin M.Sh. kiểm tra việc thực hiện nghị quyết này.

Thị trưởng thành phố Moskva
S.S. Sobyenin

**Quy định
về Ủy ban kiến trúc và quy hoạch đô thị của thành phố Moskva**

(trong ấn bản của các nghị định của Chính quyền thành phố Moskva)

Số 714-PP ngày 12.12.2012, Số 400-PP ngày 24.06.2013, Số 531-PP ngày 14.08.2013,
Số 902-PP ngày 25.12.2013, Số 512-PP ngày 08.09.2014, Số 751-PP ngày 09.12.2014,
Số 58-PP ngày 17.02.2015, Số 164-PP ngày 08.04.2015, Số 275-PP ngày 15.05.2015,
Số 277-PP ngày 15.05.2015, Số 739-PP ngày 10.11.2015, Số 177-PP ngày 15.04.2016,
Số 286-PP ngày 24.05.2016, Số 552-PP ngày 06.09.2016, Số 874-PP ngày 13.12.2016,
Số 233-PP ngày 25.04.2017, Số 333-PP ngày 07.06.2017, Số 396-PP ngày 28.06.2017,
Số 446-PP ngày 10.07.2017, Số 583-PP ngày 23.08.2017, Số 742-PP ngày 04.10.2017,
Số 806-PP ngày 31.10.2017, Số 1013-PP ngày 15.12.2017)

I. Quy định chung

1. Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của thành phố Moskva (gọi là Ủy ban) là cơ quan hành pháp về chuyên môn của của Moskva, có chức năng thực hiện các chính sách của nhà nước trong lĩnh vực phát triển quy hoạch đô thị của thành phố Moskva, bao gồm kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch, khu vực được quy hoạch, cũng như trong lĩnh vực kiến trúc, hình ảnh kiến trúc và nghệ thuật của thành phố Moskva (gọi là lĩnh vực hoạt động) thuộc thành phần của Tổ hợp chính sách phát triển đô thị và xây dựng thành phố Moskva.

2. Ủy ban thực hiện các hoạt động của mình theo Hiến pháp Liên bang Nga, các điều ước quốc tế, luật liên bang và hiến pháp liên bang, nghị định và lệnh của Tổng thống Liên bang Nga, các nghị định và lệnh của Chính quyền Liên bang Nga, Điều lệ thành phố Moskva, luật lệ của thành phố Moskva, các hành vi pháp lý khác của thành phố Moskva và theo Điều lệ này.

3. Ủy ban phối hợp thực hiện các hoạt động với các cơ quan chính phủ liên bang, cơ quan nhà nước của thành phố Moskva, cơ quan nhà nước của các thực thể Liên bang Nga, các cơ quan chính quyền địa phương, các hiệp hội công dân và các tổ chức khác.

II. Quyền hạn của Ủy ban

4. Ủy ban có các quyền hạn sau đây trong lĩnh vực hoạt động của mình:

4.1. Soạn thảo và đệ trình đúng hạn cho Thị trưởng Moskva và Chính quyền Moskva xem xét dự thảo luật của Thị trưởng Moskva và Chính quyền Moskva về các vấn đề liên quan nằm trong phạm vi hoạt động của Ủy ban, bao gồm:

4.1.1. Về kế hoạch chung của thành phố Moskva.

4.1.2. Về quy tắc sử dụng đất và phát triển thành phố Moskva.

(trong ấn bản của các nghị định Số 233-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 25.04.2017)

4.1.3. Về các sơ đồ lãnh thổ và sơ đồ ngành.

4.1.4. Về các dự án quy hoạch lãnh thổ và các dự án quy hoạch lãnh thổ có các dự án khảo sát đất đai.

4.1.5. Về các tiêu chuẩn thiết kế đô thị ở thành phố Moskva.

(trong ấn bản của các nghị định Số 286-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 24.05.2016)

4.1.6. Về các vấn đề khác thuộc lĩnh vực hoạt động theo luật liên bang, các hành vi pháp lý khác của Liên bang Nga, Điều lệ thành phố Moskva, luật của thành phố Moskva, các hành vi pháp lý khác của thành phố Moskva.

4.2. Căn cứ trên cơ sở luật liên bang và các hành vi pháp lý khác của Liên bang Nga, Điều lệ thành phố Moskva, luật của thành phố Moskva và các hành vi pháp lý khác của thành phố Moskva, quyết định:

4.2.1. Về việc chuẩn bị và ban hành theo đúng quy trình quy hoạch đô thị cho các lô đất, ngoại trừ kế hoạch quy hoạch đô thị cho các thửa đất nằm trong lãnh thổ quận Troitsk của Moskva và vùng Shcherbinka của Moskva.

(trong ấn bản của các nghị định Số 396-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 28.06.2017)

4.2.1(1). Về việc chuẩn bị dự thảo sửa đổi các quy tắc sử dụng đất và việc xây dựng thành phố Moskva hoặc từ chối các đề xuất sửa đổi các quy tắc sử dụng đất và xây dựng thành phố Moskva.

(Mục 4.2.1(1) trong nghị định Số 233-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 25.04.2017)

4.2.1(2). Về việc cấp giấy phép để sử dụng có điều kiện đối với các dự án đất hoặc các đối tượng xây dựng cơ bản hoặc từ chối cấp giấy phép.

(Mục 4.2.1(2) trong nghị định Số 233-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 25.04.2017)

4.2.1(3). Về việc cấp phép do sai lệch so với các thông số giới hạn được phép xây dựng, tái thiết xây dựng hoặc từ chối cấp phép.

(Mục 4.2.1(3) trong nghị định Số 233-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 25.04.2017)

4.2.2. Về việc chuẩn bị và cấp lý lịch đối với màu sắc mặt tiền các tòa nhà, kết cấu, cấu trúc ở thành phố Moskva.

4.2.3. Về việc chuẩn bị và cấp giấy chứng nhận phê duyệt các giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho các dự án xây dựng cơ bản.

4.2.4. Bãi bỏ. - Nghị định Số 531-PP của Chính quyền Moskva ngày 14.08.2013.

4.2.5. Cung cấp thông tin về hệ thống thông tin phát triển đô thị ở thành phố Moskva (IAIS OGR).

4.2.6. Về việc chuẩn bị các dự án quy hoạch lãnh thổ và các dự án quy hoạch lãnh thổ có các dự án khảo sát đất theo trình tự, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Phần 1 Điều 40 của Bộ luật quy hoạch thành phố Moskva.

(trong ấn bản của các nghị định Số 286-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 24.05.2016)

4.2.7. Về việc chuẩn bị và phê duyệt tài liệu cho việc lập kế hoạch lãnh thổ để bố trí các đối tượng phù hợp với phần 1 và 2 Điều 4 của Luật Liên bang số 43-FZ ngày 5 tháng 4 năm 2013 "Về đặc thù của quy định của các quan hệ pháp lý liên quan đến việc gia nhập lãnh thổ thành phần của Liên bang Nga - thành phố có ý nghĩa liên bang của Moskva và các sửa đổi đối với một số hành vi lập pháp cụ thể của Liên bang Nga".

(Mục 4.2.7 trong nghị định Số 400-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 24.06.2013)

4.2.8. Về việc chuẩn bị và phê duyệt trên cơ sở các quyết định của Ủy ban Quy hoạch đô thị và Đất đai của thành phố Moskva, ranh giới của các khu vực được bố trí các cơ sở theo quy định tại khoản 2, mục 2 Điều 8 của Luật Liên bang số 43-FZ ngày 5 tháng 4 năm 2013 "Về đặc thù của quy định của các quan hệ pháp lý liên quan đến việc gia nhập lãnh thổ thành phần của Liên bang Nga - thành phố có ý nghĩa liên bang của Moskva và các sửa đổi đối với một số hành vi lập pháp cụ thể của Liên bang Nga".

(Mục 4.2.8 trong nghị định Số 400-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 24.06.2013)

4.2.9. Về việc xây dựng các tài liệu kế hoạch quy hoạch đô thị cho các lô đất.

4.2.10. Về việc chuẩn bị và phê duyệt bản vẽ bố cục quy hoạch đô thị, về tổ chức công tác xây dựng và duy trì quy hoạch điện tử cho đô thị.

4.2.11. Về việc tổ chức các công trình theo quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch đô thị cho lãnh thổ thành phố Moskva.

4.2.11(1). Về việc chuẩn bị kết luận về việc có mặt các hạn chế của quy hoạch thị trấn, gồm cả trong mạng lưới kỹ thuật, để tổ chức hội chợ liên vùng.

(Mục 4.2.11(1) trong nghị định Số 583-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 23.08.2017)

4.2.12. Về tổ chức các công việc để hỗ trợ thông tin về các hoạt động quy hoạch đô thị trong lĩnh vực hoạt động của mình.

4.2.13. Để thực hiện một loạt các biện pháp điều phối việc thiết lập và duy trì một Cơ sở bản đồ đô thị thống nhất của Moskva, phát triển mạng lưới trắc địa cơ sở cho Moskva, sự phát triển của một không gian địa lý duy nhất của thành phố Moskva, sự hình thành và duy trì một ngân hàng dữ liệu viễn thám, các loại dữ liệu không gian địa lý khác cho lãnh thổ của thành phố Moskva, đánh giá khả năng kỹ thuật và công trình địa chất và kỹ thuật trắc địa, về sự hình thành và quản lý tài liệu và dữ liệu khảo sát kỹ thuật trên lãnh thổ thành phố Moskva, về việc hình thành và duy trì kế hoạch hợp nhất của các cơ cấu và truyền thông ngầm ở Moskva.

(trong ấn bản của các nghị định Số 277-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 15.05.2015, Số 742-PP ngày 04.10.2017)

4.2.13(1). Theo quản lý Quỹ dữ liệu không gian của Moskva.

(Mục 4.2.13(1) trong nghị định Số 552-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 06.09.2016)

4.2.13(2). Về việc chấp nhận tài liệu điều hành để thực hiện Kế hoạch hợp nhất các tiện ích và các

công trình ngầm ở Moskva.

(Mục 4.2.13(2) trong nghị định Số 806-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 31.10.2017)

4.2.13(3). Về tổ chức kiểm soát và khảo sát trắc địa hệ thống thông tin liên lạc và các kết cấu ngầm, các phần ngầm của các tòa nhà và cấu trúc thuộc sở hữu nhà nước của thành phố Moskva.

(Mục 4.2.13(3) trong nghị định Số 806-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 31.10.2017)

4.2.14. Về việc thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp phát triển công viên, không gian xanh tự nhiên của thành phố Moskva, cơ sở hạ tầng giao thông và kỹ thuật của thành phố, phát triển đô thị tiềm năng của các khu công nghiệp trong lĩnh vực hoạt động của mình.

4.2.15. Về việc thực hiện tập hợp các biện pháp phối hợp để cải thiện, thiết kế môi trường đô thị, thiết kế kiến trúc và ngoại hình nghệ thuật của thành phố Moskva, bao gồm:

4.2.15.1. Bảo đảm phát triển và phê duyệt các quan niệm liên quan đến các dự án cảnh quan phức tạp của thành phố Moskva.

4.2.15.2. Tổ chức phát triển các dự án cảnh quan phức tạp, thiết kế đô thị, thiết kế nghệ thuật của lãnh thổ cho các đối tượng theo đơn đặt hàng của thành phố Moskva.

4.2.15.3. Thiết lập cấu trúc, trình tự hình thành và phê duyệt Album các giải pháp màu sắc điển hình mặt tiền các tòa nhà, kết cấu, cấu trúc ở thành phố Moskva, xây dựng và phê duyệt nó.

4.2.15.4. Theo quy trình đã thiết lập, chuẩn bị, kiểm tra, phê duyệt tài liệu dự thảo và tài liệu đối với vị trí của các đối tượng không phải là đối tượng xây dựng cơ bản (các cơ sở không có vốn), tại thành phố Moskva, cũng như các dự án kiến trúc và các dự án khác (bao gồm cả dự án tiêu chuẩn) của các đối tượng không có vốn.

4.2.15.5. Tổ chức phân tích hình ảnh và cảnh quan của lãnh thổ của các đối tượng xây dựng cơ bản, chuẩn bị kết luận về lãnh thổ của các đối tượng xây dựng cơ bản dựa trên kết quả phân tích thị giác, giám sát và duy trì cơ sở dữ liệu nghiên cứu thị giác và cảnh quan của lãnh thổ thành phố Moskva.

(Mục 4.2.15.5 trong nghị định Số 333-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 07.06.2017)

4.2.15.6. Tổ chức phát triển các khái niệm kiến trúc và nghệ thuật đường phố, đường cao tốc và lãnh thổ thành phố Moskva, theo dõi tình hình phát triển đô thị với quan điểm hiện thực hóa và phê duyệt chúng.

(Mục 4.2.15.6 trong nghị định Số 275-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 15.05.2015)

4.2.15.7. Thực hiện phối hợp các dự án cảnh quan môi trường và tài liệu cần thiết cho sự phát triển của chúng, các dự án thiết kế để đặt biển báo ở thành phố Moskva trong các trường hợp được quy định tại thành phố Moskva.

(Các mục trong nghị định Số 714-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 12.12.2012; trong ấn bản của các nghị định Số 902-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 25.12.2013, số 1013-PP ngày 15.12.2017)

4.2.15.8. Chuẩn bị các tài liệu có chứa thông tin về ranh giới phát triển các dự án cảnh quan môi trường, các hạn chế về sử dụng đất và các dự án xây dựng cơ bản dự kiến trong ranh giới và phát triển phối cảnh dự kiến của lãnh thổ.

(Mục 4.2.15.8 trong nghị định Số 1013-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 15.12.2017)

4.2.15.9. Phê duyệt chủ trương cho sự phát triển của dự án cảnh quan môi trường.

(Mục 4.2.15.9 trong nghị định Số 1013-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 15.12.2017)

4.2.16. Về tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy hoạch tổng thể thành phố Moskva, chuẩn bị và trình bày báo cáo về việc thực hiện Quy hoạch tổng thể thành phố Moskva.

4.2.17. Về tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học kinh tế xã hội, môi trường đối với các giải pháp quy hoạch đô thị, cũng như nghiên cứu các dự báo, quan niệm phát triển đô thị của thành phố Moskva, gồm cả việc thực hiện kết nối thành phố Moskva, tỉnh Moskva và các Khu vực thuộc liên bang trung ương; xây dựng hệ thống tài liệu một cách khoa học trong lĩnh vực hoạt động của mình.

4.2.18. Về việc cấp trợ cấp lấy từ ngân sách của thành phố Moskva cho các pháp nhân trong các trường hợp được quy định bởi các văn bản pháp luật của thành phố Moskva.

4.2.18(1). Về việc chấp thuận các sơ đồ ranh giới đất, thửa đất để xác định vị trí các đối tượng được đặt mà không cần cấp đất và xây dựng các khu định cư, về kế hoạch địa chính của lãnh thổ, cho biết tọa độ của các điểm đặc trưng ranh giới của các thửa đất đó hoặc lô đất.

(Mục 4.2.18(1) trong nghị định Số 446-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 10.07.2017)

4.2.19. Về các vấn đề khác liên quan đến việc thực hiện quyền hạn của thành phố Moskva trong lĩnh vực hoạt động và tổ chức hoạt động của Ủy ban, được quy định trong Hiến chương thành phố Moskva, luật pháp của thành phố Moskva, các văn bản pháp lý khác của thành phố Moskva.

III. Quyền, tổ chức các hoạt động và quản lý

của cơ quan điều hành thành phố Moskva

5. Để thực hiện nhiệm vụ của mình, Ủy ban có quyền:

5.1. Yêu cầu các cơ quan hành pháp của thành phố Moskva, các cơ quan của chính quyền địa phương, các tổ chức và cá nhân các cung cấp các thông tin cần thiết theo đúng trình tự để thực hiện quyền hạn trong lĩnh vực hoạt động của mình.

5.2. Đưa ra các đề xuất để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Moskva và người có thẩm quyền trong các cơ quan điều hành của thành phố Moskva xem xét theo thẩm quyền.

5.3. Tạo ra các cơ quan tư vấn, chuyên môn, và các cơ quan khác theo thẩm quyền.

5.4. Thu hút các tổ chức khoa học và các tổ chức khác, các nhà khoa học và chuyên gia để nghiên cứu giải quyết các vấn đề có trong lĩnh vực hoạt động của mình.

5.5. Theo thẩm quyền, ký kết các hợp đồng với các cá nhân và pháp nhân để thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.

5.6. Tổ chức, tham gia tổ chức, tiến hành các hội nghị chuyên môn, hội thảo, triển lãm, thi đấu và các sự kiện khác theo lĩnh vực hoạt động của mình.

5.7. Theo dõi, phân tích và dự báo việc thực hiện chính sách nhà nước trong lĩnh vực hoạt động của mình.

5.8. Thực hiện các quyền hạn khác theo luật liên bang và theo các văn bản pháp lý quy phạm khác của Liên bang Nga, luật của thành phố Moskva và các văn bản pháp lý khác của thành phố Moskva.

6. Ủy ban đảm bảo các hoạt động của Hội đồng Kiến trúc của Thành phố Moskva và Hội đồng Công cộng thuộc Thị trưởng Moskva đối với các vấn đề quy hoạch đô thị, sự hình thành nghệ thuật và kiến trúc của thành phố Moskva.

6(1). Ủy ban bảo đảm kỹ thuật, thông tin, hỗ trợ tổ chức đối với các hoạt động của Ủy ban thành phố về phát triển đô thị, sử dụng đất và xây dựng của Chính quyền Moskva.

(Mục 6(1) trong nghị định Số 739-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 10.11.2015)

7. Ủy ban thực hiện chức năng và quyền hạn của người sáng lập tổ chức nhà nước của thành phố Moskva theo luật liên bang, theo các văn bản pháp lý khác của Liên bang Nga, theo luật pháp của thành phố Moskva, theo các văn bản pháp lý khác của thành phố Moskva, thực hiện kiểm soát các hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp nhà nước trực thuộc, bao gồm việc thực hiện các nhiệm vụ nhà nước của họ.

8. Ủy ban thực hiện theo thẩm quyền các biện pháp tối ưu hóa cung cấp các dịch vụ công, bao gồm dưới dạng điện tử, giảm rào cản hành chính, giảm chi tiêu ngân sách và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

8(1). Ủy ban tham gia vào tương tác thông tin liên ngành với chính quyền tiểu bang, chính quyền địa phương và các tổ chức cấp dưới theo trình tự và trong các trường hợp được quy định bằng các văn bản pháp lý của Liên bang Nga và thành phố Moskva

(Mục 8(1) trong nghị định Số 177-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 15.04.2016)

9. Ủy ban đóng vai trò như người quản trị chính và người nhận ngân sách của thành phố Moskva, người quản trị doanh thu ngân sách của thành phố Moskva theo nguồn được quy định theo quyền hạn.

10. Ủy ban hoạt động theo quy định với tư cách là khách hàng của nhà nước khi đặt hàng cung cấp hàng hóa, khi thực hiện các công việc, dịch vụ theo lĩnh vực hoạt động của mình.

10(1). Ủy ban chuẩn bị các dự án khảo sát đất dưới dạng văn bản riêng:

1) để xác định vị trí ranh giới của các khu đất mới và các khu đất đã thay đổi nhằm xây dựng các đối tượng có ý nghĩa khu vực hoặc các đối tượng xây dựng cơ bản, thiết kế, xây dựng hoặc xây dựng của chúng có trong chương trình đầu tư của thành phố Moskva, nếu như việc xây dựng các đối tượng này không yêu cầu phải lấy thêm đất hoặc nằm chồng lên các đối tượng là các công trình quốc gia.

2) thiết lập, thay đổi, xóa bỏ đường đỏ đối với khu vực xây dựng, trong phạm vi không có kế hoạch đặt dự án xây dựng cơ bản mới, cũng như thiết lập, thay đổi, xóa bỏ các đường màu đỏ liên quan đến việc hình thành hoặc thay đổi thửa đất nằm trong ranh giới của lãnh thổ mà không lường trước được, các hoạt động phát triển tích hợp và bền vững của lãnh thổ, với điều kiện là việc thành lập, sửa đổi, huỷ bỏ đó chỉ kéo theo sự thay đổi trong ranh giới của khu vực sử dụng chung, khi có quyết định tương ứng của Ủy ban Kế hoạch của thành phố Moskva.

(Mục 10(1) trong nghị định Số 874-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 13.12.2016)

11. Ủy ban tiếp nhận các biện pháp để thực hiện các chương trình nhà nước đối với thành phố Moskva, cũng như thực hiện các chương trình, dự án và hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn năng lượng và tiết kiệm năng lượng theo đúng thẩm quyền.

12. Ủy ban sẽ bảo vệ quyền lợi của thành phố Moskva tại tòa án, tòa án trọng tài, khi cơ quan điều

hành liên bang thực hiện kiểm soát (giám sát), đại diện cho Chính quyền thành phố Moskva trước các cơ quan, tổ chức khác của tiểu bang theo đúng thẩm quyền.

13. Ủy ban tổ chức và thực hiện chuẩn bị vốn và huy động vốn theo trình tự quy định bởi luật liên bang, và theo các văn bản pháp lý khác của Liên bang Nga, luật của thành phố Moskva, các văn bản pháp lý khác của thành phố Moskva.

13(1). Ủy ban thực hiện các biện pháp để chống lại chủ nghĩa khủng bố theo chức năng hoạt động. Thực hiện giám sát tình trạng an ninh chống khủng bố cho các đối tượng (lãnh thổ của các tổ chức trực thuộc.

(Mục 13(1) trong nghị định Số 512-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 08.09.2014)

13(2). Ủy ban bảo đảm bảo vệ bí mật nhà nước, thương mại, và các bí mật khác được pháp luật bảo vệ.

(Mục 13(2) trong nghị định Số 874-PP của Chính quyền thành phố Moskva ngày 13.12.2016)

14. Ủy ban thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật Liên bang Nga và các văn bản pháp lý quy phạm pháp luật khác của Liên bang Nga, luật của thành phố Moskva, các văn bản pháp lý quy phạm khác của thành phố Moskva.

15. Ủy ban thực hiện tiếp công dân theo đúng trình tự được quy định khi tiếp dân.

16. Ủy ban do Chủ tịch đứng đầu, được Thị trưởng Moskva bổ nhiệm và miễn nhiệm.

17. Chủ tịch Ủy ban có 8 phó chủ tịch, trong đó 2 phó chủ tịch thứ nhất được Thị trưởng Moskva bổ nhiệm và miễn nhiệm. Một trong những phó chủ tịch thứ nhất của Ủy ban là kiến trúc sư trưởng của thành phố Moskva.

18. Chủ tịch Ủy ban:

18.1. Giám sát các hoạt động của Ủy ban, chịu trách nhiệm trước Chính quyền Moskva về việc thực thi nhiệm vụ của Ủy ban.

18.2. Phân công nhiệm vụ giữa các Phó Chủ tịch Ủy ban.

18.3. Phê chuẩn cơ cấu và biên chế của Ủy ban trong phạm vi số lượng và quỹ lương tối đa đã được phê duyệt, cũng như phê duyệt các quy định về các bộ phận của Ủy ban.

18.4. Tổ chức thực hiện các biện pháp cải thiện hệ thống quản lý trong lĩnh vực được thành lập của các hoạt động của Ủy ban, bao gồm tối ưu hóa mạng lưới ngân sách cấp dưới.

18.5. Vận hành chi tiêu ngân sách trong giới hạn được phân công, đảm bảo tuân thủ kỷ luật tài chính và tăng hiệu quả sử dụng ngân sách của thành phố Moskva, được cung cấp để duy trì Ủy ban và thực hiện các quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm cá nhân về việc đạt được các chỉ số hoạt động trong lĩnh vực hoạt động của mình.

18.7. Đảm bảo việc sử dụng và bảo mật hiệu quả tài sản của thành phố Moskva giao cho Ủy ban.

18.8. Tổ chức việc thông qua các dịch vụ dân sự nhà nước của Ủy ban. Thực hiện quyền hạn của người đại diện chủ sử dụng lao động công chức nhà nước của Ủy ban và người sử dụng lao động cho các nhân viên của Ủy ban, thay thế các vị trí không phải là chức vụ của công chức nhà nước, phù hợp với pháp luật về luật dân sự và luật lao động của tiểu bang.

18.9. Thay mặt cho Ủy ban mà không cần ủy thác, ký kết các hợp đồng và thỏa thuận thực hiện các hoạt động pháp lý khác.

18.10. Đại diện cho Ủy ban trước các cơ quan nhà nước liên bang, các cơ quan nhà nước khác, các cơ quan tự quản địa phương, trước các tổ chức, các hiệp hội công dân.

18.11. Đảm bảo tuân thủ pháp luật về dịch vụ dân sự nhà nước, kỷ luật công vụ, thỏa ước tập thể, quy tắc dịch vụ, quy định chức vụ.

18.12. Chịu trách nhiệm tuân thủ luật pháp liên bang, các văn bản quy phạm pháp luật khác của Liên bang Nga, pháp luật của Moskva, hành vi hợp pháp khác của thành phố Moskva về chế độ bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bí mật thương mại, dịch vụ, và các bí mật khác.

18.13. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, tổ chức và huy động vốn trong Ủy ban và các tổ chức cấp dưới.

18.14. Ký các báo cáo kế toán và thống kê của Ủy ban, chịu trách nhiệm về vi phạm pháp luật về kế toán, thủ tục nộp báo cáo thống kê.

19. Ủy ban là một thực thể pháp lý, có mẫu và con dấu là hình ảnh của biểu tượng thành phố Moskva và tên gọi riêng của mình, con dấu và tem chính thức khác, tài khoản cá nhân trong các cơ quan thực hiện dịch vụ tiền mặt để sử dụng ngân sách của thành phố Moskva, tài khoản được mở theo quy định của pháp luật ngân sách Liên bang Nga, pháp luật của thành phố Moskva, các văn bản pháp lý khác của thành phố Moskva.

20. Chi phí cho việc duy trì Ủy ban được lấy từ các quỹ trong ngân sách của thành phố Moskva cho năm tài chính tương ứng cho các hoạt động của cơ quan điều hành nhà nước.

21. Việc tái tổ chức và đóng cửa Ủy ban do Chính quyền Moskva thực hiện theo luật liên bang, theo các văn bản pháp lý khác của Liên bang Nga, luật của thành phố Moskva, các hành vi pháp lý khác của thành phố Moskva.

22. Trong trường hợp đóng cửa Ủy ban, các tài liệu được chuyển giao cho Sở Lưu trữ chính của Thành phố Moskva hoặc giao cho cơ quan được chỉ định.

23. Tên viết tắt của Ủy ban - Moscomarchitecture.

24. Địa chỉ pháp lý của Ủy ban: 125047, thành phố Moskva, Quảng trường Triumfalnaya, Tòa nhà 1, tầng 1.

CHÍNH QUYỀN TP. MATXCOVA

QUYẾT ĐỊNH

số N 284-PP từ ngày 30/4/2013

**VỀ VIỆC TỐI ƯU HÓA QUY TRÌNH PHÊ DUYỆT
QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC BẰNG NGUỒN VỐN
XÂY DỰNG CỦA TP. MATXCOVA**

Danh sách thay đổi tài liệu

(trong ấn bản của các nghị định của CHÍNH QUYỀN TP. MATXCOVA

**số N 258-PP từ ngày 14/05/2014, số N 305-PP từ ngày 21/05/2015, số N 307-PP từ ngày 21/05/2015,
số N PP-367 từ 17/06/2015, số N PP-911 từ 22/12/2015 số N PP-282 từ 04/10/2018/, bản sửa đổi bằng
Nghị quyết của CHÍNH QUYỀN TP. MATXCOVA số N 306-PP từ ngày 21/5/2015)**

Theo Bộ Luật Quy hoạch đô thị của TP.MATXCOVA , nhằm tạo hình ảnh kiến trúc và nghệ thuật của MATXCOVA và tối ưu hóa việc phê duyệt theo thứ tự quy hoạch kiến trúc và đô thị xây dựng cơ bản tại MATXCOVA, CHÍNH QUYỀN TP. MATXCOVA quyết định:

1. Phê duyệt:

1.1. Các quy định về phê duyệt các giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị để xây dựng cơ bản tại TP.MATXCOVA (Phụ lục 1).

1.2. Quy định hành chính của dịch vụ nhà nước " Về việc lập và cấp Giấy chứng nhận các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị cho dự án xây dựng cơ bản" tại MATXCOVA (Phụ lục 2).

2. Thành lập rằng các nhà phát triển, cung cấp xây dựng, tái thiết của các dự án tuyến tính, tài trợ từ ngân sách TP.MATXCOVA và bao gồm trong chương trình đầu tư của MATXCOVA, thực hiện để có được giấy chứng nhận phê duyệt các giải pháp kiến trúc và đô thị của xây dựng cơ bản trước khi kiểm tra tình trạng hồ sơ của dự án.

3. Thành lập rằng sự có mặt của bản ghi của việc xem xét bắt buộc của Hội đồng kiến trúc của MATXCOVA giải pháp dự án xây dựng cơ bản trong kế hoạch đô thị của đất ban hành trước khi có hiệu lực của Nghị định này, đăng ký giấy chứng nhận phê duyệt các giải pháp kiến trúc và đô thị của xây dựng cơ bản được thực hiện theo thứ tự , được quy định bởi nghị định này.

4. Sửa đổi quyết định của Chính quyền TP.MATXCOVA số N PP-272 từ ngày 16/06/2011 "Về việc phê duyệt nhiệm Ủy ban Nhà nước về giám sát xây dựng của MATXCOVA" (đã được sửa đổi bởi Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số N 231-PP ngày 22/05/2012, số N 735-PP ngày 13/12/2012, số N 88-PP ngày 19/02/2013), thêm vào phụ lục mục 4.5 để giải quyết như sau:

"4.5. Quản lý trên lãnh thổ của TP.MATXCOVA đối với việc thực hiện các giải pháp kiến trúc và đô thị đã được phê duyệt trong việc xây dựng cơ bản theo quy định tại "Giấy chứng nhận chấp thuận các giải pháp kiến trúc và đô thị của xây dựng cơ bản" trong các thiết kế của giấy phép xây dựng, trong thi công công trình xây dựng, khi đưa dự án xây dựng cơ bản vào hoạt động. "

5. Công nhận quyết định của Chính quyền TP.MATXCOVA số N PP-458 vào ngày 06/06/2007 "Về việc phê duyệt Quy chuẩn bị của Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của TP.MATXCOVA theo hình thức " một cửa " .

6. Quyết định này có hiệu lực vào ngày 01/07/2013, trừ các Quy định về giám sát việc thực hiện các giải pháp kiến trúc và đô thị đã được phê duyệt của xây dựng cơ bản theo quy định tại Giấy chứng nhận chấp thuận của các giải pháp kiến trúc và đô thị của việc xây dựng cơ bản trong các thiết kế của Giấy phép xây dựng, trong thời gian thi công các công trình xây dựng cơ bản, khi các công trình xây dựng cơ bản được đưa vào hoạt động, có hiệu lực vào ngày 1/9/2013.

7. Ông Husnullina M.Sh - Phó Thị trưởng MATXCOVA trong Chính quyền TP. MATXCOVA sẽ giám sát việc thực hiện các quyết định về chính sách đô thị và xây dựng.

Thị trưởng TP.MATXCOVA

S.S. Sobyenin

Phụ lục 1

Nghị định Chính quyền TP.MATXCOVA
số N 284-PP từ ngày 30/04/2013

QUY ĐỊNH

**V/V PHÊ DUYỆT CÁC GIẢI PHÁP KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐỂ XÂY DỰNG
CƠ BẢN TẠI TP. MATXCOVA**

Danh sách các tài liệu thay đổi

(trong ấn bản của các nghị định của Chính quyền TP.MATXCOVA

**số N 258-PP từ ngày 14.05.2014, số N 305-PP từ ngày 21/05/2015, số N 367-PP từ ngày 17/06/2015,
số N 911-PP từ ngày 22/12/2015, số N 282-PP từ ngày 10/04/2018)**

1. Quy định về việc phê duyệt quy hoạch kiến trúc và xây dựng cơ bản tại TP.MATXCOVA (sau đây gọi là **Quy chế**) đã được phát triển phù hợp với Bộ Luật Quy hoạch đô thị của TP.MATXCOVA, Luật Liên bang số N 169-FZ từ ngày 17/11/1995 "Về hoạt động kiến trúc tại Liên bang Nga", sắc lệnh của thị trưởng MATXCOVA số N 34-RM từ ngày 23/1/2013 "về Hội đồng kiến trúc TP.MATXCOVA" và các quy phạm pháp luật khác của Liên bang Nga và TP.MATXCOVA trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch đô thị.

2. Việc phê duyệt các giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị để xây dựng cơ bản tại TP. MATXCOVA được thực hiện có tính đến đặc điểm phát triển đô thị của Liên bang Nga – TP.MATXCOVA cấp liên bang và nhằm mục đích thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sau:

- Hình thành và phát triển liên tục của các công trình kiến trúc và nghệ thuật của Thủ đô, bảo tồn các di sản văn hóa, tạo ra một môi trường đô thị hài hòa, sống tốt và thoải mái;

- Tinh giản thủ tục hành chính trong các hoạt động phát triển đô thị, đảm bảo tiếp cận một cách có hệ thống trong việc xem xét và phê duyệt các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị trong xây dựng cơ bản phù hợp với các tiêu chí đánh giá và các yêu cầu đối với vật liệu của các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị;

- Hình thành hệ thống thông tin cho phát triển đô thị (sau đây gọi là **ISOGD**) bao gồm cơ sở dữ liệu về các biện pháp của các quyết định kiến trúc và lập kế hoạch xây dựng cơ bản tại đô thị trong TP.MATXCOVA;

- Nâng cao chất lượng giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho các dự án xây dựng cơ bản.

3. Quy định áp dụng đối với các dự án xây dựng cơ bản (sau đây gọi là **Dự án**), các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị được phát triển cả trong các dự án cá nhân và điển hình (bao gồm cả tái sử dụng).

Quy chế này không áp dụng đối với di sản văn hóa, cũng như các dự án xây dựng nhà ở cá nhân, xây dựng cơ bản, thiết kế và xây dựng được thực hiện trong vùng giáp ranh, theo Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch dự án để thực hiện chương trình cải tạo nhà ở tại TP.MATXCOVA .

(được sửa đổi bởi Chính quyền TP.MATXCOVA số N 911-PP từ ngày 22/12/2015, số N 282-PP từ ngày 10/04/2018)

4. Quy chế quy định về việc phê duyệt quy hoạch kiến trúc tại TP.MATXCOVA trong các hoạt động sau:

a) Xây dựng (trừ trường hợp xây dựng xây dựng cơ bản với số lượng tầng không nhiều hơn hai tầng, tổng diện tích không lớn hơn 1.500 m² và không dành cho việc sinh sống và hoạt động sản xuất (bao gồm cả kho), nằm bên ngoài ranh giới Hành chính trung ương Quận MATXCOVA, bên ngoài ranh giới các di sản văn hóa và khu vực được bảo vệ và không nằm trên các đường phố chính trong khu vực);

(tiểu mục "a" trong sắc lệnh của Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số 258-PP từ ngày 14/05/2014)

b) Xây dựng lại (trừ trường hợp tái thiết xây dựng cơ bản với số lượng tầng không nhiều hơn hai tầng, tổng diện tích không lớn hơn 1.500 m² và không dành cho việc sinh sống và hoạt động sản xuất (bao gồm cả kho), nằm bên ngoài ranh giới Hành chính trung ương Quận MATXCOVA, bên ngoài ranh giới các di sản văn hóa và khu vực được bảo vệ và không nằm trên các đường phố chính trong khu vực, cũng như các công trình liên quan đến việc thay thế và (hoặc) phục hồi kết cấu chịu lực của xây dựng cơ bản và không làm thay đổi hình dáng bên ngoài của công trình).

(trong ấn bản Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số N 258-PP từ ngày 14/5/2014)

5. Hình thành các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị của các dự án được thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và hướng dẫn pháp luật của TP.MATXCOVA trong lĩnh vực cảnh quan đô thị.

Hình thành các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị cho các tòa nhà cao tầng, thiết kế và xây dựng được tài trợ từ ngân sách TP.MATXCOVA, được xây dựng phù hợp với các yêu cầu của kiến trúc đô thị và kế hoạch thiết kế khu dân cư nhà ở và xây dựng được tài trợ từ ngân sách TP.MATXCOVA, do Chính quyền TP.MATXCOVA phê duyệt.

(được ghi theo Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số 305-PP từ ngày 21/5/2015)

6. Hình thành các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị của các dự án nằm trong ranh giới các di sản văn hóa và khu vực được bảo vệ, phù hợp với pháp luật trong lĩnh vực bảo quản, sử dụng, phổ biến và bảo vệ cấp Nhà nước đối với di sản văn hóa.

7. Hình thành các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị của các dự án nằm trong phạm vi ranh giới của khu bảo tồn, khu vực tự nhiên và cây xanh, phù hợp với pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và sử dụng các khu vực này.

8. Phê duyệt các dự án quy hoạch kiến trúc và đô thị TP.MATXCOVA là trách nhiệm của kiến trúc sư trưởng của TP.MATXCOVA và được cung cấp bởi Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của TP.MATXCOVA (sau đây gọi là Ủy ban).

9. Đối tượng của việc đánh giá các giải pháp kiến trúc và đô thị là sự phù hợp với mục đích, chức năng và vị trí của dự án dựa trên không gian quy hoạch, kiến trúc nghệ thuật, phong cách, đặc điểm của dự án.

Theo sáng kiến của người nộp đơn, Ủy ban cũng đánh giá các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị của tòa nhà chung cư, xây dựng mới hoặc tái thiết được thực hiện mà không có sự tham gia của các quỹ trong ngân sách TP.MATXCOVA, cho phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA đã được phê duyệt số N PP-305 21/5/2015 "Về việc phê duyệt yêu cầu để thiết kế nhà ở kiến trúc và đô thị theo quy hoạch xây dựng được tài trợ từ ngân sách của TP. MATXCOVA."

(được ghi theo Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số 367-PP từ ngày 17/06/2015)

10. Xem xét các giải pháp kiến trúc và đô thị của dự án được thực hiện theo các tính năng hiện có và đặc điểm của khu vực, như lịch sử, văn hóa, cảnh quan, chức năng, quy hoạch, kỹ thuật, quy hoạch kiến trúc và đô thị, bao gồm cả vật liệu, hình thức, quy mô, phong cách, đặc điểm màu sắc của các tòa nhà xung quanh.

11. Xem xét sự khác biệt các cơ sở quy hoạch kiến trúc và đô thị tại TP.MATXCOVA, được chia ra thành các dự án của cấp thành phố và vùng lân cận.

12. Sự khác biệt của các dự án được thực hiện bởi Ủy ban phù hợp với Điều 13 và Điều 14 của Quy chế này có tính đến vị trí của dự án trong cấu trúc thành phố, vai trò xã hội, tính đặc trưng kiến trúc và tính hiệu quả kinh tế của dự án.

13. Dự án có cấp đô thị bao gồm các dự án có một hoặc nhiều đặc trưng sau đây:

- a) Nằm ở khu trung tâm hành chính của TP.MATXCOVA;
- b) Nằm trong ranh giới lãnh thổ của di sản văn hoá và khu bảo vệ xung quanh;
- c) Nằm trên các đường phố chính có tầm quan trọng toàn thành phố (kể cả đại lộ và cao tốc);
- d) Có chiều cao trên 10 tầng;
- e) Có diện tích hơn 20.000 m²;
- e) Được xây dựng và (hoặc) xây dựng lại với chi phí của ngân sách TP.MATXCOVA ;
- g) Đặc biệt nguy hiểm, kỹ thuật phức tạp và độc đáo.

14. Dự án xây dựng mang tính chất ngoại ô bao gồm các dự án không được quy định tại khoản 13 Quy chế này.

15. Xem xét các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị được thực hiện bởi Ủy Ban kiến trúc của TP.MATXCOVA và các đơn vị phục thuộc Ủy Ban.

16. Xem xét các Dự án xây dựng mang tính chất ngoại ô được thực hiện bởi đơn vị thuộc ỦY BAN theo cách thức quy định của hành lang pháp lý của ỦY BAN.

17. Để phù hợp với các yêu cầu của pháp luật về bảo tồn, sử dụng, bảo vệ di sản văn hóa kiến trúc và giải pháp đô thị của các dự án nằm trong ranh giới của các di sản văn hóa và khu vực bảo vệ sẽ được thực hiện bởi sự hợp tác liên ngành do Sở Di sản văn hóa của TP.MATXCOVA chủ trì.

Thời hạn xem xét của Sở Di sản văn hóa của TP.MATXCOVA đối với các tài liệu nhận được sắp xếp theo thứ tự bởi sự hợp tác liên ngành dưới dạng điện tử, bao gồm cả thời hạn chỉ đạo thực hiện của ỦY BAN là 8 ngày kể từ ngày các tài liệu này do ỦY BAN gửi đến Sở Di sản văn hóa của TP.MATXCOVA.

(trong ấn bản Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số N 911-PP từ ngày 22/12/2015)

Kết luận tiêu cực của Cục di sản văn hóa MATXCOVA là cơ sở cho việc từ chối phê duyệt giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của dự án được xem xét.

18. Quy định xem xét, phê duyệt các giải pháp kiến trúc và đô thị của dự án (hoặc quyết định từ chối chấp thuận của các giải pháp kiến trúc và đô thị của dự án) và cấp Giấy chứng nhận cho phép các giải pháp kiến trúc và đô thị của xây dựng cơ bản (quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận phê duyệt các giải pháp kiến trúc và đô thị dự án xây dựng cơ bản) là:

- 10 ngày làm việc - đối với các dự án ngoại ô;
- 25 ngày làm việc - đối với các dự án nội ô.

(Điều 18 Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số N 911-PP ngày 22/12/2015)

19. Việc kiểm tra các giải pháp kiến trúc và đô thị của dự án xây dựng, theo quy định của ỦY BAN, được thực hiện theo thứ tự:

- a) Trong khuôn khổ công việc đánh giá của kiến trúc sư trưởng của TP.MATXCOVA ;

b) Trong cuộc thi quy hoạch kiến trúc và đô thị sáng tạo (theo thứ tự để lựa chọn các giải pháp kiến trúc và đô thị tối ưu nhất để thay thế).

Mẫu xem xét này là không bắt buộc và không loại trừ xem xét các giải pháp kiến trúc dự án đô thị theo Điều 15 và 16 của Quy chế này về việc cấp giấy chứng nhận giải pháp kết cấu và quy hoạch đô thị của dự án xây dựng cơ bản (sau đây gọi là **Giấy chứng nhận**).

20. Kết quả của việc xem xét các giải pháp kiến trúc và đô thị của dự án (Điều 15 và 16 của Quy chế này) là việc quyết định đồng ý hoặc từ chối chấp thuận của các giải pháp kiến trúc và đô thị của dự án.

Trách nhiệm cá nhân khi ra quyết định phê duyệt các giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của các dự án được giao cho kiến trúc sư trưởng của TP.MATXCÓVA .

21. Quyết định từ chối chấp thuận của các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị bao gồm việc nghiên cứu các dự án, các khuyến nghị để hoàn thiện bản đề trình, cũng như thông tin về các hình thức xem xét sửa đổi các giải pháp kiến trúc và đô thị của dự án.

22. ỦY BAN lập Giấy chứng nhận, như một phần không tách rời là tài liệu của giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của dự án xây dựng cơ bản.

23. Giấy chứng nhận phải đăng ký theo quy trình đã được thiết lập của phiên bản điện tử trong IOSGD.

24. Để giám sát việc thực hiện các giải pháp kiến trúc và đô thị đã được phê duyệt của các dự án trong các trường hợp quy định tại Điều 4 của Quy chế này, trong kế hoạch phát triển đô thị của khu đất được ghi nội dung sau: "tính năng kiến trúc và đô thị của các dự án phải phù hợp với giấy chứng nhận phê duyệt các giải pháp kiến trúc và đô thị dự án xây dựng cơ bản."

Khi đánh giá các giải pháp kiến trúc và đô thị của các tòa chung cư cho phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCÓVA đã được phê duyệt số N PP-305 từ ngày 21/5/2015 "Về việc phê duyệt Yêu cầu đối với kiến trúc và đô thị-kế hoạch thiết kế nhà ở và xây dựng được thực hiện bởi ngân sách TP.MATXCÓVA ", được nộp bởi người nộp đơn, trong trường hợp phù hợp với các giải pháp kiến trúc và đô thị thì trong phần "quyết định" ghi như sau: "Chính quyền TP.MATXCÓVA phê duyệt các giải pháp kiến trúc của dự án đáp ứng được các yêu cầu về kiến trúc và đô thị-kế hoạch thiết kế nhà ở và xây dựng được tài trợ từ ngân sách TP.MATXCÓVA"

(được ghi theo Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCÓVA số 367-PP từ ngày 17/6/2015)

25. Kiểm tra nhà nước về tài liệu dự án xây dựng cơ bản được cung cấp bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của TP.MATXCÓVA với chứng nhận đăng ký, nằm ở ISOGD.

26. Giám sát việc thực hiện các giải pháp kiến trúc và đô thị đã được phê duyệt của các dự án phù hợp với các bằng chứng được ghi trong ISOGD, được thực hiện bởi Ủy ban Nhà nước giám sát xây dựng của MATXCÓVA (trong trường hợp của một giấy phép xây dựng, trong công trình xây dựng tại các cơ sở, với sự vận hành của các cơ sở đang hoạt động).

27. Hiệu lực của Giấy chứng nhận không giới hạn.

28. Thay đổi quyết định dự án kiến trúc và đô thị-quy hoạch được duyệt thực hiện như là kết quả của việc xem xét và phê duyệt những thay đổi trong cách thức quy định và quy định việc hủy bỏ Giấy chứng nhận phát hành trước đó và cấp Giấy chứng nhận mới.

29. Trong trường hợp cấp Giấy chứng nhận mới cho nhà chung cư, các yêu cầu có liên quan đến kiến trúc đô thị và lập kế hoạch căn hộ, thiết kế và xây dựng được thực hiện đối với người mà chứng chỉ được cấp trước đó, thì trong mục "Quyết định" ghi " Chính quyền TP.MATXCOVA phê duyệt các giải pháp kiến trúc của dự án đáp ứng được các yêu cầu về kiến trúc và đô thị-kế hoạch thiết kế nhà ở và xây dựng được tài trợ từ ngân sách TP.MATXCOVA ", giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị không đáp ứng yêu cầu vào ngày được cấp Giấy chứng nhận mới, thì Ủy ban chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận mới phải gửi đến Sở TN-MT TP.MATXCOVA bản sao Giấy chứng nhận mới.

(Điều 29 đã được thông qua theo Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số 367-PP từ ngày 17/6/2015)

Phụ lục 2

Nghị định Chính quyền TP.MATXCOVA

QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
VỀ VIỆC CUNG CẤP DỊCH VỤ NHÀ NƯỚC "LẬP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIẢI PHÁP
QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÀ ĐÔ THỊ CỦA ĐỐI TƯỢNG XÂY DỰNG CƠ BẢN" TẠI THÀNH
PHỐ MATXCOVA

Danh sách thay đổi tài liệu

(trong ấn bản nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số N 911-PP từ ngày 22/12/2015)

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Quy định hành chính của dịch vụ nhà nước này về việc "Việc lập và cấp Giấy chứng nhận giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị của dự án xây dựng cơ bản" tại TP.MATXCOVA bao gồm các thành phần, trình tự và thời gian của thủ tục hành chính (hành động), và (hoặc) các quyết định cung cấp dịch vụ công, thực hiện theo yêu cầu (đơn) của cá nhân hoặc pháp nhân hoặc người đại diện của họ (sau đây gọi tắt là **Quy chế**).

1.2. Thủ tục hành chính và (hoặc) hành động được quy định trong Quy chế này được thực hiện với việc sử dụng cơ sở dữ liệu đăng ký thông tin cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng tại TP.MATXCOVA (sau đây gọi là **Thủ tục cơ sở**), và phù hợp với các yêu cầu thống nhất cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng tại TP.MATXCOVA, được thành lập bởi Chính quyền TP.MATXCOVA (sau đây gọi là **Các yêu cầu thống nhất**).

1.3. Đối với dịch vụ nhà nước, "Chuẩn bị và cấp giấy chứng nhận phê duyệt các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị của dự án xây dựng cơ bản" được thực hiện độc quyền dưới hình thức điện tử sử dụng Cổng thông tin của nhà nước và dịch vụ đô thị (chức năng) của TP.MATXCOVA (sau đây gọi là **Cổng thông tin**).

2. Tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ công

2.1. Tên dịch vụ nhà nước

Chuẩn bị và cấp giấy chứng nhận phê duyệt giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của dự án xây dựng cơ bản (sau đây gọi là dịch vụ công).

2.2. Cơ sở pháp lý để cấp dịch vụ công cộng

Việc cung cấp dịch vụ công cộng được thực hiện theo:

- Luật Liên bang số N 210-FZ từ ngày 27/7/2010 "Về tổ chức cung cấp dịch vụ của Nhà nước và Thành phố";
- Nghị quyết của Chính phủ Liên bang Nga số N 861 từ ngày 24/10/2011 "Về hệ thống thông tin nhà nước Liên bang cung cấp các dịch vụ điện tử của Nhà nước và Thành phố (chức năng)";
- Nghị quyết của Chính phủ Liên bang Nga số N 634 từ ngày 25/6/2012 "Về các loại chữ ký điện tử, việc sử dụng được phép khi áp dụng cho các dịch vụ của Nhà nước và Thành phố";
- Luật TP.MATXCOVA số 28 từ ngày 25/6/2008 về "Quy hoạch đô thị của TP.MATXCOVA";

- Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số 546-PP từ ngày 15 /11/ 2011 "Về cung cấp các dịch vụ Nhà nước và Thành phố tại TP.MATXCOVA";
- Nghị quyết của Chính quyền TP.MATXCOVA số N 633-PP ngày 7/11/2012 "Về việc phê duyệt Quy chế về Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của TP.MATXCOVA";
- Nghị định của Chính quyền TP.MATXCOVA số 1576-RP từ ngày 29/7/ 2010 "Về đưa vào hoạt động của hệ thống thông tin nhà nước" Cổng thông tin về các dịch vụ, chức năng toàn thành phố và của TP.MATXCOVA";
- theo lệnh của Chính quyền TP.MATXCOVA số 376-RP từ ngày 12/5/2011 "Trên Sổ đăng ký thông tin cơ bản cần thiết để cung cấp các dịch vụ công ở TP.MATXCOVA";
- Quyết định của Thị trưởng MATXCOVA số N 33-RM từ ngày 23/1/2013 "Về kiến trúc sư trưởng của TP.MATXCOVA";
- Thứ tự Quyết định của Thị trưởng MATXCOVA số N 34-RM từ ngày 23/1/2013 "Về Hội đồng Kiến trúc của TP.MATXCOVA ."

2.3. Tên cơ quan điều hành của thành phố

MATXCOVA, cung cấp dịch vụ công

2.3.1. Thẩm quyền cung cấp các dịch vụ công được thực hiện bởi Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của MATXCOVA (sau đây là Ủy ban).

2.3.2. Đối với các mục đích liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ công cộng, tài liệu và thông tin thu được trong quá trình tương tác thông tin liên ngành được sử dụng với:

2.3.2.1. Dịch vụ thuế Liên bang.

2.3.2.2. Dịch vụ đăng ký địa chính và bản đồ Liên bang.

2.3.2.3. Sở Di sản văn hóa của TP.MATXCOVA.

2.4. Người nộp đơn

2.4.1. Như các ứng viên có thể hoạt động thể nhân hoặc pháp nhân là chủ sở hữu đất đai, trong đó có chủ sở hữu, người thuê nhà và người sử dụng thửa đất, trên đó tiến hành đăng ký địa chính và được thiết kế quy hoạch phát triển của khu đất hoặc có một dự án đã được phê duyệt quy hoạch lãnh thổ của một dự án tuyển tính, và cung cấp trên các trang web này việc xây dựng, tái thiết các dự án xây dựng cơ bản.

2.4.2. Các ứng viên nêu tại khoản 2.4.1 của Quy chế này, có thể là pháp nhân ủy quyền của người nộp đơn theo cách thức quy định, với ngoại lệ của các tổ chức hoạt động ủy thác thay mặt cho cá nhân.

2.4.3. Các dịch vụ công cộng chỉ có sẵn cho người dùng đăng ký trên cổng thông tin kể từ khi nhận mã cá nhân truy cập vào Cổng thông tin hệ thống phụ "tủ cá nhân" (sau đây gọi là "**Tài khoản cá nhân**" trên Cổng thông tin của người nộp đơn):

2.4.3.1. Cá nhân (trừ cá nhân được đăng ký là doanh nghiệp cá nhân) nhận được một mã số truy cập cá nhân Cổng thông tin theo cách thức quy định theo quyết định của Chính quyền TP.MATXCOVA số N 23-PP từ ngày 07/2/2012 "Về việc phê duyệt các quy định hành chính của dịch vụ nhà nước" dân Giving truy cập vào hệ thống con "tủ cá nhân" của hệ thống thông tin nhà nước "Cổng thông tin của các dịch vụ nhà nước và thành phố (chức năng) của TP.MATXCOVA".

2.4.3.2. Cá nhân đăng ký là doanh nhân cá nhân và pháp nhân

cho một mã truy cập cá nhân với công thông tin sử dụng chữ ký điện tử đó đáp ứng các yêu cầu đặt ra bởi thứ tự của Cơ quan An ninh Liên bang Nga số N 796 từ ngày 27/12/2011 "Về việc phê duyệt Yêu cầu đối với công cụ chữ ký điện tử, và các yêu cầu cụ thể của trung tâm chứng nhận."

2.4.3.3. Nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ công cộng (sau đây gọi là **theo yêu cầu**) và các tài liệu khác cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công, từ các cá nhân đóng vai trò là đại diện của các ứng viên, cũng như đại diện ủy quyền của các cá nhân không được cung cấp.

2.4.3.4. Thẩm định và xác định người nộp đơn tiến hành Công thông tin để gửi yêu cầu của các nhà điều hành trong hệ thống thông tin của ỦY BAN.

2.5. Tài liệu cần thiết để cung cấp dịch vụ công cộng

2.5.1. Việc cung cấp dịch vụ công cộng được thực hiện trên cơ sở các tài liệu (thông tin) sau:

2.5.1.1. Tài liệu được cung cấp bởi người nộp đơn:

2.5.1.1.1. Yêu cầu (thông báo) cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng (sau đây là yêu cầu), được hình thành bằng cách điền vào mẫu yêu cầu tương tác trên Công thông tin.

2.5.1.1.2. Vật liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản.

Thành phần và các yêu cầu đối với các tài liệu được quy định tại khoản này được quy định trong phụ lục của Quy định này.

2.5.1.2. Tài liệu và thông tin nhận được bởi người được ủy quyền (nhân viên) của Ủy ban sử dụng tương tác thông tin liên ngành, bao gồm cả việc truy cập thông tin của Cơ quan đăng ký:

2.5.1.2.1. Trích lục (thông tin) từ Cơ quan đăng ký Nhà nước Hợp pháp của pháp nhân (đối với pháp nhân).

2.5.1.2.2. Trích lục (thông tin) từ Sổ đăng ký Nhà nước Thống nhất của Doanh nhân Cá nhân (dành cho các doanh nhân riêng lẻ).

2.5.1.2.3. Trích lục (thông tin) trên một thửa đất từ Cơ quan đăng ký nhà nước thống nhất quyền đối với bất động sản và giao dịch với nó.

2.5.1.2.4. Trích lục (thông tin) cho các tòa nhà, kiến trúc, công trình xây dựng từ Nhà nước thống nhất đăng ký quyền đối với bất động sản và giao dịch với nó.

2.5.1.2.5. Kế hoạch quy hoạch đô thị của thửa đất hoặc dự án quy hoạch lãnh thổ đối tượng tuyển tính (trong trường hợp không có kế hoạch quy hoạch đô thị chính thức của thửa đất).

2.5.1.2.6. Kết luận của Cục di sản văn hóa thành phố Moscow (khi xem xét các tài liệu về giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của địa điểm xây dựng thủ đô nằm trong ranh giới lãnh thổ của các di sản văn hóa và khu bảo vệ của họ (ngoại trừ các đối tượng của di sản văn hóa và các di sản văn hóa được xác định).

2.5.1.3. Người nộp đơn có quyền, theo sáng kiến riêng của mình, nộp các tài liệu quy định tại khoản 2.5.1.2 của Quy chế này dưới dạng hình ảnh điện tử được ký bằng chữ ký điện tử theo thủ tục đã được thiết lập.

Hình ảnh điện tử của tài liệu được gửi dưới dạng tệp theo định dạng Portable Document Format..

2.5.1.4. Danh sách các tài liệu cần thiết để cung cấp các dịch vụ công cộng phải đầy đủ.

2.6. Các dịch vụ bắt buộc và cần thiết để cung cấp dịch vụ công cộng

Các dịch vụ cần thiết và bắt buộc đối với việc cung cấp các dịch vụ công cộng không có sẵn.

2.7. Thời hạn cung cấp dịch vụ công cộng

2.7.1. Thời hạn chung về cung cấp dịch vụ công cộng bao gồm thời hạn tương tác thông tin giữa các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức trực thuộc cơ quan nhà nước hoặc chính quyền địa phương trong quá trình cung cấp dịch vụ công cộng và không vượt quá:

- 10 ngày làm việc - đối với các đối tượng có giá trị khu vực;
- 25 ngày làm việc - đối với các đối tượng có giá trị đô thị.

2.7.2. Thời hạn cung cấp dịch vụ công bắt đầu được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày đăng ký yêu cầu của Ủy ban.

2.8. Từ chối chấp nhận tài liệu bắt buộc để cung cấp dịch vụ công cộng

2.8.1. Cơ sở từ chối chấp nhận các tài liệu cần thiết để cung cấp các dịch vụ công cộng là:

2.8.1.1. Gửi yêu cầu và các tài liệu cần thiết khác để cung cấp các dịch vụ công cộng không đáp ứng các yêu cầu được thiết lập bởi các hành vi pháp lý của Liên bang Nga, các hành vi pháp lý của thành phố Moscow, các yêu cầu thống nhất theo Quy chế này.

2.8.1.2. Trình bày một bộ tài liệu không đầy đủ được quy định trong các Quy định này là các tài liệu phải được người nộp đơn yêu cầu nộp.

2.8.1.3. Việc nộp đơn yêu cầu thay mặt cho người nộp đơn không được người đó ủy quyền.

2.8.1.4. Kháng cáo việc cung cấp các dịch vụ công cộng cho một người không phải là người nhận dịch vụ công cộng theo Quy định này.

2.8.2. Các căn cứ bổ sung cho việc từ chối chấp nhận các tài liệu cần thiết để cung cấp các dịch vụ công cộng là:

2.8.2.1. Điền đầy đủ các lĩnh vực bắt buộc dưới dạng yêu cầu trực tuyến.

2.8.2.2. Sự hiện diện của thông tin xung đột trong yêu cầu trực tuyến và các tài liệu đính kèm với nó.

2.8.2.3. Trình bày tài liệu điện tử (hình ảnh tài liệu điện tử) không cho phép đọc toàn bộ văn bản của tài liệu và (hoặc) nhận ra các điều kiện tiên quyết của tài liệu.

2.8.2.4. Trình bày các tài liệu về giải pháp kiến trúc và quy hoạch thị trấn của đối tượng xây dựng cơ bản, thành phần và thiết kế không đáp ứng các yêu cầu do phụ lục quy định tại Quy chế này.

2.8.3. Danh sách các lý do từ chối chấp nhận các tài liệu cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng, như được thiết lập trong các khoản 2.8.1 và 2.8.2 của Quy định này phải đầy đủ.

2.8.4. Quyết định từ chối chấp nhận các tài liệu cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ công cộng được ký bởi người được ủy quyền sử dụng chữ ký điện tử và gửi kèm theo lý do từ chối "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn trên Cổng thông tin không quá một ngày làm việc kể từ ngày đăng ký yêu cầu trong Ủy ban.

2.9. Đình chỉ cung cấp dịch vụ công cộng.

Không có cơ sở để đình chỉ việc cung cấp các dịch vụ công cộng.

2.10. Từ chối dịch vụ công cộng

2.10.1. Các căn cứ từ chối cung cấp dịch vụ công cộng là:

2.10.1.1. Trình bày yêu cầu và các tài liệu khác cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công không tuân thủ các yêu cầu được thiết lập bởi các hành vi pháp lý của Liên bang Nga, các hành vi pháp lý quy định của thành phố Moscow, các yêu cầu thống nhất, Quy chế này, nếu các trường hợp cụ thể được thiết lập trong quá trình xử lý tài liệu và thông tin cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ.

2.10.1.2. Mất hiệu lực của các tài liệu đã nộp, nếu các trường hợp quy định được thiết lập trong quá trình xử lý tài liệu và thông tin cần thiết để cung cấp các dịch vụ công cộng.

2.10.1.3. Sự hiện diện trong các tài liệu đã gửi về thông tin mâu thuẫn hoặc không đáng tin cậy, nếu các trường hợp được chỉ định được thiết lập trong quá trình xử lý tài liệu và thông tin cần thiết để cung cấp các dịch vụ công cộng.

2.10.1.4. Mâu thuẫn của tài liệu hoặc thông tin thu được thông qua việc sử dụng tương tác thông tin liên ngành, bao gồm cả việc sử dụng các chi tiết của Cơ sở đăng ký, các tài liệu hoặc thông tin được cung cấp bởi người nộp đơn.

2.10.2. Các căn cứ bổ sung cho việc từ chối cung cấp dịch vụ công cộng là:

2.10.2.1. Tài liệu điện tử chất lượng thấp (hình ảnh tài liệu điện tử) không cho phép đọc toàn bộ văn bản và (hoặc) ghi nhận chi tiết tài liệu, nếu các trường hợp cụ thể được thiết lập trong quá trình xử lý tài liệu và thông tin cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ công cộng.

2.10.2.2. Việc không tuân thủ các vật liệu của giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản theo yêu cầu của Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này, nếu các tình huống này được thiết lập trong quá trình xử lý tài liệu và thông tin cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ công cộng.

2.10.2.3. Việc không nhất quán của vật liệu giải pháp kiến trúc và đô thị của đối tượng xây dựng do người nộp đơn nộp cho mục đích chức năng và vị trí của đối tượng, có tính đến quy hoạch khối lượng, thành phần, hình dáng, kiến trúc và nghệ thuật, trang trí, đặc điểm phong cách, màu sắc của đối tượng, đặc điểm phát triển của lãnh thổ và đặc điểm của các tòa nhà xung quanh.

2.10.2.4. Sự không phù hợp của các vật liệu của giải pháp kiến trúc và đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản do người nộp đơn nộp cho các loại chỉ tiêu sử dụng và chỉ tiêu kinh tế và kỹ thuật được thành lập trong kế hoạch thị trấn của lô đất hoặc trong kế hoạch thiết kế cho lãnh thổ tuyến tính, cũng như các yêu cầu của pháp luật Liên bang Nga, luật pháp và các hành vi pháp lý khác của thành phố Moscow.

2.10.2.5. Kết luận tiêu cực của Cục di sản văn hóa Moscow về các vật liệu của giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản.

2.10.3. Danh sách các căn cứ từ chối cung cấp dịch vụ công cộng phải đầy đủ.

2.10.4. Quyết định từ chối cung cấp dịch vụ công cộng, cho thấy lý do từ chối và đề nghị hoàn thiện các tài liệu đã gửi, được thực hiện sau khi kiểm tra các tài liệu được đệ trình bởi Hội đồng Kiến trúc thành phố Moscow, ủy ban, các bộ phận cấu trúc của Ủy ban, được phê duyệt bởi trưởng kiến trúc sư của thành phố Moscow và có chữ ký của trưởng kiến trúc sư thành phố Moscow hoặc người được ủy quyền sử dụng chữ ký điện tử.

2.10.5. Quyết định từ chối cung cấp dịch vụ công cộng có chỉ dẫn về lý do từ chối và đề xuất quyết toán tài liệu được gửi đến "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn trên Cổng thông tin không muộn hơn một ngày làm việc kể từ ngày quyết định từ chối cung cấp dịch vụ nhà nước và ký quyết định của trưởng kiến trúc sư thành phố Moscow hoặc bởi người được ủy quyền.

2.11. Kết quả của việc cung cấp các dịch vụ công cộng

2.11.1. Kết quả của việc cung cấp dịch vụ công cộng là:

2.11.1.1. Chỉ đạo (ban hành) Giấy chứng nhận phê duyệt giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản (sau đây gọi là Giấy chứng nhận).

2.11.1.2. Chỉ đạo (ban hành) quyết định từ chối cung cấp một dịch vụ công cộng với lý do biện hộ cho các lý do từ chối và khuyến nghị cho việc hoàn thiện các tài liệu được đệ trình.

2.11.2. Các tài liệu và (hoặc) thông tin xác nhận việc cung cấp dịch vụ công cộng (bao gồm từ chối cung cấp dịch vụ công cộng) được gửi dưới dạng một tài liệu điện tử được ký theo thủ tục đã được thiết lập cho "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn trên Cổng thông tin.

2.11.3. Thông tin về kết quả cuối cùng của việc cung cấp dịch vụ nhà nước được nhập vào Sổ Đăng ký Cơ sở trong thành phần sau:

2.11.3.1. Số chứng nhận.

2.11.3.2. Ngày chứng nhận.

2.11.3.3. Tên của dự án xây dựng cơ bản được cấp Giấy chứng nhận.

2.11.3.4. Địa chỉ của dự án xây dựng cơ bản được cấp Giấy chứng nhận.

2.11.3.5. Tên của người nộp đơn.

2.11.3.6. Số OGRN của người nộp đơn.

2.11.3.7. Mã số thuế của người nộp đơn.

2.11.3.8. Loại công trình trên đối tượng xây dựng cơ bản (xây dựng mới, tái thiết).

2.11.3.9. Tài liệu điện tử của Giấy chứng nhận kèm theo các tài liệu về giải pháp kiến trúc và quy hoạch thị trấn của đối tượng xây dựng cơ bản đầy đủ.

2.11.3.10. Mục đích chức năng của đối tượng xây dựng cơ bản.

2.11.3.11. Các chỉ tiêu kỹ thuật và kinh tế của đối tượng xây dựng cơ bản.

2.11.4. Người nộp đơn có thể nhận được một bản sao có công chứng của tài liệu xác nhận việc cung cấp dịch vụ công cộng (bao gồm từ chối cung cấp dịch vụ công cộng) trên giấy khi người nộp đơn (người đại diện của người nộp đơn) trong Ủy ban theo thủ tục đã được thiết lập. Bản sao có công chứng của Giấy chứng nhận được cấp dưới dạng tài liệu trên giấy mà không có bất kỳ tài liệu đính kèm nào.

2.12. Thanh toán cho việc cung cấp dịch vụ công cộng

Cung cấp dịch vụ công cộng miễn phí.

2.13. Các chỉ số về khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ công cộng

Chất lượng và tính sẵn có của các dịch vụ công cộng được đặc trưng bởi các chỉ số sau:

- 1) thời hạn đăng ký trong Ủy ban yêu cầu và các tài liệu khác cần thiết để cung cấp dịch vụ công cộng - không quá 1 ngày làm việc;
- 2) thời hạn gửi tài liệu và (hoặc) thông tin xác nhận việc cung cấp dịch vụ công cộng (kể cả

từ chối cung cấp dịch vụ công cộng) dưới dạng văn bản điện tử đã ký theo thủ tục đã được thiết lập, trong "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn trên Cổng thông tin - không quá 1 ngày làm việc.

2.14. Thủ tục thông báo về việc cung cấp dịch vụ công cộng

2.14.1. Thông tin về thủ tục cung cấp dịch vụ công cộng được đặt tại:

- trên Cổng thông tin;
- trên trang web chính thức của Ủy ban;
- trên bảng thông tin tại cơ sở của Ủy ban.

2.14.2. Người nộp đơn có thể nhận được thông tin về tiến trình yêu cầu trong "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn trên Cổng thông tin.

3. Thành phần, trình tự và thời gian thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu đối với trình tự thực hiện

3.1. Việc cung cấp các dịch vụ công cộng bao gồm các thủ tục hành chính sau đây:

3.1.1. Tiếp nhận (tiếp nhận) và đăng ký yêu cầu và các tài liệu khác (thông tin) cần thiết để cung cấp các dịch vụ công cộng.

3.1.2. Cần xử lý các tài liệu (thông tin) để cung cấp các dịch vụ công cộng.

3.1.3. Hình thành kết quả của việc cung cấp các dịch vụ nhà nước với việc giới thiệu các thông tin về kết quả cuối cùng của việc cung cấp các dịch vụ nhà nước trong cơ sở đăng ký.

3.1.4. Chỉ đạo (vấn đề) cho người nộp đơn của các tài liệu và (hoặc) thông tin xác nhận việc cung cấp các dịch vụ công cộng (bao gồm cả từ chối cung cấp các dịch vụ công cộng).

3.2. Tiếp nhận (biên nhận) và đăng ký yêu cầu và các tài liệu khác (thông tin) cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng:

3.2.1. Cơ sở để bắt đầu thủ tục hành chính là việc đăng ký yêu cầu trong Ủy ban.

3.2.2. Cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính là chuyên gia được ủy quyền của Ủy ban chịu trách nhiệm tiếp nhận các tài liệu (sau đây là người chịu trách nhiệm chính thức nhận tài liệu).

3.2.3. Cán bộ chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, khi nhận được yêu cầu và các tài liệu cần thiết khác để cung cấp dịch vụ công:

3.2.3.1. Thiết lập đối tượng được yêu cầu..

3.2.3.2. Thẩm định tính thống nhất về thành phần vật liệu của giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản đối với các yêu cầu do phụ lục quy định tại Quy chế này.

3.2.3.3. Thẩm định việc tuân thủ thiết kế vật liệu của giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản với các yêu cầu do phụ lục quy định tại Quy chế này.

3.2.3.4. Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin đã nhập và khả năng đọc của các bản sao điện tử (hình ảnh điện tử) của các tài liệu đã gửi.

3.2.3.5. Xác minh các tài liệu đã gửi để tuân thủ các yêu cầu được thiết lập bởi các hành vi pháp lý đối với việc xử lý các tài liệu đó và các yêu cầu của Quy định này.

3.2.3.6. Thực hiện sự khác biệt của các đối tượng xây dựng cơ bản vào các đối tượng có ý nghĩa đô thị và khu vực.

3.2.3.7. Trên cơ sở phân biệt đối tượng xây dựng cơ bản thành đối tượng có ý nghĩa đô thị và vùng, thời hạn và trình tự xem xét các vật liệu của giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây

dựng cơ bản trong khuôn khổ cung ứng dịch vụ công được xác định.

3.2.4. Trong sự hiện diện của các tài liệu cần thiết để cung cấp dịch vụ công cộng và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về việc xử lý các tài liệu đó theo các yêu cầu của Quy chế này:

3.2.4.1. Đăng ký yêu cầu nhận được và các tài liệu cần thiết khác để cung cấp dịch vụ công cộng trong hệ thống thông tin máy tính chi nhánh của Ủy ban bảo đảm đăng ký và kiểm soát việc thực hiện các yêu cầu của người nộp đơn (sau đây gọi tắt là hệ thống đăng ký).

Thời hạn đăng ký yêu cầu và các tài liệu cần thiết khác để cung cấp dịch vụ công cộng không được vượt quá một ngày làm việc kể từ thời điểm đăng ký trên Cổng thông tin.

Thông tin đăng ký yêu cầu được tự động gửi đến "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn trên Cổng thông tin.

3.2.4.2. Chuyển giao bộ tài liệu đã nhận cho cán bộ chịu trách nhiệm xử lý tài liệu.

3.2.5. Nếu có lý do từ chối chấp nhận các tài liệu do Quy chế này thiết lập, thì cán bộ chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ:

3.2.5.1. Ra quyết định từ chối chấp nhận yêu cầu và tài liệu cần thiết để cung cấp dịch vụ công cộng, nêu rõ lý do từ chối.

3.2.5.2. Ký quyết định theo quy trình đã được thiết lập để từ chối chấp nhận yêu cầu và tài liệu cần thiết để cung cấp dịch vụ công cộng và gửi đến "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn trên Cổng thông tin.

3.2.6. Thời gian tối đa để thực hiện thủ tục hành chính là một ngày làm việc.

3.2.7. Kết quả của thủ tục hành chính là hình thành một bộ tài liệu do người nộp đơn gửi, và khi có cơ sở từ chối chấp nhận các tài liệu cần thiết để cung cấp dịch vụ công cộng – chỉ đạo (cấp) của người nộp đơn quyết định từ chối chấp nhận các tài liệu cần thiết để cung cấp dịch vụ công.

3.3. Cần xử lý các tài liệu (thông tin) để cung cấp các dịch vụ công cộng:

3.3.1. Cơ sở để bắt đầu thủ tục hành chính là biên nhận của cán bộ được ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính của cán bộ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ nhận được từ các tài liệu của người nộp đơn.

3.3.2. Cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính là chuyên gia được ủy quyền của Ủy ban chịu trách nhiệm xử lý các tài liệu (sau đây là cán bộ chịu trách nhiệm xử lý hồ sơ).

3.3.3. Cán bộ chịu trách nhiệm xử lý các tài liệu:

3.3.3.1. Hình thành các thông tin cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng, đảm bảo việc nhận các tài liệu và thông tin liên quan bằng cách sử dụng tương tác thông tin liên ngành, bao gồm cả việc đăng ký vào Cơ sở đăng ký theo cách được thành lập bởi Chính phủ Moscow.

Yêu cầu liên ngành sẽ được chuyển tiếp chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận được bởi cán bộ chịu trách nhiệm xử lý các tài liệu của bộ hồ sơ hoàn chỉnh do người nộp đơn nộp.

3.3.3.2. Xác minh tính thống nhất lẫn nhau (nhất quán) của các tài liệu nhận được từ người nộp đơn và thông tin chứa trong đó; so sánh thông tin (thông tin) cần thiết để cung cấp một dịch vụ công cộng thu được thông qua hợp tác liên ngành và một bộ tài liệu do người nộp đơn nộp.

3.3.3.3. Phân tích các tài liệu do người nộp đơn nộp cho phù hợp với giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản đến mục đích chức năng và vị trí của đối tượng, có tính đến

quy hoạch khối lượng, thành phần, hình dáng, kiến trúc và nghệ thuật, trang trí, phong cách, đặc điểm màu sắc của đối tượng, cũng như các tính năng của lãnh thổ và đặc điểm của các tòa nhà xung quanh.

3.3.3.4. Phân tích các tài liệu do người nộp đơn trình bày cho phù hợp với giải pháp kiến trúc và đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản và các chỉ tiêu kinh tế và kỹ thuật được thiết lập trong kế hoạch quy hoạch thị trấn của lô đất, tài liệu thiết kế bố trí của lãnh thổ, cũng như các yêu cầu của pháp luật Liên bang Nga thành phố Moscow.

3.3.3.5. Tổ chức xem xét giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản của Hội đồng kiến trúc thành phố Moscow, hoa hồng, bộ phận cấu trúc của Ủy ban (trên cơ sở phân biệt đối tượng xây dựng cơ bản thành đô thị và huyện).

3.3.3.6. Dựa trên phân tích các tài liệu do người nộp đơn nộp, theo thỏa thuận của trường kiến trúc sư thành phố Moscow, kết quả xem xét giải pháp kiến trúc và đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản của Hội đồng kiến trúc thành phố Mátxcova, các tổ chức, bộ phận cấu trúc của Ủy ban, chuẩn bị dự thảo và chuyển giao toàn bộ tài liệu với dự thảo quyết định tương ứng cho cán bộ, người được ủy quyền tại quyết định.

3.3.3.7. Trong việc xác định lý do của việc từ chối cung cấp dịch vụ công cộng, phù hợp với thỏa thuận kiến trúc sư trưởng của thành phố Moscow kết quả xem xét các giải pháp kiến trúc và đô thị của Hội đồng Kiến trúc xây dựng cơ bản của Moscow, tiền hoa hồng của nó, là phân cấu trúc của Ủy ban sẽ chuẩn bị một dự thảo quyết định từ chối việc cung cấp các dịch vụ công và chuyển giao tập hợp đầy đủ các tài liệu với dự thảo quyết định tương ứng cho cán bộ, người được ủy quyền tại quyết định.

Dự thảo quyết định từ chối cung cấp dịch vụ công phải có lý do từ chối cung cấp dịch vụ công cộng, tương ứng với lý do từ chối cung cấp dịch vụ công cộng theo quy định tại Quy chế này.

3.3.4. Xem xét các tài liệu giải pháp kiến trúc và đô thị đối tượng xây dựng cơ bản, có bảo mật, phù hợp với pháp luật Liên bang Nga bảo vệ dữ liệu, bảo mật quốc gia, cũng như hướng dẫn để đảm bảo bảo mật tại Liên bang Nga, do Chính phủ Nga ngày 05 tháng một năm 2004 số 3-1 đã được phê duyệt. Đặc thù của chúng nhậnđào tạo, có một phân loại an ninh, được thành lập bởi hành vi phạm pháp luật của đối tượng Ủy ban các hạn chế thành lập bởi pháp luật để bảo vệ các thông tin về bảo mật nhà nước và hướng dẫn để đảm bảo bảo mật tại Liên bang Nga.

3.3.5. Thời gian tối đa để thực hiện thủ tục hành chính là:

- 5 ngày làm việc - đối với các đối tượng có giá trị khu vực;
- 20 ngày làm việc - đối với các đối tượng có tầm quan trọng đô thị.

3.3.6. Kết quả của thủ tục hành chính là:

- Dự thảo giấy chứng nhận đã chuẩn bị;
- Dự thảo quyết định từ chối cung cấp dịch vụ công cộng.

3.4. Hình thành kết quả cung cấp dịch vụ công cộng với việc giới thiệu thông tin về kết quả cuối cùng của việc cung cấp dịch vụ công trong Sổ đăng ký cơ sở:

3.4.1. Căn cứ để bắt đầu thủ tục hành chính là việc người được ủy quyền chính thức ký kết quả cung cấp dịch vụ công cộng, giấy chứng nhận hoặc dự thảo quyết định từ chối cung cấp dịch vụ công cộng.

3.4.2. Cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính là trưởng kiến trúc sư của thành phố Moscow hoặc quan chức được ủy quyền của ông (sau đây là cán bộ chịu trách nhiệm về việc hình thành kết quả cung cấp dịch vụ công cộng).

3.4.3. Cán bộ chịu trách nhiệm về việc hình thành kết quả cung cấp dịch vụ công:

3.4.3.1. Phê duyệt kết quả xem xét giải pháp kiến trúc và quy hoạch thị trấn của đối tượng xây dựng cơ bản và ký Giấy chứng nhận dưới dạng điện tử với sự giúp đỡ của chữ ký điện tử.

3.4.3.2. Ký quyết định từ chối cung cấp dịch vụ công bằng cách sử dụng chữ ký điện tử.

3.4.3.3. Cung cấp thông tin đầu vào về kết quả cuối cùng của việc cung cấp các dịch vụ công trong Sổ đăng ký cơ sở.

3.4.3.4. Cung cấp giấy chứng nhận đã ký (một bộ phận không thể tách rời là tài liệu được phê duyệt của giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản) trong hệ thống thông tin tự động tích hợp để phát triển đô thị ở Moscow.

3.4.4. Thời gian tối đa để thực hiện thủ tục hành chính là ba ngày làm việc.

3.4.5. Kết quả của thủ tục hành chính là các tài liệu được phê duyệt về giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản và Giấy chứng nhận đã ký hoặc quyết định đã từ chối cung cấp dịch vụ của Nhà nước và nhập các thông tin liên quan vào Sổ đăng ký cơ sở.

3.5. Chỉ đạo (cấp) các tài liệu xác nhận việc cung cấp dịch vụ công (bao gồm cả từ chối cung cấp dịch vụ công) cho người nộp đơn:

3.5.1. Cơ sở để thực hiện thủ tục hành chính là việc tiếp nhận của cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính của văn bản xác nhận việc cung cấp dịch vụ công.

3.5.2. Cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính là một chuyên gia được ủy quyền của Ủy ban chịu trách nhiệm về việc ban hành văn bản (sau đây là cán bộ chịu trách nhiệm về việc ban hành văn bản).

3.5.3. Cán bộ chịu trách nhiệm cấp văn bản phải đảm bảo rằng "tài khoản cá nhân" của người nộp đơn gửi một tài liệu xác nhận việc cung cấp dịch vụ công ở dạng một tài liệu điện tử được ký theo thủ tục đã được thiết lập.

3.5.4. Bản sao có công chứng tài liệu và (hoặc) thông tin xác nhận kết quả của các dịch vụ công cộng có thể được cấp cho người nộp đơn (người được ủy quyền) dưới dạng một tài liệu giấy với các địa chỉ cá nhân của người nộp đơn (người đại diện của người nộp đơn) trong việc phục vụ "một cửa" của Ủy ban. Bản sao có công chứng của Giấy chứng nhận được cấp dưới dạng tài liệu trên giấy mà không có bất kỳ tài liệu đính kèm nào.

3.5.5. Thời gian tối đa để thực hiện thủ tục hành chính là một ngày làm việc.

3.5.6. Kết quả của thủ tục hành chính là việc cung cấp, sử dụng Cổng thông tin của người nộp đơn, các tài liệu xác nhận việc cung cấp dịch vụ công cộng (bao gồm từ chối cung cấp dịch vụ công cộng), dưới dạng điện tử, trong một bản.

4. Hình thức kiểm soát việc thực hiện Quy chế

4.1. Kiểm soát việc thực hiện Quy chế này được thực hiện bởi Ủy ban và Văn phòng Kiểm soát Chính của Thành phố Moscow trong các mẫu do Chính phủ Moscow thành lập.

4.2. Giám sát việc tuân thủ và thực hiện các cán bộ của Ủy ban các quy định của Quy chế này và các hành vi phạm pháp luật khác thiết lập các yêu cầu đối với việc cung cấp các dịch vụ công cộng, cũng như quyết định của họ được thực hiện bởi Chủ tịch của Ủy ban và các quan chức có thẩm quyền của mình.

4.3. Danh sách các cán bộ thực hiện kiểm soát hiện tại được thành lập theo pháp luật của Ủy ban.

5. Thủ tục tư pháp (ngoài ý kiến) để kháng cáo các quyết định và hành động (không hoạt động) của Ủy ban và các quan chức của Ủy ban

5.1. Người nộp đơn có quyền nộp đơn khiếu nại về các quyết định (và) hành động (không hoạt động) của Ủy ban và các quan chức của nó, công chức nhà nước được thực hiện trong thủ tục trước khi xét xử (ngoài ý kiến).

5.2. Khiếu nại theo thủ tục thành lập bởi Chương 2.1 của Luật Liên bang ngày 27 tháng 7 năm 2010 số 210-FZ "Về việc tổ chức dịch vụ công cộng, thành phố," Quy định về các tính năng của khiếu nại về việc vi phạm trật tự của các dịch vụ chính quyền thành phố Moscow đã được phê duyệt Nghị định của Chính phủ Moscow ngày 15 tháng 11 năm 2011 Số 546-PP "Về việc cung cấp các dịch vụ nhà nước và thành phố ở thành phố Moscow" Quy định này.

5.3. Người nộp đơn có quyền khiếu nại trong các trường hợp sau:

5.3.1. Vi phạm điều khoản đăng ký theo yêu cầu và các tài liệu khác cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng, cũng như thứ tự đăng ký và cấp giấy biên nhận cho các yêu cầu và các tài liệu khác (thông tin) từ người nộp đơn.

5.3.2. Yêu cầu từ người nộp đơn:

5.3.2.1. Tài liệu, cung cấp cho người nộp đơn cho việc cung cấp các dịch vụ công được cung cấp bởi các hành vi quy phạm pháp luật của Liên bang Nga và thành phố Moscow, bao gồm các tài liệu được sản xuất sử dụng phối hợp liên ngành.

5.3.2.2. Các ứng dụng cho việc cung cấp các dịch vụ không có trong danh sách các dịch vụ cần thiết và bắt buộc đối với việc cung cấp các dịch vụ công cộng được Chính phủ Moscow phê duyệt.

5.3.2.3. Khoản thanh toán cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng, không được quy định bởi các hành vi pháp lý pháp lý của Liên bang Nga và thành phố Moscow.

5.3.3. Vi phạm các điều khoản về cung cấp dịch vụ công cộng.

5.3.4. Từ chối người nộp đơn:

5.3.4.1. Trong việc tiếp nhận tài liệu, việc cung cấp các tài liệu được quy định bởi các hành vi pháp lý của Liên bang Nga và thành phố Mátxcova cho việc cung cấp các dịch vụ công cộng, trên cơ sở không được quy định bởi các hành vi pháp lý của Liên bang Nga và thành phố Moscow.

5.3.4.2. Trong việc cung cấp các dịch vụ công cộng trên cơ sở không được cung cấp bởi các hành vi pháp lý pháp lý của Liên bang Nga và thành phố Moscow.

5.3.4.3. Trong việc sửa lỗi chính tả và sai sót được thực hiện trong các tài liệu được ban hành do việc cung cấp dịch vụ của nhà nước, hoặc trong trường hợp vi phạm thời hạn được thiết lập của các sửa đổi đó.

5.3.5. Các vi phạm khác về thủ tục cung cấp dịch vụ công cộng, được thiết lập bởi các hành vi pháp

lý pháp lý của Liên bang Nga và thành phố Moscow.

5.4. Khiếu nại đối với quyết định và (hoặc) hành động (không hành động) của cán bộ, công chức nhà nước của Ủy ban được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban xem xét.

Khiếu nại quyết định và (hoặc) hành động (không hành động) của Chủ tịch Ủy ban, trong đó có quyết định chấp thuận của Chủ tịch hoặc phó chủ tịch trước khi xét xử (tòa án) ra lệnh khiếu nại gửi đến Chính phủ Moscow và thảo luận về Phó Thị trưởng về chính sách đô thị và xây dựng.

5.5. Khiếu nại có thể được gửi đến các cơ quan hành pháp của thành phố Moscow bằng văn bản trên giấy, dưới dạng điện tử, theo một trong các cách sau:

5.5.1. Tại cá nhân kháng cáo của người nộp đơn (đại diện của người nộp đơn).

5.5.2. Theo đường bưu điện.

5.5.3. Sử dụng Cổng thông tin (nếu có khả năng kỹ thuật).

5.5.4. Sử dụng trang web chính thức của Ủy ban.

5.5.5. Với việc sử dụng các trang web chính thức của các cơ quan và tổ chức được ủy quyền xử lý các khiếu nại, trong mạng thông tin và viễn thông của Internet.

5.6. Đơn khiếu nại phải có:

5.6.1. Tên của cấp có thẩm quyền để xem xét khiếu nại (tổ chức) hoặc chức vụ và (hoặc) họ, tên, tên đệm (nếu có) của các quan chức có liên quan, người có trách nhiệm truyền đơn khiếu nại.

5.6.2. Tên của cơ quan quyền lực Moscow điều hành hoặc chức vụ và (hoặc) họ, tên, tên đệm (nếu có) của một quan chức, công chức, các quyết định và hành động (không hành động) đang được phản nài về.

5.6.3. Họ, tên, tên đệm (nếu có), thông tin về nơi cư trú của người nộp đơn – cán nhân, bao gồm cả những đăng ký như một doanh nhân cá nhân hoặc tên, thông tin về vị trí của người nộp đơn - thực thể pháp lý, cũng như số điện thoại liên lạc, địa chỉ e-mail (nếu có) và địa chỉ bưu điện mà người nộp đơn sẽ được gửi phản hồi.

5.6.4. Ngày nộp đơn và số đăng ký yêu cầu cung cấp dịch vụ công (trừ trường hợp kháng cáo từ chối chấp nhận yêu cầu và đăng ký).

5.6.5. Thông tin về các quyết định và (hoặc) hành động (không hoạt động), mà có thể kháng cáo.

5.6.6. Các lập luận trên cơ sở mà người nộp đơn không đồng ý với các quyết định và hành động kháng cáo (thiếu sót). Người nộp đơn có thể nộp các tài liệu (nếu có) xác nhận lập luận hoặc bản sao của người nộp đơn.

5.6.7. Yêu cầu của người nộp đơn.

5.6.8. Danh sách các tài liệu kèm theo đơn khiếu nại (nếu có).

5.6.9. Ngày khiếu nại.

5.7. Đơn khiếu nại phải có chữ ký của người nộp đơn (người đại diện của mình). Trong trường hợp khiếu nại cá nhân, người nộp đơn (người đại diện của đương đơn) phải xuất trình giấy tờ tùy thân.

Quyền hạn của người đại diện ký đơn khiếu nại phải được xác nhận bằng giấy ủy quyền được cấp theo quy định của pháp luật.

Các quyền hạn của một người đại diện cho tổ chức mà không cần giấy ủy quyền trên cơ sở pháp

luật, hành vi phạm pháp luật khác và các văn bản thành phần, hỗ trợ tài liệu, xác nhận vị trí chính thức của mình, cũng như các tài liệu cấu thành của tổ chức.

Tình trạng và quyền hạn của người đại diện hợp pháp của một cá nhân được xác nhận bởi các tài liệu được luật pháp liên bang quy định.

5.8. Đơn khiếu nại nhận được phải được đăng ký trong thời gian không muộn hơn ngày làm việc sau ngày nhận.

5.9. Thời gian tối đa để xem xét khiếu nại là 15 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký. Thời gian xem xét khiếu nại là 5 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký khiếu nại trong trường hợp người nộp đơn khiếu nại:

5.9.1. Từ chối chấp nhận tài liệu.

5.9.2. Từ chối sửa lỗi và các sai sót được thực hiện trong các tài liệu được ban hành do việc cung cấp các dịch vụ công.

5.9.3. Vi phạm các điều khoản sửa lỗi chính tả và sai sót.

5.10. Theo kết quả của việc xem xét khiếu nại, đưa ra quyết định để thỏa mãn khiếu nại (toàn bộ hoặc một phần) hoặc từ chối thỏa mãn khiếu nại.

5.11. Quyết định phải có:

5.11.1. Tên của cơ quan hoặc tổ chức xem xét khiếu nại, chức vụ, họ, tên, tên đệm (nếu có) của viên chức đã đưa ra quyết định về khiếu nại.

5.11.2. Yêu cầu của quyết định (số, ngày, nơi chấp nhận).

5.11.3. Họ, tên, tên đệm (nếu có), thông tin về nơi cư trú của người nộp đơn - cá nhân hoặc tên, thông tin về vị trí của người nộp đơn - pháp nhân.

5.11.4. Họ, tên, tên đệm (nếu có), thông tin về nơi cư trú của người đại diện của người nộp đơn nộp đơn khiếu nại thay mặt cho người nộp đơn.

5.11.5. Phương thức nộp đơn và ngày đăng ký khiếu nại, số đăng ký.

5.11.6. Chủ đề của khiếu nại (thông tin về quyết định, hành động, không hành động).

5.11.7. Các trường hợp và bằng chứng được thiết lập trong quá trình kiểm tra khiếu nại xác nhận khiếu nại.

5.11.8. Cơ sở pháp lý để đưa ra quyết định về khiếu nại có liên quan đến các hành vi pháp lý quy phạm của Liên bang Nga và thành phố Moscow được áp dụng.

5.11.9. Quyết định được đưa ra trong đơn khiếu nại (kết luận về sự hài lòng của khiếu nại hoặc từ chối thỏa mãn khiếu nại).

5.11.10. Các biện pháp để loại bỏ các vi phạm được xác định và thời gian thực hiện của chúng (trong trường hợp khiếu nại được giải quyết).

5.11.11. Thủ tục khiếu nại quyết định.

5.11.12. Chữ ký của nhân viên được ủy quyền.

5.12. Quyết định được thực hiện bằng văn bản bằng cách sử dụng các hình thức chính thức.

5.13. Các biện pháp được quy định trong quyết định loại bỏ các vi phạm được xác định bao gồm:

5.13.1. Hủy bỏ các quyết định đã được thông qua trước đó (toàn bộ hoặc một phần).

5.13.2. Đảm bảo việc tiếp nhận và đăng ký yêu cầu, đăng ký và phát hành đơn cho người nộp đơn

(trong trường hợp trốn hoặc từ chối không hợp lý để chấp nhận tài liệu và đăng ký).

5.13.3. Cung cấp đăng ký và cấp cho người nộp đơn kết quả cung cấp dịch vụ công cộng (trốn tránh hoặc từ chối không hợp lý để cung cấp dịch vụ công cộng).

5.13.4. Sửa lỗi chính tả và sai sót được thực hiện trong các tài liệu được ban hành do việc cung cấp các dịch vụ công.

5.13.5. Trả lại cho người nộp đơn số tiền không được cung cấp bởi các hành vi quy phạm pháp luật của Liên bang Nga và thành phố Moscow.

5.14. Cơ quan, tổ chức được ủy quyền xem xét khiếu nại sẽ từ chối thực hiện khiếu nại trong các trường hợp sau đây:

5.14.1. Công nhận các quyết định kháng cáo và (hoặc) hành động (phi hành động) của pháp nhân, không vi phạm quyền và tự do của người nộp đơn.

5.14.2. Việc nộp đơn khiếu nại của một người có quyền hạn không được xác nhận trong quy trình được thiết lập bởi các hoạt động pháp lý tiêu chuẩn của Liên bang Nga và thành phố Moskva.

5.14.3. Người nộp đơn không có quyền nhận các dịch vụ công cộng.

5.14.4. Tình trạng sẵn có:

5.14.4.1. Quyết định của tòa án có hiệu lực pháp lý đối với đơn khiếu nại của đương đơn có đối tượng và căn cứ đồng nhất.

5.14.4.2. Quyết định về khiếu nại đã được thông qua trước đó trong các thủ tục trước (trong) khi xét xử đối với người nộp đơn giống nhau và cùng một chủ đề được khiếu nại (trừ những trường hợp kháng cáo các quyết định đã được thông qua trước đó tại một cơ quan có thẩm quyền cao hơn).

5.15. Khiếu nại không được trả lời về nội dung cơ bản trong các trường hợp sau:

5.15.1. Gửi đơn khiếu nại đến cơ quan hoặc tổ chức không được phép xem xét khiếu nại đó.

5.15.2. Sự hiện diện của ngôn ngữ thô tục hoặc xúc phạm, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của các quan chức, cũng như các thành viên của gia đình họ, trong đơn khiếu nại.

5.15.3. Nếu văn bản khiếu nại (1 phần của nó), tên, địa chỉ bưu điện và địa chỉ e-mail không thể đọc được.

5.15.4. Nếu khiếu nại không bao gồm tên của người nộp đơn (người đại diện của người nộp đơn) hoặc địa chỉ bưu điện và địa chỉ e-mail mà thư trả lời sẽ được gửi đi.

5.15.5. Khi nộp đơn vào cơ quan hoặc tổ chức được ủy quyền để xem xét khiếu nại, thỉnh cầu của người nộp đơn (đại diện của người nộp đơn) về việc rút đơn khiếu nại trước khi có quyết định về khiếu nại.

5.16. Các quyết định về việc đồng tình khiếu nại và về việc từ chối việc đồng tình gửi cho người nộp đơn (người đại diện của người nộp đơn) trong thời hạn trong vòng một ngày làm việc sau ngày thông qua quyết định, đến địa chỉ bưu chính quy định trong đơn khiếu nại. Theo yêu cầu của người nộp đơn, quyết định cũng được chuyển tiếp đến địa chỉ email được nêu trong đơn khiếu nại (dưới dạng một tài liệu điện tử có chữ ký của một của quan chức được ủy quyền). Theo cách tương tự, người nộp đơn (đại diện của người nộp đơn) được gửi quyết định về khiếu nại, trong đó chỉ có địa chỉ email được chỉ định cho câu trả lời và địa chỉ bưu điện bị thiếu hoặc không đọc được.

5.17. Trong trường hợp từ bỏ đơn khiếu nại mà không có một câu trả lời nội dung cho người nộp đơn (hoặc người đại diện) phải được gửi chậm nhất là trong 1 làm việc sau ngày đăng ký đơn khiếu nại, thông báo lập luận bằng văn bản nêu rõ lý do (trừ trường hợp người khiếu nại không được xác định địa chỉ bưu điện và địa chỉ email câu trả lời hoặc không thể đọc được). Thông báo được gửi theo quy trình được thiết lập để gửi quyết định về khiếu nại.

5.17(1). Đơn khiếu nại được nộp với các vi phạm các quy tắc về thẩm quyền thành lập bởi điểm 5.4 của Quy chế này, được gửi chậm nhất là 1 ngày làm việc sau ngày đăng ký đến cơ quan có thẩm quyền xem xét đơn khiếu nại, cùng với thông báo bằng văn bản của người nộp đơn (hoặc người đại diện) về việc chuyển tiếp đơn khiếu nại (trừ trường hợp đơn khiếu nại không ghi rõ địa chỉ bưu điện và địa chỉ e-mail cho câu trả lời hoặc không thể đọc được). Thông báo được gửi theo thứ tự được thiết lập để gửi quyết định về khiếu nại.

5.18. Việc nộp đơn khiếu nại trong thủ tục trước (trong khi) xét xử không loại trừ quyền của người nộp đơn (người đại diện của người nộp đơn) về việc nộp đơn khiếu nại cùng lúc hoặc sau đó cho tòa án.

5.19. Thông báo của người nộp đơn về thủ tục tư pháp và tiền (trong) xét xử khiếu nại các quyết định và hành động (phi hành động) được thực hiện khi cung cấp các dịch vụ công cần, được thực hiện theo cách:

5.19.1. Lập các thông tin liên quan trên Cổng thông tin, các quầy thông tin hoặc các nguồn thông tin khác ở nơi cung cấp các dịch vụ công cộng.

5.19.2. Tư vấn cho người nộp đơn, bao gồm qua điện thoại, e-mail, tại lễ tân cá nhân.

5.20. Trong trường hợp thiết lập trong hoặc theo các kết quả xem xét khiếu nại những dấu hiệu vi phạm hành chính hoặc phạm tội của cán bộ, được cơ quan có thẩm quyền cho phép xem xét khiếu nại, ngay lập tức gửi các tài liệu có sẵn cho các cơ quan kiểm sát.

Khi xác định hành vi vi phạm thủ tục cung ứng các dịch vụ công của thành phố Moskva, chịu trách nhiệm hoàn thiện những dịch vụ đó được thiết lập bởi Bộ luật Moskva về vi phạm hành chính, quan chức được trao quyền để xem xét các khiếu nại, cũng phải gửi bản sao của các tài liệu có sẵn trong Cục điều hành chính Moskva trong vòng hai ngày làm việc sau ngày quyết định được đưa ra trong đơn khiếu nại (nhưng không muộn hơn ngày làm việc sau ngày hết hạn được thành lập theo luật liên bang thời hạn xem xét khiếu nại đối với hành vi vi phạm thủ tục cung cấp dịch vụ công).

Phụ lục
Quy chế hành chính cung cấp dịch vụ công cộng
"Chuẩn bị và cấp giấy chứng nhận
phê duyệt giải pháp kiến trúc
và quy hoạch đô thị

cho đối tượng xây dựng cơ bản"
tại thành phố Moskva

THÀNH PHẦN VÀ YÊU CẦU

ĐỐI VỚI CÁC TÀI LIỆU CÁC GIẢI PHÁP KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ CHO ĐỐI TƯỢNG XÂY DỰNG CƠ BẢN, CẦN THIẾT CHO VIỆC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG "CHUẨN BỊ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN PHÊ DUYỆT GIẢI PHÁP KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ CHO ĐỐI TƯỢNG XÂY DỰNG CƠ BẢN" TẠI THÀNH PHỐ MOSKVA

1. Tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho đối tượng xây dựng cơ bản cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công được cung cấp bởi người nộp đơn trong một tập tin điện tử theo định dạng Portable Document Format (PDF), bao gồm đơn bằng hình ảnh (với độ phân giải ít nhất 300 dpi), không có mật khẩu bảo vệ.

2. Tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho đối tượng xây dựng cơ bản phải được ký bằng chữ ký điện tử của khách hàng, người đứng đầu của tổ chức dự án và người đứng đầu của một nhóm tác giả.

3. Tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho đối tượng xây dựng cơ bản phải có thành phần và nội dung như sau:

- Đồ án kế hoạch tình huống (dựa trên tỉ lệ 1: 2000);
- Đồ án tổ chức quy hoạch đất đai, kết hợp với phương án tổ chức vận tải của khu vực đó (dựa trên tỉ lệ 1: 500);
- Đồ án quét mặt tiền (đọc theo các đường phố chính với hình ảnh cố định vị trí hiện tại và vật liệu trực quan: phối cảnh, hình ảnh ghép);
- Sơ đồ mặt tiền (dựa trên tỷ lệ 1: 200, với các thông tin vị trí và cấu trúc tập tin đính kèm và mảnh mặt tiền (dựa trên tỉ lệ 1:20), với thiết kế chi định mặt tiền và các vật liệu được sử dụng);
- Sơ đồ bố trí cho các tầng đầu tiên và không lặp lại, cũng như các tầng ngầm (dựa trên tỉ lệ 1: 200);
- Sơ đồ các phần có dấu hiệu độ cao (dựa trên tỉ lệ 1: 200);
- Ghi chú giải thích.

4. Tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho đối tượng xây dựng cơ bản thực hiện theo quy định việc sử dụng đất được cấp phép và các yêu cầu về chỉ định, kỹ thuật và các chỉ số kinh tế, vị trí của các đối tượng được quy định trong kế hoạch phát triển đô thị hiện nay hoặc đất trong khu quy hoạch dự án của đối tượng tuyến tính (các chỉ số kỹ thuật và kinh tế, được thiết lập trong kế hoạch xây dựng đô thị của lô đất hoặc trong dự án quy hoạch của khu vực của đối tượng tuyến tính, không gần vượt quá); chuẩn bị Tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho đối tượng xây dựng cơ bản được thực hiện có tính đến các yêu cầu pháp lý, cụ thể là về tình trạng an ninh của khu vực, cũng như kết luận của phân tích phân tích trực quan và cảnh quan, đã được Ủy ban Kiến trúc và Quy hoạch đô thị của thành phố Moskva đồng ý trong các quy định hiện hành.

4.1. Tiêu chí đánh dấu trên cao đối với đối tượng xây dựng cơ bản về độ cao của tòa nhà, công

trình, vật kiến trúc đã nêu trong kế hoạch quy hoạch đô thị khu đất được xác định tại điểm 4.2-4.3 của phụ lục này.

4.2. Giới hạn độ cao của tòa nhà, công trình, đối tượng kiến trúc là một trong những đặc điểm cơ bản của đối tượng được xác định bởi số tầng hoặc chiều dọc tuyến tính từ điểm đánh dấu dưới đất hiện tại của đến yếu tố xây dựng cấu trúc cao nhất của tòa nhà (lan can mái bằng, mái hiên, sườn núi hay đầu hồi dốc mái; vòm; tháp chuông; tháp; Các yếu tố cấu trúc cao nhất của tòa nhà cũng nên được coi là lối ra vào mái nhà, cấu trúc thượng tầng cho việc bố trí các thiết bị kỹ thuật, được thực hiện trong các cấu trúc cơ bản).

4.3. Việc đánh dấu độ cao của đối tượng quy định trong tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị cho đối tượng xây dựng cơ bản, không được vượt quá chiều cao của hiệu suất giới hạn của các tòa nhà, công trình, đối tượng kiến trúc được lập ra trong các kế hoạch phát triển đô thị của khu đất; việc đánh dấu độ cao của đối tượng được xác định khi tính đến mốc quy hoạch phù hợp trên bản vẽ kế hoạch quy hoạch đô thị khu đất và tương ứng với khoảng cách từ mặt đất đến đỉnh của đối tượng xây dựng cơ bản (ở bất cứ điểm nào).

5. Yêu cầu đối với việc trình bày tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản:

5.1. Tài liệu giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị của đối tượng xây dựng cơ bản thực hiện qua màu sắc, với các chú thích, thuyết minh và trình bày trong một tập tin điện tử, trong đó bắt buộc phải có dấu trang theo danh mục, quy định tại điểm 3 của Phụ lục này.

5.2. Sơ đồ của kế hoạch tình huống (dựa trên tỉ lệ 1: 2000) bao gồm các dữ liệu sau và được thực hiện theo các đặc tính màu đã được thiết lập:

- định hướng theo các hướng màu (hướng phía bắc);
- sự vạch tuyến và tên các yếu tố của mạng lưới đường phố;
- Ranh giới của thửa đất, tương ứng với quy hoạch đô thị hiện tại của thửa đất (màu lam);
- đối tượng thi công (màu đỏ);
- đối tượng tái thiết (màu cam);
- các tòa nhà bị phá hủy (màu vàng);
- tòa nhà tham khảo (màu xám).

5.3. Đề án tổ chức quy hoạch đất đai kết hợp với một chương trình tổ chức khu vực giao thông vận tải (dựa trên tỷ lệ 1: 500), và bao gồm các dữ liệu sau đây được thực hiện phù hợp với đặc điểm màu sắc đã chỉ định:

- định hướng theo các hướng màu (hướng phía bắc);
- sự vạch tuyến và tên các yếu tố của mạng lưới đường phố;
- ranh giới của đất tương ứng với kế hoạch quy hoạch đô thị hiện tại của thửa đất hoặc diện tích quy hoạch dự án của đối tượng tuyến tính (màu lam);
- đối tượng thi công (màu đỏ);
- đối tượng tái thiết (màu cam);
- các tòa nhà bị phá hủy (màu vàng);

- công trình tham chiếu (màu xám);
- bãi đậu xe;
- hướng giao thông.

5.4. Sơ đồ quét mặt tiền (theo các con phố với ảnh chụp ảnh cố định tình trạng hiện tại và tài liệu ảnh động: quang cảnh, ghép hình ảnh) giải pháp màu sắc được thực hiện với các đối tượng và các tòa nhà lân cận; ảnh chụp cố định tình trạng hiện tại có thể được trình bày có tính đến các hướng đặc trưng của việc bao quát lô đất và tòa nhà hiện tại (ít nhất là hai góc khác nhau).

5.5. Sơ đồ mặt tiền (dựa trên tỷ lệ 1: 200, với các vị trí thông tin và tập tin đính kèm cấu trúc và mảnh mặt tiền (dựa trên tỉ lệ 1:20), với việc chi định các cấu trúc mặt tiền và áp dụng vật liệu hoàn thiện) được thực hiện với những thông tin sau:

5.5.1. Tên (đặc trưng) của tài liệu hoàn thiện.

5.5.2. Giải pháp tô màu đối tượng với con số với bảng màu quốc tế hoặc một bảng màu của Moskva, việc chi định địa điểm cho việc xây dựng các thông tin (theo Quyết định số 902-PP "về Sắp xếp các kiến trúc thông tin tại thành phố Moskva" của chính quyền Moskva ngày 25 Tháng 12 2013) .

5.5.3. Bố cục của điều hòa không khí.

5.5.4. Độ cao tương đối và tuyệt đối của đối tượng (dấu trên, mặt đất, mức thiết kế 0).

5.5.5. Các mảnh đặc trưng của mặt tiền (dựa trên tỉ lệ 1:20) với dấu hiệu:

- các phần thẳng đứng và nằm ngang của đoạn mặt tiền (dựa trên tỉ lệ 1:20);
- chi định cấu trúc mặt tiền và tài liệu hoàn thiện được ứng dụng;
- Giải pháp tô màu các yếu tố của mặt tiền (bao gồm cả màu sắc của các công trình cửa sổ), cho biết số lượng phù hợp với bảng màu quốc tế hoặc bảng Moskva;
- Giải pháp kiến trúc và xây dựng để lắp đặt máy điều hòa không khí.

5.5.6. Mỗi phiên bản của giải pháp mặt tiền kiến trúc phải bao gồm đầy đủ (với các phần và tất cả hình chiếu về mặt tiền) phù hợp với các yêu cầu về thành phần và việc trình bày tài liệu; không gian 3D được thực hiện cho tất cả các giải pháp kiến trúc và bảng màu cho mặt tiền, thể hiện trong tài liệu của các giải pháp kiến trúc và quy hoạch đô thị công trình xây dựng cơ bản.

5.6. Sơ đồ kế hoạch các tầng lầu đầu tiên và duy nhất, cũng như mức độ ngầm (dựa trên tỷ lệ 1: 200) được thực hiện với các chú thích (thông tin về mục đích chức năng của công trình) và cho thấy tổng diện tích tầng, cũng như các tổng chỉ số về diện tích sắp xếp tầng từ chú thích).

5.7. Sơ đồ cắt giảm (dựa trên tỷ lệ 1: 200) được thực hiện với việc chỉ ra sự đánh độ cao tương đối và tuyệt đối của đối tượng (Đánh dấu độ cao, độ sâu long đáy, mức độ của dự án đánh dấu mức zero, đánh dấu mức độ và các yếu tố khác của các tòa nhà, công trình, bao gồm cả việc lên tầng kỹ thuật).

5.8. Lưu ý bản giải thích phải chứa các thông tin sau:

5.8.1. Dữ liệu về các kết luận (thỏa thuận), trước đây thu được bằng kết quả của việc xem xét các giải pháp kiến trúc và đô thị của xây dựng cơ bản (được trình bày theo sáng kiến của người nộp đơn).

5.8.2. Số kế hoạch quy hoạch đô thị của lô đất (hoặc các điều kiện tiên quyết của dự án quy hoạch lãnh thổ của đối tượng tuyển tính).

5.8.3. Đặc trưng giải pháp kiến trúc và quy hoạch thị trấn của đối tượng xây dựng cơ bản (bao gồm

cả thông tin về tài liệu áp dụng, tính toán số lượng chỗ đậu xe yêu cầu).

5.8.4. Các thông số kỹ thuật và kinh tế của đối tượng (trong sự hiện diện của một số tòa nhà phải được chỉ định toàn bộ đối tượng, cũng như cho từng cấu trúc riêng biệt):

- diện tích lô (m²);
- khu vực xây dựng (m²);
- Tổng diện tích của tòa nhà (m²);
- diện tích bề mặt của tòa nhà (m²);
- Khu vực ngầm của tòa nhà (m².);
-); diện tích xây dựng khu dân cư (đối với khu dân cư) (m²);
- số tầng (ngầm và trên mặt đất, kể cả tầng kỹ thuật);
- số chỗ đậu xe;
- số lượng chỗ đỗ xe cho khách.

5.8.5. Chú giải cũng phải có các chỉ số kỹ thuật và kinh tế, mà phải được cung cấp trong các tài liệu các giải pháp quy hoạch kiến trúc và đô thị đối tượng xây dựng cơ bản, có tính đến các đối tượng và mục đích, khi được xác định trong quy hoạch đô thị của khu đất của các thông số sau:

- số lượng căn hộ, phòng khách sạn, văn phòng (tùy theo loại nhà), v.v.
 - mật độ xây dựng (hệ số mật độ xây dựng);
 - tổng diện tích sàn trong kích thước tường bên ngoài (m²);
 - Diện tích đất ước tính (m²);
 - tỷ lệ phân trăm các hàm hoặc chỉ số khu vực của một đối tượng, có tính đến mục đích chức năng của cơ sở (%).
-

CHÍNH SÁCH KIẾN TRÚC PHẦN LAN

Chương trình Chính phủ - 17/12/1998

Bộ Giáo dục ngày 8/2/1996 đã thành lập một uỷ ban do Giáo sư Tore Tallqvist đứng đầu để chuẩn bị cho Chương trình Chính sách Kiến trúc Phần lan. Dự thảo chương trình được hoàn thành ngày 30/5/1997.

Sau khi lấy ý kiến sâu rộng, Bộ Giáo dục ngày 20/01/1998 đã thành lập một uỷ ban thứ hai về chính sách kiến trúc do Kiến trúc sư Pekka Laatio đứng đầu. Đề xuất của chương trình được hoàn thành ngày 16/6/1998 và chính sách kiến trúc của Chính phủ trên cơ sở của nó đã được phê duyệt bởi Hội đồng Nhà nước ngày 17/12/1998.

Hội đồng Nhà nước về Kiến trúc đã quyết định công bố nội dung chính sách kiến trúc của Chính phủ đi kèm với minh hoạ.

LỜI NÓI ĐẦU

Thực tiễn, bền chặt, vẻ đẹp. Kiến trúc tạo ra văn hoá từ những giá trị đó. Những gì đã được đánh giá trong xã hội đối với những thời kỳ khác nhau có thể thấy được từ môi trường xây dựng. Những giá trị của ngày nay có thể được thấy trong ngày mai. Đó rõ ràng là vì sao kiến trúc rất quan trọng và rất thú vị.

Trong chính sách kiến trúc, chính phủ đang định nghĩa những mục đích cho các hành động được triển khai bởi cơ quan quản lý nhà nước nhằm làm nổi bật yếu tố kiến trúc. Ngoài ra, các hướng dẫn mang tính quy trình đó bao gồm rất nhiều những đề xuất cụ thể đối với các hành động thực tiễn. Tôi tin rằng đó sẽ là một cơ sở tốt cho các hành động chi tiết trong tương lai. Một mục tiêu đặc biệt là tạo ra các cơ hội cho việc nhận thấy quyền lợi của người dân về môi trường tốt đã được định nghĩa trong hiến pháp của chúng ta. Việc này cần thông tin về kiến trúc và môi trường xây dựng cùng với những phương pháp để tác động. Việc cải cách sử dụng

đất và pháp luật xây dựng có nghĩa là một sự thay đổi về quyền lực quyết định trong nhiều vấn đề từ chính quyền trung ương đến gần hơn với người dân.

Chính sách kiến trúc nhấn mạnh đồng thời về trách nhiệm và quyền lợi của người dân để chịu trách nhiệm về môi trường của chính họ. Đây là vì sao giáo dục về kiến trúc và thông tin về kiến trúc cần phải được nâng cao.

Những mục đích quan trọng khác của chính sách là:

- nhằm nâng cao chất lượng công trình công cộng và quản lý tài sản lên một tầm cao mới và hơn nữa đề ra một hình mẫu cho toàn bộ lĩnh vực xây dựng cho đất nước.
- nhằm khuyến khích việc sử dụng những phương pháp sẽ nâng cao kiến trúc ưu việt và xây dựng chất lượng cao.
- nhằm tăng cường đổi mới thông qua đào tạo chuyên ngành kiến trúc và thông qua công tác nghiên cứu và phát triển.
- nhằm tăng cường việc bảo tồn di sản kiến trúc của chúng ta và sự phát triển của các môi trường như là một phần của lịch sử văn hoá và kiến trúc.

Phần Lan nổi tiếng về có nhiều kiến trúc sư đã được quốc tế công nhận. Do đó, việc này là cực kỳ hân hạnh trong việc chính sách kiến trúc của chính phủ được phê duyệt trong năm chúng ta kỷ niệm lần thứ một trăm ngày kiến trúc sư tuyệt vời nhất và biết đến nhiều nhất, Alvar Aalto.

Thủ tướng Paavo Lipponen

1. MỤC ĐÍCH CỦA CHÍNH SÁCH KIẾN TRÚC

Mục đích chính sách kiến trúc của chính phủ là để định nghĩa những khung kiến trúc của chính phủ và các mục tiêu cho chuỗi công tác triển khai bởi các cơ quan quản lý nhà nước. Chính sách kiến trúc thiết lập các hướng dẫn đối với việc bảo vệ di sản kiến trúc và cho việc duy trì và nâng cao giá trị danh tiếng xây dựng hiện nay của chúng ta. Việc này đồng thời mang lại những cơ hội để cải thiện các tiêu chuẩn cao về kiến trúc hiện nay về xây dựng cũng như tạo ra môi trường bền vững cho lĩnh vực xây dựng hoàn thiện một cách hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế.

Những giá trị về xã hội, văn hoá và kinh tế của kiến trúc là ưu việt. Đó là một phần quan trọng trong văn hoá quốc gia của chúng ta. Nó đưa ra những cách thức để tạo ra một môi trường sống tốt hơn - trong đó mỗi người dân có quyền được hưởng thụ - cũng như kiến trúc chất lượng cao. Đó là trách nhiệm của mỗi mỗi cơ quan nhà nước để nhận ra những quyền lợi này. Chính sách kiến trúc nhằm đến cải thiện chất lượng xây dựng và nó đưa ra ý nghĩa đối với các nguyên tắc về phát triển bền vững trong quy hoạch sử dụng đất và xây dựng công trình. Ngoài ra, nó áp ủ sự minh bạch và sự tương tác giữa các bên quan tâm. Những việc đó cũng là những mục đích của sự cải cách pháp luật mới về sử dụng đất và xây dựng công trình đang được đưa vào triển khai.

1.1 Kiến trúc là gì?

Định nghĩa cổ điển về kiến trúc nằm trong ba nền tảng: tiện ích, sự bền chặt và vẻ đẹp. Ba cơ sở đó duy trì giá trị cho đến ngày nay như chúng đã từng, tuy vậy những phương thức tiếp cận mới mẽ hơn đã bổ sung những hướng đi mới đối với chúng.

Tiện ích bao gồm việc sử dụng các nguồn lực theo chức năng, thực tiễn và hiệu quả. Sự bền chặt đã phát triển đơn thuần từ độ bền của kết cấu công trình cho đến bao

gồm sự duy trì sinh thái bền vững. Tuy nhiên, việc nhấn mạnh hơn cần được đưa ra đối với chất lượng của vẻ đẹp và sự tiện nghi trong các môi trường đô thị hiện nay.

Kiến trúc là về thời gian và địa điểm. Thời gian gắn liền với các công trình xây dựng và những gì xung quanh chúng và tạo ra di sản và lịch sử văn hoá. Địa điểm mang lại ý nghĩa về những mối quan hệ giữa kiến trúc, môi trường trực tiếp của nó và môi trường tự nhiên.

Kiến trúc được tạo ra thông qua, trong những thứ khác, quy mô, tạo hình, mối quan hệ không gian, cấu trúc, lựa chọn vật liệu và triển khai cẩn thận. Kiến trúc là quan trọng bởi vì môi trường xây dựng tạo nên khuôn khổ hữu hình cho hoạt động của con người trong đó kiến trúc đóng vai trò chủ chốt để quyết định chất lượng môi trường xây dựng. Hơn nữa, kiến trúc mang theo ý nghĩa mạnh mẽ theo đó tạo ra những đặc điểm của đất nước và vùng miền.

Các công trình xây dựng luôn có những ảnh hưởng dài hạn và đó là tại sao kiến trúc tạo ra các giá trị bền vững lâu dài.

Những môi trường văn hoá của các thị trấn và nông thôn là tài sản của chúng ta và đó là những lớp thời kỳ phải được bảo tồn. Cảnh quan văn hoá mà trong đó các công trình xây dựng và môi trường tự nhiên cùng nhau tạo nên một phần không thể thiếu về giá trị của vùng nông thôn.

1.2 Một môi trường tốt là quyền lợi căn bản của mỗi người dân

Sự nhận thức và trân trọng hơn về môi trường đối với môi trường tự nhiên đã thay đổi mối quan hệ giữa con người và những gì xung quanh họ và đã làm tăng nhu cầu về cả lối sống bền vững lẫn môi trường bền vững hiện hữu. Hiến pháp của chúng ta đảm bảo các quyền cơ bản của mỗi người cho một môi trường lành mạnh và cơ hội để tạo ảnh hưởng tới việc quyết định chính sách liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, việc đó đi kèm với trách nhiệm đối với môi trường và di sản

văn hoá của chúng ta. Chính sách kiến trúc của chính phủ khuyến khích việc hiện thực hoá các quyền này.

Cơ hội thực sự về đối thoại giữa việc quyết định chính sách và người dân là một nguyên tố quan trọng trong việc hiện thực hoá một xã hội vì dân. Những hệ thống quyết định chính sách mở và người dân tích cực và nắm rõ thông tin là những điểm rất cần thiết trong việc này. Tham vấn cộng đồng rộng rãi trong quy trình, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến môi trường trước mắt, đã ngày càng mang tầm quan trọng. Trong quy hoạch sử dụng đất và xây dựng, các hành động và tham gia độc lập của người dân bổ sung cho văn hoá truyền thống của chính quyền.

Hơn nữa, trách nhiệm đối với di sản văn hoá cần việc quyết định chính sách của chính quyền cho các vấn đề về quy hoạch và xây dựng chú trọng hơn trong công tác bảo tồn các giá trị văn hoá và thẩm mỹ đối với danh tiếng trong xây dựng hiện tại và môi trường trước mắt.

1.3 Tầm quan trọng của kiến trúc đối với nguồn tài sản quốc gia

Hai phần ba tài sản quốc gia cố định của chúng ta nằm ở các công trình xây dựng và 15% lực lượng lao động tích cực tham gia vào lĩnh vực xây dựng. Ngoài ra, lĩnh vực xây dựng chiếm đến khoảng 18% GDP. Trong khoảng thời gian sử dụng của một công trình, việc duy tu và sửa chữa cần được cung cấp nguồn tài chính nhiều gấp nhiều lần so với vốn đầu tư xây dựng ban đầu. Kiến trúc tối ưu mang lại những đóng góp trực tiếp đối với nguồn tài sản quốc gia. Lĩnh vực xây dựng Phần Lan hiện tại là một phần của thị trường Châu Âu duy nhất. Bằng cách tạo ra những cơ hội trong việc xây dựng những công trình chất lượng, công ăn việc làm và tính cạnh tranh về kinh tế của chúng ta đã được củng cố trên mọi khía cạnh của thị trường. Tính cạnh tranh này có thể cải thiện một cách bền vững bằng cách kết hợp địa vị đã có được của kiến trúc Phần Lan và nền công nghiệp Phần Lan.

1.4 Tầm quan trọng của di sản kiến trúc

Cốt lõi của văn hóa quốc gia và địa phương là môi trường xây dựng, mà ở đó các công trình xây dựng có tuổi thọ khác nhau hỗ trợ cho nhau và thích nghi với khung cảnh tự nhiên xung quanh. Do đó không gian văn hóa được sinh ra và cũng do đó tạo nên một môi trường xây dựng được duy trì bền vững trong tương lai. Yếu tố quan trọng trong văn hóa xây dựng là một hoạt động mang tính kỹ thuật và nghệ thuật dài hạn sẽ tạo một khuôn mẫu để những điều kiện văn hóa trở thành những thành phần trong không gian văn hóa. Ở mức độ tối đa, kiến trúc là sự kết hợp của những thành tựu hiện tại và quy trình sáng tạo đang triển khai.

2. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG THIẾT LẬP HÌNH MẪU

2.1 Nhà nước – Chủ sở hữu tài sản và Chủ đầu tư

Nhà nước vừa là một chủ sở hữu và chủ đầu tư quan trọng. Phần lớn các công trình xây dựng trong giá trị quốc gia đều được nhà nước xây dựng hay nhà nước sở hữu. Trong nhiều thập niên, các phương pháp được sử dụng bởi các cơ quan xây dựng nhà nước đã tạo nên các hình mẫu cho các chủ đầu tư khác.

Toàn bộ các công trình công cộng nói chung phải có chất lượng cao. Những dự án môi trường, xây dựng và cải tạo do nhà nước tiến hành hoặc hỗ trợ về tài chính được yêu cầu phải bền vững và chất lượng cao trong thiết kế và thi công. Nguyên tắc này phải bao hàm toàn bộ các hoạt động của nhà nước, ví dụ như đối với các Bộ Tài chính, Lao động, Thương mại và Công nghiệp và Bộ Giao thông và Thông tin, bởi vì những hoạt động này có những tác động gián tiếp đáng chú ý về chất lượng của kiến trúc và môi trường sống.

Cơ quan Quản lý Tài sản Nhà nước là một bên mời thầu và cơ quan bảo trì quan trọng nhất đối với những tài sản nhà nước và nó khuyến khích cho hoạt động đấu thầu xây dựng có chất lượng. Điều này là quan trọng mang tính sống còn để đảm

bảo sự liên tục trong việc thiết lập tiêu chí cao trong tương lai. Hơn nữa, các cơ quan đầu thầu khác của nhà nước có cơ hội thuộc trong những chức năng cụ thể của họ để thực hiện như những bên mời thầu điển hình. Hướng dẫn bằng luồng thông tin và các tiêu chí được đưa ra để đảm bảo chất lượng cao sẽ được mở rộng cho toàn bộ các hoạt động có ảnh hưởng đến môi trường: từ xây dựng đường bộ và đường thủy, thông qua các dịch vụ kỹ thuật, tới các biển báo và biển chú và tới các khu vực xanh được chỉ định.

(Quyết định 1) Hội đồng Nhà nước kỳ vọng công trình công cộng và nhà nước hỗ trợ và phát triển môi trường thiết lập một hình mẫu chất lượng cao cho tất cả các công trình tại Phần Lan. Cơ quan Quản lý Tài sản Nhà nước và các cơ quan và đơn vị nhà nước khác, cũng như các công ty trực thuộc nhà nước quản lý các tài sản phải chú tâm đến việc khuyến khích môi trường và kiến trúc tối ưu.

(Quyết định 2) Những cân nhắc về chất lượng và chi phí của công trình công cộng phải lưu ý về toàn bộ vòng đời để giá trị tài sản cố định quốc gia của chúng ta duy trì ở mức cao và chi phí bảo trì ở mức phù hợp.

2.2 Vốn đầu tư công của công trình

Vốn đầu tư nhà nước đối với tài sản nhà nước và những gì sử dụng vốn nhà nước đều được cân nhắc, và những gì bắt buộc là khi khoản đầu tư tạo ra những ảnh hưởng về chất lượng môi trường sống của người dân cũng đều được cân nhắc.

Đầu tư công trình và xây dựng là dài hạn. Như vậy các dự án công trình phải được thiết kế và thực hiện một cách cẩn trọng và chuyên nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc về phát triển bền vững. Nhằm có được hỗ trợ tài chính từ nhà nước, một yêu cầu cần được đưa ra rằng những mục tiêu chất lượng phải đạt được. Hơn nữa, khi nhà nước hỗ trợ các dự án mà ở đó công trình chỉ là một phần của thực thể lớn hơn, công tác xây dựng phải đạt các tiêu chuẩn mà nhà nước đã đề ra cho các dự án đó.

(Quyết định 3) Khi vốn đầu tư công được bố trí cho những khoản đầu tư công trình và cải tạo, Hội đồng Nhà nước yêu cầu rằng những lưu ý phải được thực hiện đối với các khía cạnh ảnh hưởng đến chất lượng của kiến trúc và môi trường.

3. HƯỚNG DẪN VÀ KIỂM SOÁT

3.1 Pháp luật xây dựng và các hình thức khác của hướng dẫn chính thức

Là nhà lập pháp quốc gia, nhà nước có cả trách nhiệm về nhiều mặt và sâu rộng đối với xây dựng và môi trường xây dựng. Công cụ trọng tâm của nhà nước là pháp luật xây dựng, chức năng của nó là định nghĩa các khung và tạo ra những cơ hội cho sự phát triển ổn định trong định cư và xây dựng, và khuyến khích việc thiết lập và duy trì một môi trường sống tốt.

Việc cải cách tổng thể pháp luật xây dựng sẽ được thực thi trong năm 2000. Mục đích là hướng quy hoạch sử dụng đất tới khuyến khích phát triển bền vững, giảm thiểu tác động môi trường và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ở bước công tác hướng dẫn thực tiễn, có nghĩa là đưa ra nhiều hơn việc nhấn mạnh về chất lượng các công trình, các câu hỏi về môi trường, phương pháp tiếp cận vòng đời và khuyến khích cải tạo. Đạo luật mới về Sử dụng đất và Xây dựng thúc đẩy các mục đích của chính sách kiến trúc.

Khi không thể đạt được kết quả mong đợi cuối cùng về việc bảo vệ di sản kiến trúc bằng Đạo luật Sử dụng đất và Xây dựng, các quy trình trong Đạo luật Bảo tồn Công trình có thể được áp dụng. Đạo luật Bảo tồn Công trình cho những người ở cấp thành phố một cơ hội đóng góp vào việc bảo tồn những đặc trưng quan trọng của môi trường sống của họ.

Nhiều phần tách rời khác của pháp luật có những ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng của môi trường sống. Tuy nhiên, việc này cần thiết nằm trong phạm vi các

quy trình pháp luật để đưa ra nhiều lưu ý hơn đối với việc đánh giá những tác động của chúng về môi trường từ quan điểm chất lượng kiến trúc.

Đường hướng tổng thể của pháp luật đã nâng cao những quyền lực của chính quyền và lần lượt gia tăng sự tham gia cộng đồng trong công tác hành chính. Ví dụ như, việc cải cách pháp luật xây dựng bãi bỏ nghĩa vụ của chính quyền phải đệ trình kế hoạch sử dụng đất lên cơ quan cấp cao hơn để phê duyệt. Theo pháp luật xây dựng được xây dựng, trách nhiệm của vùng miền và địa phương sẽ được nâng cao hơn. Những việc này và những kỳ vọng được liên kết với quyết sách gắn với quân chúng bắt buộc phải có một liên kết mạnh mẽ đồng thời về kinh nghiệm chuyên môn và nguồn lực phù hợp.

(Quyết định 4) Trong công tác chuẩn bị các luật và quy định, lưu ý sẽ được đưa ra để đánh giá những tác động của các luật và quy định này về chất lượng kiến trúc của môi trường sống.

(Quyết định 5) Những cơ hội cho người dân để tác động các quyết định liên quan đến môi trường sống của họ sẽ được củng cố.

3.2 Vai trò của kiến trúc sư vùng miền

Hệ thống nhà nước tài trợ của các kiến trúc sư vùng miền đã nâng cao kinh nghiệm về kiến trúc, đặc biệt là những chính quyền nơi hẻo lánh và nhỏ. Ủy ban mà chuyên bị việc cải cách pháp luật xây dựng đã đề xuất rằng hệ thống được mở rộng từ 30 chính quyền hiện tại đến khoảng 100 chính quyền, và nên được trực tiếp đảm nhiệm rõ ràng hơn về những nhu cầu quy hoạch của các tổ chức chính quyền nhỏ. Từ quan điểm chính sách kiến trúc, quan trọng rằng khi xây dựng các nhiệm vụ của kiến trúc sư vùng miền, vai trò của họ như chuyên gia cố vấn về kiến trúc và văn hóa nông thôn sẽ được duy trì.

(Quyết định 6) Bộ Môi trường sẽ tìm ra đường hướng mở rộng sự tham gia của kiến trúc sư vùng miền tại các tổ chức chính quyền nhỏ ra toàn quốc và liên kết với các nhiệm vụ của các trung tâm môi trường vùng. Hơn nữa, việc này sẽ đưa ra rằng các nguồn lực cần thiết được phân bổ để nâng cao số lượng các kiến trúc sư vùng miền.

4. VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC

4.1 Di sản kiến trúc của chúng ta

Cuộc sống hàng ngày của chúng ta có thể phong phú và giàu cảm xúc hơn nếu như có được lợi thế từ những lợi ích tiềm năng khác nhau của di sản kiến trúc. Nhiều lớp thời gian giúp tạo ra bản sắc của khu vực và đồng thời quan trọng trong xây dựng cũng như bảo tồn di sản kiến trúc. Căn trọng duy trì môi trường xây dựng là nền tảng của văn hóa xây dựng.

Ngoài ra, giá trị của di sản kiến trúc cho bản sắc văn hóa rộng hơn và kinh tế quốc gia cần thiết rằng nó được lưu ý trong các giải pháp xã hội và kinh tế. Nhà nước nhắm đến trong hành động đối với các lĩnh vực khác nhau của chính phủ để tăng cường việc bảo tồn di sản kiến trúc.

(Quyết định 7) Chiến lược quốc gia cho bảo tồn công trình và cho duy trì di sản kiến trúc sẽ được thiết lập.

Kiểm kê toàn diện di sản văn hóa cùng với các chương trình nghiên cứu có liên quan là cực kỳ cần thiết nếu môi trường xây dựng cần phải được bảo tồn. Thông tin đầy đủ về di sản kiến trúc tại các tổ chức chính quyền, là di sản của giá trị quốc gia và địa phương, là một yêu cầu quan trọng trong công tác bảo tồn. Tại thời điểm này, việc kiểm kê này đã chỉ được tiến hành trong một số khu vực trong toàn quốc.

Tập huấn trong việc làm sao để sử dụng các kỹ thuật và tài liệu xây dựng truyền thống và làm sao để thiết kế và thi công cải tạo và phục hồi sử dụng những kỹ

thuật và các kỹ năng thủ công cần thiết sẽ được phát triển và nâng cao ở toàn bộ các cấp giáo dục liên quan đến xây dựng.

(Quyết định 8) Các kiểm kê về di sản kiến trúc sẽ được tiến hành ở toàn bộ các tổ chức chính quyền trên toàn quốc.

(Quyết định 9) Hội đồng Di tích Quốc gia sẽ đưa ra một báo cáo về nhu cầu để nâng cao kinh nghiệm về các bảo tàng vùng miền và sẽ đưa ra đề xuất về số lượng các chuyên gia lịch sử kiến trúc cũng như bố trí công việc của họ.

(Quyết định 10) Bộ Giáo dục sẽ nghiên cứu tính khả thi của việc thiết lập như một dự án chung của Bảo tàng Kiến trúc Phần Lan và Hội đồng Di tích Quốc gia, một trung tâm về các kỹ thuật xây dựng truyền thống sẽ triển lãm và thông báo về các phương thức xây dựng trong các thời điểm lịch sử khác biệt.

Toàn bộ các hành động của chính quyền mà sẽ ảnh hưởng như thế nào môi trường phát triển phải cùng có mục đích chung về chất lượng cao trong môi trường tự nhiên và xây dựng. Các chương trình của chính quyền cho môi trường văn hóa sẽ thể hiện các mục đích phát triển và một kế hoạch hành động để tăng cường tiện ích và chức năng của môi trường dân cư xung quanh và bảo tồn di sản văn hóa. Điều này cũng sẽ củng cố bản sắc địa phương.

4.2 Kiến trúc – Một phần của nghệ thuật và văn hóa

Trong báo cáo về chính sách kiến trúc gửi Quốc hội năm 1993, chính phủ đã định nghĩa văn hóa như một nền tảng của sự tồn tại của quốc gia chúng ta. Kiến trúc là một hình mẫu trung tâm và dễ nhận thấy của văn hóa.

Bản sắc quốc gia của chúng ta luôn có được những sự biểu lộ mang tính bền vững thông qua kiến trúc. Chúng ta đã thể hiện thông qua các công trình mang sức sống và duy nhất của văn hóa, và bởi vì công trình xây dựng và môi trường xây dựng là những sự diễn đạt của quốc gia và văn hóa chúng ta, chúng tạo nên cơ bản của hình

ảnh về Phần Lan như một phần của Châu Âu và Thế giới. Hơn nữa, những biểu thị được biết đến nhiều nhất mang tầm quốc tế của văn hóa chúng ta luôn là những hình mẫu của kiến trúc.

Sự tương tác của nghệ thuật và sản xuất là một thành phần quan trọng của kiến trúc. Sự tương tác này bắt đầu cho các phương pháp về phát triển trong kiến trúc. Lần lượt, sự đổi mới trong kiến trúc Phần Lan cần các quy định về kinh nghiệm xây dựng và theo đó đưa ra những cơ hội thực tiễn đối với sự sáng tạo để phát triển.

Nguồn lực quan trọng của kiến trúc rất nhiều dựa trên làm sao chủ đầu tư chú trọng về văn hóa và động lực với kỹ năng của người thiết kế. Công việc mang tính nghệ thuật của các kiến trúc sư và hoạt động nghệ thuật liên ngành cần các nguồn lực kinh tế phù hợp.

Phần hỗ trợ tài chính đó cho nghệ thuật được đưa vào kiến trúc phải được xây dựng theo hướng thể hiện tầm quan trọng của kiến trúc trong chính sách xã hội.

(Quyết định 11) Bộ Giáo dục chủ động tăng cường vị trí của kiến trúc trong nghệ thuật và văn hóa Phần Lan.

4.3 Đào tạo cơ bản

Bằng cách nâng cao nhận thức cộng đồng về kiến trúc, điều này có khả năng khuyến khích sự tham gia của quần chúng trong công tác hành chính về môi trường và trong thảo luận. Hiểu biết về kiến trúc là một khía cạnh trong các kỹ năng công dân.

Việc giảng dạy kiến trúc ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông chưa được đầy đủ vì thiếu nguồn lực và tài liệu giảng dạy. Tuy nhiên, luật về giáo dục cơ bản trong nghệ thuật đưa ra một khung tối ưu tới các khóa học vẽ tranh để giảng dạy về kiến trúc ở các cấp giáo dục. Ngoài ra, tầm quan trọng của văn hóa xây dựng nên được nhấn mạnh hơn nữa trong các chương trình giáo dục tập huấn của giáo viên.

Điểm mấu chốt để hiểu biết kiến trúc chủ yếu nằm trong giáo dục về nghệ thuật và cũng như các nghiên cứu môi trường chứa đựng những vấn đề của môi trường xây dựng. Việc cải thiện khả năng của người dân để tham gia vào công tác hành chính liên quan đến các vấn đề về môi trường xung quanh họ sẽ được nâng cao nhiều hơn khi kiến trúc trở thành một phần của các chương trình giáo dục về nghiên cứu môi trường và sinh học, địa lý hoặc lịch sử và khoa học chính trị.

(Quyết định 12) Hội đồng Giáo dục Quốc gia củng cố vị trí của giáo dục kiến trúc khi tạo ra những cơ sở cho các chương trình giáo dục. Ngoài ra, các nhu cầu của giáo dục kiến trúc được đưa ra cân nhắc trong việc thực thi của chương trình kết nối các trường học và môi trường văn hóa rộng hơn.

(Quyết định 13) Bộ Giáo dục đưa ra các cơ hội để phát triển giáo dục kiến trúc trong khuôn khổ về giáo dục tự nguyện cho người trưởng thành nhằm nâng cao các cơ hội của người dân để tham gia công tác hành chính liên quan đến những vấn đề của môi trường sống của họ.

Ngoài những lưu ý về giáo dục cơ bản, điều quan trọng là tìm kiếm những cơ hội để nâng cao nhận thức của những người đưa ra quyết định về giá trị của môi trường xây dựng và các quy trình tiến triển của nó.

(Quyết định 14) Người đưa ra quyết định, những người được bầu và công chức của các tổ chức chính quyền sẽ được đề nghị tham gia tập huấn về kiến trúc.

4.4 Đào tạo chuyên môn

Năng lực chuyên môn về kiến trúc bao hàm không chỉ một nền tảng vững chắc về các kỹ năng thiết kế mà còn sự hiểu biết toàn diện về các nguyên tắc trong kiến trúc, bảo tồn kiến trúc và kỹ thuật xây dựng, hợp lại với sự hiểu biết về môi trường và xã hội và việc làm chủ các quy trình xây dựng.

Đào tạo về kiến trúc không thể thực hiện trong cô lập, nó phải liên kết chắc chắn với xã hội xung quanh. Nghiên cứu và áp dụng lý thuyết đồng thời trong thực tiễn phải là trung tâm của chương trình đào tạo. Theo hướng này, một sự tương tác đa phương diện có thể được tạo ra giữa giảng dạy kiến trúc và việc áp dụng thực tiễn. Trên tất cả, nghiên cứu sẽ là trực tiếp mang tính mục đích, và các kỹ năng chuyên môn cấp hàng đầu sẽ được đảm bảo.

(Quyết định 15) Đào tạo trong lĩnh vực xây dựng sẽ được xây dựng mà theo đó các chuyên ngành trong lĩnh vực đó sẽ hiểu ý nghĩa của chất lượng thiết kế và thi công. Ngoài ra, các nguyên lý cơ bản của lịch sử xây dựng và kiến trúc sẽ được bao gồm trong đào tạo chuyên môn ở toàn bộ các cấp.

(Quyết định 16) Trong đào tạo kiến trúc, một cơ hội sẽ được mở ra đối với thiết kế và nhận ra các công trình mang tính thực tiễn để chứng minh và hỗ trợ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.

4.5 Nghiên cứu kiến trúc

Đầu tư về nghiên cứu trong các công nghệ xây dựng giúp duy trì năng lực cạnh tranh về công nghệ và quốc tế. Các nghiên cứu đó đã, trong phần lớn các trường hợp, không bao hàm kiến trúc.

Một chiến lược quốc gia về nghiên cứu và phát triển kiến trúc cùng với các chương trình xây dựng thực tiễn là cần thiết: điều này sẽ cũng cải thiện công tác phối hợp giữa các đơn vị nghiên cứu mà hiện nay chưa chuyên sâu. Chiến lược này sẽ gồm có một đề xuất về sự phối hợp của nghiên cứu và phát triển kiến trúc và một định nghĩa cho các mục đích quốc gia, tập trung về các vấn đề và xu hướng hiện tại cũng như nghiên cứu cơ bản.

(Quyết định 17) Học viện Phần Lan sẽ đưa ra những cơ hội để phát triển nghiên cứu kiến trúc.

5. KIẾN TRÚC VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

5.1 Chất lượng của thiết kế kiến trúc

Cùng với các khía cạnh khác của thiết kế, thiết kế kiến trúc nhắm tới kết hợp các yêu cầu của chủ đầu tư với các điều kiện của mặt bằng. Thiết kế đó sẽ xác định chất lượng công năng, kỹ thuật và nghệ thuật của cấu trúc và mang theo nó tổng chi phí. Kỹ năng và động lực của người xây dựng và chất lượng của các hồ sơ, vật liệu và thành phần xây dựng sẽ quyết định sự thành công của dự án. Chủ đầu tư khi định nghĩa sơ bộ dự án, không những đảm đương trách nhiệm về chất lượng đối với môi trường hoạt động của người sử dụng công trình, mà còn cho các tác động của dự án xây dựng về chất lượng nghệ thuật của môi trường xung quanh.

Một kết quả tối ưu cuối cùng là đảm bảo thông qua phát triển các kỹ năng chuyên môn, tận dụng kinh nghiệm, đảm bảo hoạt động liên tục, phối hợp khép kín giữa toàn bộ các bên và các trách nhiệm đảm đương dài hạn.

Vì giá trị bền vững kinh tế của xây dựng và những tác động liên tục và đã được xác định về môi trường, việc bảo vệ người thụ hưởng phải được cải thiện. Việc này phía được hoàn thành bằng cách nâng cao chất lượng xây dựng theo hướng cùng với các nguyên tắc về phát triển bền vững – đặc biệt từ quan điểm về sức khỏe, chức năng và thẩm mỹ - và bằng cách phân loại các trách nhiệm của các bên tham gia trong quá trình xây dựng.

Toàn quyền kiểm soát của quá trình xây dựng từ thiết kế đến thi công là một phần tất yếu trong việc thừa nhận trách nhiệm của hệ thống. Các hoạt động tiếp tục của các bên tham gia vào quá trình này là một yêu cầu về trách nhiệm đảm đương sau khi dự án được hoàn thành. Chính phủ cần nhắc việc này là quan trọng vì lưu ý đặc biệt cần được nhắm đến các vấn đề này khi lĩnh vực xây dựng đã đang phát triển.

(Quyết định 18) Các dự án phát triển được tiến hành để hỗ trợ văn hóa hoạt động dựa trên chất lượng và để nâng cao nền kinh tế tổng thể trong lĩnh vực xây dựng và các quy trình xây dựng.

(Quyết định 19) Hội đồng Nhà nước kêu gọi các cơ quan và nghiệp đoàn nhà nước thực hiện các công trình xây dựng quy trình trong việc tuyển chọn kiến trúc sư – trong khuôn khổ pháp luật Châu Âu – theo đó các chuyên môn của các cá nhân cung cấp, chất lượng và kinh tế tổng thể của dự án sẽ được nhấn mạnh.

5.2 Đảm bảo chất lượng

Chất lượng được đảm bảo từ hai hướng. Một là, đối với các doanh nghiệp, theo hướng các hệ thống chất lượng và hai là thông qua các kỹ năng chuyên môn của các cá nhân làm việc theo kiểm soát chất lượng và chính quy. Những chuyên môn của các bên tham gia vào dự án phải luôn tương ứng với các yêu cầu của dự án từ cấp doanh nghiệp đến các cá nhân của doanh nghiệp đó.

Các kỹ năng chuyên môn được đánh giá theo phương châm đào tạo, kinh nghiệm và thành tựu. Trong nhiều nhà nước thuộc hội viên Châu Âu, kinh nghiệm về kiến trúc – trách nhiệm gánh vác trong dự án – là một đối tượng để cấp chứng chỉ hành nghề và phải có pháp luật về việc đó kể cả đối với chuyên môn hay cơ quan hành chính. Để xác nhận năng lực của kiến trúc sư như đã được định nghĩa trong chỉ thị của kiến trúc sư và các khuyến nghị bổ sung, việc này cần có ít nhất các nghiên cứu trong năm năm ở cấp đại học, phải bao gồm các yêu cầu của chỉ thị, và hai năm kinh nghiệm thực tiễn.

Tại Phần Lan, danh hiệu của kiến trúc sư dựa theo những gì mà người đó nhận được bằng cấp phù hợp, nhưng trong nhiều quốc gia Châu Âu danh hiệu được trao cho người đã đạt được việc thể hiện những chức năng của một kiến trúc sư. Vấn đề của Phần Lan là không đủ để đảm bảo việc huy động chuyên môn theo yêu cầu của

thị trường riêng Châu Âu hoặc duy trì văn hóa hoạt động dựa trên chất lượng. Ngoài ra về học vấn, đăng ký chứng nhận nên được thiết lập cho các kiến trúc sư có bằng cấp theo chỉ thị về kiến trúc sư. Đăng ký chứng nhận này sẽ nên được đảm bảo chức năng chuyên môn của họ.

(Quyết định 20) Bộ Môi trường sẽ cùng với các tổ chức quan trọng trong lĩnh vực chuẩn bị việc bố trí sắp xếp đăng ký chứng nhận của kiến trúc sư nhằm khẳng định năng lực chuyên môn trong kiến trúc cùng với các chức năng bổ sung của chủ trì thiết kế, và ngoài ra việc đăng ký này sẽ tạo điều kiện cho việc xuất khẩu kinh nghiệm thiết kế. Bộ Môi trường phải đảm bảo các mối quan tâm của xã hội theo nội dung và kiểm soát của việc đăng ký, là những gì sẽ được quy định bởi lĩnh vực xây dựng của các mối quan tâm đó.

5.3 Các giải thi kiến trúc

Những ý nghĩa về lựa chọn các kiến trúc sư cho toàn bộ các công trình công cộng nên là giải thi thiết kế kiến trúc hoặc mời chào cạnh tranh dựa trên chất lượng và trên tổng chi phí của kết quả cuối cùng. Các ý nghĩa sau đó, cuộc thi nên được chủ yếu dựa trên các kỹ năng chuyên môn của kiến trúc sư, bao gồm công tác thiết kế cẩn trọng, sử dụng các tài liệu và kỹ thuật xây dựng mang tính nhuần nhuyễn.

Các cuộc thi thiết kế kiến trúc tại Phần Lan trở lại hơn một trăm năm nay, một truyền thống mà đã được thừa nhận rộng rãi. Tại đất nước ta, gần như hầu hết các công trình công cộng quan trọng được xây dựng vào thế kỷ trước là những kết quả của các giải thi. Giải thi thiết kế kiến trúc mang cho chủ đầu tư cơ hội để nghiên cứu một loạt các giải pháp về các vấn đề thiết kế và về đảm bảo chất lượng của công tác xây dựng cuối cùng.

Các giải kiến trúc khuyến khích sự sáng tạo trong xây dựng và cách mạng trong kiến trúc. Một giải thi cũng là một hình mẫu của đào tạo nâng cao và hướng đi để

đưa ra những cơ hội cho các kiến trúc sư trẻ. Số lượng lớn các giải pháp thay thế mà giải thi đưa ra làm cho các thảo luận được dễ dàng hơn liên quan đến những lựa chọn phát triển về môi trường. Thành tựu lớn của các kiến trúc sư Phần Lan trong các giải thi quốc tế đã cho thấy rằng những giải thi là sự phổ biến quan trọng của cả văn hóa Phần Lan và hiểu-biết Phần Lan.

(Quyết định 21) Hội đồng Nhà nước mời các tổ chức mời thầu các công trình nâng cao tận dụng các giải thi thiết kế kiến trúc để tìm ra các giải pháp hình mẫu và như một cách thức để lựa chọn các kiến trúc sư.

6. NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ KIẾN TRÚC

6.1 Nhận thức cộng đồng

Kiến trúc sư Phần Lan được quốc tế thừa nhận rất có chất lượng. Để giữ vững danh tiếng, sự tham gia trong các cuộc triển lãm và hội thảo quốc tế phải được nâng cao, thông tin đại chúng và các biện pháp khác về công bố kiến trúc Phần Lan cũng nên được xây dựng.

Bảo tàng Kiến trúc Phần Lan là một trong các bảo tàng lâu đời nhất trên thế giới. Trọng tâm trong các hoạt động của bảo tàng là triển lãm và thông tin đại chúng, vươn tới lượng lớn các đối tượng cả trong nước và quốc tế. Bảo tàng đang lên kế hoạch để nâng cao số lượng các triển lãm du lịch và triển lãm nhắm tới các đối tượng đặc biệt. Việc này là khả thi, tuy nhiên, chỉ thực hiện được nếu có thêm nguồn lực tài chính. Một triển lãm lâu dài về kiến trúc Phần Lan yêu cầu việc mở rộng không gian triển lãm của bảo tàng.

Báo chuyên ngành, Bảo tàng Kiến trúc Phần Lan và các phương tiện truyền thông khác thường chăm lo các thông tin hội thảo và phóng sự về kiến trúc. Nhiệm vụ này có thể được hỗ trợ bằng cách củng cố các nguồn lực của Bảo tàng Kiến trúc

Phần Lan, dựa vào việc hỗ trợ các dự án công cộng và tập huấn tác nghiệp của phóng viên trong lĩnh vực.

(Quyết định 22) Bộ Giáo dục sẽ đảm bảo các nguồn lực tài chính cần thiết cho công việc liên tục và thành công của Bảo tàng Kiến trúc Phần Lan như một trung tâm thông tin về kiến trúc.

6.2 Khuyến khích và trao thưởng

Hội đồng Nhà nước khuyến khích toàn bộ các thành phần tham gia trong xã hội, từ các tổ chức chính quyền đến các tổ chức tư nhân và các cá nhân, cùng làm việc cho công tác cải thiện kiến trúc và một môi trường tốt hơn.

Bằng cách khuyến khích các bên tham gia vào quy trình xây dựng để tiến tới chất lượng kiến trúc tốt hơn và sau đó trao thưởng cho cả các dự án có chất lượng cao và các kiến trúc sư phụ trách, kiến trúc có thể được cải thiện.

(Quyết định 23) Bộ Giáo dục sẽ tìm ra những đường hướng phát triển hệ thống trao thưởng cho các dự án kiến trúc và môi trường. Các dự án chất lượng cao và kỹ năng của các nhà thiết kế sẽ cùng được thừa nhận.

7. THỰC THI CHÍNH SÁCH KIẾN TRÚC

Các mục đích trọng tâm của chính sách kiến trúc của chính phủ là:

- nhằm tạo ra các cơ hội cho việc nhân ra các quyền theo hiến pháp của người dân để có một môi trường tốt;
- nhằm tạo điều kiện để quyền công dân và những trách nhiệm của họ với chính môi trường của họ bằng cách khuyến khích giáo dục kiến trúc và nhận thức cộng đồng;
- nhằm thiết lập các tiêu chí cao cho công trình công cộng và quản lý tài sản và theo đó;

- để thiết lập một hình mẫu cho toàn bộ lĩnh vực xây dựng;

- nhằm khuyến khích để áp dụng các quy trình sẽ nâng tầm kiến trúc và xây dựng chất lượng cao;

- nhằm khuyến khích sự sáng tạo thông qua giáo dục và nghiên cứu kiến trúc và công tác phát triển;

- nhằm cải thiện việc chăm sóc di sản kiến trúc và quá trình phát triển của môi trường xây dựng như một phần của phương pháp sâu rộng đối với lịch sử văn hóa và kiến trúc. Cam kết của các cơ quan nhà nước đối với các mục đích của chính sách kiến trúc chính phủ là quan trọng trong việc thừa nhận chính sách này. Các cơ quan nhà nước phải rà soát các chiến lược hành động liên quan đến các mục tiêu và hóa giải các bất đồng tiềm ẩn tại các chương trình hiện tại. Để đảm bảo việc này, chính quyền nhà nước phải bố trí việc theo dõi và hướng dẫn cần thiết. Các chương trình và quy trình phải được xây dựng và sự tương tác giữa nhiều lĩnh vực phải cải thiện cùng với các hướng dẫn của chính sách kiến trúc. Để nhận thấy các mục đích của chính sách yêu cầu một kế hoạch hành động chi tiết phải được xây dựng.

(Quyết định 24) Bộ Giáo dục và Bộ Môi trường sẽ cùng thiết lập một ủy ban để theo dõi chính sách kiến trúc chính phủ. Ủy ban sẽ dự thảo một kế hoạch hành động chi tiết, giám sát việc hiện thực hóa các mục tiêu của chính sách kiến trúc và đưa ra những đề xuất cho các hành động cần thiết tiếp theo

CHÍNH SÁCH VỀ KIẾN TRÚC CHO SCOTLAND

LỜI NÓI ĐẦU

MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO CẤP CAO LÀ ĐƯA RA NHỮNG CẢI THIỆN TRONG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN KHÔNG CHỈ THÔNG QUA DỊCH VỤ VÀ CƠ HỘI KINH TẾ TỐT HƠN MÀ CẢ THÔNG QUA CẢI THIỆN VỀ MÔI TRƯỜNG HIỆN HỮU TRONG ĐÓ CÁC CÁ NHÂN VÀ CÁC CỘNG ĐỒNG SỐNG VÀ LÀM VIỆC.

Những công tác xây dựng từ một phần cơ bản của môi trường hiện hữu của chúng ta và chất lượng của những công việc xây dựng của chúng ta - từ kiến trúc của chúng ta - có vai trò sống còn cho việc đem lại những cải thiện mà chúng ta đang tìm kiếm.

Tài liệu này nêu ra các nguyên tắc để củng cố những cam kết của Lãnh đạo cấp cao trong việc thúc đẩy về kiến trúc và thiết kế xây dựng ưu việt và những hành động chúng ta dự định thực hiện để khuyến khích những cải thiện về chất lượng trong việc xây dựng của chúng ta. Chúng tôi nhận thấy rằng những cải thiện chúng ta tìm kiếm sẽ không dễ để đạt được hoặc trong ngắn hạn. Chúng tôi cũng nhận ra rằng chúng ta sẽ cần phải thực hiện trên tinh thần hợp tác với các bên khác nếu chúng ta muốn đạt đến những mục tiêu của chính sách. Nhưng chúng tôi tin rằng các mục tiêu này đều đồng thời đáng giá và cần thiết nếu chúng ta nhận thấy tiềm năng của kiến trúc ưu việt để vượt qua những thử thách về xã hội, văn hoá, kinh tế và môi trường mà chúng ta hiện nay đang đối mặt và sẽ đối mặt trong tương lai.

Mr. ALLAN WILSON - THÀNH VIÊN NGHỊ VIÊN SCOTLAND

THỨ TRƯỞNG BỘ THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VÀ VĂN HOÁ

QUY TRÌNH

Cam kết của Lãnh đạo cấp cao trong việc xây dựng một chính sách quốc gia về kiến trúc đã đặt sự khởi đầu cho một quy trình. Việc công bố khung tài liệu, *Xây dựng một chính sách về kiến trúc cho Scotland*, và tham vấn cộng đồng và báo cáo về tham vấn tiếp sau đó đã là những bước đầu tiên trong quy trình đó. Khung tài liệu đã thiết lập nội dung cho xây dựng chính sách và nêu ra tại sao Lãnh đạo cấp cao có sự quan tâm đối với chất lượng của việc xây dựng và môi trường xây dựng và tầm quan trọng của việc xây dựng đối với các mục tiêu về xã hội, văn hoá, môi trường và kinh tế. Tài liệu này cũng nêu ra các vấn đề mà chính sách có thể hướng đến và phạm vi của các mục tiêu và các hành động chính mà chính sách có thể bao quát. Những gì được nêu trong khung tài liệu đã được tán thành mạnh mẽ trong tham vấn cộng đồng và đó là sự hậu thuẫn sâu rộng về những ý kiến đã được biểu lộ.

Chúng tôi mong muốn, theo đó, giữ vững những mục tiêu tổng thể và những nguyện vọng đã được đề ra trong khung tài liệu và việc đó sẽ duy trì một mốc đối chiếu cho việc xây dựng chính sách và thực thi.

Một kết quả mong đợi hơn nữa của tham vấn cộng đồng là việc đã đề xuất một chương trình và một loạt những ưu tiên trong việc xây dựng chính sách. Tiếp nối công tác tham vấn, những cuộc thảo luận đã được tổ chức đối với các lĩnh vực chính của chính sách, các cơ quan và các tổ chức quan tâm để tìm ra đâu có thể là những cơ hội trong đó, và điều gì cần thiết để hoàn thiện, để đưa quy trình tiến triển. Như một hệ quả của các thảo luận, một số những sáng kiến cộng tác - về khuyến khích kiến trúc, về giáo dục, về cung ứng xây dựng và về thiết kế đô thị - đã được đưa ra. Tài liệu này đánh dấu một giai đoạn tiếp theo trong quy trình xây dựng và thực thi chính sách. Điều này khẳng định lại những nguyên tắc cốt yếu để củng cố cam kết của Lãnh đạo cấp cao đối với chính sách về kiến trúc và đề ra

những nguyên tắc, mục tiêu và hành động sẽ định hình sự cơ bản cho những chương trình về sau.

NGUYÊN TẮC

Lãnh đạo cấp cao đã đưa ra cam kết đối với chính sách về kiến trúc bởi vì chúng tôi tin tưởng rằng một sự quan tâm cho chất lượng môi trường xây dựng trong các thành phố, thị trấn và khu vực nông thôn của chúng ta là trách nhiệm cần thiết của chính quyền. Chúng tôi tin rằng trách nhiệm của chính quyền đối với ba lý do chính. Thứ nhất, bởi vì chất lượng của môi trường xây dựng là quan trọng đối với sự tiến triển hơn và việc đem lại những mục tiêu sâu rộng của chúng ta về chính sách xã hội và kinh tế; thứ hai, bởi vì sự quan tâm cho chất lượng của các công trình xây dựng mới là một phần trong trách nhiệm của chúng ta trong việc duy trì và tiếp nối những di sản của chúng ta; và thứ ba, bởi vì việc thúc đẩy về kiến trúc là một phần trách nhiệm của chúng ta trong việc thúc đẩy về văn hoá quốc gia.

Chúng tôi tin rằng:

- Khả năng của chúng ta để đạt được các mục tiêu về chính sách xã hội cho một xã hội đang hoàng, công bằng và toàn diện phụ thuộc vào chất lượng của các môi trường xây dựng mà chúng ta đã tạo ra và duy trì;

- Chất lượng về kiến trúc của chúng ta, và của những khu vực đô thị và nông thôn, là sự phản ánh của những nguyện vọng của chúng ta và rất quan trọng cho sự nhận thức về Scotland là một nơi của trí tưởng tượng, sáng tạo và đổi mới;

- Những gì chúng ta xây dựng hiện tại đóng vai trò quan trọng trong quá trình bảo tồn và phát triển những giá trị di sản xây dựng của chúng ta đối với những mục tiêu cho một tương lai bền vững; và

- Những công trình xây dựng được thiết kế hài hoà và hiệu quả đại diện cho sự hợp lý trong đầu tư, giúp kích thích kinh tế địa phương, khuyến khích tái tạo và quan trọng đối với khả năng cạnh tranh về kinh tế.

THIẾT KẾ

Ý định của chúng ta trong chính sách là tìm kiếm những cải thiện trong chất lượng đối với các công trình xây dựng của Scotland, cả về nhà nước và tư nhân, và chất lượng đối với môi trường xây dựng của chúng ta. Chúng tôi tin rằng mấu chốt để thành công nằm trong việc nhận ra tầm quan trọng và giá trị của thiết kế ưu việt.

Chúng tôi tin rằng việc khai thác các công trình xây dựng đem lại cùng với trách nhiệm của chúng - trách nhiệm không chỉ đối với người sử dụng các công trình, mà còn cả với những cộng đồng mà công trình xây dựng đó được xây dựng và cho sự tái tạo trong tương lai. Những trách nhiệm này của các công trình xây dựng tạo nên một quá trình mang tính thử thách đối với những ai khai thác, kiến tạo những công trình của chúng ta và yêu cầu một giải pháp cho một loạt những mục tiêu và khó khăn mang tính phức tạp và thường xuyên mâu thuẫn. Mục đích của thiết kế là tìm ra những giải pháp mang tính sáng tạo cho những thử thách này của các công trình xây dựng để hoá giải một cách có hình tượng và hoàn toàn những vấn đề phức tạp nảy sinh.

Chúng tôi tin rằng, theo đó, thiết kế là một phần tích hợp của quá trình xây dựng và không phải là được bỏ ra hoặc được coi như là một sự lựa chọn.

Chúng tôi nhận thấy rằng trong khi thiết kế là công việc trọng điểm, tuy nhiên thiết kế không thể thành công một cách cô lập. Khả năng để đạt được chất lượng trọng thiết kế là bản chất của việc toàn bộ những quyết định được đưa ra trong quá trình chuẩn bị và xây dựng. Chúng tôi tin rằng việc mưu cầu về chất lượng theo đó là

một chuỗi những trách nhiệm và những trách nhiệm đó cần được bao hàm trong việc khai thác và kiến tạo các công trình xây dựng.

Chúng tôi tin rằng:

- Những quy trình và kỹ năng trong thiết kế phải được nhận ra và được bao hàm một cách đúng đắn trong công tác chuẩn bị cung ứng và xây dựng nếu chúng ta muốn đạt đến chất lượng cho các công trình xây dựng mà chúng ta đang tìm kiếm.

- Thiết kế là một kỹ năng chuyên biệt nhưng nó không phải là một hoạt động đơn lẻ và nó phụ thuộc vào đối thoại mang tính ý nghĩa và bền vững giữa nhà thiết kế và chủ đầu tư, người sử dụng và cộng đồng; và

- Thiết kế ưu việt gia tăng giá trị và thể hiện cho việc đầu tư cần thiết và hợp lý của người dân Scotland, những cộng đồng và tương lai của chúng ta.

HỢP TÁC

Chất lượng của các công trình xây dựng và môi trường xây dựng của chúng ta bị ảnh hưởng bởi và ảnh hưởng một phạm vi rộng đối với những mối quan tâm xung quanh cộng đồng, và chúng tôi nhận thấy rằng những mục tiêu của chúng ta về chính sách sẽ không đạt được khi không có sự tham gia, sự cam kết và hợp tác của những mối quan tâm đó.

Chúng tôi tin rằng việc thực thi chính sách phải dựa trên phương thức hợp tác. Chúng ta sẽ tìm kiếm những sự hợp tác trong xây dựng, không chỉ với những người xây dựng và hưởng lợi trực tiếp từ các công trình xây dựng, mà còn với các cơ quan và tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp có quan tâm về chất lượng môi trường xây dựng trong sự tiến triển đối với những mục tiêu và mục đích của họ. Chúng ta sẽ làm việc cùng những bên quan tâm để xây dựng những quy trình và khuyến nghị mà công nhận rõ ràng giá trị và lợi ích của thiết kế công trình xây dựng ưu việt và đưa ra những bối cảnh mà trong đó kiến trúc ưu việt mang đến những cơ hội.

Chúng tôi tin tưởng rằng cơ hội để đóng góp thông qua hợp tác cũng phải mở rộng cho những ai bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những quyết định có tác động tới môi trường xây dựng. Chúng ta sẽ đưa ra những cơ hội tốt hơn cho những người sử dụng và cộng đồng có liên quan trong những vấn đề ảnh hưởng đến thiết kế và phát triển của các môi trường xây dựng địa phương.

ỦNG HỘ VÀ THAY ĐỔI

Những điều được đưa ra dưới đây là các mục tiêu chính sách của chúng ta và những hành động chúng tôi dự định thực hiện để đưa các mục tiêu có hiệu lực. Chúng tôi sẽ thực hiện các mục tiêu chính sách bằng hai hướng. Thứ nhất, chúng tôi sẽ tiếp tục ủng hộ tầm quan trọng trong kiến trúc đối với những mục tiêu của chúng ta về xã hội, văn hoá, kinh tế và môi trường. Thứ hai, chúng tôi sẽ hiệu lực hoá những thay đổi về mặt bằng và để đem lại những công trình xây dựng tốt hơn. Chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh những giá trị của thiết kế công trình xây dựng ưu việt, nuôi dưỡng sự hiểu biết đối với những lợi ích của thiết kế đó và tôn vinh và khuyến khích những thành tựu của kiến trúc Scotland. Chúng tôi cũng sẽ hiệu lực hoá những cải thiện trong thiết kế của những công trình đầu tư công, tìm kiếm những cải thiện trong công tác quản lý xây dựng, chính sách và hỗ trợ những sáng kiến của cộng đồng.

Chúng tôi nhận thấy rằng kiến trúc và môi trường xây dựng là những đối tượng lĩnh vực phức tạp và rằng những mục tiêu của chúng ta về chính sách và một chiến lược trong việc triển khai sẽ cần được đưa ra qua thời gian.

Theo đó, chúng tôi sẽ định kỳ rà soát những mục tiêu và ưu tiên và đánh giá sự hiệu quả của những hành động đã triển khai.

MỤC TIÊU

Những mục tiêu của chúng tôi về chính sách sẽ là:

- nhằm đẩy mạnh những giá trị và lợi ích của kiến trúc ưu việt, khuyến khích thảo luận về vai trò của kiến trúc trong đời sống quốc gia và địa phương và hơn nữa là sự hiểu biết về những sản phẩm và quy trình của thiết kế công trình xây dựng;

- nhằm nuôi dưỡng sự ưu việt trong thiết kế, thừa nhận và tôn vinh thành tựu trong lĩnh vực kiến trúc và môi trường xây dựng, và khuyến khích kiến trúc Scotland trong nước và quốc tế;

- nhằm khuyến khích sự quan tâm và tham gia hơn nữa của cộng đồng trong những vấn đề ảnh hưởng môi trường xây dựng địa phương;

- nhằm đẩy mạnh văn hoá về chất lượng trong đấu thầu đối với công trình đầu tư công bao hàm thiết kế ưu việt như một phương tiện để đạt được giá trị về tiền bạc và duy trì phát triển bền vững; và

- nhằm đảm bảo rằng các hệ thống tiêu chuẩn quy hoạch và xây dựng và những quy trình mang tính kết hợp của chúng đều thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi trong xây dựng chất lượng thiết kế.

HÀNH ĐỘNG

Để đạt được mục tiêu:

- nhằm đẩy mạnh những giá trị và lợi ích của kiến trúc ưu việt, khuyến khích thảo luận về vai trò của kiến trúc trong đời sống quốc gia và địa phương và hơn nữa là sự hiểu biết về những sản phẩm và quy trình của thiết kế công trình xây dựng;

Chúng ta sẽ:

- trợ cấp cho The Lighthouse (Hải đăng), Trung tâm kiến trúc Scotland, Thiết kế và Thành phố, trong một chương trình quốc gia ba (03) năm về những hành động, sự kiện, và sáng kiến hỗ trợ về kiến trúc;

- hỗ trợ trong việc xây dựng một trung tâm kiến trúc trực tuyến và chính thức như một nguồn lực quốc gia về thông tin, kết nối và tiếp cận;

- thực hiện trên cơ sở công tác với Trung tâm giảng dạy Scotland để nuôi dưỡng sự nhận thức và thích thú đối với kiến trúc thông qua chương trình giảng dạy của các trường học;

- cung cấp hướng dẫn tới các trường học về tiềm năng của thông tin liên quan đến kiến trúc và môi trường xây dựng để thông tin những đối tượng lĩnh vực và hỗ trợ những Ưu tiên Quốc gia về giáo dục;

- đem lại thông qua Đường dây Quốc gia đối với học tập và nguồn tài liệu giảng dạy tương tác trực tuyến về kiến trúc và môi trường xây dựng;

- khuyến khích sự phát triển về cơ hội học tập lâu dài để cung đưa đến những hiểu biết về đồng thời những quy trình và sản phẩm của thiết kế công trình xây dựng;

- khuyến khích sự phát triển về những chương trình nhận thức thiết kế mang tính mục tiêu đối với một nhóm chủ đầu tư chủ chốt trong số những bên khai thác;

- làm việc thông qua Trung tâm Lịch sử Scotland và với các bên khác để thúc đẩy việc sử dụng công trình di sản như một nguồn lực trong đào tạo giảng dạy; và

- làm việc thông qua Trung tâm Lịch sử Scotland để khai thác và công bố nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến việc duy trì công trình xây dựng và những chất liệu truyền thống.

Để đạt được mục tiêu:

- nhằm nuôi dưỡng sự ưu việt trong thiết kế, thừa nhận và tôn vinh thành tựu trong lĩnh vực kiến trúc và môi trường xây dựng, và khuyến khích kiến trúc Scotland trong nước và quốc tế;

Chúng ta sẽ:

- tạo một giải thưởng quốc gia về thành tựu điển hình trong lĩnh vực kiến trúc;
- tạo một giải thưởng hàng năm cho các sinh viên thiết kế;
- khuyến khích việc sử dụng những giải thi được quản lý tốt về thiết kế cho các mục đích chủ đạo đối với tầm quan trọng quốc gia và địa phương;
- khai thác việc công bố về việc ra soát hai năm một lần đối với kiến trúc Scotland và thiết kế cảnh quan và đô thị;
- thông qua Trung tâm Lịch sử Scotland, khuyến khích sử dụng lại về hình tượng của các công trình cổ và xây dựng những kỹ năng cần thiết để bảo tồn, sửa chữa và duy tu.
- làm việc với VisitScotland (Trung tâm du lịch Scotland) và thông qua Trung tâm Lịch sử Scotland để xây dựng những hành trình du lịch trực tuyến tập trung vào kiến trúc;
- làm việc với Scottish Enterprise (Tập đoàn quốc doanh Scotland) để khuyến khích kiến trúc trong chiến lược sáng tạo công nghiệp quốc gia;

- cung cấp hỗ trợ cho kế hoạch của RSA (tạm dịch: Hiệp hội hoàng gia Scotland) “Nghệ thuật trong Kiến trúc” để khuyến khích và đẩy mạnh sự hợp tác giữa nghệ sỹ và kiến trúc sư;

- làm việc với Hội đồng Anh và Cơ quan Thương mại quốc tế Scotland để phát triển những cơ hội trong việc khuyến khích kiến trúc Scotland ở nước ngoài;

- xây dựng vai trò của The Lighthouse trong Réseau Art Network (Mạng lưới nghệ thuật Réseau) và Lộ trình Châu Âu về Chủ nghĩa hiện đại để xây dựng những kết nối quốc tế và đẩy mạnh kiến trúc Scotland;

- tài trợ Ngày Di sản Châu Âu để tạo điều kiện cho tiếp cận cộng đồng đối với các công trình xây dựng được quan tâm về kiến trúc; và

- làm việc với Diễn đàn Chính sách Kiến trúc Châu Âu để phát triển những sáng tạo kết hợp Châu Âu nhằm thúc đẩy kiến trúc.

Để đạt được mục tiêu:

- nhằm khuyến khích sự quan tâm và tham gia hơn nữa của cộng đồng trong những vấn đề ảnh hưởng môi trường xây dựng địa phương;

Chúng ta sẽ:

- làm việc với những nhóm cộng đồng và những cộng đồng quan tâm để phát triển một mạng lưới các hoạt động liên quan đến kiến trúc và môi trường xây dựng ở cấp địa phương;

- thiết lập một quỹ hợp tác để hỗ trợ, bằng hình thức trợ cấp, những sự kiện và sáng tạo của cộng đồng địa phương;

- khuyến khích các hoạt động thiết kế dựa trên cộng đồng trong bối cảnh về hợp tác bao gồm yếu tố xã hội;

- khuyến khích các tổ chức và địa điểm văn hoá địa phương để đưa kiến trúc vào những chương trình của họ;

- khuyến khích các trường học về kiến trúc tiếp cận với các cộng đồng địa phương trong những chương trình giảng dạy; và

- thực hiện để làm cho các cơ quan chính quyền địa phương, các tầng lớp xã hội công dân và các nhóm quan tâm đặc biệt để thúc đẩy kiến trúc ở cấp địa phương.

Để đạt được mục tiêu:

- nhằm thúc đẩy văn hoá về chất lượng trong đấu thầu đối với công trình đầu tư công bao hàm thiết kế ưu việt như một phương tiện để đạt được giá trị về tiền bạc và duy trì phát triển bền vững;

Chúng ta sẽ:

- đảm bảo rằng chất lượng thiết kế được thực hiện nghiêm túc cùng với hướng dẫn, tập huấn và khuyến nghị được đưa ra cho các chủ đầu tư chủ chốt đối với các dự án xây dựng;

- hợp tác với các cơ quan chính quyền địa phương để thúc đẩy và ủng hộ những lợi ích của thiết kế ưu việt trong các dự án xây dựng;

- xây dựng các chính sách về thiết kế đối với những cơ quan và tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp đầu tư cho các dự án xây dựng hoặc có quan tâm đến chất lượng của môi trường xây dựng về vấn đề tiến triển của những mô hình chính sách;

- xây dựng và công bố các phương pháp luận về đánh giá sau dự án và sau sử dụng đối với các dự án đầu tư công;

- khuyến khích các giải thưởng hàng năm cho những công trình đầu tư công tốt nhất; và

- khuyến khích phát triển và sử dụng của những chỉ số chất lượng thiết kế trong các dự án đầu tư công.

Để đạt được mục tiêu:

- nhằm đảm bảo rằng các hệ thống tiêu chuẩn quy hoạch và xây dựng và những quy trình mà liên kết hợp của chúng đều thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi trong xây dựng chi phí thấp thiết kế;

Chúng ta sẽ:

- đảm bảo rằng chất lượng thiết kế luôn đi kèm với tầm quan trọng như một sự xem xét về vật lý trong việc xác định những ứng dụng về quy hoạch;

- khuyến khích triển khai Chính sách cấp cao về chất lượng thiết kế trong phát triển đô thị và nông thôn;

- khuyến khích sự phát triển và sử dụng những thiết kế tối giản và những chiến lược thiết kế để hỗ trợ về xây dựng các quy hoạch;

- khuyến khích các trường đào tạo về quy hoạch và kiến trúc để triển khai và nâng cao mang tính hợp tác về việc giảng dạy thiết kế đô thị nhằm đảm bảo các kỹ năng chuyên môn phù hợp luôn sẵn sàng cho quá trình quy hoạch;

- rà soát tình hình, tổ chức và chuyển giao thích hợp cho đơn vị thiết kế quốc gia nhằm cung cấp khuyến nghị độc lập về những mục đích phát triển;

- tạo ra những diễn đàn thuộc Cấp cao cho chính sách phối hợp và liên kết về xây dựng và các vấn đề về thiết kế đô thị và nông thôn; và

- đảm bảo rằng các tiêu chuẩn xây dựng theo luật định phản ánh và mang tính hỗ trợ về các quy trình trong thiết kế.